

BỘ Y TẾ
CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO
NĂM 2023

THÁNG 12 – 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CTCLQG NĂM 2023	5
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CHỐNG LAO Ở VIỆT NAM.....	5
1. Tình hình bệnh lao trên thế giới	5
2. Tình hình bệnh lao ở Việt Nam	6
3. Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2023	6
4. Chỉ tiêu Kế hoạch Quỹ toàn cầu năm 2023	7
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023	8
A. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG.....	8
1. Kết quả chính đã đạt được	8
2. Khó khăn.....	10
B. KẾT QUẢ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN.....	11
CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG QUI	11
1. Công tác phát hiện, điều trị và quản lý bệnh nhân lao 9 tháng đầu năm 2023	11
2. Hoạt động điều trị	17
3. Hoạt động xét nghiệm.....	21
4. Hoạt động giám sát – quản lý thông tin chương trình Chống lao.....	23
5. Hoạt động vận động chính sách - truyền thông - huy động xã hội (ACSM).....	29
6. Hoạt động cung ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị	31
CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN ĐẶC THÙ	36
1. Phát triển mở rộng mạng lưới chống lao tại khu vực khó khăn	36
2. Hoạt động phòng chống lao trong môi trường khép kín.....	38
3. Phối hợp y tế công - tư và Thực hành tiếp cận sức khỏe phổi (PPM/PAL)	41
4. Hoạt động quản lý bệnh nhân lao kháng đa thuốc.....	44
5. Hoạt động phối hợp lao/HIV	48
6. Hoạt động lao tiềm ẩn.....	48
7. Hoạt động lao trẻ em.....	50

8. Hoạt động nghiên cứu khoa học.....	53
9. Dự án USAID SET – Hỗ trợ chấm dứt bệnh lao.....	56
C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA CÁC SR NGUỒN QTC	68
1. Hội Nông dân	68
2. Trung tâm nghiên cứu và phát triển sức khỏe cộng đồng (RCSCH)	74
3. Hội Chống lao Hoàng gia Hà lan (KNCV)	77
4. Cục Y tế - Bộ Công an	82
5. Cục C10 – Bộ Công an	83
6. Cục Bảo trợ xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	87
7. Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phát triển cộng đồng (SCDI)	94
8. Hội Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh	99
9. Trung tâm Nghiên cứu môi trường và Sức khỏe (CEHS).....	103
10. FIT.....	105
11. Học viện Quân y.....	108
D. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	110
1. Công tác lập kế hoạch	110
2. Hoạt động quản lý tài chính	112
3. Hoạt động đối ngoại	113
PHẦN 2 - HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM CUỐI NĂM 2023 VÀ NĂM 2024...	117
1. Mục tiêu / Các chỉ tiêu chuyên môn chính trong Kế hoạch năm 2024	117
2. Các hoạt động trọng tâm	119
3. Các hoạt động chuyên môn cụ thể	121
PHẦN 3 - KẾT LUẬN	127
PHẦN 4 - PHỤ LỤC	128

TỪ VIẾT TẮT

ACSM	Vận động chính sách, truyền thông và huy động xã hội
AFB	Trực khuẩn kháng cồn kháng toan
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động thương binh xã hội
CBYT	Cán bộ y tế
CTCLQG, CTCL	Chương trình Chống lao quốc gia, Chương trình chống lao
Cục PC HIV/AIDS	Cục phòng chống HIV/AIDS
Cục PCTNXH	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội
DAPTMLYTCS	Dự án Phát triển màng lưới y tế cơ sở
DOTS	Điều trị ngắn ngày có kiểm soát trực tiếp
ĐTLSBT	Điều trị lại sau bỏ trị
HTNN	Hoá trị ngắn ngày
HTĐT	Hoàn thành điều trị
MDR	Kháng đa thuốc
NVYT	Nhân viên y tế
PAL	Thực hành xử trí tốt bệnh hô hấp
PPM	Phối hợp y tế công – tư / công cộng
QTC	Quỹ Toàn Cầu
SL	Số lượng
TCYTTG	Tổ chức y tế Thế giới
TP-TB-ĐTL	Tái phát – thất bại - điều trị lại
TTGDSK	Truyền thông giáo dục sức khỏe
TT.05-06	Trung tâm 05 – 06
TT-HĐXH	Truyền thông – huy động xã hội
TTYTDP	Trung tâm y tế dự phòng
BN	Bệnh nhân

PHẦN 1
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA
NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CHỐNG LAO Ở VIỆT NAM

1. Tình hình bệnh lao trên thế giới

Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới năm 2023 (WHO Global Tuberculosis Report 2023), hoạt động chẩn đoán và điều trị bệnh lao đã có sự phục hồi mạnh mẽ trên toàn cầu trong năm 2022, sau 2 năm gián đoạn liên quan đến COVID. Điều này đã giúp cải thiện những tác động tiêu cực của đại dịch đối với số người chết và mắc lao trên toàn cầu. Tuy nhiên, bệnh lao vẫn là nguyên nhân gây tử vong đứng thứ hai trên thế giới trong số các bệnh truyền nhiễm vào năm 2022, chỉ sau COVID, và các mục tiêu toàn cầu trong công tác chống lao hiện nay vẫn đang hoàn toàn bị chậm tiến độ.

Số bệnh nhân lao mới được phát hiện và báo cáo năm 2022 trên toàn cầu là 7,5 triệu người. Đây là con số cao nhất kể từ khi WHO bắt đầu theo dõi bệnh lao toàn cầu vào năm 1995, cao hơn mức trước COVID (và mức đỉnh lịch sử trước đó) là 7,1 triệu vào năm 2019 và cao hơn từ 5,8 triệu vào năm 2020 và 6,4 triệu vào năm 2021. Con số được ước tính trong năm 2022 có thể bao gồm một lượng lớn những ca bệnh đã tồn đọng trong những năm trước nhưng việc chẩn đoán và điều trị bị trì hoãn, do những tác động của COVID đã ảnh hưởng đến việc tiếp cận và cung cấp các dịch vụ y tế.

Trên toàn cầu trong năm 2022, bệnh lao đã gây ra khoảng 1,3 triệu ca tử vong. Con số này đã giảm so với ước tính trước đó của TCYTTG là 1,4 triệu trong năm 2020 và 2021, và gần như quay trở lại mức số ca tử vong của năm 2019. Sự gián đoạn của việc tiếp cận và cung cấp các dịch vụ y tế liên quan đến COVID được ước tính đã dẫn đến thêm gần nửa triệu ca tử vong trong ba năm 2020–2022. Mức giảm về số ca tử vong do lao trên toàn cầu từ năm 2015 đến năm 2022 là 19%, còn cách rất xa với cột mốc trong Chiến lược chấm dứt bệnh lao của WHO là giảm 75% vào năm 2025.

Trên toàn cầu, ước tính có khoảng 10,6 triệu người mắc lao vào năm 2022, con số này đã tăng so với ước tính trước đó của TCYTTG là 10,3 triệu vào năm 2021 và 10,0 triệu vào năm 2020. Việc quay về xu hướng giảm giống như thời điểm trước đại dịch có khả năng sẽ bắt đầu xảy ra vào năm 2023 hoặc 2024. Tuy nhiên, bên cạnh đó, khoảng cách giữa số người ước tính mắc lao và số ca được báo cáo đã được thu hẹp xuống là 3,1 triệu vào năm 2022, giảm từ khoảng 4 triệu trong cả năm 2020 và 2021, và trở lại mức trước đại dịch COVID trong năm 2019.

Công cuộc thanh toán bệnh lao toàn cầu vẫn còn rất nhiều trở ngại và cần nhiều hơn nỗ lực từ các quốc gia, đặc biệt là phải biến các cam kết được đưa ra tại Cuộc họp cấp cao của Liên hợp quốc về bệnh lao năm 2023 thành hành động cụ thể.

2. Tình hình bệnh lao ở Việt Nam

Việt nam hiện vẫn là nước có gánh nặng bệnh lao cao, đứng thứ 11 trong 30 nước có số người bệnh lao cao nhất trên toàn cầu, đồng thời đứng thứ 11 trong số 30 nước có gánh nặng bệnh lao kháng đa thuốc cao nhất thế giới (báo cáo WHO Global TB Report 2023).

Bảng 1: Tình hình dịch tễ bệnh lao tại Việt nam 2022

<i>Ước tính gánh nặng bệnh lao – 2022</i>	<i>Số lượng (nghìn người)</i>	<i>Tỷ lệ (trên 100.000 dân)</i>
Tử vong do lao (loại trừ HIV)	11 (7,6-15)	11 (7,7-15)
Lao mới mắc các thể (bao gồm cả HIV +)	172 (119-247)	176 (121-251)
Lao /HIV dương tính mới mắc	4,3 (2,9-6,1)	4 (2,9-6,2)
Tỷ lệ phát hiện các thể (%)	59 (42-86)	
Tỷ lệ kháng đa thuốc trong bệnh nhân mới (%)	4,5 (4,4 – 4,6)	
Tỷ lệ kháng đa thuốc trong bệnh nhân điều trị lại (%)	15 (14 – 16)	
% bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV	86%	
% HIV dương tính trong số người xét nghiệm HIV	2,5%	

**** Nguồn: Vietnam Country Profile 2023, WHO Global TB Report 2023***

3. Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2023

Bảng 2: Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 9 tháng	Tỷ lệ %
1	Duy trì mạng lưới phòng chống lao 4 cấp từ Trung ương đến địa phương ở 100% xã, phường	%	100%	100%	100%
2	Dân số được CTCLQG bảo vệ	%	100%	100%	100%
3	Tổng số ca bệnh lao mới và tái phát được phát hiện	bệnh nhân	138.000	77.374	56,1%
4	Tỷ lệ điều trị thành công các ca bệnh lao mới và tái phát	%	92%	89,9%	97,7%
5	Số lượng ca bệnh lao được thông báo trong số các nhóm nguy cơ cao/nhóm dân cư bị ảnh hưởng chính (nhà tù)	bệnh nhân	2000	781	39%
6	Tỷ lệ bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV	%	96%	87,6%	91,2%
7	Số bệnh nhân lao kháng thuốc được thu dung điều trị	bệnh nhân	4963	2606	52,5%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 9 tháng	Tỷ lệ %
8	Tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân lao kháng thuốc	%	78%	75%	96,2%
9	Số người có nguy cơ được điều trị lao tiềm ẩn	Người	150.000	14.433	9,6%
10	Số bệnh nhân lao được phát hiện và báo cáo với sự đóng góp của các đơn vị y tế tư nhân và công lập ngoài lao	Bệnh nhân	27.600	26.300	95,3%

4. Chỉ tiêu Kế hoạch Quỹ toàn cầu năm 2023

Bảng 3: Các chỉ số chính hoạt động nguồn Quỹ toàn cầu năm 2023

Module	Số chỉ số	Chỉ số	Chỉ số cả năm 2023	Kết quả 9 tháng	Tỷ lệ %
Module 1: Điều trị và dự phòng lao					
1	1	Số ca bệnh lao các thể được thông báo (có bằng chứng vi khuẩn học hoặc được chẩn đoán lâm sàng, mới và tái phát)	138.000	77.374	56,1%
1	2	Tỷ lệ phần trăm các ca bệnh lao các thể, có bằng chứng vi khuẩn học hoặc được chẩn đoán lâm sàng, được điều trị thành công (khỏi cộng hoàn thành điều trị) trong số các ca bệnh lao mới được đăng ký điều trị trong kỳ, bao gồm cả mới và tái phát	92% (127.880 / 139.000)	89,9% (65.365 / 72.701)	97,7%
1	5	Số lượng người tiếp xúc với bệnh nhân lao bắt đầu điều trị dự phòng IPT	150.000	14.433	9,6%
1	6a	Số lượng ca bệnh lao (các thể) được thông báo trong số các nhóm nguy cơ cao/nhóm dân cư bị ảnh hưởng chính (trại giam)	2.000	781	39%
1	7a	Số lượng các ca bệnh lao được ghi nhận (các thể) do các tổ chức tư nhân/phi chính phủ - ngoài CTCLQG cung cấp	8.280	7.662	92,5%
1	7b	Số lượng các ca bệnh lao được ghi nhận (các thể) do các đơn vị công lập – ngoài CTCLQG cung cấp	19.320	18.638	96,5%
1	8	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao mới và tái phát xét nghiệm bằng test nhanh do WHO khuyến cáo trong thời gian chẩn đoán	64% (88.320/ 138.000)	22% (30.389 / 138.000)	34,4%

Module	Số chỉ số	Chỉ số	Chỉ số cả năm 2023	Kết quả 9 tháng	Tỷ lệ %
Module 2: Lao/HIV					
2	5	Tỷ lệ bệnh nhân lao mới và tái phát đã đăng ký với tình trạng HIV được ghi nhận	96% (132.480/ 138.000)	87,6% (68.934 / 78.674)	91,2%
2	6	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao mới và tái phát dương tính với HIV điều trị ARV trong khi điều trị lao	92% (1.985/ 2.158)	73,5% (1.140/ 1.550)	79,9%
2	7	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân dương tính với HIV hiện đang điều trị ARV được bắt đầu điều trị dự phòng IPT	93% (10.230/ 11.000)	64,7% (7.116/ 11.000)	69,6%
Module 3: Lao kháng thuốc					
3	2	Số lượng ca bệnh kháng thuốc lao (RR-TB và/hoặc MDR-TB) được báo cáo	5.224	2.764	52,9%
3	3	Số lượng ca bệnh kháng thuốc lao (RR-TB và/hoặc MDR-TB) bắt đầu điều trị hàng hai	4.963	2.606	52,5%
3	6	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao với kháng sinh đồ với ít nhất là Rifampicin trong tổng số ca bệnh được ghi nhận (mới và tái trị)	90% (99.360/ 110.400)	98% (76.008/ 77.374)	108%
3	7.1	Tỷ lệ phần trăm ca bệnh lao kháng thuốc được khẳng định được xét nghiệm kháng các thuốc lao hàng hai	87% (4.544/ 5.224)	96,7% (2.519/ 2.606)	111%
3	8	Số lượng ca bệnh siêu kháng thuốc lao (XDR) được thu dung điều trị	278	154	55,4%
3	9	Tỷ lệ thành công điều trị của lao kháng thuốc: Tỷ lệ phần trăm các ca bệnh lao kháng thuốc điều trị thành công	78% (3.635/ 4.660)	75% (1.335/ 1.786)	96,2%

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

A. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả chính đã đạt được

- CTCL vẫn duy trì mục tiêu triển khai công tác chống lao tại 100% số quận huyện và 100% số xã, phường. Tỷ lệ dân số được chương trình chống lao tiếp cận đạt 100%.
- Mạng lưới chống lao: Hiện nay 51 trên 63 tỉnh, thành trên toàn quốc đã thành lập Bệnh viện Phổi, Bệnh viện lao và bệnh phổi. CTCL đã tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển mạng lưới phối hợp với các đối tác như: Bộ Công an; Cục phòng chống HIV/AIDS; WHO; KNCV; CDC; CHAI, ... các bệnh viện đa khoa tuyến trung ương,

tuyến tính và nhiều đối tác khác như Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Cục Y tế - Bộ Công an.

- Quỹ Hỗ trợ người bệnh chiến thắng bệnh lao - PASTB phối hợp với Công thông tin nhân đạo Quốc gia 1400 mở cổng nhắn tin ủng hộ Quỹ PASTB. Kết thúc chiến dịch nhắn tin ủng hộ Quỹ, chương trình đã tiếp nhận được 47.155 tin nhắn, tương đương hơn 943 triệu đồng ủng hộ.
- Hoạt động phát hiện: trong 9 tháng đầu năm 2023, có thể nói số liệu phát hiện của CTCLQG đã có sự cải thiện đáng kể để phục hồi lại chất lượng và tác động tích cực của chương trình so với cùng kỳ năm 2022, 2021 và thậm chí còn cao hơn cả cùng kỳ năm 2020, thời điểm COVID chỉ mới xảy ra tại Việt Nam. Tuy nhiên, do chỉ tiêu cam kết với QTC cho giai đoạn 2021 – 2023 ở mức cao nhằm hướng đến mục tiêu chấm dứt bệnh lao, CTCLQG trong 9 tháng đầu năm cũng mới chỉ đạt được 56,1% chỉ tiêu kế hoạch cả năm (77.374 ca lao mới và tái phát/chỉ tiêu 138.000 ca). Mặc dù vậy, với những tín hiệu vô cùng tích cực đầu tiên, việc đẩy mạnh hoạt động phát hiện và công tác chống lao tại các địa phương cao hơn so với giai đoạn trước COVID cũng đã cho thấy những nỗ lực to lớn của hệ thống chống lao trên toàn quốc, và việc vượt qua con số phát hiện trong cả năm 2022 là điều hoàn toàn trong khả năng của chương trình.
- Mô hình Phát hiện chủ động bệnh lao tại cộng đồng được mở rộng và tăng cường, nhận được cam kết chính trị của các cấp lãnh đạo một số tỉnh/ thành phố trong đẩy mạnh vai trò tuyến y tế cơ sở triển khai phát hiện, chẩn đoán, điều trị bệnh lao.
- Hoạt động điều trị: Trong lô bệnh nhân 9 tháng đầu năm 2022, nhìn chung, do ảnh hưởng của dịch COVID đã qua đi, tỷ lệ thành công trên toàn quốc vẫn được duy trì ở mức cao trên 90%, đáp ứng được chỉ tiêu của WHO, tuy nhiên vẫn thấp hơn chỉ tiêu cam kết với QTC cho lô bệnh nhân năm 2022. Tỷ lệ điều trị khỏi trên toàn quốc đã có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn chưa đạt được so với thời điểm trước COVID. Số tỉnh có tỷ lệ hoàn thành điều trị cao vẫn còn tương đối nhiều ở cả 3 miền. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát mới chỉ đạt 80,2%, thấp hơn so với năm 2020 là 84,5%. Một số tỉnh có tỷ lệ điều trị thành công cao đáng ghi nhận là Yên Bái 99%, Quảng Trị (97%) và Trà Vinh (99%). Tỷ lệ âm hóa đờm sau 2(3) tháng điều trị của bệnh nhân trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 85,2%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Việc theo dõi bệnh nhân để đảm bảo quy trình điều trị được hoàn thành và báo cáo một cách chính xác nhất vẫn cần rất nhiều nỗ lực từ các tỉnh, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi thuốc chống lao hàng đã bắt đầu được cấp phát từ nguồn BHYT
- Hoạt động giám sát: xây dựng kế hoạch triển khai giám sát quốc gia các tỉnh, giám sát các đối tác của dự án, giám sát chuyên đề PMDT phối hợp với giám sát khác. Triển khai 80 chuyến giám sát thường quy nguồn Quỹ toàn cầu từ Trung ương – tỉnh và 923 chuyến giám sát tỉnh – huyện, với nhiều phát hiện đáng lưu ý.
- Hoạt động phối hợp y tế công tư: Tổng số BN lao phát hiện do y tế công - tư chuyển đến trong 9 tháng đầu năm là 26.300 (chiếm 33,4%).

- Công tác lập kế hoạch: Cập nhật thành công Kế hoạch chiến lược phòng chống lao giai đoạn 2021-2026, đề xuất thành công viện trợ Quỹ Toàn cầu cho hoạt động phòng chống lao giai đoạn 2024-2026 với tổng ngân sách là 63.814.002 USD.
- Duy trì và tiếp tục triển khai hệ thống thu thập, quản lý thông tin, báo cáo trên internet từ tuyến tỉnh và mở rộng triển khai ở trên 857 huyện và các điểm tương đương.

2. Khó khăn

- Dịch tễ lao ở Việt nam còn cao, xếp thứ 11 trong 30 nước có gánh nặng bệnh nhân lao cao trên thế giới và xếp thứ 11 trong số 30 nước có gánh nặng bệnh lao kháng đa thuốc cao nhất trên toàn cầu.
- Hoạt động Lao kháng thuốc: Theo báo cáo đến hết tháng 9/2023, tổng số bệnh nhân được phát hiện là 2.764, và thu nhận 2.606 vào điều trị. Tuy nhiên kết quả này mới chỉ đạt mức 52,5% so với chỉ tiêu kế hoạch (4963). Tỷ lệ điều trị thành công của lô bệnh nhân 2 quý đầu năm 2021 là 75%, còn thấp hơn chỉ tiêu đề ra (78%) và ghi nhận tỷ lệ bỏ trị còn cao (11%) trong khi phác đồ chuẩn ngắn hạn đã được mở rộng trên cả nước, nguyên nhân có thể một phần do việc quản lý điều trị bệnh nhân lao kháng thuốc gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn dịch COVID.
- Sự thay đổi về cơ chế chính sách đối với việc cung ứng thuốc lao từ nguồn NSNN gây ra nhiều khó khăn cho hệ thống cung ứng thuốc của CTCLQG, thuốc còn tồn tại địa phương có hạn sử dụng ngắn, nguy cơ hết hạn trong khi chưa được phê duyệt cơ chế chính sách, nguồn kinh phí mua sắm thuốc cho đối tượng bệnh nhân lao không có thẻ BHYT, bệnh nhân lao tại các cơ sở chưa đủ điều kiện thanh toán nguồn BHYT.
- Việc cấp phép nhập khẩu ở Bộ Y tế kéo dài do sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, quy trình phê duyệt... ảnh hưởng đến tiến độ tiếp nhận hàng, hạn sử dụng của hàng hóa khi về đến Việt Nam còn lại ngắn.
- Nhiều tỉnh vẫn còn lúng túng trong việc triển khai mô hình PPM do thiếu nhân lực, thiếu kinh phí và sự chỉ đạo của Sở Y tế. Nhiều cơ sở y tế mức độ phối hợp còn hạn chế, sự đóng góp vào hoạt động phát hiện bệnh nhân lao còn chưa được như mong muốn. Sự phản hồi 2 chiều giữa CTCL tỉnh với các cơ sở y tế công-tư đã tham gia phối hợp còn chưa chặt chẽ nên ảnh hưởng đến sự tích cực chuyển gửi người nghi lao từ hệ thống các cơ sở y tế ngoài CTCL.
- Hoạt động phát hiện lao trẻ em còn hạn chế, số ca lao trẻ em phát hiện còn thấp so với kỳ vọng và so với ước tính của WHO.
- Tự chủ về tài chính tại các tuyến có ảnh hưởng nhất định tới hoạt động CTCL, nhiều Bệnh viện lao có lượng người bệnh khám và điều trị thấp gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí phải nợ lương cán bộ, nhiều đơn vị thắt chặt hơn về nhân lực và tần suất đi giám sát CTCL.
- Thay đổi mô hình tổ chức y tế tại tuyến tỉnh, huyện có ảnh hưởng không nhỏ tới CTCL như thay đổi cán bộ làm công tác chống lao, đơn vị mới chưa ổn định nên việc triển khai hoạt động CTCL gặp khó khăn.

- Công tác chống lao tại 12 tỉnh chưa thành lập bệnh viện lao và bệnh phổi, sát nhập Trung tâm CDC còn khó khăn do thiếu nhân lực.

B. KẾT QUẢ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG QUI

1. Công tác phát hiện, điều trị và quản lý bệnh nhân lao 9 tháng đầu năm 2023

1.1. Số bệnh nhân được phát hiện.

Bảng 4: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 9 tháng đầu năm 2023, toàn quốc

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
9 tháng 2023	48.487	4.437	942	10.877	13.874	57	78.674
%	61,63	5,64	1,20	13,83	17,63	0,07	100
9 tháng 2022	45.616	3.897	660	13.388	13.173	31	76.765
%	59,42	5,08	0,86	17,44	17,16	0,04	100
SS số lượng	2.871	540	282	-2.511	701	26	1.909
SS TL %	2,21	0,56	0,34	-3,61	0,47	0,03	0,00
SS TL/SL	6,29	13,86	42,73	-18,76	5,32	83,87	2,49

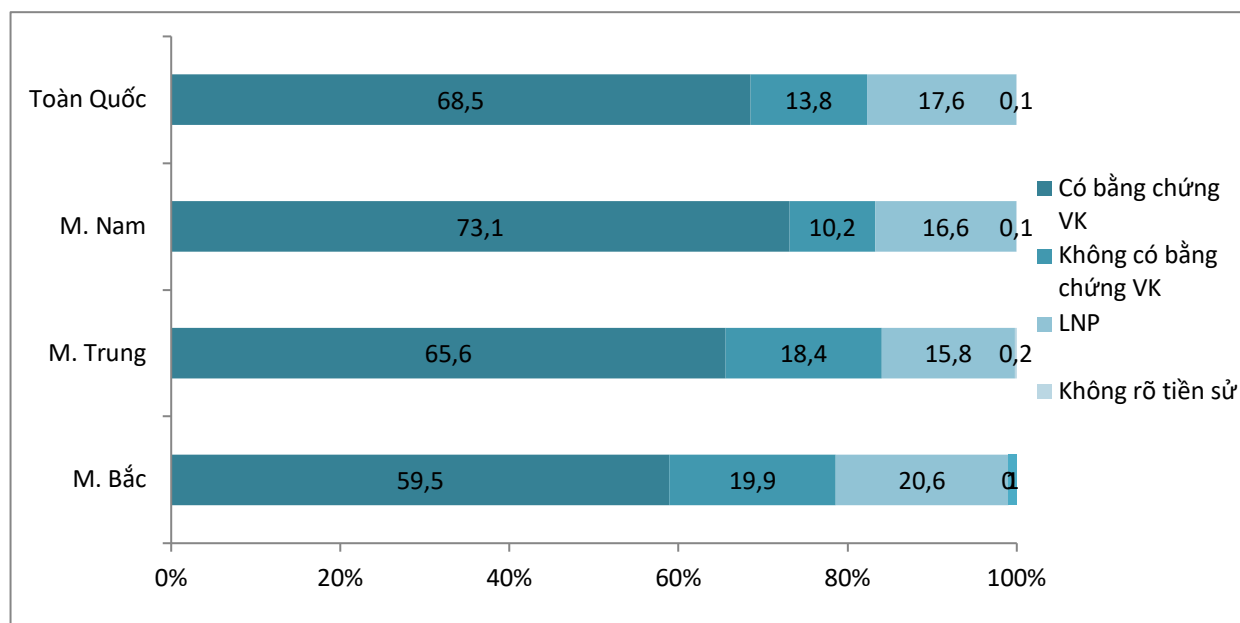
* SS = so sánh

Tổng số bệnh nhân lao các thể được phát hiện trong 9 tháng đầu năm 2023 là 78.674 bệnh nhân, tỷ lệ phát hiện lao các thể trên 100.000 dân là 76,8/100.000 dân. Trong đó có 53.866 bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn, chiếm 68,5%, tỷ lệ phát hiện lao phổi có bằng chứng vi khuẩn là 52,6/100.000 dân. Tỷ lệ lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn trên tổng số bệnh nhân là 13,8%, lao ngoài phổi là 17,6%.

Số bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn mới phát hiện trong 9 tháng đầu năm 2023 đã tăng đáng kể so với cùng kỳ năm 2022, với 2.871 ca bệnh, tương đương với 6,3%. Tổng số bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn tăng 3.693 bệnh nhân, tương đương với 7,4%. Số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn giảm 2.511 trường hợp (18,8%), số bệnh nhân lao ngoài phổi tăng 701 trường hợp (5,3%). Những con số này đều cho thấy nỗ lực rất lớn của CTCLQG để phục hồi lại hoạt động phát hiện trên toàn quốc, nhằm đáp ứng được chỉ tiêu đã cam kết với nhà tài trợ. Trong 9 tháng đầu năm 2023, tổng số bệnh nhân được phát hiện đã cao hơn so với cùng kỳ năm 2022, 2021 và cả cùng kỳ năm 2020 (74.144), thời điểm Việt Nam chưa bị ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19. Con số này cho thấy CTCLQG đang đi đúng hướng và cho thấy khả năng cũng như tiềm

năng của hệ thống chống lao, và dự báo trong năm 2023, việc phát hiện vượt qua kết quả của năm 2022 là chắc chắn.

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện cả năm 2023, với chỉ số cam kết với Quỹ Toàn Cầu, tỷ lệ phát hiện bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học trên toàn quốc 9 tháng đầu năm 2023 là 51,7/100.000 dân, đạt 60,4% chỉ tiêu kế hoạch phát hiện cả năm (85,6/100.000 dân) và tỷ lệ phát hiện lao mới và tái phát 9 tháng đầu năm là 75,5/100.000 dân, đạt 55,1% chỉ tiêu kế hoạch phát hiện cả năm (137/100.000 dân).

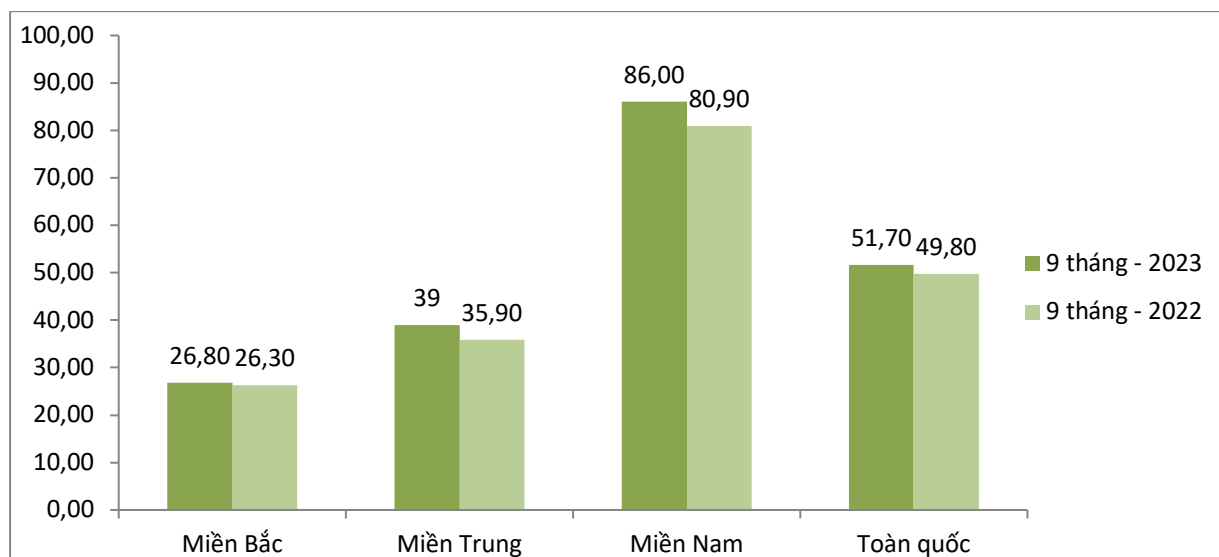


Biểu đồ 1: Tỷ lệ % các thể bệnh theo miền, 9 tháng đầu năm 2023

Khu vực miền Nam có số bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học tăng đáng kể nhất, với 1.395 trường hợp so với cùng kỳ năm 2022 (31.118 trường hợp so với 29.723 trường hợp). Về mặt tỷ lệ bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học / tổng số bệnh nhân phát hiện, miền Nam vẫn là khu vực có tỷ lệ cao nhất trên toàn quốc với 73,1%. Tuy nhiên, tổng số bệnh nhân không có bằng chứng vi khuẩn/tổng số bệnh nhân chiếm 10,2%, giảm 1.160 trường hợp so với cùng kỳ năm 2022.

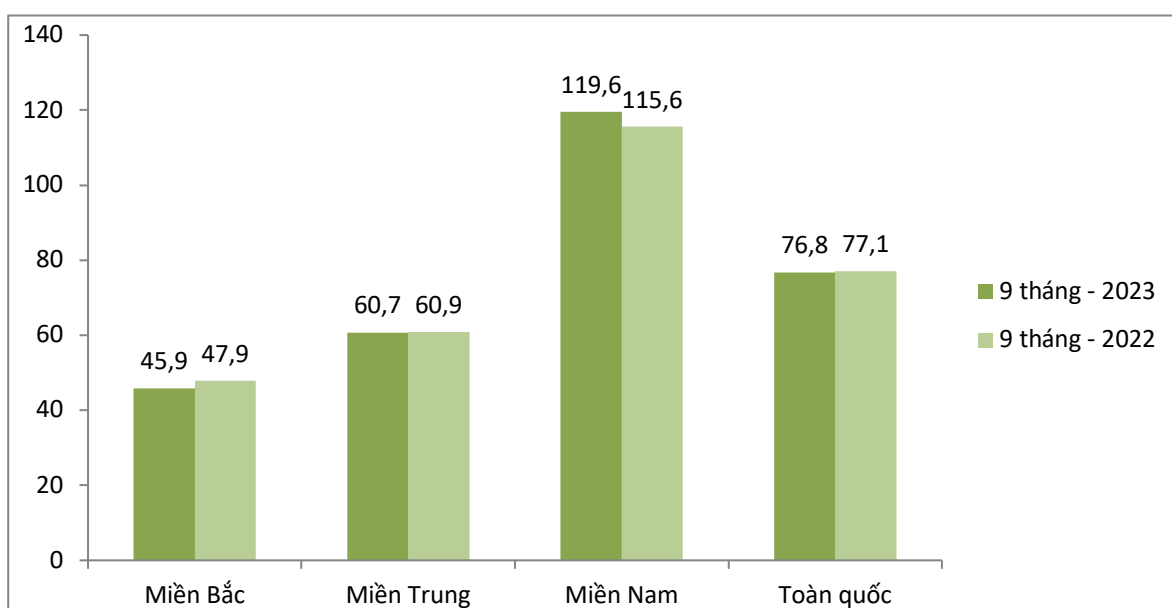
Khu vực miền Trung tăng nhẹ 672 trường hợp bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn so với cùng kỳ năm 2022. Tổng số bệnh nhân không có bằng chứng vi khuẩn học giảm 459 trường hợp, trong khi đó số bệnh nhân lao ngoài phổi tăng 62 trường hợp so với 9 tháng đầu năm 2022.

Các tỉnh miền Bắc luôn có tỷ lệ bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học thấp nhất trong 3 miền là 59,5%, có số lượng bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học tăng so với cùng kỳ năm 2022, với 804 trường hợp (11.649 so với 10.845 trường hợp). Điều này cho thấy sự phục hồi của miền Bắc so với cùng kỳ năm 2022 khi đầu năm 2022 đây là khu vực vẫn còn chịu sự ảnh hưởng của COVID. Tỷ lệ bệnh nhân không có bằng chứng vi khuẩn học chiếm 19,9% trên tổng số bệnh nhân phát hiện, cao nhất trong 3 miền, và số bệnh nhân lao ngoài phổi cũng chiếm 20,6%, cao nhất trên toàn quốc.



Biểu đồ 2: So sánh tỷ lệ phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học trên 100.000 dân 9 tháng đầu năm 2023, 2022 theo miền.

Mặc dù số lượng phát hiện ca bệnh đã được cải thiện so với năm 2022, tỷ lệ phát hiện lao các thể trên toàn quốc trong 9 tháng đầu năm 2023 không thay đổi hoặc giảm không đáng kể so với cùng kỳ năm 2022. Khu vực miền Nam là khu vực duy nhất có tỷ lệ phát hiện lao các thể cao hơn so với năm 2022 là 119,6/100.000 dân, so với cùng kỳ năm 2022 là 115,6/100.000 dân (tăng 1.211 trường hợp lao các thể, tương ứng với 2,6% so với năm 2022). Khu vực miền Bắc có tỷ lệ phát hiện lao các thể là 45,9/100.000 so với 47,9/100.000 năm 2022 (khu vực có số lượng bệnh nhân tăng ít nhất trong 3 miền với 279 trường hợp, tương ứng với 1,3%). Khu vực miền Trung có tỷ lệ phát hiện lao các thể là 60,7/100.000 dân so với kết quả cùng kỳ năm 2022 là 60,9/100.000 dân. Trên toàn quốc, tỷ lệ phát hiện các thể trên 100.000 dân là 76,8/100.000 dân giảm không đáng kể so với cùng kỳ năm 2022 là 77,1/100.000 dân.



Biểu đồ 3: So sánh tỷ lệ phát hiện lao các thể trên 100.000 dân 9 tháng đầu năm 2023 và 2022 theo miền.

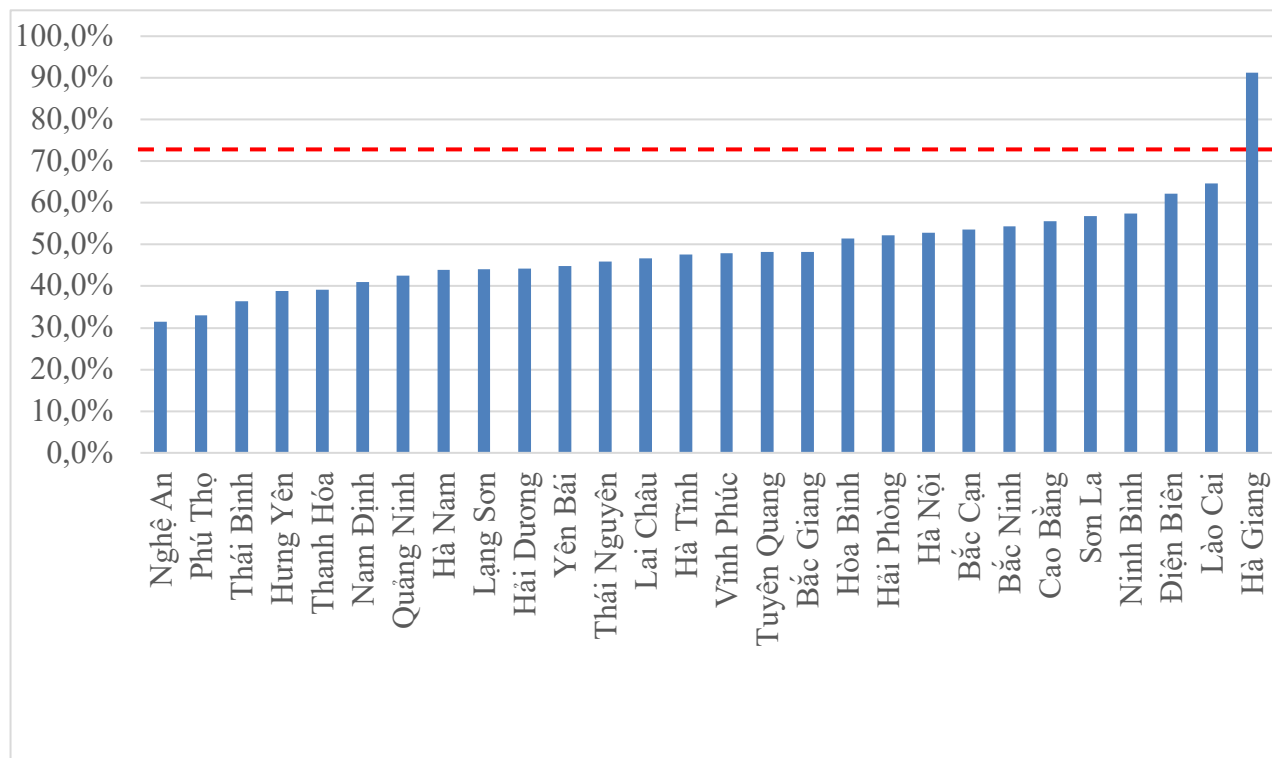
❖ **Tình hình phát hiện trong 9 tháng đầu năm 2023 tại từng khu vực:**

Khu vực miền Bắc:

Tại khu vực miền Bắc, trong 9 tháng đầu năm 2023, số bệnh nhân lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học tăng 804 trường hợp (7,4%) so với cùng kỳ năm 2022. Tổng số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn giảm 892 trường hợp (17,3%). Số bệnh nhân lao ngoài phổi tăng nhẹ 164 trường hợp (3,9%) so với cùng kỳ năm trước. Tổng số bệnh nhân lao các thể trong 9 tháng đầu năm 2023 phát hiện là 21.443 bệnh nhân, tăng 279 bệnh nhân (1,3%) so với cùng kỳ năm 2022 (**Bảng 5 – Phụ lục 1**).

So sánh số lượng bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện trong 9 tháng năm 2023, hầu hết các tỉnh có số lượng bệnh nhân tăng đáng kể so với cùng kỳ năm 2022, một số tỉnh nổi bật có thể kể đến như sau: Vĩnh Phúc (191%), Sơn La (92%), Thái Nguyên (41,9%), Thanh Hoá (40,6%), Tuyên Quang (34,1%), Hà Nam (30,3%), Hà Giang (29,7%), Yên Bái (29%) và Ninh Bình (23,6%). Chỉ có 3 tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và Hà Tĩnh có số bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2022, giảm nhiều nhất là Hà Tĩnh (15,8%).

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học năm 2023, 28 đơn vị tỉnh khu vực miền Bắc phát hiện được 12.139 bệnh nhân mới, đạt 48,3% kế hoạch phát hiện cả năm (25.108 bệnh nhân) và 21.146 tổng số bệnh nhân mới và tái phát, đạt 52,6% kế hoạch phát hiện cả năm 2023 (40.194 bệnh nhân).



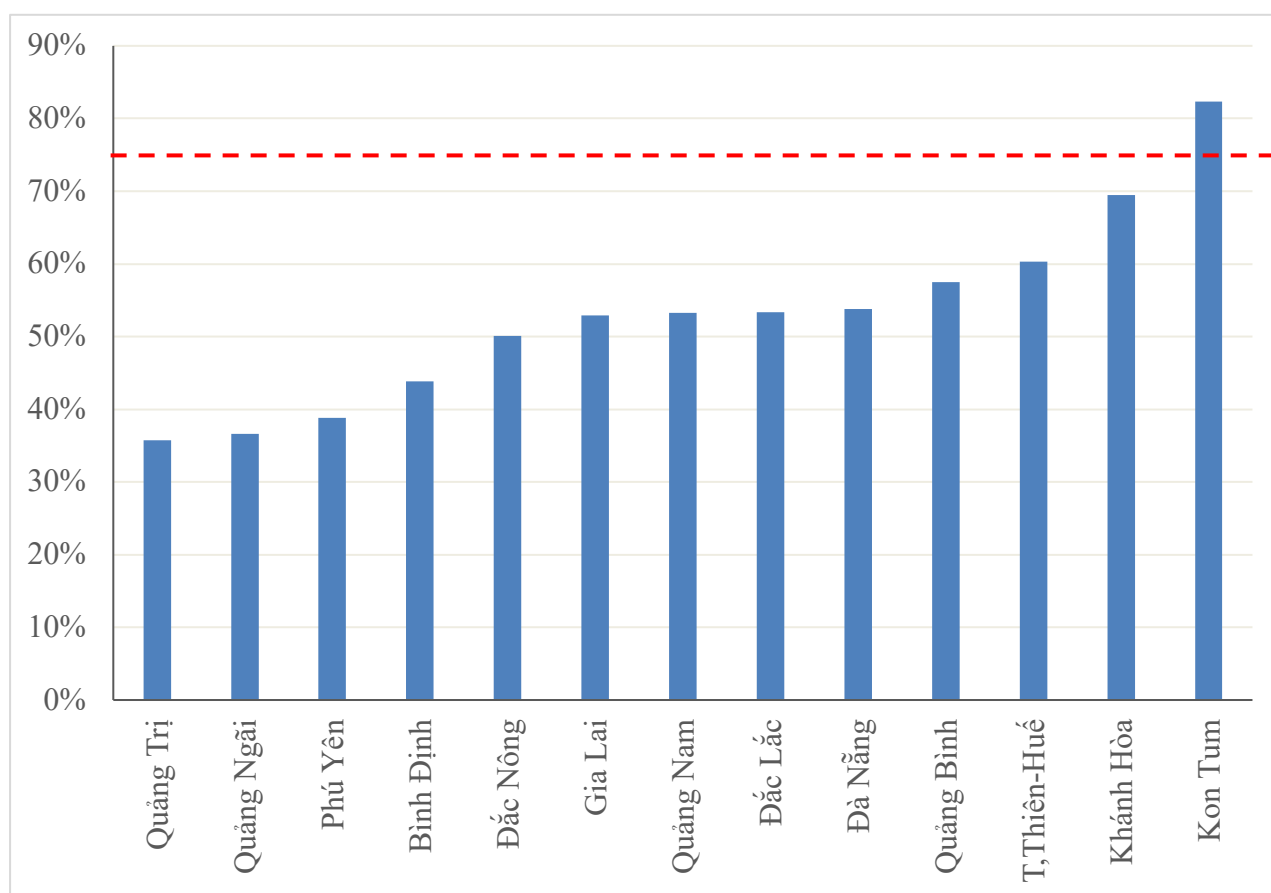
Biểu đồ 4: Tỷ lệ % số BN lao mới và tái phát được phát hiện 9 tháng đầu năm 2023 so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm, theo tỉnh. Khu vực miền Bắc

Khu vực miền Trung:

Tại khu vực miền Trung, trong 9 tháng đầu năm 2023, số bệnh nhân lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học tăng 672 bệnh nhân so với cùng kỳ năm 2022, tương đương 13,3%. Số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn giảm đáng kể với 459 bệnh nhân, còn lao ngoài phổi tăng nhẹ 62 bệnh nhân. Tổng số bệnh nhân phát hiện là 9.691, tăng 419 bệnh nhân (4,5%) so với cùng kỳ năm 2022. **(Bảng 6 – Phụ lục 1).**

So sánh với số lượng bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện trong 9 tháng năm 2023, chỉ có duy nhất Quảng Trị có tỷ lệ bệnh nhân mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học giảm đáng lưu ý so với cùng kỳ năm 2022 (37,9%). Còn lại, đa số các tỉnh đều có tỷ lệ phát hiện bệnh nhân tăng, có thể kể đến một số tỉnh đáng chú ý như T.T.Huế (83,6%), Quảng Ngãi (68,8%), Bình Định (39,2%) và Kon Tum (21,9%).

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học năm 2023, các tỉnh khu vực miền Trung phát hiện được 6.223 bệnh nhân mới, đạt 55% kế hoạch phát hiện cả năm (11.306 bệnh nhân) và 9.459 tổng số bệnh nhân lao mới và tái phát, đạt 52,3% kế hoạch phát hiện cả năm 2023 (18.099 bệnh nhân).



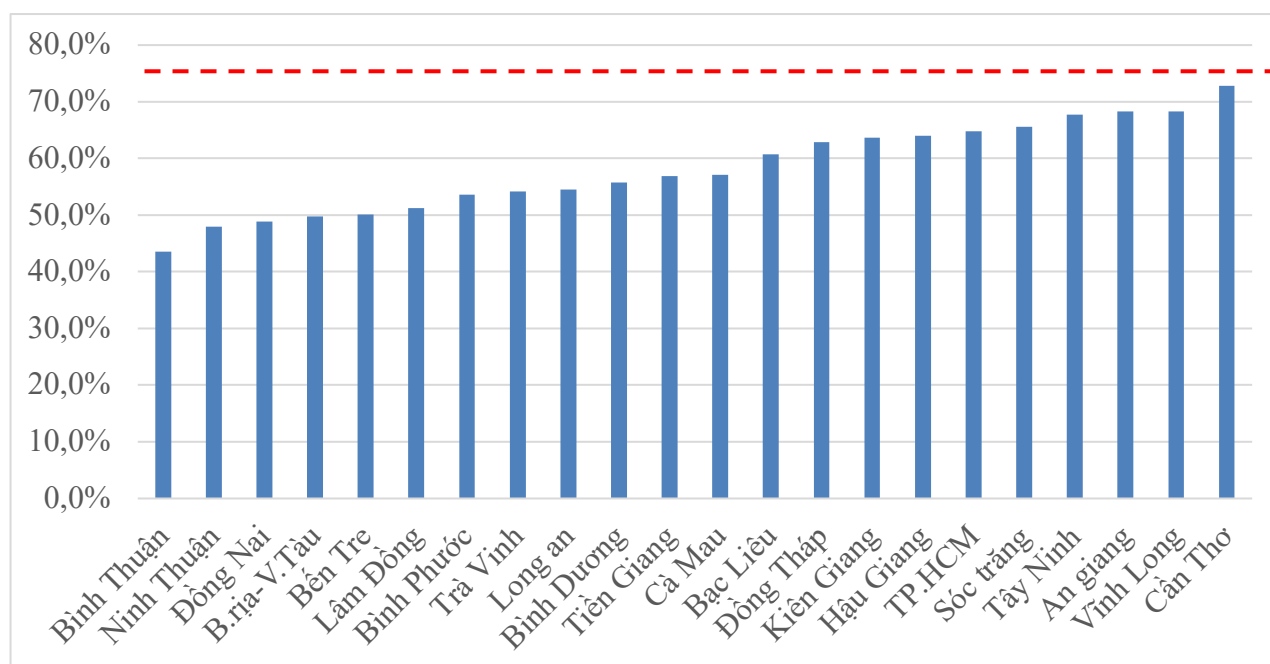
Biểu đồ 5: Tỷ lệ % số BN lao mới và tái phát được phát hiện 9 tháng đầu năm 2023 so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm, theo tỉnh. Khu vực miền Trung

Khu vực miền Nam:

Khu vực miền Nam, trong 9 tháng đầu năm 2023, có tổng số bệnh nhân lao các thể phát hiện tăng 1.211 bệnh nhân (2,6%) so với cùng kỳ năm 2022. Số bệnh nhân mới có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện tăng 1.395 bệnh nhân (4,7%). Số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn giảm 1160 bệnh nhân (19,4%). (**Bảng 7 – Phụ lục I**)

So sánh với số lượng bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện trong 9 tháng đầu năm 2022, chỉ có Bình Dương có số lượng bệnh nhân mới giảm đáng lưu ý là Bình Dương (9,1%). Các tỉnh có số lượng bệnh nhân tăng đáng chú ý có thể kể đến: Sóc Trăng (24,5%), Đồng Tháp (22,5%), Vĩnh Long (19,1%), Cà Mau (18%), và Cần Thơ (13%).

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học năm 2023, các tỉnh khu vực miền Nam phát hiện được 34.173 bệnh nhân mới, đạt 71,1% kế hoạch phát hiện cả năm (48.063 bệnh nhân) và 46.769 tổng số bệnh nhân lao mới và tái phát, đạt 60,8% kế hoạch phát hiện cả năm 2023 (76.947 bệnh nhân).



Biểu đồ 6: Tỷ lệ % số BN lao mới và tái phát được phát hiện 6 tháng đầu năm 2023 so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm, theo tỉnh. Khu vực miền Nam

1.2. Phân bố bệnh nhân lao mới và tái phát theo giới

Tỷ suất Nam/Nữ ở số bệnh nhân mới và tái phát 9 tháng đầu năm là 2,53/1, tăng so với cùng kỳ năm 2022 (2,5). Tỷ suất Nam/Nữ cao nhất ở các tỉnh miền Trung (2,9) so với các tỉnh miền Bắc (2,45) và miền Nam (2,46). Tỷ suất này trên cả 3 miền vẫn thấp hơn so với tỷ suất Nam / nữ trong bệnh nhân lao phổi AFB (+) mới của điều tra hiện mắc lao toàn quốc mới nhất vào năm 2017 (4,2). Tỷ suất Nam/Nữ giảm đi có thể do tình hình dịch tễ

bệnh lao trong nam giới có xu hướng giảm, hoặc vẫn có một bộ phận nam giới chưa được phát hiện bằng các hoạt động của chương trình.

Tóm lại: trong 9 tháng đầu năm 2023, có thể nói số liệu phát hiện của CTCLQG đã có sự cải thiện đáng kể để phục hồi lại chất lượng và tác động tích cực của chương trình so với cùng kỳ năm 2022, 2021 và thậm chí còn cao hơn cả cùng kỳ năm 2020, thời điểm COVID chỉ mới xảy ra tại Việt Nam. Tuy nhiên, do chỉ tiêu cam kết với QTC cho giai đoạn 2021 – 2023 ở mức cao nhằm hướng đến mục tiêu chấm dứt bệnh lao, CTCLQG trong 9 tháng đầu năm cũng mới chỉ đạt được 56,1% chỉ tiêu kế hoạch cả năm (77.374 ca lao mới và tái phát/chỉ tiêu 138.000 ca), CTCLQG sẽ còn gặp nhiều thách thức không chỉ trong năm 2023 mà còn là giai đoạn tiếp theo để đáp ứng những chỉ tiêu nhằm hướng tới mục đích thanh toán bệnh lao trên toàn quốc. Tuy nhiên, với những tín hiệu vô cùng tích cực đầu tiên, việc đẩy mạnh hoạt động phát hiện và công tác chống lao tại các địa phương cao hơn so với giai đoạn trước COVID cũng đã cho thấy những nỗ lực to lớn của hệ thống chống lao trên toàn quốc, và việc vượt qua con số phát hiện trong cả năm 2022 là điều hoàn toàn trong khả năng của chương trình.

2. Hoạt động điều trị

2.1. Kết quả điều trị bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát.

❖ Toàn quốc:

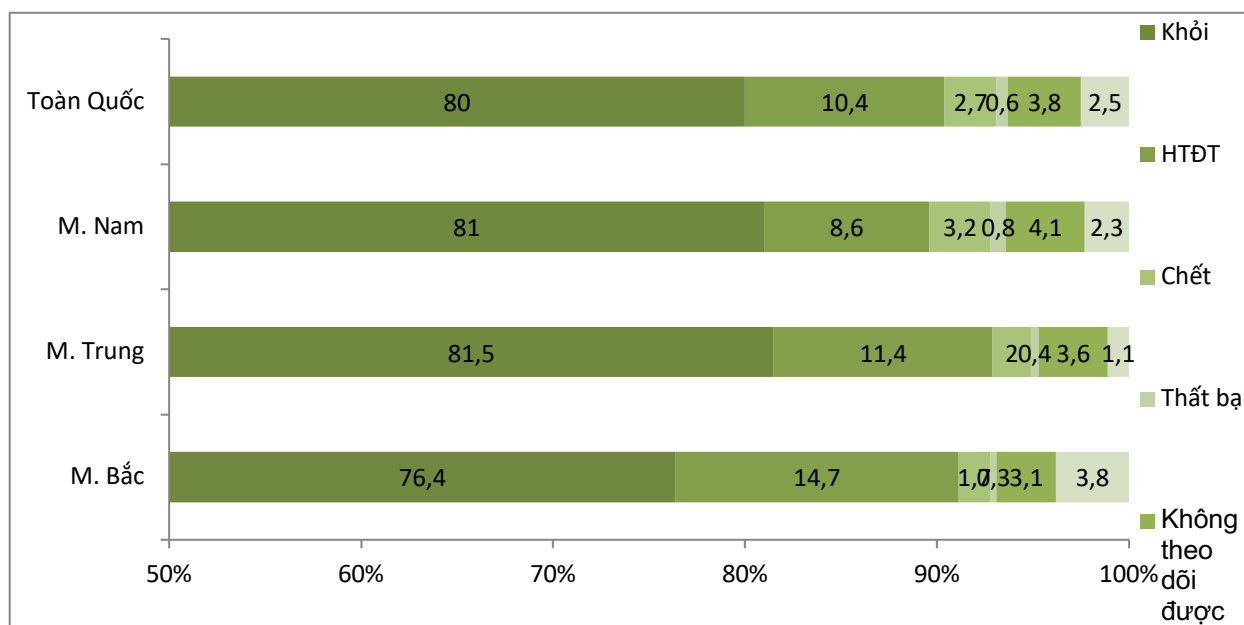
Bảng 8: Kết quả điều trị lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
9 tháng 2022	Số BN	47161	37723	4883	1285	296	1793	1181
	%		80,0	10,4	2,7	0,6	3,8	2,5
9 tháng 2021	Số BN	35570	27327	5232	914	207	979	911
	%		76,8	14,7	2,6	0,6	2,8	2,6

Số bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát được thu nhận và đánh giá kết quả trong 9 tháng đầu năm 2022 là 47.161 bệnh nhân, tăng rất cao 11.591 bệnh nhân so với cùng kỳ năm 2021 do chương trình đã phục hồi lại hoạt động phát hiện so với thời kỳ COVID. Tỷ lệ điều trị thành công đạt 90,4%, đạt chỉ tiêu của WHO tuy nhiên thấp hơn chỉ tiêu của QTC cho lô bệnh nhân năm 2022 (92%). Tỷ lệ này lại thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (91,5%).

Mặc dù vậy, khi xét đến chi tiết về tỷ lệ điều trị khỏi, kết quả của 9 tháng đầu năm 2022 là 80,2%, cao hơn so với lô bệnh nhân năm 2021, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với tỷ lệ khỏi cùng kỳ năm 2020 (84,5%), vào thời điểm trước COVID. Bên cạnh đó, tỷ lệ hoàn thành điều trị cũng đã giảm so với cùng kỳ năm 2021 (10,4% so với 14,7%). Công tác điều trị của CTCLQG năm 2021 đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch COVID do giãn cách

xã hội và những thiếu sót trong việc cung cấp dịch vụ điều trị trong thời điểm xảy ra đại dịch, tuy nhiên sang đến năm 2022 thì tình hình cũng đã dần được khắc phục, nên có thể coi đây là một kết quả tốt về mặt công tác điều trị.



Biểu đồ 7. Kết quả điều trị bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát thu nhận tại 3 miền trong 9 tháng năm 2022

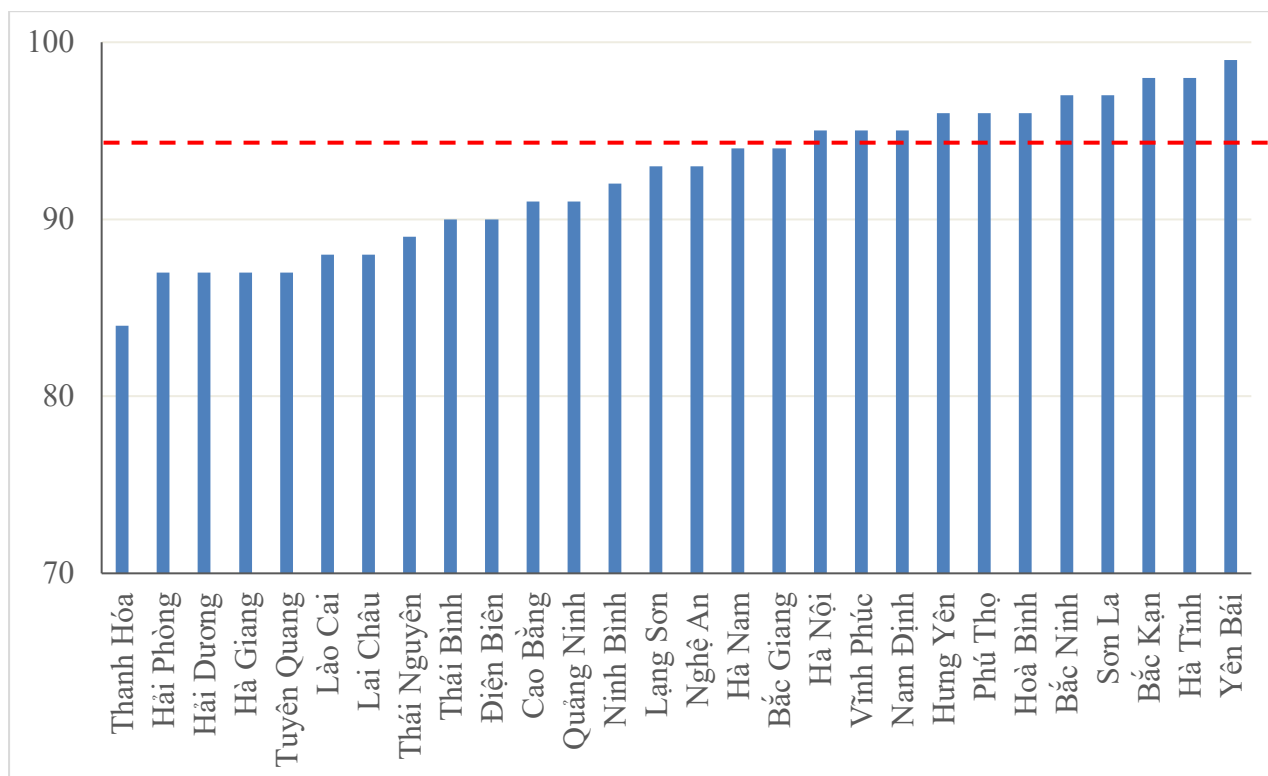
❖ **Kết quả điều trị bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 9 tháng năm 2022 theo miền:**

Khu vực miền Bắc:

Tỷ lệ điều trị thành công lô bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát mới khu vực miền Bắc trong 9 tháng năm 2023 đạt 91,2%, đạt chỉ tiêu của WHO nhưng thấp hơn chỉ tiêu của QTC cho lô bệnh nhân năm 2022. Tỷ lệ này thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (91,7%). Tỷ lệ điều trị khỏi là 76,4%, cải thiện so với cùng kỳ năm 2021 (73,8%). Tỷ lệ hoàn thành điều trị đã giảm (14,7% so với 17,19) so với năm 2021.

(Bảng 9 – Phụ lục 1)

Kết quả điều trị lô bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát thu nhận trong 9 tháng đầu năm 2022 khu vực miền Bắc có 8/28 tỉnh có tỷ lệ điều trị thành công dưới 90%: Thanh Hoá (84%), Hải Phòng (87%), Hải Dương (87%), Hà Giang (87%), Tuyên Quang (87%), Lào Cai (88%), Lai Châu (88%) và Thái Nguyên (89%). Nguyên nhân tỷ lệ điều trị thành công chưa đạt 90% ở các tỉnh này là do tỷ lệ không theo dõi được tương đối cao, do ảnh hưởng của dịch COVID trong khoảng đầu năm 2022 đối với khu vực phía Bắc. Đáng lưu ý có Hải Phòng và Thanh Hoá có tỷ lệ bệnh nhân không theo dõi được khá cao, ở mức 8%. Tại khu vực miền Bắc, tỉnh đạt kết quả điều trị thành công cho bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát cao nhất là Yên Bái với tỷ lệ 99% (tổng số 93 bệnh nhân).

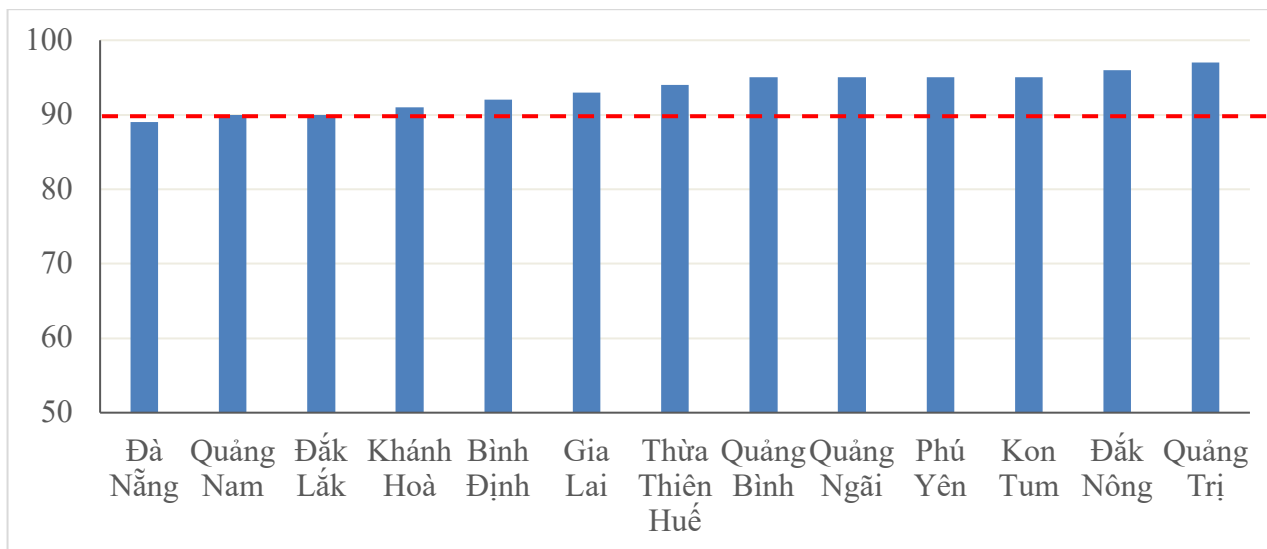


Biểu đồ 8. Tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát tại các tỉnh khu vực miền Bắc trong 9 tháng đầu năm 2022

Khu vực miền Trung:

Tỷ lệ điều trị thành công lô bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát trong 9 tháng đầu năm 2022 khu vực miền Trung đạt 92,9%, đạt chỉ tiêu của WHO và của QTC cho lô bệnh nhân năm 2022, tuy nhiên tỷ lệ này thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (95,1%). Số lượng bệnh nhân được đánh giá của năm 2022 cao hơn cùng kỳ so với năm 2021 (5.344 so với 3.761 bệnh nhân). Tỷ lệ điều trị khỏi là 81,5%, giảm so với cùng kỳ năm 2021 (82,3%). Tỷ lệ bệnh nhân hoàn thành điều trị giảm 1,4% (từ 12,8% xuống 11,4%) so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ không theo dõi được tăng từ 1,4% lên 3,6% (**Bảng 10 – Phụ lục 1**).

Kết quả điều trị lô bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát trong 9 tháng đầu năm 2022 khu vực miền Trung chỉ Đà Nẵng là thành phố duy nhất tỷ lệ điều trị thành công dưới 90% (89%). Nguyên nhân tỷ lệ điều trị khỏi thấp ở Đà Nẵng là do tỷ lệ không theo dõi được tương đối đáng lưu ý, ở mức 7%. Quảng Trị đạt tỷ lệ điều trị thành công cao nhất tại khu vực này (97%).

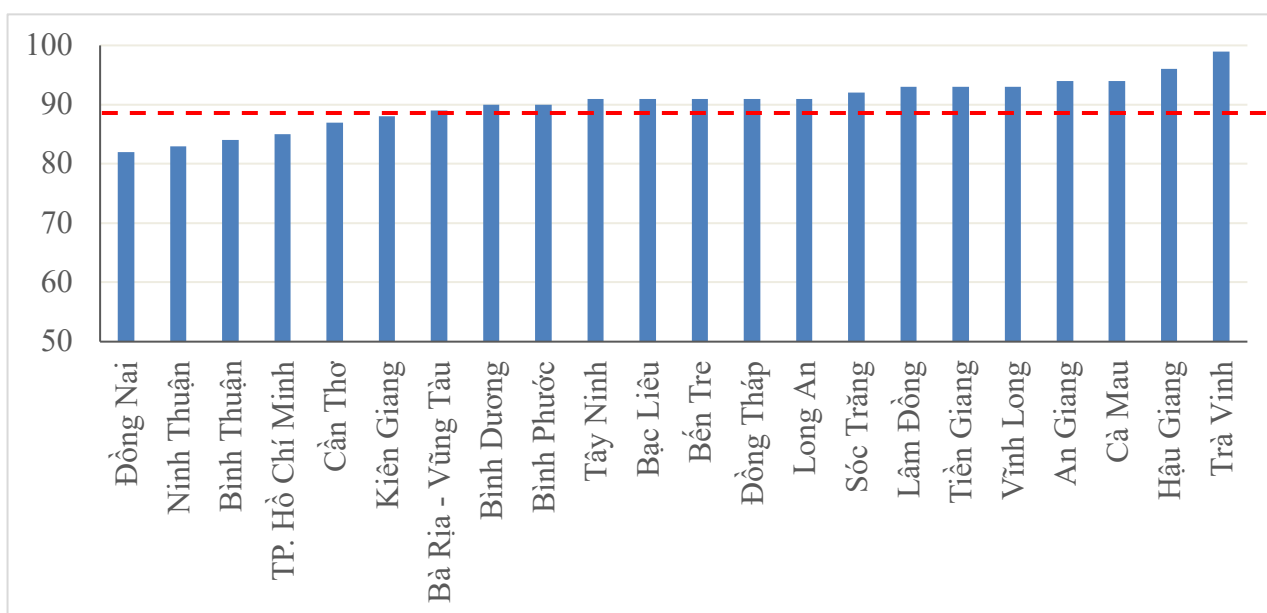


Biểu đồ 9. Tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát tại các tỉnh khu vực miền Trung trong 6 tháng đầu năm 2022

Khu vực miền Nam:

Tỷ lệ điều trị thành công lô bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát trong 9 tháng đầu năm 2022 khu vực miền Nam đạt 89,6%, thấp hơn chỉ tiêu của WHO và của QTC cho lô bệnh nhân năm 2022. Tỷ lệ này thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (90,8%). Tỷ lệ điều trị khỏi là 81%, theo xu hướng chung của toàn quốc cũng tăng lên và phục hồi so với cùng kỳ năm 2021 là 77,4%. Tương tự, tỷ lệ hoàn thành điều trị cũng giảm từ 13,5% xuống 8,6% so với cùng kỳ năm trước. (**Bảng 11 – Phụ lục 1**).

Khu vực miền Nam có 7/22 tỉnh có tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát dưới 90% là Đồng Nai (82%), Ninh Thuận (83%), Bình Thuận (84%), TP.HCM (85%), Cần Thơ (87%). Kiên Giang (88%) và Vũng Tàu (89%). Bình Thuận, Đồng Nai và Ninh Thuận có tỷ lệ không theo dõi được đáng lưu ý. Kiên Giang và Long An có tỷ lệ chết là 5% và 6%. Tỉnh Trà Vinh đạt tỷ lệ điều trị cao nhất tại khu vực này (99%).



Biểu đồ 10. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát tại các tỉnh khu vực miền Nam trong 9 tháng đầu năm 2022

2.2. Tỷ lệ âm hoá đờm sau giai đoạn tấn công

Tỷ lệ âm hoá đờm sau 2(3) tháng điều trị 9 tháng đầu năm 2023 là 85,2%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2022 (85,7%). Tỷ lệ âm hoá đờm sau 2(3) tháng điều trị là tương đồng ở cả 3 miền (ở mức 85,2% và 85,1%).

Tỷ lệ âm hoá ở nhóm bệnh nhân điều trị lại là 82,6%. Tỷ lệ âm hoá đờm trong bệnh nhân điều trị lại cao nhất ở khu vực miền Trung (85%) so với miền Nam (83%) và khu vực miền Bắc (79,4%). Tỷ lệ không xét nghiệm trong nhóm điều trị lại là 12,7% và cao hơn tỷ lệ này trong nhóm bệnh nhân mới (11,7%). (**Bảng 12 – Phụ lục I**)

Tóm lại: Trong lô bệnh nhân 9 tháng đầu năm 2022, nhìn chung, do ảnh hưởng của dịch COVID đã qua đi, tỷ lệ thành công trên toàn quốc vẫn được duy trì ở mức cao trên 90%, đáp ứng được chỉ tiêu của WHO, tuy nhiên vẫn thấp hơn chỉ tiêu cam kết với QTC cho lô bệnh nhân năm 2022. Tỷ lệ điều trị khỏi trên toàn quốc đã có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn chưa đạt được so với thời điểm trước COVID. Số tỉnh có tỷ lệ hoàn thành điều trị cao vẫn còn tương đối nhiều ở cả 3 miền. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát mới chỉ đạt 80,2%, thấp hơn so với năm 2020 là 84,5%. Một số tỉnh có tỷ lệ điều trị thành công cao đáng ghi nhận là Yên Bái 99%, Quảng Trị (97%) và Trà Vinh (99%). Tỷ lệ âm hóa đờm sau 2(3) tháng điều trị của bệnh nhân trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 85,2%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Việc theo dõi bệnh nhân để đảm bảo quy trình điều trị được hoàn thành và báo cáo một cách chính xác nhất vẫn cần rất nhiều nỗ lực từ các tỉnh, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi thuốc chống lao hàng đã bắt đầu được cấp phát từ nguồn BHYT.

3. Hoạt động xét nghiệm

Các hoạt động đã triển khai như đào tạo, xây dựng tài liệu, hỗ trợ kỹ thuật, lập kế hoạch chuyển kinh phí và cung ứng vật tư, trang thiết bị xét nghiệm lao, thực hiện ngoại kiểm (LQAS, panel) nhằm duy trì và tăng cường năng lực, đảm bảo chất lượng hệ thống xét nghiệm lao trên toàn quốc.

- Về xây dựng kế hoạch:

- ☐ Đầu năm 2023, CTCLQG đã xây dựng đề xuất viện trợ Quỹ toàn cầu và Kế hoạch chiến lược quốc gia Phòng chống lao (NSP) cập nhật cho giai đoạn 2024-2026 với nhiều kế hoạch và hoạt động phát triển hệ thống xét nghiệm.
- ☐ Xây dựng kế hoạch hoạt động và mua sắm: đào tạo chuyển giao kỹ thuật sản xuất bộ mẫu ngoại kiểm Xpert MTB RIF cho Philippines; đào tạo Xpert, LF LAM.
- ☐ Lập kế hoạch và xây dựng kinh phí cho việc triển khai kỹ thuật Giải trình tự gene với vi khuẩn lao với mục tiêu: (1) Cung cấp thông tin về tính kháng thuốc (thuốc hàng 1, hàng 2, PZA, Clofazimine, Linezolid) của vi khuẩn lao cho bác sĩ lâm sàng trong quá trình điều trị, có thể làm ngay từ mẫu bệnh phẩm đờm (khuyến cáo tốt với mẫu đờm soi Dương tính 2+) và mẫu chủng sau nuôi cấy; (2) Được áp dụng trong nghiên cứu

định danh dòng; (3) Giám sát dịch tễ với lao kháng thuốc và phân tích cơ chế lây truyền bùng phát lao trong cộng đồng

- **Về xây dựng, cập nhật tài liệu:**

- ☐ Chính sửa mẫu phiếu XN năm 2023 và đã được Ban điều hành CTCLQG phê duyệt và ban hành, sử dụng trên toàn quốc.
- ☐ Cập nhật và chỉnh sửa quy trình, tài liệu đào tạo triển khai Xpert-XDR, LF LAM và các quy trình kỹ thuật khác
- ☐ Tham gia cập nhật QĐ 1314 về hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh lao, lao kháng thuốc
- ☐ Tham gia xây dựng tài liệu về Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị nấm phổi mạn tính

- **Hoạt động cung ứng phân phối:**

- ☐ Tiếp tục duy trì các hoạt động cung ứng và phân phối, đảm bảo hoạt động chẩn đoán tại các đơn vị: Xpert MTB/RIF, Xpert MTB/XDR, Truenat

- **Hoạt động tập huấn, đào tạo:**

- ☐ Tập huấn về kỹ thuật GeneXpert tại Thanh Hóa cho 6 trại giam và cho các điểm máy GeneXpert mới
- ☐ Lập kế hoạch tập huấn IPC cho các đơn vị tại Hà Nội và Hải Phòng
- ☐ Tập huấn 3 lớp LF LAM cho các đơn vị CDC quản lý bệnh nhân nhiễm HIV, phổi hợp cùng Cục phòng chống HIV/AIDS
- ☐ Tập huấn về TST trong chuỗi các lớp đào tạo về Lao tiềm ẩn
- ☐ Tập huấn kháng sinh đồ thuốc mới cho 4 Phòng xét nghiệm nhưng hiện tại chỉ triển khai được tại BVPTW do khó khăn mua sinh phẩm làm kháng sinh đồ thuốc mới qua GDF, hiện tại đã có nguồn cung cấp miễn phí cho 2/4 thuốc thông qua sự giới thiệu của đối tác USAID và tìm được nguồn mua cho 2 thuốc còn lại.

- **Hoạt động ngoại kiểm:**

- ☐ Kiểm định LQAS cho tuyến tỉnh
- ☐ Thực hiện kiểm định HQ và Zn theo định kỳ
- ☐ Thực hiện ngoại kiểm Xpert vòng 1, ngoại kiểm Kháng sinh đồ và LPA cho các đơn vị
- ☐ Ngoại kiểm vòng 1 cho các nước như Papa New Guinea, Bangladesh, Philippines, hiện tại đang tiếp tục chuyển giao kỹ thuật sản xuất bộ mẫu cho Philippine, một đất nước có 600 điểm máy nên rất cần triển khai hoạt động ngoại kiểm trong nước nhằm đảm bảo tính bền vững.
- ☐ Giám sát tại chỗ cho xét nghiệm nuôi cấy lao

- **Một số hoạt động khác:**

- ☐ Tổ chức buổi Webinar online với 4 nước Philippines, Laos, Bangladesh và Papa New Guinea về triển khai CTNK khu vực năm 2023, thu hút được sự quan tâm của các đơn vị.

- Phối hợp với các đối tác để triển khai các hoạt động xét nghiệm của chương trình: đánh giá phần mềm kết nối dữ liệu xét nghiệm, đưa ra khuyến cáo với phần mềm có các tính năng ưu thế cho việc triển khai sử dụng; họp báo cáo kết quả Phase II của phần mềm DNO; phối hợp với cục HIV/ AIDS để triển khai xét nghiệm LF-LAM.
- Tiếp tục duy trì hoạt động thu thập số liệu, báo cáo: các loại xét nghiệm soi kính, nuôi cấy, GeneXpert, LPA 1-2, DST 1-2; báo cáo số liệu cho QTC, WHO; báo cáo số liệu cho Dự án IDDS nguồn FHI 360.
- Tiến hành đánh giá loại mẫu bệnh phẩm dịch hút tỵ hầu với XN Xpert MTB/RIF với bệnh nhân nhi thấy kết quả rất khả quan với tỷ lệ phù hợp với loại mẫu bệnh phẩm thường quy > 90%
- Hoàn thành giai đoạn cuối của Dự án Tối ưu hóa mạng lưới chẩn đoán lao tại Việt Nam_DNO, phối hợp cùng tổ chức FIND, đưa ra được mô hình phù hợp trong giai đoạn hiện tại.
- Phối hợp với Tổ chức FIND xây dựng và tiến hành thí điểm với phần mềm theo dõi vận chuyển mẫu TB Xpress, đảm bảo mẫu được theo dõi và giám sát trong suốt quá trình từ khi chỉ định đến khi kết quả đến tay bác sĩ chỉ định xét nghiệm; có kết quả bước đầu rất tốt và được sự ghi nhận cao của các đơn vị tham gia thí điểm.

4. Hoạt động giám sát – quản lý thông tin chương trình Chống lao

4.1. Hoạt động giám sát

❖ Các hoạt động đã triển khai:

- Cập nhật tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao (hướng dẫn quốc gia) đã hoàn thành và trình Bộ Y tế phê duyệt.
- Cập nhật hệ thống sổ sách báo cáo CTCLQG: đang hoàn thiện bản cuối.
- Xây dựng kế hoạch triển khai giám sát của tuyến trung ương tại các tỉnh, giám sát các đối tác của dự án, giám sát chuyên đề PMDT phối hợp với giám sát khác (nguồn QTC).
- Chuyển kinh phí nguồn QTC để triển khai giám sát vùng Đông Nam Bộ và vùng Tây Nam Bộ, vùng Nam Trung Bộ, vùng Bắc Trung Bộ và Tây Bắc.
- Triển khai thực hiện giám sát thường quy nguồn QTC từ Trung ương – tỉnh: 80 chuyên giám sát tỉnh trong toàn quốc.
- Triển khai giám sát từ tuyến tỉnh – huyện để củng cố mạng lưới CTCLQG sau dịch - nguồn TIFA: 923 chuyên giám sát tuyến huyện trong toàn quốc.
- Ngoài ra còn triển khai nhiều chuyên giám sát của Ban điều hành CTCLQG, giám sát chuyên đề chuyên môn sâu, giám sát quản lý tài chính, giám sát kiểm toán nội bộ....

❖ Các vấn đề phát hiện:

a/ Về tổ chức mạng lưới:

- Về nhân lực chống lao các tuyến đa số vẫn đảm bảo vận hành chương trình chống lao các tuyến, tuy nhiên nhân lực chống lao vẫn còn thiếu cục bộ tại một số điểm và thời gian nhất định do thay đổi luân chuyển cán bộ, như: thiếu nhân lực chống lao tuyến huyện cho cấp phát thuốc lao BHYT (An Giang), nhân lực chống lao tuyến xã thiếu và hay thay đổi (Bình Dương, Ninh Thuận, Điện Biên, Hà Nội, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Tiền Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc), cán bộ chống lao kiêm nhiệm nhiều việc khác (Đồng Tháp, Quảng Ninh, Sơn La, Thanh Hóa, Hải Phòng), rất thiếu nhân lực cho chỉ đạo CTCL của tuyến tỉnh (Đồng Nai, Kiên Giang).
- Sự phối hợp giữa TTYT và BVĐK huyện trong việc quản lý người bệnh lao từ huyện về xã quản lý điều trị tại các huyện có TTYT và BVĐK huyện tách riêng còn chưa tốt (Quảng Bình, Thanh Hóa...).
- Sự phối hợp giữa khoa khám bệnh và Tổ chống lao huyện còn hạn chế (An Giang, Sơn La, Hải Phòng...)
- Một số TTYT tuyến huyện chưa giao ban hàng tháng với tuyến xã (An Giang)
- Tuyến huyện chưa giám sát thường xuyên tuyến xã (Ninh Thuận, Gia Lai, Đồng Tháp, Ninh Bình, Quảng Ninh, Sơn La).
- Tuyến cơ sở đã lâu chưa được tập huấn lại về chuyên môn (Quảng Ngãi và nhiều tỉnh khác).
- Hệ thống y tế thôn bản bị cắt giảm nên ảnh hưởng đến công tác phát hiện, quản lý người bệnh lao tại cộng đồng (Quảng Ninh).
- Phối hợp y tế công tư chưa được chú trọng (Trà Vinh và nhiều tỉnh khác).
- Một số TTYT một chức năng không thực hiện được khám chữa bệnh cho người bệnh lao gây khó khăn cho người bệnh (Trà Vinh).

b/ Về phát hiện – thu nhận người bệnh lao:

- Công tác phát hiện thu nhận người bệnh lao đã được phục hồi tại các tỉnh tương đương trước dịch, tuy nhiên tại một số huyện, trong một thời điểm nhất định tình hình phát hiện còn thấp so với chỉ tiêu và kế hoạch được giao, các tỉnh đã được đôn đốc nhắc nhở trong các chuyến giám sát.
- Hoạt động sàng lọc chủ động bệnh lao tại cộng đồng đã được triển khai tương đối rộng tại các tỉnh trong toàn quốc đã góp phần làm tăng phát hiện bệnh nhân lao, góp phần phục hồi phát hiện bệnh nhân lao sau dịch, tuy nhiên công tác sàng lọc chủ động tại cộng đồng cần tăng cường hiệu quả hơn qua điều tra kỹ, đúng và đủ đối tượng được sàng lọc, tránh sàng lọc tràn lan hiệu quả quá thấp tại một số điểm.
- Công tác sàng lọc thường quy để phát hiện bệnh nhân lao tại các cơ sở y tế đa khoa ngoài chương trình chống lao (khoa khám bệnh Trung tâm y tế huyện, BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi tỉnh...) còn thấp, các bác sỹ có phản xạ sàng lọc lao trong thực hành khám chữa bệnh hàng ngày thấp.
- Xét nghiệm đờm phát hiện bệnh nhân lao còn rất thấp tại nhiều huyện của một số tỉnh.

- Sàng lọc lao tiềm ẩn cho người tiếp xúc chưa thực hiện thường xuyên tại nhiều tỉnh.

c/ Về quản lý điều trị người bệnh lao:

Công tác quản lý người bệnh lao nói chung đã thực hiện tốt theo hướng dẫn của chương trình. Tỷ lệ điều trị thành công, tỷ lệ khỏi đa số các tỉnh đã đạt yêu cầu của của chương trình đề ra. Tuy nhiên vẫn còn 1 số vấn đề về quản lý bệnh nhân còn xảy ra cục bộ như sau:

- Người bệnh lao kháng thuốc chưa được tái khám, theo dõi đầy đủ xảy ra tại một số điểm của một số tỉnh, có vài trường hợp người bệnh lao nhạy cảm chưa được xét nghiệm theo dõi đầy đủ (Cao Bằng, Hà Giang, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc...).
- Hoạt động giám sát chưa được thực hiện thường xuyên do thiếu kinh phí (tại Bắc Cạn, Gia Lai và nhiều tỉnh khác)
- Cập nhật ca bệnh, ghi chép hồ sơ sổ sách tại một số huyện chưa đảm bảo (Bắc Cạn, Bình Dương, Quảng Trị, Sơn La, Thanh Hóa, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc), hồ sơ quản lý người bệnh lao phải bổ sung thêm phần khám BHYT nên hồ sơ và báo cáo nhiều hơn trước đây (Đồng Tháp).
- Ghi chép sổ sách báo cáo tại tuyến xã phường chưa đầy đủ (An Giang, Bắc Giang).
- Điều trị dự phòng INH cho trẻ tiếp xúc còn thấp (Bạc Liêu...), tỷ lệ đồng ý điều trị lao tiềm ẩn còn thấp (Ninh Thuận, Quảng Ninh...).
- Cấp thuốc BHYT cho người bệnh lao có nơi thực hiện tại xã, có nơi thực hiện tại huyện cho nên công tác quản lý điều trị người bệnh lao của tuyến xã gặp khó khăn, trạm y tế xã không có thông tin người bệnh để quản lý, giám sát người bệnh tại xã (Cần Thơ, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa...), một số xã chưa cấp phát thuốc lao BHYT tại xã (Bình Dương), người bệnh lao phải đến TTYT huyện nhận thuốc lao (Cần Thơ), chưa triển khai cấp thuốc lao nguồn BHYT về Trạm Y tế xã (Quảng Bình), nhiều xã chưa cấp phát thuốc cho người bệnh lao tại xã (Thái Bình, Thanh Hóa).
- Cấp phát thuốc lao tại huyện có một số khó khăn: người bệnh chờ để nhận thuốc lâu, ngày lễ hoặc ngày nghỉ cuối tuần người bệnh không thể nhận thuốc như cấp phát thuốc linh động ở tuyến xã (Cần Thơ), Cấp thuốc lao BHYT tại tuyến huyện không cấp qua Trạm Y tế người bệnh mất nhiều thời gian đi lĩnh thuốc, sinh ra tâm lý chán nản, mệt mỏi. Người bệnh mang thuốc về điều trị không qua Trạm y tế xã, không phối hợp và hợp tác với Trạm Y tế xã trong quản lý điều trị (Đồng Nai, Quảng Ninh, Thanh Hóa).
- Chưa quản lý theo dõi tái phát người bệnh lao kháng thuốc sau hoàn thành điều trị 24 tháng (Phú Thọ).
- Người bệnh lao không có thẻ BHYT hoặc chưa BHYT chưa có hiệu lực không được cấp thuốc miễn phí - ảnh hưởng công tác quản lý điều trị người bệnh (Ninh Thuận), người bệnh lao không có thẻ BHYT phải mua thuốc ngoài (Đồng Nai), người bệnh lao

không có thẻ BHYT không có thuốc sử dụng và có tiền cũng không mua được thuốc do thị trường không có sẵn thuốc (Hà Nội), một số người bệnh lao không có thẻ BHYT khó tiếp cận với thuốc điều trị lao (Thanh Hóa).

- Một số huyện có tỷ lệ bỏ trị cao (Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh)

d/ Về cung ứng thuốc chống lao, vật tư, trang thiết bị:

Về cơ bản hoạt động cấp phát thuốc lao qua BHYT đã được thực hiện, vận hành tương đối tốt tại các tỉnh. Tuy nhiên một số vấn đề nhỏ về cung ứng vẫn xảy ra cục bộ ở một số điểm và thời gian nhất định:

- Thiếu thuốc lao cục bộ do đứt gãy chuỗi cung ứng: chưa thanh toán hợp đồng, hợp đồng quá hạn, người bệnh chưa có thẻ BHYT, thẻ hết hạn, chờ thẻ BHYT... (Quảng Bình)
- Máy GeneXpert tại một số huyện hỏng 1 Module (An Giang), nhiều kính hiển vi và tủ ATSH bị hỏng hoặc lâu chưa được bảo dưỡng ảnh hưởng tới chất lượng xét nghiệm (Đồng Nai), kính hiển vi quá cũ không đảm bảo chất lượng (Hà Nội), thiếu kính hiển vi (Quảng Bình), kính hiển vi cũ hoặc hỏng tại nhiều huyện (Quảng Ninh, Hà Nội).
- Thiếu vật tư, hóa chất cho xét nghiệm lao (Bắc Cạn, Hà Nội, Kon Tum, Quảng Bình, Thanh Hóa), thiếu hóa chất cho xét nghiệm đờm (Điện Biên), hóa chất vật tư tiêu hao tại huyện còn rất ít tại thời điểm giám sát do khó khăn trong công tác đấu thầu (Quảng Ninh), tại Trại giam đã hết hóa chất vật tư tiêu hao cho xét nghiệm trong khi trại giam không có kinh phí mua hóa chất vật tư tiêu hao (Quảng Ninh).
- Thiếu sinh phẩm cho xét nghiệm phát hiện lao tiềm ẩn do CTCLQG chưa cung ứng đủ (Bắc Cạn)
- Thuốc chống lao hàng 1 nguồn NSNN còn tồn nhiều do không đủ đối tượng sử dụng phù hợp theo hướng dẫn (tại Bắc Cạn, Thanh Hóa), thuốc chống cận hạn còn tồn nhiều (7 huyện của tỉnh Bạc Liêu, một số quận của Đà Nẵng), hoặc cận hạn, hết hạn chưa có hướng xử lý (Thanh Hóa), thuốc PZA cận hạn nguồn QTC (TP Hồ Chí Minh).

e/ Về các vấn đề khác:

- Chưa thanh toán được xét nghiệm đờm soi trực tiếp tại một số huyện do chưa thực hiện đầy đủ thông tư 36: xét nghiệm viên chưa có chứng chỉ vi sinh (Đồng Tháp, Ninh Bình), nhiều nhân sự xét nghiệm chưa được tập huấn (TP Hồ Chí Minh).
- Thiếu chứng chỉ về lao với cán bộ chống lao các tuyến (Quảng Nam)
- Hoạt động truyền thông hạn chế tại nhiều tỉnh do thiếu kinh phí.
- Một số huyện chưa hoàn thiện hợp đồng với BHXH, một số huyện chưa ký đầy đủ hợp đồng với nhà thầu cung ứng thuốc lao (Tuyên Quang).
- Nhiều huyện chưa nắm chắc về hướng dẫn cấp phát thuốc lao nguồn BHYT (Yên Bái).

❖ **Kiến nghị, đề xuất từ địa phương:**

a) Về triển khai các hoạt động và kinh phí triển khai các hoạt động CTCL tại tỉnh:

- Kiến nghị CTCLQG cấp kinh phí hàng năm cho giám sát của tuyến tỉnh và tuyến huyện xuống tuyến dưới (Bắc Giang, Nam Định, Phú Thọ, Bạc Liêu, Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Thuận, Gia Lai, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hậu Giang, Lai Châu, Long An, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Thái Bình, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái)
- Tập huấn về quản lý chương trình cho tuyến huyện, tuyến xã (Quảng Ngãi, Phú Thọ, Bắc Giang, Bình Phước, Hà Nam, Nghệ An, Quảng Bình, Thái Bình, Quảng Trị, Đồng Tháp...)
- Duy trì hỗ trợ nguồn kinh phí của CTCLQG cho phát hiện lao tại cộng đồng (chiến lược 2X) (Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bình Phước, Hà Nam, Lai Châu, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Bình, Quảng Trị, Sóc Trăng, Thanh Hóa, Yên Bái, Đồng Nai...)
- Hỗ trợ triển khai hoạt động lao tiềm ẩn tại tỉnh (Bạc Liêu)
- Cấp kinh phí cho hoạt động truyền thông (Thanh Hóa, Yên Bái)
- Đề xuất triển khai hoạt động lao tiềm ẩn tại Bạc Liêu.
- Bảng chấm điểm đánh giá: thêm chỉ tiêu xét nghiệm đờm phát hiện, chỉ tiêu thu nhận chia điểm trừ theo các mức độ khác nhau (Bến Tre, Cà Mau)
- Hướng dẫn mức chi các hoạt động chống lao khi thông tư của Bộ Tài chính hết hiệu lực (Gia Lai).
- CTCLQG can thiệp với Sở Y tế tỉnh sớm cho phép Trạm chống lao tỉnh tham gia chẩn đoán lao song song với BVĐK tỉnh (Phú Yên).

b) Về cung ứng vật tư, trang thiết bị:

- Cung ứng đầy đủ vật tư, hóa chất, sinh phẩm để tăng cường phát hiện lao, lao tiềm ẩn (Hà Nội, Bắc Cạn), Cung ứng hóa chất xét nghiệm đờm trực tiếp cho tỉnh Điện Biên do số lượng quá ít để hợp đồng với nhà thầu cung ứng (Điện Biên)
- Cung cấp kính hiển vi mới để cấp cho các điểm kính tuyến huyện có kính hiển vi quá cũ (Hà Nội).
- Cung cấp thêm máy GeneXpert cho tuyến huyện (Quảng Nam)
- Cung ứng đầy đủ tài liệu truyền thông: Áp phích, tờ rơi (Hải Phòng)
- Cấp máy Xquang di động để thực hiện khám sàng lọc lao tại cộng đồng (Lai Châu)

c) Về cung ứng thuốc lao và triển khai cung ứng qua nguồn BHYT:

- CTCLQG cần có một lượng thuốc dự trữ nhất định (không thuộc nguồn NSNN) để cấp cho người bệnh lao trong giai đoạn chờ chưa có thẻ bảo hiểm y tế, bệnh nhân lao trong trại giam, tạm giam (Hà Nội, Bình Phước, Gia Lai).

- Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho người bệnh không có thẻ (Ninh Thuận)
- Cung ứng đầy đủ vật tư, hóa chất, sinh phẩm cho khám phát hiện, quản lý điều trị lao, lao tiềm ẩn, lao kháng thuốc (Hải Phòng, Bắc Cạn, Hà Nội, Hà Tĩnh), đặc biệt với những tỉnh gặp khó khăn trong đấu thầu mua vật tư, hóa chất xét nghiệm để đảm bảo duy trì công tác sàng lọc xét nghiệm người bệnh lao trong tỉnh (Tuyên Quang).
- Hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở y tế đa khoa tham gia khám, chữa bệnh lao (Quảng Bình, Quảng Trị)
- Cung ứng thêm máy GeneXpert cho huyện có đông bệnh nhân lao (Quảng Nam)
- Hướng dẫn sử dụng thuốc lao và thanh toán thuốc lao nguồn NSNN để tránh lãng phí nguồn thuốc này (Quảng Nam), đặc biệt sử dụng thuốc lao nguồn NSNN có hạn sử dụng ngắn cho bệnh nhân lao không có thẻ BHYT (Thanh Hóa).
- Điều chuyển thuốc chống lao hàng 1 nguồn NSNN còn tồn nhiều tại tỉnh cho tỉnh khác để tránh hết hạn sử dụng (Bắc Cạn đề xuất với CTCLQG).
- Đề xuất với BHYT thanh toán tiền công khám bệnh cho cơ sở y tế tuyến huyện và xã khi mỗi lần người bệnh lao đến tái khám và được cấp phát thuốc điều trị (Ninh Bình).
- Cần triển khai cấp thuốc lao BHYT tại tuyến xã (Quảng Ngãi, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình).

❖ **Kết quả chấm điểm đánh giá tổng thể hoạt động CTCL tuyến huyện trong toàn quốc – nguồn TIFA:**

- Tổng số lần chấm điểm: 881 lần chấm điểm đánh giá
- Trong đó, kết quả đạt loại:
 - Tốt (85-100 điểm): 450/881 (51,1%)
 - Khá (70-84 điểm): 358 /881 (40,6%)
 - Trung bình (55-69 điểm): 67/881 (7,6%)
 - Yếu (40-54 điểm): 6/881 (0,7%)
 - Kém (dưới 40 điểm): 0/881 (0,0%)

4.2. Hoạt động Công nghệ thông tin – Quản lý dữ liệu

Các hoạt động đã triển khai:

❖ **Các hoạt động thường qui:**

- Đảm bảo tốc độ truy cập của VITIMES được duy trì ổn định; Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, theo dõi chất lượng nhập liệu ca bệnh trên VITIMES.
- Hỗ trợ kỹ thuật từ xa cho các địa phương về sử dụng phần mềm VITIMES và các cách xử lý các lỗi kỹ thuật phần mềm qua điện thoại, email, TeamViewer
- Hỗ trợ các đơn vị kỹ thuật và tuyến dưới tham dự các cuộc họp, đào tạo trực tuyến qua Zoom

- Hoạt động thuê máy chủ thường xuyên, bảo trì, bảo dưỡng phần mềm và phần cứng được đảm bảo.

❖ **Hoạt động chuyên môn:**

- Phối hợp với tổ chức FHI 360 đã hoàn thiện việc nâng cấp hệ thống VITIMES bao gồm các phân hệ Lao nhạy cảm, Lao kháng thuốc và Lao tiềm ẩn (ngày 30/11/2023 đã tổ chức lễ ra mắt hệ thống).
- Chuyển kinh phí tin nhắn hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao, kinh phí hỗ trợ thuê bao Internet cho các đơn vị triển khai VITIMES, kinh phí Ghi chép và báo cáo định kỳ và đảm bảo chất lượng số liệu (tuyến TƯ và tuyến tỉnh).

5. Hoạt động vận động chính sách - truyền thông - huy động xã hội (ACSM)

Trong năm 2023, hoạt động vận động chính sách - truyền thông - huy động xã hội đã được triển khai và đạt nhiều kết quả tích cực, cụ thể như sau:

- Thăm hỏi và chúc tết các phóng viên báo chí đã có nhiều đóng góp trong công tác truyền thông phòng chống lao năm 2022. Lần đầu tiên tổ chức gặp mặt và tri ân gần 80 phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí, truyền hình Nhân dịp kỷ niệm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam. Xây dựng và phát triển quan hệ báo chí với gần 200 đầu báo và truyền hình.
- Phối hợp truyền thông trên báo chí các bài viết về công tác chống lao nhân dịp Tết Nguyên đán 2023: “Sóng ngầm bệnh lao Việt Nam đòi mặt nguy cơ bùng phát”; “Chúng tôi có niềm tin chấm dứt bệnh lao”; “Bệnh lao ở trẻ em – Hãy bảo vệ ngay trong gia đình”. Truyền thông về CTCLQG phối hợp với Dự án USAID Hỗ trợ Chấm dứt Bệnh lao phát hiện người mắc lao và lao tiềm ẩn; Truyền thông về việc phát hành sách “Hướng dẫn triển khai hoạt động phát hiện bệnh lao và lao tiềm ẩn áp dụng chiến lược 2X” ra toàn quốc.
- Sự kiện hưởng ứng “Ngày thế giới phòng chống lao 24/3/2023”:
 - Phối hợp với CTCLQG hướng dẫn tỉnh, thành phố, các đơn vị liên quan tổ chức Chiến dịch truyền thông nhân Ngày Thế giới phòng, chống lao 24/3/2023.
 - Phối hợp với Hãng phim tài liệu và Khoa học Trung ương sản xuất phóng sự “Chấm dứt bệnh lao vì sức khỏe Việt Nam”.
 - Viết thông cáo báo chí, lên danh sách và mời phóng viên tham dự sự kiện; xây dựng nội dung, thiết kế, lắp đặt các ấn phẩm truyền thông 24/3: banner, banner ngang và dọc, backdrop, photobooth, standee, tờ rơi, poster.
 - Thực hiện kêu gọi tài trợ sự kiện; livestream trực tiếp về sự kiện hưởng ứng Ngày Thế giới phòng, chống lao 24/3/2023.
 - Xây dựng nội dung, kịch bản và phối hợp làm talkshow trên VTV2 “Công tác phòng chống lao sau đại dịch”; trên truyền hình Thông tấn xã Việt Nam “Lao kháng thuốc – Hệ lụy khó lường”.

- Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về sự kiện hưởng ứng “Ngày thế giới phòng chống lao 24/3/2023” trên truyền hình, báo chí với tổng số 52 tin bài.
- Liên hệ với các nhà mạng về việc hỗ trợ tin nhắn ủng hộ Quỹ PASTB. Viettel, Vinaphone hỗ trợ tổng 22 triệu tin nhắn. Phối hợp truyền thông, vận động nhắn tin ủng hộ Quỹ PASTB với tổng số tin nhắn là 47.155, tương ứng với số tiền 943.100.000 đồng.
- Truyền thông về tài liệu “Hình ảnh nghi lao trên phim XQ ngực” đã được phát hành.
- Truyền thông về Hội thảo đánh giá triển khai hoạt động phát hiện chủ động lao tại huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đăng tải 02 tin truyền hình và 01 tin nội bộ.
- Phối hợp thực hiện tổ chức sự kiện, viết thông cáo báo chí, chụp ảnh, đưa tin bài truyền thông Hội thảo “Đừng chậm trễ: Chiến thắng bệnh lao với xét nghiệm sinh học phân tử nhanh” và đăng tải 02 tin nội bộ, 03 tin truyền hình, 07 báo điện tử, 01 tin phát thanh.
- Phối hợp tổ chức thực hiện, thiết kế ấn phẩm, xây dựng thông cáo báo chí và truyền thông Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm CTCLQG tại tỉnh Nghệ An; Truyền thông vai trò của hệ thống Y tế cơ sở trong công tác phòng chống lao; Tham gia công tác truyền thông về Hội nghị tổng kết hoạt động phát hiện bệnh lao/lao tiềm ẩn giai đoạn 2020-2023 tại An Giang.
- Truyền thông hội thảo Tổng kết Dự án “Sàng lọc lao, COVID-19 và một số bệnh nhiễm trùng đường hô hấp phổ biến ở tuyến y tế cơ sở (YTCS) tại Việt nam”.
- Tham gia xây dựng và được phê duyệt Dự án TCG4 đẩy mạnh truyền thông, giáo dục sức khỏe về bệnh lao tại 10 tỉnh của Việt Nam.
- Phối hợp với báo VTC News, Đại Đoàn Kết thực hiện loạt bài viết truyền thông về Bệnh viện và CTCLQG; Phối hợp với phóng viên, Đài truyền hình Việt Nam, báo Pháp luật Việt Nam thực hiện bài viết truyền thông về lao phổi trong độ tuổi học sinh, sinh viên và đăng tải trên 06 tin báo chí, 01 phóng sự truyền hình.
- Truyền thông về sự kiện ban lãnh đạo Bệnh viện tham dự Hội nghị Quốc tế tại Hoa Kỳ cùng cam kết Việt Nam thúc đẩy tiến trình phát triển vaccine phòng ngừa bệnh lao, đăng tải 02 trên website, Fanpage Bệnh viện, 06 tin bài báo chí; Phối hợp với VTV1 thực hiện phóng sự cảnh báo về bệnh lao ngoài phổi phát trên VTV1 bản tin 17h ngày 12/10/2023; Truyền thông công tác sàng lọc lao tại cộng đồng, đăng tải các video quá trình thực hiện khám sàng lọc tại cộng đồng; Truyền thông về chuyển giao kỹ thuật Kháng sinh đồ vi khuẩn lao tại Bệnh viện Phổi Đắc Lắc;
- Tham gia sự kiện, chuẩn bị nội dung thông cáo báo chí, phát biểu lãnh đạo, chụp ảnh, đưa tin bài truyền thông, phối hợp xây dựng phóng sự Hội thảo ra mắt hệ thống giám sát và quản lý thông tin VITIMES.
- Truyền thông về sự kiện đoàn đại biểu từ Việt Nam đóng góp nhiều nghiên cứu có giá trị, thể hiện cam kết của nước ta đối với các đối mới phục vụ sức khỏe toàn cầu tại Hội

ngộ Lao và bệnh Phổi toàn cầu 2023 và đăng tải trên 08 tin bài trên báo chí báo chí, website, fanpage Bệnh viện/CTCLQG.

- Thực hiện phối hợp triển khai xây dựng nội dung, thiết kế giao diện mới website Chương trình Chống lao Quốc gia.
- Bám sát những hoạt động của CTCLQG để đưa tin, truyền thông trên các kênh truyền thông nội bộ, báo chí, truyền hình, cụ thể:
 - Phối hợp sản xuất 03 talkshow truyền hình, 20 phóng sự trên Đài truyền hình Việt Nam, Truyền hình Thông tấn xã Việt Nam và các kênh truyền hình khác truyền thông về bệnh lao...
 - Thực hiện đăng tải thông tin về bệnh viện, chương trình chống lao quốc gia, quỹ PASTB trên báo chí, truyền hình: 291 tin bài, phóng sự, tăng 51 tin so với cùng kỳ năm ngoài, tương ứng với tăng 21,25%.
 - Fanpage CTCLQG: Đã đăng tải 118 tin bài với tổng lượt thích trang hơn 22.300 lượt theo dõi với lượt truy cập và tiếp cận trung bình 2.132 lượt/tin bài.

❖ **Khó khăn**

- Nhân lực truyền thông của BVPTW và CTCLQG còn mỏng nên còn gặp khó khăn trong khi triển khai các hoạt động truyền thông.
- Kinh phí, nguồn lực dành cho hoạt động truyền thông không bền vững, phụ thuộc vào nguồn tài trợ và Ngân sách nhà nước.
- Mạng lưới truyền thông tại Bệnh viện cũng như tuyến tỉnh tuy đã được xây dựng nhưng chưa thực sự phát huy được hết thế mạnh do nhân sự còn yếu, kiêm nhiệm và nhiều tỉnh chưa chú trọng công tác truyền thông.

6. Hoạt động cung ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị

❖ **Cung ứng thuốc hàng 1, thuốc lao trẻ em, thuốc điều trị lao tiềm ẩn**

- Trong năm 2023 CTCLQG đã tích cực tham mưu cho Bộ Y tế để trình Chính phủ và các Bộ ngành chủ trương, giải pháp duy trì cung ứng thuốc chống lao hàng 1 cho các đối tượng người bệnh không có thể BHYT hoặc chưa tiếp cận được dịch vụ khám chữa bệnh BHYT, phương án xử lý đối với thuốc chống lao hàng 1 nguồn NSNN còn tồn kho. Duy trì được hoạt động cung ứng phân phối thuốc thường quy trong điều kiện chuyển đổi nguồn giữa NSNN và BHYT cũng như tác động từ những chủ trương chính sách của Chính phủ, Bộ Y tế đối với thuốc chống lao hàng 1, duy trì cung ứng đầy đủ thuốc chống lao hàng 1 cho đối tượng người bệnh không có thể BHYT và người người đang quản lý điều trị tại các cơ sở chưa tiếp cận được dịch vụ thanh toán BHYT (*Danh mục và số lượng thuốc chống lao cho bệnh nhân lao nhạy cảm, bệnh nhân lao kháng thuốc, lao trẻ em, lao tiềm ẩn trong phụ lục đính kèm*)

- Phân phối thuốc điều trị lao trẻ em, lao tiềm ẩn cho các địa phương đảm bảo đầy đủ kịp thời, điều chuyển thuốc từ các nguồn viện trợ của WHO, CDC, USAID... trong điều kiện thuốc nhập khẩu từ các nguồn viện trợ có hạn sử dụng rất ngắn.

❖ **Cung ứng thuốc hàng 2**

Hoạt động quản lý thuốc chống lao hàng 2 trong năm 2023 đã tiến hành tập trung vào những mục tiêu trọng tâm sau:

- Thực hiện rà soát tồn kho, tính toán đơn hàng (tiếp cận và chuẩn bị thuốc cho việc áp dụng khuyến cáo mới của TCYTTG ở Việt Nam từ năm 2024).
 - Đặt hàng đợt 2 kế hoạch mua thuốc năm 2022 để bổ sung lượng thuốc cần thiết và kịp nhận thuốc trong năm 2023 theo yêu cầu của nhà tài trợ QTC trong năm cuối giai đoạn. Hợp đồng trị giá: 1.663.616,70 USD.
 - Đặt hàng đợt 1 kế hoạch mua thuốc năm 2023, dự kiến tiếp nhận thuốc trong Quý 3 năm 2024. Hợp đồng trị giá: 1.664.942,03 USD
- Tiếp nhận đơn hàng mua sắm đợt 1 năm 2022 trong tháng 8 và tháng 9/2023. Chuẩn bị giấy tờ và các thủ tục cần thiết để tiếp nhận đơn hàng mua sắm từ GDF/IDA của hợp đồng 2 năm 2022.
- Phân phối và điều chuyển thuốc kịp thời (phân phối định kỳ hàng Quý và phân phối/điều chuyển bổ sung theo nhu cầu thực tế). Điều chuyển khẩn một số loại thuốc cận hạn để hạn chế tối đa lượng thuốc quá hạn, điều tiết sử dụng một số loại thuốc còn tồn số lượng ít giữa các địa phương để đảm bảo cung ứng đủ thuốc trong thời gian chờ nhập đơn hàng mới. Thực hiện một số công văn hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn, điều chỉnh một số thuốc trong phác đồ điều trị để đảm bảo hiệu quả điều trị trong thời gian chờ cung ứng thuốc bổ sung.

❖ **Cung ứng hóa chất, vật tư, trang thiết bị**

- Trong 11 tháng đầu năm, CTCLQG đã tiến hành phân phối một số lượng lớn hoá chất vật tư, trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị được mua sắm hoặc được viện trợ từ nguồn QTC và các nguồn kinh phí khác cho các đơn vị thuộc CTCLQG để đảm bảo phục vụ công tác chống lao toàn tuyến:
 - Tiếp tục phân bổ bổ sung một phần hóa chất, vật tư xét nghiệm đờm trực tiếp cho các đơn vị dựa trên lượng tồn kho còn lại của CTCLQG.
 - Phân bổ hơn 482.000 test xpert (bao gồm test MTB/RIF và test Ultra); hơn 13.000 bộ xét nghiệm bán định lượng ADN Mycobacterium tuberculosis (Bộ kit xét nghiệm Lao MTB Plus dùng cho máy Realtime PCR Truelab Duo) và 3.200 Bộ xét nghiệm định tính ADN Mycobacterium tuberculosis kháng Rifampicin (Bộ kit xét nghiệm lao kháng Rifampicin (MTB-RIF) dùng cho máy Realtime PCR Truelab Duo; hơn 215.000 ống ly tâm 50ml được phân bổ cho xét nghiệm nuôi cấy và kháng sinh đồ/LPA... và các vật tư sinh phẩm khác nguồn CDC cho hoạt động phát hiện lao tiềm ẩn.

- Phân bổ 02 máy xét nghiệm Realtime RT-PCR (Máy TrueNat); 02 hệ thống Realtime PCR (bao gồm các máy: Máy xét nghiệm sinh học phân tử; máy tách chiết acid nucleic tự động; máy chuẩn bị mẫu); 08 máy điện tim; 01 máy đo thính lực; 17 máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động (Máy Gene Xpert); 200 máy tính bảng để triển khai cập nhật thông tin về bệnh lao/covid 19; 01 máy lắc; 01 nồi hấp tiệt trùng; 01 máy nhân Gen-PCR; 01 tủ an toàn sinh học cấp 2; 01 tủ lạnh âm sâu và 03 kính hiển vi 2 mắt đèn led; 16 gói/bộ máy đọc phim X-quang lao phổi tự động; 12 Máy X-Quang kỹ thuật số và phần mềm trí tuệ nhân tạo.
- CTCLQG đã phân phối một số lượng lớn vật tư phòng chống dịch Covid-19 trong năm 2023: 189.140 chiếc khẩu trang N95 các loại; 3.186.993 chiếc khẩu trang y tế các loại; 12.920 bộ quần áo phòng chống dịch; 209 chai nước rửa tay cho các đơn vị chống lao trên toàn quốc để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid cũng như phòng chống lao.
- Cho đến cuối tháng 11/2023 CTCLQG đã tiếp nhận tổng 37.594 lọ PPD Tuberculin 2 đợt: Đợt 1 vào tháng 8/2023: 20.000 lọ và đợt 2 vào tháng 9/2023: 17.594 lọ. Để phục vụ kịp thời cho công tác sàng lọc, kế hoạch phân phối đã được chuẩn bị trước đó và hàng đã được phân bổ ngay sau khi được tiếp nhận về kho. Đến tháng 11/2023, CTCLQG đã cấp 37.400 lọ cho 58/65 tỉnh/ đơn vị có nhu cầu triển khai trên toàn tuyến.
- Tiếp tục hỗ trợ/hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tiếp nhận máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống lao trong đó đặc biệt là hoạt động phối hợp với đơn vị LAB rà soát, tiếp tục phân bổ máy Gene Xpert và hệ thống Realtime PCR cho các đơn vị.
- Rà soát và tổng hợp báo cáo nhu cầu trang thiết bị giai đoạn 2024 -2026 của CTCLQG trên toàn quốc. Đồng thời hướng dẫn địa phương căn cứ vào nhu cầu đó để rà soát và trình cấp có thẩm quyền bổ sung định mức trang thiết bị (nếu thiếu) để có căn cứ tiếp nhận trang thiết bị trong giai đoạn tới.

❖ **Hoạt động mua sắm**

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc lao hàng 1 cho đối tượng người bệnh lao không có thẻ BHYT từ nguồn viện trợ QTC và dự kiến sẽ tiếp nhận lô thuốc này trước ngày 31/12/2023.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của Bệnh viện Phổi TƯ thực hiện nhiệm vụ đơn vị đầu mối quốc gia mua sắm tập trung thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT, trong năm 2023 BVPTW-CTCLQG đã thực hiện ký kết bổ sung thỏa thuận khung, điều tiết, quản lý, theo dõi, báo cáo ... gói thầu thuốc BHYT giai đoạn 2022-2024, thực hiện tổ chức đấu thầu mua sắm gói thầu giai đoạn 2024-2025, hiện tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được Bộ Y tế phê duyệt, đang tích cực tiến hành các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu mua sắm theo quy định, cố gắng có được kết quả đấu thầu trong tháng 4/2024.

- Triển khai các hoạt động các mua sắm nguồn Quỹ toàn cầu giai đoạn 2021-2023 đã được Bộ Y tế và nhà tài trợ phê duyệt, bao gồm các hoạt động mua sắm đấu thầu trong nước và tiếp nhận hàng viện trợ nước ngoài. Tổng giá trị hàng viện trợ đã tiếp nhận trong 3 quý đầu năm 2023 khoảng 8,4 triệu USD bao gồm 600.500 sinh phẩm xét nghiệm Xpert, 140 hộp sinh phẩm LF-LAM, 352.000 ống ly tâm 50ml, bộ hiệu chuẩn máy GeneXpert, 43.950 test nhanh kháng nguyên Covid-19 (đặt hàng theo đề xuất của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương), 37.594 lọ sinh phẩm PPD, 3000 sinh phẩm chẩn đoán xác định vi khuẩn lao kháng thuốc (Xpert XDR), thuốc chống lao hàng 2. Các gói thầu mua sắm trang thiết bị trong nước năm 2022 đã hoàn thành thủ tục đấu thầu và ký hợp đồng trong 2 quý đầu năm 2023, tổng giá trị các gói thầu khoảng 2 triệu USD, bao gồm các mặt hàng: 4 máy theo dõi bệnh nhân ≥ 7 thông số, 4 máy thở chức năng cao, 4 máy truyền dịch, 4 bơm tiêm điện, 6 máy đo chức năng hô hấp, máy lắc, nồi hấp, máy nhân gen PCR, 27 Máy X-quang di động kỹ thuật số xách tay, 12 Máy X-quang kỹ thuật số và phần mềm trí tuệ nhân tạo. Trước 31/12/2023, dự án sẽ tiếp nhận các lô hàng: thuốc lao hàng 1 cho bệnh nhân không có thể BHYT (hơn 1 triệu USD), thuốc lao hàng 2, thuốc lao tiềm ẩn, thuốc lao trẻ em, 10 máy GeneXpert 10 màu 4 module, 60 máy GeneXpert 10 màu 2 module, mua bổ sung 270.000 sinh phẩm xét nghiệm xpert, sinh phẩm PPD. Các gói thầu mua sắm trong nước như: chụp phim Xquang phổi kỹ thuật số, hệ thống xe chụp X-quang kỹ thuật số lưu động, máy Xquang cố định kỹ thuật số, mua sắm trang thiết bị văn phòng, máy tính, máy in... đang được gấp rút triển khai để đảm bảo tiến độ dự án.
- Tham gia tổng hợp, xây dựng kế hoạch mua sắm của dự án Quỹ Toàn cầu giai đoạn 2024-2026 đệ trình nhà tài trợ phê duyệt với tổng giá trị mua sắm đề xuất hơn 27 triệu USD, chiếm hơn 40% tổng giá trị viện trợ của cả giai đoạn. Xây dựng kế hoạch mua sắm trình Bộ Y tế phê duyệt trong Văn kiện dự án giai đoạn 2024-2026 và kế hoạch thực hiện năm 2024.
- Triển khai hoạt động mua sắm và thực hiện thủ tục tiếp nhận hàng thuộc dự án hỗ trợ hoạt động của Chương trình chống lao quốc gia do CDC Hoa Kỳ viện trợ bao gồm tiếp nhận thuốc lao tiềm ẩn, mua sắm sinh phẩm, vật tư cho hoạt động ngoại kiểm Xpert, xét nghiệm LF-LAM, Truenat, lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán, phần mềm diệt virus, bảo trì và xây dựng bổ sung tính năng cho phần mềm ngoại kiểm ...

❖ Hoạt động khác

- Tham gia khảo sát, đánh giá khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư 36/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế, đồng thời phối hợp với các Vụ, Cục của Bộ Y tế và các đối tác kỹ thuật tiến hành các bước thực hiện kế hoạch sửa đổi bổ sung Thông tư 36, triển khai các hoạt động đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương về chuyển đổi thanh toán thuốc chống lao từ nguồn NSNN sang nguồn BHYT.
- Làm việc cùng công ty phần mềm, nhóm kỹ thuật FHI để xây dựng, điều chỉnh và thử nghiệm module quản lý thuốc/cung ứng trên phần mềm New VITIMES.

- Bên cạnh hoạt động thường quy, BVPTU – CTCLQG phối hợp với Bệnh viện Phổi tỉnh Yên Bái, TTYT Huyện Mù Cang Chải đã tổ chức khám bệnh, tư vấn và cấp thuốc miễn phí cũng như hỗ trợ một số thiết bị, vật tư thường dùng cho TYT xã Hồ Bốn.
- Trong khuôn khổ Dự án Phát triển hệ thống y tế bền vững do USAID tài trợ (LHSS) tiếp tục triển khai các hoạt động liên quan tới thanh toán thuốc lao bảo hiểm y tế (BHYT): hỗ trợ trực tiếp cho 07 tỉnh Sơn La, Hà Giang, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Quảng Bình, Long An, Cà Mau. Phối hợp với nhóm cung ứng của CTCLQG tiếp tục hỗ trợ các CSYT hoàn thành công tác kiện toàn, đáp ứng điều kiện kê đơn cấp thuốc lao BHYT; hỗ trợ giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai KCB lao qua BHYT (thanh quyết toán chi phí thuốc, quản lý sử dụng, điều tiết thuốc). Xây dựng bộ tài liệu Hỏi đáp KCB lao sử dụng nguồn quỹ BHYT gồm 130 câu hỏi được đăng tải trên website của CTCLQG. Hoàn thiện công cụ e-LMIS, mở rộng phạm vi sử dụng để lập kế hoạch, dự trù, điều tiết, quản lý và báo cáo sử dụng thuốc lao BHYT tại các đơn vị (64 tài khoản e-LMIS được cấp cho BVPTW và 63 đơn vị đầu mối phòng chống lao tuyến tỉnh, 861 CSYT, 4 công ty cung ứng thuốc). Hỗ trợ dự trù và mua sắm thuốc Lao nguồn BHYT cho năm 2024 – 2025 (4 lớp tập huấn trực tiếp và 4 lớp trực tuyến cho 63 tỉnh/TP trong tháng 5 – 6/2023. Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và vận động ngân sách cho Hà Giang, Thái Nguyên, Quảng Bình và Cà Mau. Hoàn thành khảo sát thông tin về thực trạng xây dựng và vận động ngân sách địa phương cho hoạt động chống lao tại 63 tỉnh thành trong giai đoạn 2021 – 2023, để đưa ra các khuyến nghị, hỗ trợ các tỉnh xây dựng và vận động nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động phòng chống lao giai đoạn tới. Ngoài ra dự án đã hỗ trợ cập nhật giá xét nghiệm Xpert và vận động chính sách để có cơ chế thanh toán BHYT. Hỗ trợ xây dựng gói dịch vụ y tế cơ bản tại tuyến xã cho hoạt động phòng, chống lao và ước tính chi phí KCB lao và cùng chi trả BHYT.

❖ **Khó khăn, hạn chế**

- Chuyển đổi cơ chế mua sắm thuốc chống lao từ NSNN sang BHYT, mặc dù việc chuyển đổi đã thực hiện từ 1/7/2022 nhưng các địa phương vẫn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Đến thời điểm này, vẫn còn không ít cơ sở y tế chưa kiện toàn đủ điều kiện hoặc chưa sẵn sàng cho việc triển khai thanh toán thuốc chống lao từ nguồn quỹ BHYT, nhất là việc triển khai cấp phát thuốc BHYT tại các tuyến xã phường.
- Thuốc lao trẻ em, lao tiềm ẩn cận hạn còn tồn kho nhiều (một số hết hạn) do hoạt động phát hiện, thu nhận bệnh nhân trẻ em và lao tiềm ẩn không đạt được chỉ tiêu như kế hoạch đề ra.
- Đến thời điểm này, CTCLQG vẫn chưa có được 1 phần mềm đầy đủ, thực sự hiệu quả áp dụng trong quản lý chuỗi cung ứng từ phân phối, điều tiết, thống kê, báo cáo... cơ bản các cán bộ làm công tác cung ứng từ TW đến địa phương vẫn phải thực hiện công việc trên hệ sổ sách, giấy tờ và các tool tính toán, thống kê đơn giản, tự thiết kế, thiếu chuyên nghiệp.

- Định mức trang thiết bị chưa có/ thiếu/ chưa đầy đủ tại các đơn vị là một khó khăn rất lớn đã và đang tồn tại, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động phân phối trang thiết bị của TW cho đơn vị, địa phương. Đặc biệt trong khi trang thiết bị hiện có bị hư hỏng, không sửa chữa được, chưa thanh lý được vẫn không thể phân phối bổ sung, thay thế TTB mới khi các đơn vị/ địa phương chưa được phê duyệt định mức.
- Kế hoạch hoạt động dự án hàng năm phê duyệt muộn (thường vào quý II). Do vậy, thời gian thực tế triển khai hoạt động mua sắm bị rút ngắn.
- Việc phê duyệt Giấy phép nhập khẩu ở Bộ Y tế kéo dài do sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, quy trình phê duyệt... ảnh hưởng đến tiến độ tiếp nhận hàng, hạn sử dụng của hàng hóa khi về đến Việt Nam còn lại ngắn.
- Do năm 2023 là năm cuối của dự án Quỹ Toàn cầu giai đoạn 2021-2023, theo yêu cầu của nhà tài trợ, hàng hóa viện trợ và mua sắm phải nhận trước ngày 31/12/2023. Đây là thách thức lớn đối với các hoạt động mua sắm để đảm bảo các quy định của nhà tài trợ.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN ĐẶC THÙ

1. Phát triển mở rộng mạng lưới chống lao tại khu vực khó khăn

❖ Kết quả hoạt động phát hiện chủ động tại cộng đồng – nguồn QTC

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện các thủ tục chuyên kinh phí tới 10 tỉnh/ 20 huyện triển khai các chiến dịch phát hiện chủ động, bao gồm: Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nam, Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Ngãi.
- Tổ chức 03 hội nghị triển khai hoạt động tại Lạng Sơn, Ninh Bình, Quảng Bình vào tháng 5/2023.
- 20 huyện triển khai từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2023. Do có nhiều điều chỉnh kinh phí của năm 2022 sang nên các tỉnh triển khai muộn.
- Kết quả: 10 tỉnh triển khai hoạt động theo đúng tiến độ, riêng Ninh Bình xin triển khai 02 huyện từ tháng 10/2023 do trùng nhiều việc tại tỉnh.
 - ☐ Truyền thông trực tiếp tại các điểm trước khi phát hiện chủ động.
 - ☐ Tiến hành phát hiện chủ động bằng phỏng vấn, chụp phim và xét nghiệm GeneXpert.
 - ☐ Tiếp tục thực hiện xét nghiệm GeneXpert cho tất cả bệnh nhân có phim tổn thương nghi lao tại huyện cho đến hết tháng 12/2023.
 - ☐ Đưa vào điều trị các trường hợp đủ tiêu chuẩn sau khi xét nghiệm và hội chẩn các trường hợp AFB (-) đưa vào điều trị ngay khi tiến hành xong tại mỗi điểm.
 - ☐ Số liệu phát hiện thu nhận bệnh nhân tại các điểm triển khai đã báo cáo cập nhật vào hệ thống ghi chép chung của chương trình và đến ngày 31/12/2023 mới có báo cáo số liệu cuối cùng cho hoạt động.

❖ **Kết quả chiến dịch 2X để tăng cường phát hiện bệnh nhân lao và lao tiềm ẩn tại 41 điểm/20 tỉnh**

- Địa điểm: Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bà Rịa Vũng Tàu, Ninh Thuận, Đắk Lắk.
- Tiến độ:
 - ☐ Xây dựng và phê duyệt kế hoạch từ tháng 3 - 5/2023.
 - ☐ Chuyển kinh phí cho 20 tỉnh vào tháng 5/2023.
 - ☐ Các tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai từ tháng 6 – 12/2023.
 - ☐ Các điểm triển khai xin điều chỉnh kinh phí sang các hoạt động khác nên hoạt động không theo kế hoạch ban đầu.
 - ☐ Hiện số bệnh nhân phát hiện đã báo cáo và hệ thống cập nhật trên VITIMES và chưa đến thời điểm báo cáo theo qui định cho hoạt động.

❖ **Kết quả hoạt động phát hiện chủ động & phát hiện tích cực bệnh lao tại khu vực biên giới nguồn QTC**

- Xây dựng Kế hoạch và chuyển kinh phí hoạt động sàng lọc phát hiện chủ động và phát hiện tích cực bệnh lao khu vực biên giới cho 02 tỉnh Long An và An Giang với tổng kinh phí 3.144.600.000 đồng.
- Tại Long An:
 - ☐ Hoạt động sàng lọc phát hiện chủ động bệnh lao khu vực biên giới được triển khai từ ngày 28/7 đến 9/9/2023 tại 12 xã thuộc 5 Huyện/TX vùng biên (Kiến Tường, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Thạnh Hóa và Đức Huệ).
 - ☐ Kết quả: tiến hành sàng lọc cho 6.031 người, chụp Xquang cho 6.031 người, xét nghiệm Mantoux cho 432 người. Phát hiện và đưa vào điều trị 34 bệnh nhân lao phổi; phát hiện 107 bệnh nhân lao tiềm ẩn và đưa vào điều trị 86 bệnh nhân.
- Tại Kiên Giang:
 - ☐ Hoạt động phát hiện tích cực bệnh lao cho bệnh nhân nội trú/ ngoại trú có triệu chứng bệnh phổi và bệnh nhân tiểu đường/ cao huyết áp đang được quản lý tại cơ sở y tế thuộc các huyện biên giới, gần biên giới và có dịch tễ cao được triển khai từ tháng 6-12/2023 tại 5 Huyện (Giang Thành, Hà Tiên, Kiên Lương, Gò Quao và Tân Hiệp).
 - ☐ Kết quả: Đối với các bệnh nhân nội trú/ ngoại trú có triệu chứng bệnh phổi: xét nghiệm Gene Xpert cho 298 người; phát hiện 63 bệnh nhân lao nhạy cảm, thu dung điều trị 38 bệnh nhân và phát hiện 4 bệnh nhân lao kháng thuốc, thu dung điều trị 3 bệnh nhân. Đối với các bệnh nhân tiểu đường/ cao huyết áp: Chụp Xquang cho 5.148 người, có 2.164 người có kết quả Xquang bất thường nghi lao, xét nghiệm Gene

Xpert cho 1.564 người. Phát hiện 166 bệnh nhân lao nhạy cảm, thu dung điều trị 129 bệnh nhân và phát hiện 9 bệnh nhân lao kháng thuốc, thu dung điều trị 5 bệnh nhân.

❖ **Khó khăn**

- Xây dựng kinh phí cho địa phương từ nguồn QTC và các nguồn khác triển khai hoạt động phát hiện chủ động bệnh lao tại cơ sở y tế cho nhóm nguy cơ cao có tổn thương nghi lao trên phim Xquang. Thời gian xây dựng kế hoạch chuyển kinh phí kéo dài, phải chỉnh sửa nhiều lần.
- Thiếu sinh phẩm TST trong quá trình triển khai hoạt động do quy trình mua sắm và thủ tục phê duyệt giấy phép kéo dài.
- Máy GeneXpert tại một số tỉnh bị hỏng nhiều Module nên công tác triển khai chưa diễn ra theo đúng theo kế hoạch.
- Người dân đa số chưa thấy được tầm quan trọng của hoạt động phát hiện tích cực;
- Khoảng cách từ nhà người bệnh tới cơ sở y tế còn xa nên ảnh hưởng đến việc tham gia phát hiện tích cực.

2. Hoạt động phòng chống lao trong môi trường khép kín

❖ **Kết quả hoạt động sàng lọc lao trong trại giam**

- Sàng lọc bệnh Lao cho phạm nhân mới nhập trại: Thời gian thực hiện kéo dài 12 tháng trong năm tại 54 trại giam thuộc 44 tỉnh/TP. Sàng lọc cho 48.000 phạm nhân mới từ trại tạm giam về trại giam thi hành án phạt tù bằng bộ câu hỏi ngắn, chụp phim XQ phổi, xét nghiệm GeneXpert cho các trường hợp có tổn thương nghi lao trên XQ.
- Sàng lọc Định kỳ bệnh lao cho phạm nhân 1 lần/năm: với CTCL tỉnh đã có xe ô tô XQ (29 trại giam) thì ủy quyền để CTCL tỉnh phối hợp với trại giam thực hiện. Đối với CTCL tỉnh chưa có xe ô tô XQ (25 trại giam) thì CTCL tổ chức đấu thầu tìm đơn vị cung cấp dịch vụ chụp phim XQ cho phạm nhân. Năm 2023 sàng lọc 155.000 phạm nhân đang quản lý tại 44 trại giam bằng chụp XQ ngực, xét nghiệm GeneXpert để thu nhận điều trị bệnh nhân lao. Số lượng phạm nhân sàng lọc tăng hơn so với kế hoạch ban đầu (KH là 120.000 do xây dựng từ những năm trước).
- Tổng số sàng lọc: 76.778 phạm nhân
- Số bệnh nhân mắc lao: 781 phạm nhân
- Trong đó có: 29 phạm nhân MDR

Bảng 13: Kết quả sàng lọc lao trong trại giam

TT	Trại giam	Thực hiện	XQ bất thường	BN có BCVKH	Tổng thu nhận	MDR
1	Trại Ninh Khánh	4.310	350	15	25	0
2	Trại Suối Hai	2.500	148	5	8	3
3	Trại Thanh Xuân	2.500	133	6	7	1

TT	Trại giam	Thực hiện	XQ bất thường	BN có BCVKH	Tổng thu nhận	MDR
4	Trại Nam Hà	3.068	191	12	41	1
5	Trại Nghĩa An	2.000	176	11	28	2
6	Trại Kênh 5	2.000	125	8	9	1
7	Trại Đắc Trung	629	7	2	2	
8	Trại An Điền	2.077	119	23	23	0
9	Trại Bình Điền	500	33	4	11	
10	Trại Xuyên Mộc	2.537	194	21	21	3
11	Trại 6	3.754	234	22	22	0
12	Trại Đồng Sơn	2.352	160	16	65	1
13	Trại Kênh 5	2.000	125		9	1
14	Trại Thanh Lâm	4.421	246	21	43	2
15	Trại 5	3.574	182	19	42	1
16	Trại Thanh Cẩm	2.892	152	10	34	1
17	Trại Thanh Phong	5.351	212	19	56	2
18	Trại A2	2.031	116	7	15	0
19	Trại Tân Lập	4.049	301	3	43	0
20	Trại Xuân Lộc	4.049	450	21	57	0
21	Trại Mỹ Phước	1.964	140	10	23	2
22	Trại Đồng Tháp	525		2	6	
23	Trại Thủ Đức	1.967	139	12	32	
24	Trại Hoàng Tiến	4.367	135		20	4
25	Trại Phước Hòa	2.170	138	20	32	1
26	Trại Xuân Nguyên	3.823	249	24	42	0
27	Trại 3	2.519	189	21	31	3
28	Trại Cây Cày	2.349	136	21	23	0
	Cộng	76.778	4.813	359	781	29

❖ **Kết quả hoạt động sàng lọc lao cho nhóm đối tượng uống Methadol, người trong trung tâm bảo trợ xã hội tại 10 tỉnh/TP.**

Bảng 14: Kết quả sàng lọc lao trong TTBTXH

TT	Tên tỉnh/TP	Thực hiện	XQ bất thường	BN có BCVKH	Tổng thu nhận	MDR
1	Đà Nẵng	3.779	222	18	29	1
2	Hà Nam	4.050	270	18	40	0
3	Ninh Bình	5.439	293	6	6	0
4	Vĩnh Long	4.129	449	40	83	1
5	B. Rịa - V. Tàu	652	48	6	6	0

❖ **Thuận lợi – Khó khăn**

Sàng lọc bệnh lao cho phạm nhân mới nhập trại

- Thuận lợi: Đây là hoạt động thường quy hàng năm nên cán bộ Y tế trại giam đã quen với công việc này và được sự ủng hộ từ lãnh đạo trại giam.
- Khó khăn: Nhiều trại giam chưa có máy XQuang di động, tại một số trại giam máy hỏng và chưa có kinh phí sửa chữa. CTCL tỉnh phải hỗ trợ mang máy XQuang đến trại giam chụp nên việc chụp phim không thể triển khai thường xuyên.
- Giải pháp: Đề nghị CTCLQG, Cục Y tế - Bộ Công an cấp máy XQuang di động cho các trại giam chưa có máy và kinh phí để sửa chữa máy XQuang hỏng hoặc nâng cấp máy cũ. Hiện tại, việc rửa phim thủ công gây tốn kém, lãng phí và vất vả (vì các lần chụp phim không nhiều, từ 10-20 phim/lần). Đề nghị CTCLQG cấp máy in phim cho 11 trại có máy XQ nhưng chưa cấp máy in phim (đã cấp máy XQ năm 2021).

Sàng lọc Định kỳ bệnh lao cho phạm nhân 1 lần/năm

- Thuận lợi: Đây là hoạt động thường quy hàng năm và nhận được sự ủng hộ của Cục C10, Cục Y tế - Bộ Công an nên gặp nhiều thuận lợi trong quá trình triển khai.
- Khó khăn: Các trại giam rải trong cả nước và chủ yếu đóng trên địa bàn vùng sâu, xa di chuyển khó khăn. Đối tượng phạm nhân phức tạp, không hợp tác vì vậy việc đảm bảo an ninh, an toàn cho cán bộ y tế vào làm việc luôn được Ban giám thị quan tâm. Thủ tục thầu tìm nhà cung cấp chụp phim năm 2023 mất nhiều thời gian, từ khâu trình Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch, năm 2023 tổ chức thầu vào cuối tháng 11, chỉ còn tháng 12 để triển khai hoạt động vì vậy rất gấp, thậm chí có thể không đảm bảo đúng tiến độ (vì nguồn kinh phí QTC chu kỳ này kết thúc ngày 31/12/2023).

Sàng lọc bệnh lao cho nhóm người nghiện ma túy, đái đường, người trong các trung tâm bảo trợ xã hội tại 10 tỉnh

- Đối tượng uống Methadol phức tạp, nghiện ma túy, nhiễm HIV có tỷ lệ mắc lao cao nhưng khi phát hiện ra lao khó thu nhận điều trị, hoặc bỏ trị không hợp tác
- Kiến nghị: Cần triển khai nhân rộng ra nhiều tỉnh/ thành trên cả nước, hoạt động tư vấn, cam kết trước điều trị rất quan trọng để thu nhận điều trị cả bệnh nhân lao và lao tiềm ẩn, bổ sung kinh phí hỗ trợ giám sát cho cộng tác viên, y tế thôn bản.

3. Phối hợp y tế công - tư và Thực hành tiếp cận sức khỏe phổi (PPM/PAL)

❖ Kết quả hoạt động

Nguồn Quỹ toàn cầu

- Xây dựng kế hoạch hoạt động PPM mô hình 5 giai đoạn 2024 – 2026.
- Xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí nguồn QTC năm 2023 mở rộng số tỉnh triển khai hoạt động PPM mô hình 5 (từ 10 tỉnh kế hoạch ban đầu đến hết năm 2023 lên 20 tỉnh trong đó tổ chức FIT thực hiện trực tiếp 15 tỉnh và 5 tỉnh trực tiếp triển khai).
- Xây dựng hướng dẫn chi và chuyển tiền triển khai mở rộng hoạt động PPM mô hình 5 cho 05 tỉnh (Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Quảng Ngãi và Đồng Tháp) do BV Phổi Trung ương thực hiện. Tổng số kinh phí chuyển là 5.286.000.000 đồng.
- Tham gia và hỗ trợ tổ chức FIT triển khai hoạt động thông qua cuộc họp tổng kết PPM mô hình 5 năm 2022 tại Thanh Hóa, Hải Phòng, Đà Nẵng.
- Phối hợp, đã ký hợp đồng và chuyển kinh phí (50% giá trị hợp đồng) cho hoạt động PPM mô hình 5 cho Tổ chức FIT thực hiện tại 15 tỉnh. Trong đó 10 tỉnh duy trì mô hình (Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Cần Thơ) và 5 tỉnh mới 2023 (Hà Giang, Thái Nguyên, Bình Định, Quảng Nam, Vĩnh Long).
- Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị cho Hội nghị đồng thuận PPM mô hình 5 cho 10 tỉnh triển khai mới năm 2023: Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Quảng Ngãi và Đồng Tháp, Hà Giang, Thái Nguyên, Bình Định, Quảng Nam, Vĩnh Long.
- Thực hiện các chuyến giám sát hỗ trợ triển khai và thúc đẩy thực hiện hoạt động PPM mô hình 5 tại các tỉnh Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Quảng Ngãi và Đồng Tháp.

Nguồn CDC Hoa Kỳ

- Tham gia và hỗ trợ tổ chức FIT hợp khởi động hoạt động phát hiện lao tích cực trên nhóm HIV tại 09 OPC ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.
- Tham gia giám sát hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động phát hiện lao tích cực trên nhóm HIV tại 09 OPC ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.
- Thảo luận và phối hợp với tổ chức FIT thực hiện hợp đồng (hợp đồng quý 1/2023, phụ lục hợp đồng quý 2/2023 và phụ lục hợp đồng quý 3/2023) và chuyển tiền thực hiện 3 quý cho hoạt động phát hiện lao tích cực trên nhóm bệnh nhân HIV tại 09 OPC Hà Nội

và TP HCM (Hoàng Mai, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Đống Đa, Q.1, Q. 4, Q.10 và Bình Tân) với số tiền 1.978.839.830 đồng.

Bảng 15: Kết quả triển khai hoạt động PPM năm 2023 (số liệu 9 tháng)

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số cán bộ y tế công - tư được tập huấn	6.202
2	Tổng số BN lao phát hiện do y tế tư chuyển đến	7.662
3	Tổng số BN lao các thể phát hiện do y tế công ngoài CTCL chuyển đến	18.638
4	Tổng số BN lao phát hiện do y tế công - tư chuyển đến	26.300

Kết quả triển khai hoạt động PPM mô hình 5

- Hỗ trợ và theo dõi cán bộ thực địa trong vận hành hệ thống chuyển gửi điện tử (eReferral), cơ chế phiếu chuyển điện tử (eVoucher) và áp dụng hệ thống tin nhắn tuân thủ điều trị: Hệ thống quản lý gửi tin nhắn tuân thủ điều trị đã được cập nhật thêm chức năng theo dõi gửi tin nhắn qua Zalo kể từ khi việc gửi tin qua Zalo được bắt đầu vào tháng 07/2023. Trong vòng 3 tháng kể từ khi bắt đầu đến thời điểm báo cáo, đã có gần 19,000 tin nhắn được gửi qua hệ thống. Sử dụng Zalo có ưu điểm không chỉ về chi phí (do sử dụng ứng dụng Zalo là miễn phí) mà còn ở khả năng tương tác 2 chiều với bệnh nhân. Giờ đây bệnh nhân có thể đưa ra những thắc mắc trong quá trình điều trị và được nhận tư vấn khi cần thiết.
- Tập huấn nâng cao kỹ năng cho nhân viên y tế tham gia PPM mô hình 5.
 - ☐ Tập huấn quy trình dự án: đã tổ chức 305 lớp tập huấn với tổng số học viên tham gia là 2.642 (1.625 nữ và 1.039 nam).
 - ☐ Dịch poster “Quản lý ho tại nhà thuốc”, in ấn và đặt ở các nhà thuốc với mục đích tăng cường tầm soát cho cán bộ y tế, cũng như bổ sung kiến thức về bệnh lao cho người dân khi đến mua thuốc.
- Tổng kết hoạt động dự án PPM mô hình 5 giai đoạn 2021-2023: Hội nghị tổng kết dự án PPM mô hình 5 giai đoạn 2021-2023 đã được Bộ y tế phê duyệt và triển khai tại tỉnh Thừa Thiên Huế với sự tham gia của 130 đại biểu từ Chương trình Chống lao Quốc gia, Sở y tế, bệnh viện phổi tỉnh và cơ sở y tế tham gia hoạt động trên địa bàn 20 tỉnh triển khai dự án PPM mô hình 5 cũng như các đối tác và các cán bộ triển khai dự án để tổng kết hoạt động dự án, chia sẻ những kinh nghiệm và bài học khi triển khai dự án PPM mô hình 5 tại các cơ sở y tế ngoài hệ thống chống lao Quốc gia.
- Hỗ trợ từ ban quản lý các bệnh viện tham gia dự án: Tại các bệnh viện, phòng khám lớn có tiềm năng đã được Dự án hỗ trợ thành lập Ban quản lý dự án để thúc đẩy các hoạt

động tại cơ sở. Tổng số Ban quản lý dự án đã được thành lập trong khuôn khổ dự án tính đến nay là 63.

- Triển khai hoạt động PPIA mô hình 5 và gói hỗ trợ bệnh nhân lao nhạy cảm: Toàn bộ các vị trí Điều phối dự án và cán bộ dự án đều đã được tuyển dụng đầy đủ để đảm bảo triển khai các hoạt động dự án tại 15 tỉnh.
- Với đề xuất của Bệnh viện phổi tỉnh và tổ chức FIT, CTCLQG đã phân phối Cartridge xét nghiệm Xpert/TrueNat cho các tỉnh triển khai hoạt động dự án.
- Kết quả triển khai hoạt động của mô hình theo 2 chiến lược: Chuyển gửi chẩn đoán & báo cáo và thông báo điều trị lao tư nhân.
 - Đến hết Q3-2023, dự án PPM Mô hình 5 đã tiếp cận được 8.422 cơ sở và ký Thỏa thuận hợp tác với 3.192 cơ sở cung cấp dịch vụ chuyển gửi chẩn đoán tại 15 tỉnh can thiệp. Ngoài ra, tổng cộng 139 bác sĩ đã tham gia báo cáo các ca bệnh lao được điều trị tư nhân của họ.
 - Số ca được phát hiện từ chiến lược chuyển gửi chẩn đoán (Chiến lược 1) là 12.069 ca và thu dung điều trị 10.070 ca; nâng tổng số ca được phát hiện thông qua Chiến lược 1 từ đầu dự án đến kỳ báo cáo này (01/2021-09/2023) là 26.066 ca và 23.225 ca được thu dung điều trị. Cùng với bệnh nhân lao nhạy cảm tự đến bác sĩ tư và được bác sĩ tư khai báo mới, tổng số bệnh nhân được khai báo điều trị tư trên hệ thống VITIMES là 2.046 ca (Chiến lược 2).
- Kết quả thực hiện gói hỗ trợ Vitamin và Dinh dưỡng cho bệnh nhân lao 9 tháng 2023
 - Số bệnh nhân lao được hỗ trợ dinh dưỡng là 63 người, trong đó: Hải Phòng: 24, Thừa Thiên Huế: 02, Đà Nẵng: 04, TPHCM: 11, Bình Dương: 03, Cần Thơ: 05, BRVT: 14.
 - Số bệnh nhân lao được hỗ trợ Vitamin là 1.124 người; trong đó Hải Phòng: 22, Quảng Nam 52, Thừa Thiên Huế 162, Đà Nẵng: 26, TP HCM: 351, Bình Dương 95, Cần Thơ: 79, Hà Giang: 08, BRVT: 271, Hà Nội: 47, Long An 17.
- Ứng dụng mHealth cho theo dõi tuân thủ điều trị: Trong giai đoạn từ 01/01 đến 30/09 đã có tổng số 2,138 bệnh nhân lao tham gia điều trị đã bắt đầu được nhận tin nhắn hỗ trợ tuân thủ điều trị tại các tỉnh dự án. Số tin nhắn đã được gửi cho các bệnh nhân mới và bệnh nhân đang tham gia điều trị là 160,180 tin nhắn SMS trong giai đoạn báo cáo. Trung bình số lượng tin nhắn được gửi đi là 4,450 tin nhắn SMS mỗi tuần. Bắt đầu từ tháng 07/2023 dự án áp dụng mở rộng việc nhắn tin thông qua hệ thống Zalo để bệnh nhân có thêm lựa chọn nhận tin nhắn nhắc nhở tuân thủ điều trị. Trong giai đoạn báo cáo đã có tổng số 18,478 tin nhắn đã được gửi qua nền tảng Zalo.
- Theo dõi tuân thủ điều trị tại nhà: Để động viên và hỗ trợ việc tuân thủ dùng thuốc tại nhà, các cán bộ dự án PPM-M5 liên hệ người bệnh, giải thích về việc có thể có các phản ứng không mong muốn do dùng thuốc.

- Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà cung cấp công - tư trong mạng lưới PPM.

❖ Thuận lợi và khó khăn

- Mặc dù đã có Thông tư 02/2013 của Bộ Y tế ban hành quy định về việc phối hợp giữa các cơ sở y tế trong quản lý bệnh lao, tài liệu hướng dẫn về triển khai PPM đã được ban hành nhưng nhiều tỉnh vẫn còn lúng túng trong việc triển khai do thiếu nhân lực, thiếu kinh phí và sự chỉ đạo của Sở Y tế.
- Một số cơ sở y tế công ngoài chương trình và tư nhân còn chưa có chứng chỉ đào tạo trong việc khám chữa bệnh lao theo quy định tại Thông tư 36/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021.
- Nhiều cơ sở y tế tư nhân, cơ sở y tế đa khoa công lập đã tham gia PPM, tuy nhiên mức độ phối hợp còn hạn chế, sự đóng góp vào hoạt động phát hiện bệnh nhân lao còn chưa được như mong muốn.
- Sự phản hồi 2 chiều giữa CTCL tỉnh với các cơ sở y tế công-tư đã tham gia phối hợp còn chưa thật sự khăng khít nên ảnh hưởng đến sự tích cực chuyển gửi người nghi lao từ hệ thống các cơ sở y tế ngoài CTCL.

Hoạt động PPM mô hình 5:

- Một số địa bàn xa chưa triển khai được các hoạt động dự án do xét nghiệm Xpert chưa bao phủ, kinh phí vận chuyển mẫu từ những cơ sở y tế này về các điểm xét nghiệm cao.
- Hầu hết các phòng xét nghiệm chỉ thực hiện 1 số loại dịch, mẫu bệnh phẩm phổ biến như đờm, dịch phết quản, dịch não tủy do đó không đa dạng được các loại mẫu khác dẫn đến bỏ sót các ca bệnh đặc biệt các tiếp cận chẩn đoán cho lao ngoài phổi và lao trẻ em.
- Một số bác sĩ có điều trị lao tư nhân nhưng không đồng ý cung cấp thông tin điều trị của bệnh nhân dẫn đến thiếu trên hệ thống ghi nhận ca bệnh của CTCLQG cũng như giảm tỷ lệ kết nối điều trị thành công của những ca bệnh sau khi được chẩn đoán lao.
- Xây dựng cơ chế chuyển gửi điện tử (e-voucher) nhưng không triển khai hiệu quả do một số phòng khám/cơ sở chụp Xquang không có đủ các trang thiết bị như máy tính có kết nối mạng internet hoặc không có đủ nhân sự để nhập thông tin lên hệ thống. Cùng với đó nhiều bệnh nhân không sử dụng hoặc sử dụng số điện thoại của người thân làm cho khả năng cung cấp mã OTP cho nhân viên y tế bị hạn chế.

4. Hoạt động quản lý bệnh nhân lao kháng đa thuốc

Năm 2023, chỉ tiêu thu nhận bệnh nhân lao kháng thuốc được phân bổ cho các địa phương với tổng số 4.548 bệnh nhân, đây là áp lực lớn đối với toàn bộ hệ thống của CTCLQG. Các hoạt động quản lý lao kháng thuốc vẫn được tiếp tục triển khai với việc mở rộng tiếp cận phác đồ ngắn hạn sử dụng thuốc uống bao gồm thuốc Bedaquiline (Bdq),

chuẩn bị cập nhật các hướng dẫn, hệ thống cung ứng sinh phẩm và thuốc để sẵn sàng cho việc áp dụng triển khai phác đồ điều trị lao kháng thuốc mới (BPaL và BPaLM) từ năm 2024 khuyến cáo mới nhất (2022) của TCYTTG. Năm 2023 ghi nhận nỗ lực của các đơn vị và toàn bộ hệ thống của CTCLQG trong công tác tăng cường phát hiện và điều trị bệnh nhân lao và lao kháng thuốc, tuy nhiên để đạt được chỉ tiêu đề ra vẫn cần nhiều nỗ lực hơn nữa, trong đó đảm bảo cung ứng đầy đủ sinh phẩm chẩn đoán và thuốc điều trị là một trong những yêu cầu tiên quyết. Theo báo cáo đến hết tháng 9/2023, chỉ tiêu thu nhận người bệnh lao kháng thuốc đạt mức 57% so với chỉ tiêu kế hoạch. Tỷ lệ điều trị thành công của lô bệnh nhân 3 quý đầu năm 2021 là 75% cho tất cả các phác đồ, còn thấp hơn chỉ tiêu đề ra (78%) và ghi nhận tỷ lệ bỏ trị chung là 11%.

❖ Kết quả hoạt động

➤ Tình hình sàng lọc, thu nhận và thực hiện chỉ tiêu chuyên môn

Các chỉ số	Chỉ tiêu 2023	Kết quả đạt được (9 tháng 2023)
Tỷ lệ % thu nhận/phát hiện	> 90%	94 % (2.606/2.764)
Số BN Lao kháng thuốc được thu nhận	4.548	2.606 (57 %)
Tỷ lệ điều trị thành công (Lô BN đăng ký Q1-3/2021)	78 %	75%.

➤ Các hoạt động đã triển khai trong năm 2023

- Xây dựng, cập nhật một số tài liệu kỹ thuật trong quản lý lao kháng thuốc:
 - ☐ Cập nhật tài liệu Hướng dẫn quản lý biến cố bất lợi trong điều trị lao kháng thuốc.
 - ☐ Cập nhật tài liệu Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ cho bệnh nhân lao kháng thuốc.
 - ☐ Quy trình hướng dẫn aDSM tuyến trung ương.
 - ☐ Xây dựng tài liệu hướng dẫn cập nhật phần quản lý lao kháng thuốc thay cho tài liệu trong QĐ 1314.
 - ☐ Triển khai module lao kháng thuốc trên phần mềm Vitimes (hỗ trợ của FHI) trên toàn quốc, rà soát, đánh giá để hoàn thiện phần mềm, tiến tới thay thế báo cáo giấy vào cuối năm 2023. Quản trị hệ thống quản lý thông tin điện tử VITIMES 4.0, nhằm giúp địa phương: Thu thập, quản lý các thông tin của bệnh nhân, thu thập các thông tin chẩn đoán, khám, và điều trị, hỗ trợ kê đơn, lập phiếu yêu cầu xét nghiệm, in tờ phôi bệnh án, chuyển gửi bệnh nhân giữa các cơ sở, lập, in/gửi báo cáo, và trích xuất số liệu theo yêu cầu.
- Đào tạo, tập huấn, hội thảo:
 - ☐ Tổ chức các khóa đào tạo bao gồm:

- Tập huấn nâng cao cho cán bộ Trung ương và Kho miền về quản lý chuỗi cung ứng;
 - Tập huấn aDSM cho các đơn vị triển khai nghiên cứu BPaL;
 - Tập huấn quản lý biến cố bất lợi (aDSM) cho bệnh nhân lao kháng thuốc cho cán bộ tuyến tỉnh;
 - Tập huấn Bảng kiểm giám sát chuyên đề lao kháng thuốc cho cán bộ tuyến huyện tại các tỉnh thuộc dự án SET (FHI360);
 - Tập huấn lâm sàng quản lý lao kháng thuốc cơ bản và nâng cao (kết hợp với chuyên gia nước ngoài từ The Union);
 - Tập huấn nhập ca bệnh và quản lý báo cáo lao kháng thuốc trên phần mềm Vitimes cho cán bộ tuyến tỉnh.
- Thực hiện giao ban hoạt động quản lý lao kháng thuốc giữa CTCLQG và các đơn vị PCL tuyến tỉnh tại 05 khu vực/vùng trên cả nước.
 - Tham gia hội thảo trao đổi về triển khai phác đồ mới /WHO khu vực Tây Thái Bình Dương.
- **Cung ứng thuốc:**
- Thực hiện rà soát tồn kho, tính toán đơn hàng (tiếp cận và chuẩn bị thuốc cho việc áp dụng khuyến cáo mới của TCYTTG ở Việt Nam từ năm 2024).
 - Đặt hàng đợt 2 kế hoạch mua thuốc năm 2022 để bổ sung lượng thuốc cần thiết và kịp nhận thuốc trong năm 2023 theo yêu cầu của nhà tài trợ QTC trong năm cuối giai đoạn. Hợp đồng trị giá: 1.663.616,70 USD.
 - Đặt hàng đợt 1 kế hoạch mua thuốc năm 2023, dự kiến tiếp nhận thuốc trong Quý 3 năm 2024. Hợp đồng trị giá: 1.664.942,03 USD
 - Tiếp nhận đơn hàng mua sắm đợt 1 năm 2022 trong tháng 8 và tháng 9/2023.
 - Chuẩn bị giấy tờ và các thủ tục cần thiết để tiếp nhận đơn hàng mua sắm từ GDF/IDA của hợp đồng 2 năm 2022.
 - Phân phối và điều chuyển thuốc kịp thời (phân phối định kỳ hàng Quý và phân phối/điều chuyển bổ sung theo nhu cầu thực tế). Điều chuyển khẩn một số loại thuốc cận hạn để hạn chế tối đa lượng thuốc quá hạn, điều tiết sử dụng một số loại thuốc còn tồn số lượng ít giữa các địa phương để đảm bảo cung ứng đủ thuốc trong thời gian chờ nhập đơn hàng mới. Thực hiện một số công văn hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn, điều chỉnh một số thuốc trong phác đồ điều trị để đảm bảo hiệu quả điều trị trong thời gian chờ cung ứng thuốc bổ sung.
- Sửa đổi cập nhật Hướng dẫn chi hoạt động quản lý lao kháng thuốc nguồn QTC năm 2023. Chuyển tiền hỗ trợ hoạt động Quản lý lao kháng thuốc (bao gồm hỗ trợ bệnh nhân và hoạt động xét nghiệm) cho 67 đơn vị, hỗ trợ các đơn vị tuyến tỉnh trong triển khai và giải ngân các hoạt động PMDT. Tổng kinh phí theo kế hoạch: 86,097,364,856

đồng. Sau đó tiếp tục hỗ trợ địa phương thực hiện công tác rà soát giải ngân và kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh phí nếu cần.

- Triển khai hoạt động cảnh giác được aDSM: Mặc dù từ năm 2021 CTCL đã giao chỉ tiêu báo cáo biến cố bất lợi cho các đơn vị, tỷ lệ báo cáo thu nhận được trong 2 quý năm 2023 vẫn còn rất hạn chế, hy vọng việc tích hợp báo cáo aDSM vào module lao kháng thuốc trên Vitimes sẽ giúp cải thiện hoạt động này trong thời gian tới.
- Hỗ trợ kỹ thuật: Tiếp tục nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác trong hoạt động PMDT như WHO, KNCV, FHI, CHAI, JNJ, IRD.
- Xây dựng kế hoạch: xây dựng đề xuất QTC giai đoạn 2024 – 2026 cho hoạt động quản lý lao kháng thuốc (bao gồm hỗ trợ bệnh nhân, các hoạt động triển khai phác đồ mới như cập nhật tài liệu hướng dẫn, dự báo nhu cầu thuốc, xây dựng kinh phí mua sắm thuốc và sinh phẩm xét nghiệm KSD với thuốc lao hàng hai bao gồm thuốc mới, mua sắm các trang thiết bị bổ sung phục vụ xét nghiệm theo dõi biến cố bất lợi khi sử dụng thuốc mới...).
- Triển khai nghiên cứu, dự án phối hợp: Tiếp tục triển khai các nghiên cứu mở rộng sử dụng thuốc mới bao gồm xúc tiến thu nhận bệnh nhân vào nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 3 không nhóm đối chứng đánh giá hiệu quả và tính an toàn của phác đồ BPAL, thực hiện dự án EPIC hỗ trợ hoạt động của nghiên cứu BPAL tại 04 điểm nghiên cứu, chuẩn bị triển khai nghiên cứu đánh giá an toàn và hiệu quả của phác đồ 6 tháng toàn thuốc uống trong điều trị lao kháng rifampicin/đa kháng thuốc tại Việt Nam.
- Duy trì hoạt động thường quy bằng hình thức trực tuyến của Hội đồng lâm sàng tuyến quốc gia và khu vực, tham gia giám sát hoạt động thường quy của Đội giám sát quốc gia theo phân công.

❖ **Khó khăn, bất cập**

- Hoạt động sàng lọc phát hiện và quản lý tiền/ siêu kháng bằng xét nghiệm LPA với thuốc lao hàng hai còn chưa được 100% như yêu cầu (nguyên nhân có thể do vấn đề lấy và chuyển mẫu, chỉ định chưa đầy đủ, gián đoạn cung ứng sinh phẩm ...).
- Cung ứng thuốc hàng hai chưa thực sự thuận lợi, việc điều chuyển giữa các đơn vị và các thay đổi hướng dẫn sử dụng thuốc trong tình trạng mất cân bằng (thừa/thiếu) khiến cho bác sĩ điều trị lúng túng và khó nắm bắt thông tin kịp thời.
- Quản lý biến cố bất lợi còn nhiều hạn chế. Báo cáo aDSM với tỷ lệ thực hiện thấp, báo cáo trùng lặp và chưa đầy đủ kịp thời. Chưa có đầy đủ các phương tiện và dịch vụ thuận lợi để thực hiện xét nghiệm theo dõi biến cố bất lợi cho người bệnh lao kháng thuốc nhằm đáp ứng yêu cầu mới (các XN chuyên khoa như đo phản xạ thần kinh, đo thị lực, điện tim và một số XN khác).
- Quản lý BN lao kháng thuốc tại một số địa phương và khu vực (đặc biệt khu vực trại giam) còn nhiều bất cập, chưa có sự phối hợp chặt chẽ với đơn vị PMDT, quản lý lâm sàng chưa theo quy trình hướng dẫn.

- Chưa kiểm soát được việc sử dụng thuốc FQs ở cơ sở y tế tư và công ngoài CTCL.
- Hệ thống giám sát và lượng giá về lao kháng thuốc còn hạn chế. Giám sát chuyên đề về lao kháng thuốc chưa phát hiện được các bất cập và vấn đề tồn đọng tại địa phương. Hệ thống báo cáo còn nhiều bất cập, phụ thuộc nhiều vào báo cáo giấy và chưa ứng dụng đầy đủ được phần mềm quản lý ca bệnh và chuỗi cung ứng.
- Kế hoạch nguồn QTC chưa đáp ứng đủ nhu cầu các hoạt động cần thiết (đào tạo cho tuyến cơ sở, các hỗ trợ cho người bệnh). Hoạt động giải ngân kinh phí cho quản lý điều trị lao kháng thuốc khó thực hiện đối với một số dòng hoạt động tại một số địa phương.

5. Hoạt động phối hợp lao/HIV

❖ Kết quả hoạt động

- Lập kế hoạch phân bổ kinh phí nguồn Quỹ toàn cầu năm 2023 tới 63 tỉnh/thành và 03 bệnh viện trung ương (BV Phổi Trung ương, BV 71 và 74 Trung ương): Đã chuyển 8.559.400.000 đồng kinh phí phục vụ hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV cho người bệnh lao và khám phát hiện lao cho người nhiễm HIV. Kinh phí tổ chức giao ban định kì hàng quý giữa chương trình HIV và chương trình lao.
- Triển khai xét nghiệm HIV cho bệnh nhân lao và duy trì phòng PITC/ 63 tỉnh cho các đơn vị chống lao tuyến tỉnh/ huyện có gánh nặng về HIV với người bệnh lao và phát hiện bệnh lao ở người có HIV bằng xét nghiệm Xpert-MTBRIF.
 - Tổng số bệnh nhân lao thu nhận (số liệu đến quý 3/2023): 78.488 các thể.
 - Số người được tư vấn xét nghiệm HIV: 68.767 người, chiếm tỷ lệ 87,6%.
 - Số người bệnh lao/HIV: 1.728 người, chiếm tỷ lệ 2,5%
 - Số người được điều trị cả lao và ARV: 1.341 người, chiếm 77,6%
- Triển khai tập huấn nâng cao năng lực: tập huấn cho 135 cán bộ tuyến huyện/xã của 03 tỉnh/thành về lồng ghép lao/HIV tại cùng một địa điểm: Hải Dương, Bắc Giang và Bà Rịa Vũng Tàu.
- Tỷ lệ giải ngân: đạt 100% kế hoạch.

6. Hoạt động lao tiềm ẩn

❖ Kết quả hoạt động

- Chuyển kinh phí triển khai hoạt động Lao tiềm ẩn: Trong tháng 5/2023, Nhóm Lao tiềm ẩn đã khẩn trương làm công văn thông báo chỉ tiêu cho từng tỉnh về thu nhận điều trị lao tiềm ẩn, hướng dẫn triển khai, hướng dẫn chỉ tiêu với các dòng kinh phí cụ thể được hỗ trợ từ Dự án Quỹ Toàn Cầu. Tháng 6/2023, Nhóm Lao tiềm ẩn đã chuyển khoảng 12.917 triệu đồng kinh phí triển khai hoạt động năm 2023 cho 34 Tỉnh (bao gồm 5 Tỉnh của CCHD) với yêu cầu khẩn trương triển khai ngay các hoạt động sàng lọc, chẩn đoán và tư vấn, thu nhận điều trị lao tiềm ẩn cho cán bộ y tế, các nhóm đối tượng nguy cơ và đặc biệt là sàng lọc, phát hiện, chẩn đoán và đưa vào điều trị lao tiềm ẩn với nhóm người tiếp xúc hộ gia đình bệnh nhân lao phổi.

- Phân phối thuốc điều trị lao tiềm ẩn: Đơn vị Kỹ thuật phối hợp với Đơn vị CLKHHC dựa trên báo cáo sử dụng thuốc và đề xuất của các tỉnh triển khai đã tiến hành xây dựng bảng phân và phân phối thuốc (phác đồ 3HP) để điều trị bệnh nhân lao tiềm ẩn tại các tỉnh triển khai hoạt động. Nhóm Lao tiềm ẩn cũng tiến hành rà soát số lượng thuốc lao tiềm ẩn còn lại từ các nguồn để ước tính khả năng đáp ứng theo chỉ tiêu phát hiện bệnh nhân lao tiềm ẩn trong năm 2023.
- Phân phối sinh phẩm Tuberculin: trong năm 2023, CTCLQG đã tiếp nhận 2 đợt sinh phẩm Tuberculin bao gồm 20.000 lọ vào tháng 8/2023 và 17.594 lọ vào tháng 9/2023. Ngay sau khi tiếp nhận, CTCLQG đã khẩn trương làm thủ tục phân phối khoảng 37.400 lọ sinh phẩm cho 58/65 CTCL Tỉnh/TP và một số đơn vị/ đối tác (đợt 1: cấp 19.000 lọ vào tháng 8/2023, đợt 2: cấp 16.900 lọ vào tháng 9/2023 và một số đợt phân phối nhỏ cho đến hiện tại).
- Điều chỉnh Hướng dẫn kỹ thuật: Nhóm Lao tiềm ẩn phối hợp với nhóm cập nhật tài liệu Hướng dẫn quốc gia về chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh lao đã cập nhật lại Hướng dẫn quản lý lao tiềm ẩn và hệ thống biểu mẫu, sổ sách ghi chép, báo cáo theo các khuyến cáo mới của Tổ chức Y tế Thế giới.
- Xây dựng và thí điểm triển khai module Lao tiềm ẩn tích hợp trên hệ thống giám sát và quản lý thông tin (VITIMES): Tham gia các cuộc họp & làm việc với công ty phần mềm Globits để xây dựng và hoàn thiện module Lao tiềm ẩn tích hợp trên hệ thống giám sát và quản lý thông tin VITIMES của CTCLQG. Tham gia hoạt động giới thiệu triển khai thí điểm module Lao tiềm ẩn tại một số Tỉnh/TP (Vĩnh Long, TP Hồ Chí Minh).
- Xây dựng chỉ tiêu & kế hoạch kinh phí hoạt động Lao tiềm ẩn giai đoạn 2024 – 2026: Dựa trên kết quả triển khai hoạt động và tình hình dịch tễ bệnh lao, nhóm Lao tiềm ẩn đã ước tính chỉ tiêu phát hiện & thu nhận điều trị bệnh nhân Lao tiềm ẩn và xây dựng kế hoạch kinh phí triển khai hoạt động Lao tiềm ẩn giai đoạn 2024 – 2026. Bảng chỉ tiêu và kế hoạch kinh phí hoạt động Lao tiềm ẩn đã được đưa vào Đề xuất viện trợ Quỹ toàn cầu giai đoạn 3 năm tiếp theo.
- Phối hợp với dự án SET triển khai các lớp tập huấn quản lý lao tiềm ẩn lồng ghép với phát hiện chủ động, phát hiện tích cực tại CSYT.

Bảng 16: Kết quả hoạt động Lao tiềm ẩn ở NTX HGD ≥ 5 tuổi và nhóm nguy cơ cao

STT	Kết quả hoạt động (*)	Người tiếp xúc HGD ≥ 5 tuổi		Nhóm nguy cơ cao		Tổng
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Số người sàng lọc	61.172	100	95.415	100	156.587
2	Số người tiêm Mantoux	32.622	53%	36.196	38%	68.818
3	Số người có kết quả (+)	7.197	22%	5.973	17%	13.170
4	Số người thu nhận điều trị (**)	6.753	94%	4.259	71%	11.012

Bảng 17: Kết quả hoạt động Lao tiềm ẩn ở trẻ em từ 0 – 4 tuổi (số liệu toàn quốc)

STT	Hoạt động (**)	Số lượng	Tỷ lệ
1	Số trẻ tiếp xúc được đăng ký sàng lọc	1.903	100%
2	Số trẻ đủ tiêu chuẩn dự phòng	1.466	77%
3	Số trẻ đồng ý điều trị dự phòng INH	564	38%

(*) Số liệu hoạt động của 41/63 Tỉnh/TP

(**) Bao gồm số BN LTA phát hiện từ Quý trước chuyển sang điều trị trong Quý báo cáo.

(***) Số liệu Quý 1+2+3 năm 2023.

❖ **Khó khăn**

- Thiếu sinh phẩm xét nghiệm Lao tiềm ẩn: Tình trạng thiếu sinh phẩm xét nghiệm Lao tiềm ẩn xảy ra từ đầu năm 2023 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác triển khai và kết quả hoạt động Lao tiềm ẩn năm 2023. Nhóm Lao tiềm ẩn - Đơn vị Kỹ thuật đã phối hợp với nhóm Cung ứng - Đơn vị CLKHHC thúc đẩy các quy trình/ thủ tục tiếp nhận và phân phối sinh phẩm xét nghiệm Lao tiềm ẩn cho các Tỉnh/TP trong từ tháng 8 và tháng 9/2023. Đồng thời, Nhóm Lao tiềm ẩn cũng thường xuyên liên hệ và thông báo cho các địa phương rà soát, ước tính tình hình sử dụng và tồn kho Tuberculine để có kế hoạch phân phối và điều chuyển cho phù hợp, tránh tình trạng sinh phẩm thừa – thiếu hoặc hết hạn sử dụng.
- Chậm trễ trong công tác báo cáo số liệu hoạt động Lao tiềm ẩn: Mặc dù thường xuyên đôn đốc và nhắc nhở nhưng tình trạng gửi báo cáo số liệu hoạt động Lao tiềm ẩn (M2 – M3) và báo cáo sử dụng & tồn kho Tuberculine (M5) muộn và không đầy đủ vẫn xảy ra, ảnh hưởng đến việc ước tính số lượng, dự trù mua sắm thuốc & sinh phẩm, công tác tổng hợp & báo cáo số liệu Lao tiềm ẩn thường quy của CTCLQG cho Bộ Y tế, Nhà tài trợ. Trong thời gian tới, khi module Lao tiềm ẩn được hoàn thiện và đưa vào sử dụng sẽ hỗ trợ hiệu quả cho các Tỉnh/TP trong công tác ghi chép, báo cáo hoạt động Lao tiềm ẩn, đảm bảo chất lượng và thời hạn báo cáo.

7. Hoạt động lao trẻ em

7.1. Các hoạt động đã triển khai trong năm 2023

- Chuyển kinh phí và hướng dẫn triển khai cho 10 tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Yên Bái, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng thực hiện sàng lọc phát hiện chủ động Lao, lao tiềm ẩn cho trẻ em và vị thành niên (nguồn QTC).
- Tổ chức 09 tập huấn Nâng cao năng lực sàng lọc - chẩn đoán lao trẻ em cho 9 tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn La, Quảng Bình: 450 học viên (nguồn QTC).
- Tổ chức 01 lớp tập huấn Nâng cao năng lực đọc phim Xquang trong chẩn đoán lao trẻ em tại Đà Nẵng: 50 học viên (nguồn QTC).

- Tổ chức 02 khóa đào tạo: Nâng cao năng lực sàng lọc chẩn đoán lao trẻ em cho y tế công – tư, tuyến tỉnh - huyện tại Bắc Giang: 80 học viên (nguồn CDC)
- Tổ chức 02 khóa đào tạo: Nâng cao năng lực đọc phim Xquang trong chẩn đoán lao trẻ em cho y tế công tư, tuyến tỉnh huyện tại Bắc Giang: 80 học viên (nguồn CDC)
- Tổ chức 01 khóa đào tạo: Kỹ thuật chụp phim Xquang lao trẻ em: 30 học viên (nguồn CDC)
- Tổ chức 01 khóa đào tạo: Kỹ thuật xét nghiệm Mantoux: 20 học viên (nguồn CDC)
- Tổ chức hoạt động sàng lọc tích cực lao trẻ em tại các cơ sở y tế công - tư trong toàn tỉnh Bắc Giang (12 điểm) và Vĩnh Long (16 điểm) (nguồn CDC).
- Tổ chức sàng lọc chủ động lao trẻ em tại cộng đồng tại 20 xã (2 huyện) của tỉnh Bắc Giang, 16 xã (6 huyện) của Vĩnh Long (nguồn CDC).
- Xây dựng kế hoạch hoạt động lao trẻ em 2024 (nguồn CDC).
- Giám sát triển khai lao trẻ em tại Bắc Giang, Vĩnh Long cùng với CDC Hoa Kỳ: 5 chuyến giám sát (nguồn CDC).
- Triển khai hoạt động tập huấn quản lý lồng ghép NKHHCT và lao trẻ em tại tuyến huyện - xã của 3 tỉnh: Lào Cai (08 lớp), Yên Bái (08 lớp), Tuyên Quang (06 lớp) (nguồn NSNN).

7.2. Triển khai thí điểm toàn diện về lao trẻ em tại Bắc Giang và Vĩnh Long (nguồn CDC):

❖ Kết quả triển khai:

- Nâng cao năng lực về sàng lọc – chẩn đoán lao trẻ em cho hệ thống công - tư, tỉnh – huyện trong toàn tỉnh Bắc Giang và Vĩnh Long.
- Thiết lập và vận hành một mạng lưới sàng lọc, chẩn đoán lao TE trong toàn tỉnh (công – tư, tỉnh – huyện, trong và ngoài CTCL) tại 2 tỉnh Bắc Giang và Vĩnh Long.
- Đã dần hình thành nên phản xạ về sàng lọc – chẩn đoán lao TE cho các thầy thuốc trong thực hành khám chữa bệnh hàng ngày tại các cơ sở y tế (nhất là các cơ sở y tế ngoài CTCL) – đây là kết quả bền vững có thể duy trì lâu dài sau triển khai dự án.
- Nâng cao vai trò và sự phối hợp triển khai hoạt động giữa các cơ sở y tế ngoài CTCL và CTCL của tỉnh.
- Số liệu kết quả triển khai sàng lọc lao trẻ em tại 02 tỉnh:
 - Tại Bắc Giang: 25 ca bệnh lao trẻ em được phát hiện tại Bắc Giang tính từ đầu năm đến tháng 10/2023 – tăng gấp 6 lần so với trước triển khai 2022 (4 ca).
 - Tại Vĩnh Long: 23 ca bệnh lao trẻ em được phát hiện tại Vĩnh Long tính từ đầu năm tới tháng 10/2023 – tăng gấp gần 4 lần so với trước triển khai 2022 (6 ca), tăng gấp gần 2 lần so với năm phát hiện cao nhất (12 ca).

Đây là con số rất thuyết phục, thể hiện rõ hiệu quả của can thiệp.

STT	Chỉ số	Bắc Giang	Vĩnh Long	Ghi chú
1	Số trẻ khám sàng lọc	4.317	16.451	Bắc Giang chưa bao gồm số liệu sàng lọc lao trẻ em tại cộng đồng (do đang nhập liệu)
2	Số trẻ chụp Xquang	4.317	16.440	
3	Số trẻ có Xquang bất thường nghi lao	760	1.433	
4	Số trẻ được xét nghiệm GeneXpert	733	1.245	
5	Số trẻ có xét nghiệm GeneXpert (+)/vết	9	5	
6	Số trẻ được xét nghiệm Mantoux	100	172	
7	Số trẻ có xét nghiệm Mantoux dương tính	4	49	
8	Số trẻ được chẩn đoán lao	25	23	
9	Số trẻ được chẩn đoán lao tiềm ẩn	4	41	

❖ **Khó khăn, tồn tại cần khắc phục trong triển khai thí điểm toàn diện Lao trẻ em tại Bắc Giang và Vĩnh Long:**

Về tổ chức triển khai:

- Triển khai thực hiện tại thực địa còn chậm: Cần khắc phục các khó khăn để triển khai sớm và ngay từ đầu các hoạt động: các hoạt động triển khai tại cơ sở cần sớm và có hướng dẫn rõ ràng, nhất là thời hạn triển khai, nội dung hoạt động, vai trò của các bên, thủ tục hành chính, thanh quyết toán....
- Chỉ đạo triển khai: Cần tăng cường sự quan tâm và chỉ đạo triển khai: đặc biệt là sự chỉ đạo của Sở Y tế tỉnh, Bệnh viện Phổi tỉnh, lãnh đạo các đơn vị tại các điểm triển khai (sự quan tâm và nhiệt tình của các đơn vị là không đồng đều...).
- Quản lý bệnh nhân vượt tuyến: Bắc Giang là tỉnh gần Hà Nội nên vấn đề Bệnh nhân vượt tuyến lên Trung ương là phổ biến, nhất là ở trẻ em – vì vậy cần phải có sự phối hợp giữa tuyến Trung ương và tỉnh để chẩn đoán và đưa Bệnh nhân vào điều trị tránh Bệnh nhân mất dấu, không được quản lý trong CTCL.

Về triển khai các hoạt động cụ thể:

- Các hoạt động nâng cao năng lực: Bắc Giang đã được tập huấn tương đối đầy đủ - cần tập huấn thêm về kỹ thuật xét nghiệm mới (dịch tỵ hầu), có thêm lớp về lâm sàng để

duy trì và bổ sung cho cán bộ mới tham gia hoặc thay đổi. Với Vĩnh Long cần tổ chức đầy đủ các lớp tập huấn để tăng tỷ lệ Bắc sỹ được tập huấn về lao trẻ em.

- Hoạt động thông kê và nhập liệu: cần được tăng cường trong giai đoạn tới – để có số liệu kịp thời điều hành hoạt động tại các điểm triển khai (Hoạt động này giai đoạn vừa qua còn yếu, giai đoạn tới tổ chức sẽ có tổ chức FIT hỗ trợ...)
- Hoạt động hội chẩn – hỗ trợ chẩn đoán: đây là hoạt động rất có hiệu quả cần duy trì và tăng cường hơn trong giai đoạn tới: cần đưa nhiều hơn nữa ca bệnh lên hội chẩn với những ca có nghi ngờ tổn thương trên Xquang... cần duy trì hình thức hội chẩn qua zalo và triển khai thêm hội chẩn – giao ban qua Zoom.
- Hoạt động sàng lọc tại các điểm triển khai: cần có thêm nhân lực để hỗ trợ hành chính, đôn đốc tại các điểm triển khai (giai đoạn trước còn yếu do CTCL triển khai triển khai nhiều hoạt động do cuối giai đoạn của QTC)
- Hoạt động giám sát – hỗ trợ triển khai cần tăng cường và triển khai sớm.
- Cần thay đổi tư duy và có nhận thức rõ ràng: đây là can thiệp có ý nghĩa và mang lại lợi ích cho tất cả các bên, chứ không phải riêng cho CLCL của tỉnh.

8. Hoạt động nghiên cứu khoa học

❖ Hoạt động nghiên cứu

Trong năm 2023, Trung tâm Hợp tác nghiên cứu lao và bệnh phổi Việt Nam tiếp tục là đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị trong nước và quốc tế tổ chức triển khai thực hiện các nghiên cứu lớn trong lĩnh vực lao và bệnh phổi, cụ thể:

Nhóm nghiên cứu về bệnh lao bao gồm các nghiên cứu về chính sách quản lý, phát hiện, phương pháp chẩn đoán, phác đồ điều trị lao tiềm ẩn, lao nhạy cảm và lao kháng thuốc, hướng tới kết thúc bệnh lao tại Việt Nam vào năm 2030. Các nghiên cứu đã và đang triển khai trong năm 2023:

Các đề tài là nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước:

- Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ mới mHealth nhằm tăng cường quản lý lao đa kháng thuốc tại Việt Nam (VSMART).
- Nghiên cứu Giải trình tự toàn bộ hệ gen của vi khuẩn lao nhằm dự báo tính nhạy cảm với thuốc kháng lao ở bệnh nhân lao kháng đa thuốc ở Việt Nam.
- Đề tài Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn đoán và dự báo dịch tễ địa không gian (geo-spatial epidemiology) bệnh lao phổi bằng ảnh X-quang ngực ở Việt Nam.

Các đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế:

- Nghiên cứu tiến cứu ngẫu nhiên theo thời gian, mù một phần giai đoạn 2 về hiệu quả và khả năng dung nạp của Bedaquiline, Delamanid, Levofloxacin, Linezolid, và Clofazimine trong điều trị bệnh nhân Lao đa kháng thuốc (DRAMATIC).
- Đánh giá thuốc điều trị mới được phê duyệt trong phác đồ phối hợp cho bệnh lao kháng đa thuốc và kháng fluoroquinolone (EndTB-Q).

- Nghiên cứu nhanh trong nghiên cứu phát triển xét nghiệm chẩn đoán cho mạng lưới lao (R2D2 TB Network).
- Nghiên cứu Đánh giá vai trò phản ứng Protein C trong sàng lọc chẩn đoán bệnh lao tại Hà Nội – Việt Nam (CRP).
- Nghiên cứu Bảo vệ hộ gia đình khi phơi nhiễm với bệnh nhân chỉ điểm mới chẩn đoán Lao kháng đa thuốc (PHOENIX MDR-TB)– Hợp tác với trường ĐH North Carolina.
- Nghiên cứu Chẩn đoán và điều trị nhằm xóa bỏ bệnh lao (ACT5).
- Nghiên cứu đánh giá sử dụng 2 tháng Rifampin liều cao so với 4 tháng Rifampin liều chuẩn trong điều trị lao tiềm ẩn (2R2).
- Nghiên cứu dịch tễ học đa quốc gia để đánh giá khả năng dương tính của xét nghiệm phóng thích interferon gamma (IGRA) và xây dựng năng lực tiến hành nghiên cứu hiệu quả của vaccine phòng lao ở những quần thể có gánh nặng bệnh lao cao (Gates MRI TBV02-E01). Phối hợp với Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch TP.HCM, Bệnh viện lao và bệnh phổi Cần Thơ, Viện Đại học Sydney Việt Nam, và Tổ chức FIT để chuẩn bị triển khai nghiên cứu trọng điểm của Chương trình Chống lao Quốc gia về thử nghiệm lâm sàng vắc-xin lao tại Việt Nam, do Quỹ Bill & Melinda Gates Medical Research Institute (Gates MRI) tài trợ.
- Chuẩn bị triển khai các nghiên cứu mới như Nghiên cứu CRUSH-TB, AsteRoid, FLIRT.
- Tham gia hợp tác đa quốc gia về chia sẻ dữ liệu bệnh lao TB Portals.
- Tìm hiểu sự tiến hóa của vi khuẩn lao bằng phương pháp giải trình tự bộ gen các chủng vi khuẩn phân lập từ hai cuộc điều tra mắc lao toàn quốc.

Các đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế đang trong quá trình chuẩn bị triển khai:

- Nghiên cứu Thử nghiệm lâm sàng với thiết kế nền tảng kết hợp liên tục pha 2B/2C đánh giá đồng thời nhiều phối hợp thuốc và thời gian điều trị trên Lao nhạy Rifamipicin (UNITE4TB) – Hợp tác với trường Đại học UCSF và OUCRU.
- Dự án Hỗ trợ, Huy động và Tăng tốc Nghiên cứu nhằm chấm dứt bệnh lao (SMART4TB) – Hợp tác với trường Đại học UCSF.
- Nghiên cứu đánh giá hiệu quả điều trị xơ phổi bằng tế bào gốc.

Nhóm nghiên cứu bệnh phổi:

- Tiếp tục phối hợp với các khoa lâm sàng thực hiện trên 30 nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm về Hen, COPD, Ung thư, Nấm phổi và Lao trẻ em, bao gồm: ADRIATIC, FLAURA-2, WAVE, CELLTRION, AEGEAN, KALOS, SURE-31TB, NEOADAURA, ASLEM, MERMAID-1, MERMAID-2, MAHALE, INCYTE, EARLY EGFR, INSIGHT-2, KALOS, MAHALE, OBERON, OASIS, F2G, LAURA, SAFFRON, PACIFIC-9, ARC-10, AVANZAR, TILIA, RESOLUTE...

- Các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng có đội ngũ nghiên cứu viên nhiều kinh nghiệm, đảm bảo thực hiện quy trình theo đúng GCP và đề cương nghiên cứu, triển khai các công việc đúng tiến độ, được các nhà tài trợ (AstraZeneca, Pfizer, Parexel, Novartis, IQVIA, PPD...) đánh giá cao.

❖ **Quản lý nghiên cứu khoa học**

- Tiếp nhận và thẩm định 32 đề cương nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, trong đó có 11 đề tài nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm về lao, lao kháng thuốc, ung thư phổi, nhiễm trùng phổi, COPD và hen.
- Đánh giá kết quả nghiệm thu của 10 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có: 01 đề tài quản lý cấp Bộ về COPD, 01 đề tài về ung thư phổi, 03 đề tài về lao, 03 đề tài về bệnh phổi và 02 đề tài về quản lý đào tạo.
- Tham gia hỗ trợ việc đánh giá GCP tại các bệnh viện cấp cơ sở với nhiều phạm vi hoạt động, bao gồm thuốc hóa dược, sinh phẩm (thuốc sinh học), thuốc dược liệu và vắc xin; giai đoạn thực hiện 2, 3, 4.
- Hoàn thiện công tác chuẩn bị cho thanh tra nghiên cứu Aegean do Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) tiến hành.
- Trong năm 2022, Trung tâm có 15 bài báo được tăng tải trên các tạp chí quốc tế thuộc hệ thống Scopus.

❖ **Hoạt động đào tạo:**

- Hỗ trợ thành công cho 70 cán bộ nghiên cứu khoa học của Bệnh viện Phổi trung ương, các bệnh viện trong hệ thống và đối tác của CTCLQG tham gia khóa tập huấn Thực hành lâm sàng tốt và Báo cáo an toàn thuốc (Good Clinical Practice & Safety Report) do Bộ Y tế tổ chức vào tháng 4 năm nay.
- Trung tâm Hợp tác nghiên cứu lao và bệnh phổi Việt Nam tiếp tục tổ chức khóa đào tạo nghiên cứu khoa học VICORE năm 2023 tại Nha Trang vào tháng 12/2023, với sự tham gia của đội ngũ giảng viên là các chuyên gia đầu ngành, các nhà nghiên cứu dày dặn kinh nghiệm về lĩnh vực dịch tễ học, lâm sàng và y tế công cộng tại Việt Nam. Có 43 học viên tiềm năng từ các cán bộ y tế thuộc mạng lưới Chương trình chống lao quốc gia đã được lựa chọn ra để tham gia khóa học.

❖ **Hoạt động hợp tác quốc tế:**

- CTCLQG, Trung tâm Hợp tác nghiên cứu lao và bệnh phổi Việt Nam tiếp tục là đầu mối thực hiện hoạt động nghiên cứu hợp tác với quốc tế theo định hướng hợp tác và hội nhập, huy động sự tham gia của các chuyên gia và tổ chức kỹ thuật tiên tiến trên thế giới về chuyên ngành lao và bệnh phổi.
- Các đối tác chính của Trung tâm và CTCLQG bao gồm: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Hiệp hội Chống lao Hoàng gia Hà Lan (KNCV), Trung tâm kiểm soát dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), tổ chức FIT, tổ chức FIND,

Viện Y tế Quốc gia Hoa Kỳ (NIH), Viện Đại học Sydney tại Việt Nam, Viện nghiên cứu Y khoa Woolcock (WIMR), Đơn vị Thử nghiệm lâm sàng Đại học Oxford (OUCRU), Trường Đại học Y học nhiệt đới Liverpool (LSTM), Trường Đại học Y học nhiệt đới và vệ sinh dịch tễ London (LSHTM), Đại học Đại học California San Francisco (UCSF), Đại học Đại học Bắc Carolina (UNC) và nhiều tổ chức quốc tế khác.

9. Dự án USAID SET – Hỗ trợ chấm dứt bệnh lao

Để hỗ trợ Việt Nam nỗ lực chấm dứt bệnh lao vào năm 2035, tổ chức FHI 360 phối hợp với CTCLQG triển khai Dự án USAID Hỗ trợ Chấm dứt bệnh Lao (USAID - SET) nhằm hướng đến mục tiêu: 1) tăng cường năng lực hệ thống khám chữa bệnh lao, 2) cải thiện tiếp cận với các dịch vụ toàn diện về phát hiện, điều trị và dự phòng lao nhạy cảm, lao kháng thuốc và 3) thúc đẩy vai trò của địa phương trong ứng phó với bệnh lao thông qua hỗ trợ chuyển đổi từ nguồn kinh phí được tài trợ sang kinh phí của địa phương bằng thực hiện Bảo hiểm Y tế. Trong năm 2023, dự án đã triển khai tại 45 huyện (63 cơ sở y tế) thuộc 9 tỉnh trọng điểm bao gồm An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tây Ninh, Tiền Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Khánh Hòa. Theo đó “Chiến lược 2X” trong đó XQ ngược là chỉ định đầu tiên, tiếp theo là xét nghiệm GeneXpert - một chiến lược mang lại hiệu quả cao cho việc phát hiện ca lao hoạt động và lao tiềm ẩn ở cả hai mô hình tại cộng đồng và cơ sở y tế - tiếp tục là cách tiếp cận chính tại các tỉnh. Ngoài ra, chiến lược 2X với qui mô nhỏ sử dụng máy Xquang cầm tay kết hợp với xét nghiệm Truenat tại cộng đồng đã được thực hiện lần đầu tiên tại An Giang và đã cho thấy hiệu quả tích cực.

9.1. Tăng cường năng lực hệ thống khám chữa bệnh lao

9.1.1. Hỗ trợ xây dựng các chính sách văn bản hướng dẫn

9.1.1.1 Xây dựng Quy trình chuẩn/ hướng dẫn để cải thiện hoạt động quản lý lao kháng thuốc

Trong năm 2023 Dự án tiếp tục hỗ trợ CTCLQG phát triển các quy trình/hướng dẫn mới nhằm cải thiện chất lượng quản lý điều trị lao kháng thuốc và tập huấn cho các tỉnh, các hoạt động bao gồm:

- Quy trình theo dõi an toàn thuốc chủ động (aDSM) tại tuyến Trung ương.
- Cập nhật hướng dẫn quản lý biến cố bất lợi trong điều trị lao kháng thuốc.

Hiện nay các quy trình/ hướng dẫn này đã được phê duyệt và đã góp phần hỗ trợ chương trình chống lao các tuyến cải thiện chất lượng điều trị cho người bệnh lao kháng thuốc.

9.1.1.2 Cập nhật và sửa đổi Hướng dẫn quốc gia về chẩn đoán, điều trị và dự phòng lao (Quyết định 1314/QĐ-BYT ngày 24/3/2020)

Trong năm 2023, Dự án USAID SET tiếp tục hỗ trợ CTCLQG tổ chức các cuộc họp kỹ thuật của Ban soạn thảo để cập nhật và sửa đổi “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng lao” theo các khuyến cáo mới nhất được đề cập trong các tài liệu hướng dẫn tổng hợp về lao được TCYTTG ban hành trong giai đoạn 2020-2022 và phù hợp tình hình Việt Nam. Ngoài ra bản dự thảo Hướng dẫn mới này cũng cập nhật đầy đủ các dịch vụ kỹ thuật

liên quan đến chẩn đoán và điều trị lao phục vụ cho việc khám bệnh, chữa bệnh lao sử dụng quỹ Bảo hiểm Y tế. Tháng 9 năm 2023, hội đồng thẩm định của Bộ Y tế họp xin ý kiến các thành viên về bản dự thảo hướng dẫn. Hiện tại CTCLQG đang phối hợp với Cục quản lý khám chữa bệnh, Bộ Y tế để tiến hành các thủ tục cuối cùng trước khi trình lãnh đạo Bộ Y tế phê duyệt.

9.1.1.3 Chỉnh sửa hệ thống ghi chép báo cáo trong CTCLQG

Dự án đã phối hợp với CTCLQG xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động để cập nhật hệ thống biểu mẫu sổ sách và báo cáo. Trong năm 2023, các thành viên ban soạn thảo, các chuyên gia của CTCLQG và các đơn vị liên quan đã dự thảo, lấy ý kiến góp ý của các tỉnh và các đơn vị liên quan. Dự kiến biểu mẫu sổ sách báo cáo sẽ được rà soát lần cuối, trình trưởng ban điều hành phê duyệt và sẽ được ban hành cùng với Hướng dẫn quốc gia về chẩn đoán, điều trị và dự phòng lao sửa đổi.

9.1.1.4 Xây dựng Hướng dẫn quốc gia về chẩn đoán và điều trị nấm phổi mạn tính do Aspergillus (CPA)

Với khoảng 21% số ca lao phổi AFB âm tính trên tổng số ca mắc lao phổi được ghi nhận hàng năm tại Việt Nam thì việc sàng lọc loại trừ CPA là cần thiết để hạn chế chẩn đoán và điều trị lao không cần thiết. Chẩn đoán, điều trị sớm CPA sẽ góp phần giảm tỉ lệ tử vong liên quan đến các di chứng sau lao. Vì vậy, từ tháng 4/2023, Dự án USAID SET đã phối hợp với Bệnh viện Phổi Trung ương xây dựng tài liệu kỹ thuật “Hướng dẫn quản lý chẩn đoán điều trị và theo dõi bệnh nhân nấm phổi mạn tính do Aspergillus”. Các cuộc họp kỹ thuật đã được tổ chức và dự thảo tài liệu đã được thống nhất. Hiện tại nhóm chuyên gia đã hoàn thành xong bản thảo để chuẩn bị cho cuộc họp đồng thuận quốc gia về nội dung kỹ thuật của hướng dẫn vào tháng 12 năm 2023. Dự kiến tài liệu sẽ được hoàn thiện và trình Bộ Y tế phê duyệt vào đầu năm 2024.

9.1.1.5. Xây dựng hướng dẫn quốc gia chủ động phát hiện lao, lao tiềm ẩn và các bệnh đường hô hấp tại cộng đồng, tăng cường vai trò của Y tế cơ sở

Phát hiện chủ động lao tại cộng đồng sử dụng chiến lược 2X đã góp phần đáng kể vào việc tăng cường phát hiện ca lao và lao tiềm ẩn. Tháng 8 năm 2023, dự án USAID SET đã hỗ trợ CTCLQG xây dựng “Hướng dẫn quốc gia về chủ động phát hiện lao tại cộng đồng” để đảm bảo mở rộng sử dụng chiến lược 2X với các mô hình khác nhau trên toàn quốc cũng như vận động nguồn lực địa phương được kết cấu cho triển khai hoạt động này. Bản dự thảo đầu tiên đã hoàn thành và được gửi đi xin ý kiến các thành viên hội đồng kỹ thuật CTCLQG.

9.1.2 Nâng cao năng lực mạng lưới CTCLQG

9.1.2.1 Hội nghị, tập huấn và giám sát hỗ trợ kỹ thuật

- Dự án đã phối hợp với CTCLQG tổ chức Hội nghị Tổng kết năm 2022 và Triển Khai kế hoạch năm 2023. Hội nghị đã có sự tham gia của Lãnh đạo CTCLQG, Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Vụ BHYT/Bộ Y tế, các Lãnh đạo và cán bộ y tế thuộc các Bệnh viện Phổi tỉnh/TT Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Bệnh viện/TTYT huyện triển khai Dự án thuộc 11 tỉnh. Thông qua hội nghị các đại biểu có cơ hội chia sẻ các thành

quả đã đạt được, bài học kinh nghiệm có được sau một năm triển khai để tiếp tục triển khai dự án năm thứ ba hiệu quả.

- Dự án đã phối hợp với CTCLQG, Sở Y tế An Giang tổ chức Hội nghị tổng kết các hoạt động phòng chống lao do Dự án hỗ trợ tại tỉnh An Giang và phương hướng hoạt động năm 2024-2025 nhằm chia sẻ các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm từ các hoạt động phòng chống lao do Dự án hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2020- 2023, đồng thời thảo luận phương hướng hoạt động phòng chống lao tại tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, lồng ghép giữa các hỗ trợ về kỹ thuật, ngân sách của Dự án với ngân sách địa phương và trung ương để đảm bảo chương trình phát triển bền vững, hiệu quả, hướng tới chấm dứt bệnh lao vào năm 2035. Hội nghị có sự tham gia của 150 đại biểu bao gồm Giám đốc và các cán bộ USAID Việt Nam, lãnh đạo và cán bộ CTCLQG, FHI 360, SYT, CDC, BVĐK và TTYT của 11 huyện/ TP tại An Giang, đại diện 10 tỉnh/TP do Dự án hỗ trợ.
- Dự án đã tổ chức 06 lớp tập huấn cho cán bộ tổ lao tuyến huyện, chuyên trách lao tuyến xã và cộng tác viên cộng đồng tại 05 tỉnh: Khánh Hòa, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang.
- 60 chuyến giám sát hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp đã được thực hiện tới 11 tỉnh dự án, tập trung vào hỗ trợ việc triển khai các hoạt động phát hiện, điều trị bệnh lao tại cơ sở y tế cũng như chiến dịch cộng đồng, bảo hiểm y tế, xét nghiệm, hoàn thiện và triển khai phân hệ Lao kháng thuốc trên hệ thống VITIMES.

9.1.2.2 Cải Thiện Chất Lượng Liên Tục hoạt động phát hiện và điều trị lao

- Trong năm 2023, Dự án tiếp tục phối hợp với CTCLQG triển khai mô hình Cải Thiện Chất Lượng Liên Tục (CTCLLT) tại toàn bộ các tỉnh triển khai dự án nhằm tăng cường việc sử dụng số liệu báo cáo cho theo dõi quản lý, cải thiện chất lượng chương trình.
- Đến 31/10/2023, đã có 09 cuộc họp CTCLLT được tổ chức tại Tiền Giang, An Giang, Tây Ninh, Khánh Hòa và Đồng Tháp để thảo luận tìm giải pháp cải thiện chất lượng phát hiện ca bệnh lao, lao tiềm ẩn tại cơ sở y tế và cộng đồng. Một số kết quả đạt được bao gồm:
 - ☐ Tại Tiền Giang, tăng tỉ lệ chuyển gửi thành công người có nguy cơ từ cộng đồng nhờ cộng tác viên y tế từ 5,7% vào tháng 6/2023 lên 72,1% vào tháng 10/2023.
 - ☐ Tại An Giang, cải thiện chất lượng đọc phim XQ nghi lao, tỉ lệ XQ nghi lao tăng từ 6,1% vào tháng 6/2023 lên 8,4% vào tháng 10/2023.
 - ☐ Tại Tây Ninh, các cơ sở đã thống nhất được quy trình triển khai và hội chẩn lao không bằng chứng vi khuẩn học cho trẻ em.
 - ☐ Tháng 10/2023, Khánh Hòa tổ chức cuộc họp về rà soát hoạt động phát hiện tích cực và chủ động bệnh lao, Đồng Tháp họp thảo luận về hoạt động tăng cường vai trò của cộng tác viên y tế tại cộng đồng trong việc tiếp cận sàng lọc và chuyển gửi người nghi lao đi khám phát hiện bệnh lao. Hai tỉnh đã đề ra kế hoạch và các chỉ số theo dõi cải thiện chất lượng hoạt động. Kết quả cải thiện chất lượng sẽ được cập nhật trong kỳ báo cáo sau.

9.1.2.3 Hỗ trợ hội chẩn lâm sàng ca bệnh

- Trong 10 tháng đầu năm 2023, Trung tâm đào tạo và chỉ đạo tuyến - BVPTW đã tổ chức thành công 27 buổi hội chẩn với sự tham gia của các đơn vị chống lao/các cơ sở khám chữa bệnh đa khoa tại 63 tỉnh/thành phố. Mỗi buổi hội chẩn thu hút 200 đến 300 điểm cầu tham dự.
- Hỗ trợ 09 tỉnh/thành phố thực hiện các buổi hội chẩn thường quy cho các ca lâm sàng khó, không có bằng chứng vi khuẩn học, lao ngoài phổi được phát hiện trong các mô hình phát hiện tích cực/chủ động bệnh lao tại cơ sở y tế và cộng đồng và hỗ trợ 9 tỉnh/thành phố thực hiện hội chẩn các trẻ nghi lao có kết quả XN Xpert âm tính, nghi lao ngoài phổi tại tỉnh.
- Với hoạt động nâng cao năng lực phát hiện lao ở trẻ em, đến tháng 10/2023 đã có 29 buổi hội chẩn tại 4 tỉnh An Giang, Cần Thơ, Khánh Hòa và Tiền Giang được thực hiện, phát hiện được 26 ca lao trẻ em. Ngoài ra Dự án còn hỗ trợ các bác sĩ nhi khoa thuộc tỉnh dự án tham gia hội chẩn với chuyên gia về lao trẻ em thông qua các nhóm Zalo của tỉnh. Trong 10 tháng năm 2023, đã có 11 ca bệnh trẻ em hội chẩn với chuyên gia trong đó có 5 ca bệnh được chẩn đoán lao.

9.1.2.4. Hỗ trợ kỹ thuật các tỉnh của CTCLQG

Thực hiện “Kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật các tỉnh của CTCLQG về phát hiện bệnh lao và lao tiềm ẩn từ 1/8/2022 đến 30/9/2023”, trong năm 2023 Dự án đã phối hợp với CTCLQG thực hiện các hoạt động như sau:

- Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn 3 ngày về ACF/ICF cho 14 tỉnh ưu tiên (Khánh Hòa, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tiền Giang, Đà Nẵng, TP.HCM, Bình Thuận, Long An, Hậu Giang, Hà Nội, Nghệ An và Thái Bình) và 1 lớp cho Ninh Thuận
- Xây dựng tài liệu, tổ chức 05 lớp tập huấn Lao tiềm ẩn cho 5 tỉnh (Cần Thơ, An Giang, Tây Ninh, Tiền Giang và Đồng Tháp).
- Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn giám sát LKT cho 6 tỉnh (Cần Thơ, An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Nghệ An và Thái Bình).
- Thực hiện 10 chuyến giám sát hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) từ CTCLQG đến 7 tỉnh ưu tiên (Kiên Giang, Khánh Hòa, Sóc Trăng, Hà Nội, Đà Nẵng, Long An và Bình Thuận), 131 chuyến HTKT từ tỉnh đến huyện, 264 chuyến HTKT từ huyện đến xã, 56 buổi hội chẩn lâm sàng tại 15 tỉnh ưu tiên.
- Tổ chức 01 cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm triển khai chiến lược 2X phát hiện bệnh lao và lao tiềm ẩn với sự tham gia trực tiếp của 7 SRs và trực tuyến của đại diện Bệnh viện Lao/Phổi tỉnh và Chương trình chống lao tỉnh của 63 tỉnh/thành phố.
- Thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích báo cáo chỉ số và báo cáo tiến độ hoạt động hàng tháng hoặc hàng quý của 63 tỉnh.
- Dự án đã cùng CTCLQG và các chuyên gia xây dựng, in ấn 2400 quyển Hướng dẫn phát hiện lao và lao tiềm ẩn áp dụng chiến lược 2X và 2.600 quyển Hình ảnh nghi lao

trên phim XQ ngược. Sách này đã được cấp phát cho toàn bộ 63 tỉnh/ thành để hỗ trợ các đơn vị triển khai.

9.1.3. Nâng cao năng lực mạng lưới chẩn đoán

Dự án đã phối hợp với Khoa Vi sinh & Labo lao chuẩn Quốc gia - Bệnh viện Phổi trung ương (NRL) và chuyên gia của USAID xây dựng và cập nhật Kế hoạch quốc gia phát triển mạng lưới xét nghiệm giai đoạn 2024-2026. Bốn cuộc họp kỹ thuật với NRL đã được thực hiện điều chỉnh các hoạt động dựa theo bản cập nhật chiến lược quốc gia 2021-2026, hài hòa với các hoạt động hỗ trợ của Quỹ toàn cầu 2024-2026. Bản dự thảo kế hoạch cơ bản đã được xây dựng chờ phê duyệt.

Hoạt động thí điểm chuyển mẫu được thực hiện từ 3/2023-6/2023. Để thực hiện, Dự án đã cung cấp gói đào tạo về sử dụng phần mềm chuyển mẫu TBTrans, thí điểm tại 15 đơn vị thuộc tỉnh Cần Thơ, Đồng Tháp và Hậu Giang. CTCLQG đã thống nhất khung chỉ số M&E dành cho hoạt động chuyển mẫu sẽ được sử dụng chung cho các hệ thống chuyển mẫu khác nhau. Số liệu ghi nhận 1.459 mẫu bệnh phẩm sau 3 tháng thí điểm. Các đơn vị vẫn tiếp tục sử dụng phần mềm vận chuyển mẫu, có 3.947 mẫu đã được vận chuyển sử dụng phần mềm trong thời gian từ 3/2023-11/2023.

Cập nhật gói kỹ thuật xét nghiệm lao thường quy: Nhóm kỹ thuật đã tổ chức 2 phiên họp để rà soát tài liệu, cập nhật thông tin, đề nghị các điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các hướng dẫn quốc gia và khuyến cáo kỹ thuật của WHO. Bộ quy trình đã sẵn sàng cho cuộc họp thống nhất lần cuối để trình phê duyệt.

Hoạt động xét nghiệm Truenat: Dự án đã hỗ trợ CTCLQG phân phối và lắp đặt 38 máy Truenat tại 35 điểm máy tại 20 tỉnh/thành phố, xây dựng ban hành các văn bản nhằm tăng cường sử dụng xét nghiệm Truenat với công suất tối đa 250 test/tháng/máy và tổ chức 5 cuộc họp kỹ thuật hàng tháng để hỗ trợ kỹ thuật. Kết quả xét nghiệm Truenat trong 6 tháng đầu năm 2023 cho thấy mức sử dụng đã cao gấp 3 lần so với quý trước, cụ thể trong tháng 4 và tháng 5/2023, đã có 4.650 xét nghiệm Truenat (Plus và Rif) được thực hiện trong các chiến dịch phát hiện chủ động quy mô nhỏ ở An Giang, chiếm 33% lượng sử dụng Truenat trên toàn quốc. Mặc dù mức tiêu thụ đã tăng lên đáng kể, tuy nhiên vẫn còn 54,7% số lượng Truenat hết hạn vào cuối tháng 5/2023. Dự án đã làm việc với NRL và nhà sản xuất (Mobiol) để sử dụng các Truenat hết hạn cho quy trình rửa và bảo dưỡng máy tách Trueprep. Một số sinh phẩm khác trong bộ xét nghiệm TruenatNTP sẽ xử lý hủy theo đúng quy định và bảo vệ môi trường. Dự án đã làm việc với StopTB và nhà sản xuất (Mobiol) để chuẩn bị kết nối 38 máy Truenat với phần mềm kết nối xét nghiệm được CTCLQG lựa chọn.

9.1.4 Các công cụ và cách tiếp cận mới:

9.1.4.1 Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI/DL) để cải thiện chất lượng đọc phim XQ

Từ năm 2021, thiết bị trí tuệ nhân tạo (AI/DL) đã được lắp đặt trên các xe XQ lưu động tại các chiến dịch phát hiện chủ động bệnh lao tại cộng đồng và tại các cơ sở y tế được lựa chọn của 7 tỉnh dự án. Trong năm 2023, dự án tiếp tục sử dụng AI trong 8 chiến dịch cộng đồng quy mô nhỏ tại An Giang và triển khai tại 10 cơ sở y tế.

Bảng 18: Kết quả triển khai AI tại 11 cơ sở y tế và 8 chiến dịch CD quy mô nhỏ, 6 chiến dịch hotspot và 8 chiến dịch CD quy mô lớn trong 10 tháng đầu năm 2023

Chỉ số	Cơ sở y tế (10 cơ sở)	Chiến dịch cộng đồng quy mô nhỏ (8 chiến dịch)
Số phim X-quang ngực được AI xử lý	32.213	56.505
Số phim X-quang ngực bất thường nghi lao do AI kết luận	6.904 (21,4%)	8.240 (14,6%)
Số trường hợp được làm xét nghiệm Xpert	2.984	9.599
Số bệnh nhân lao được phát hiện	753 (719 có BCVKH)	849 (700 có BCVKH)
Số bệnh nhân lao được đưa vào điều trị	708 (94,0%)	709 (83,5%)

Kết quả triển khai cho thấy AI giúp cải thiện chất lượng khám sàng lọc lao, tăng tỷ lệ phát hiện ca lao tại các cơ sở y tế. Tuy nhiên vẫn cần tiếp tục hỗ trợ tăng cường phối kết hợp giữa các khoa phòng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng AI và đảm bảo người có kết quả chẩn đoán XQ phổi bất thường nghi lao được tiếp tục xét nghiệm Xpert.

9.1.4.2 Cải thiện hệ thống giám sát để quản lý toàn diện bệnh lao (VITIMES)

Trong năm 2023, Dự án tiếp tục phối hợp và hỗ trợ CTCLQG nâng cấp hệ thống VITIMES. Ba phân hệ chính của hệ thống bao gồm lao nhạy cảm, lao kháng thuốc và lao tiềm ẩn đã được xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện. Để triển khai VITIMES nâng cấp cho tuyến tỉnh và tuyến huyện, Dự án đã hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn triển khai bao gồm:

- 04 lớp tập huấn về phân hệ Lao kháng thuốc cho cán bộ tuyến tỉnh tại cho 63 tỉnh/TP.
- 06 lớp tập huấn về phân hệ lao nhạy cảm và lao tiềm ẩn cho cán bộ tuyến huyện tại 6 tỉnh Dự án đang hỗ trợ bao gồm Đồng Tháp, Cần Thơ, Tây Ninh, Khánh Hòa, Tiền Giang và An Giang. Dự kiến Dự án sẽ tiếp tục hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn cho toàn bộ 63 tỉnh/TP vào đầu năm 2024.
- Dự án đã hỗ trợ CTCLQG tổ chức sự kiện ra mắt chính thức hệ thống VITIMES phiên bản nâng cấp vào ngày 30/11/2023. Sự kiện có sự tham gia của hơn 300 đại biểu (150 tham dự trực tiếp và hơn 150 điểm cầu trực tuyến).

9.2. Cải thiện tiếp cận dịch vụ toàn diện

Trong năm 2023, Dự án USAID-SET tiếp tục phối hợp với CTCLQG triển khai chiến lược 2X và các mô hình linh hoạt nhằm tăng cường khám phát hiện lao hoạt động và lao tiềm ẩn tại cơ sở y tế và cộng đồng. Kết quả triển khai 10 tháng đầu năm 2023 thông qua các can thiệp của dự án cho thấy:

- 7.622 ca lao đã được phát hiện, trong đó 7.245 ca có BCVKH. Tỷ lệ BN được làm xét nghiệm GeneXpert có kết quả dương tính đạt 16,4%. Hiệu suất phát hiện đạt 1.511 ca lao/100.000 phim XQ. 6.878 ca được đưa vào điều trị đạt 90,2%.

- 2.755 ca lao tiềm ẩn đã được phát hiện, tỷ lệ xét nghiệm lao tiềm ẩn dương tính đạt 25,2%, 1.875 ca (67%) đã được điều trị dự phòng lao.

Bảng 19: Số ca lao và lao tiềm ẩn phát hiện từ các hoạt động dự án, tháng 1-10/2023

Tỉnh	Chẩn đoán Lao						Chẩn đoán Lao tiềm ẩn	
	# X-Quang	# (%) X-Quang bất thường nghi lao	# (%) Xét nghiệm Xpert	# (%) Xpert (+)	# Tổng số ca lao phát hiện	Phát hiện/100.000 X-Quang	# Xét nghiệm LTA	# LTA
An Giang	168.087	15.081 (9,0%)	18.456 (93,4%)	3.726 (20,2%)	3.905	1.951	4.602	1.200 (26,1%)
Cần Thơ	20.108	1.717 (8,5%)	1.871 (97,5%)	301 (16,1%)	308	1.442	1.133	217 (19,1%)
Đồng Tháp	22.296	3.714 (16,7%)	5.042 (99,3%)	556 (11,0%)	561	1.816	842	170 (20%)
Hậu Giang	25.099	1.566 (6,7%)	1.466 (82,4%)	354 (24,1%)	392	1.482	0	0
Khánh Hòa	27.620	3.167 (11,5%)	2.813 (88,0%)	383 (13,6%)	444	1.597	1.195	277 (23,1%)
Kiên Giang	80.211	1.344 (1,7%)	1.182 (87,4%)	416 (35,2%)	458	561	1.104	340 (30,7%)
Sóc Trăng	7.528	711 (9,4%)	808 (104,2%)	257 (31,8%)	263	3.348	330	47 (14,2%)
Tây Ninh	58.495	6.570 (11,2%)	9.278 (99,0%)	953 (10,3%)	980	1.414	1.314	421 (32%)
Tiền Giang	26.179	2.464 (9,4%)	3.306 (81,5%)	299 (9,0%)	311	1.020	402	83 (29,6%)
Tổng số	435.623	36.334 (8,3%)	44.222 (93,4%)	7.245 (16,4%)	7.622	1.511	10.922	2.755 (25,2%)

9.2.1. Hoạt động phát hiện tích cực ca lao tại cơ sở y tế (ICF)

Mô hình phát hiện tích cực ca lao tại cơ sở y tế được thực hiện tại 57 cơ sở y tế, tăng 18 cơ sở so với năm 2022, chủ yếu mở rộng thêm tại 4 tỉnh mới: Khánh Hòa, Sóc Trăng, Kiên Giang và Hậu Giang. Đối tượng sàng lọc là toàn bộ bệnh nhân đến khám và điều trị tại cơ sở y tế có chụp XQ ngực và có hình ảnh bất thường nghi lao tập trung vào các nhóm đối tượng chính: (1) bệnh nhân khám ngoại trú với các triệu chứng hô hấp (2) bệnh nhân bệnh phổi nội trú (3) bệnh nhân tiểu đường có nguy cơ mắc lao (4) nhóm nguy cơ cao bao gồm người trên 60 tuổi, người hút thuốc, người sử dụng đồ uống có cồn được sàng lọc triệu chứng và đánh giá nguy cơ mắc lao. Tính đến 31/10/2023, chiến lược 2X tại cơ sở y tế (ICF) đã phát hiện 5.179 ca lao (tỷ lệ phát hiện 1.404 trên 100.000 phim XQ ngực); chiếm tổng số 70% (5.179/7.622) số ca lao phát hiện theo tất cả các mô hình; trong đó 4.666 ca phát hiện được đưa vào điều trị, đạt tỷ lệ 90,1%.

9.2.2. Khám phát hiện bệnh lao cho trẻ em tại cơ sở y tế và cộng đồng

Năm 2023, dự án USAID SET đã đẩy mạnh triển khai hoạt động tăng cường phát hiện bệnh lao, lao tiềm ẩn cho trẻ em thông qua các mô hình phát hiện tích cực lao cho trẻ em tại 12 bệnh viện tuyến tỉnh/TP (BV Nhi/Sản Nhi tuyến tỉnh hoặc Khoa Nhi – BVĐK tỉnh) và 45 BVĐK/TTYT tuyến huyện tại 09 tỉnh Dự án, lồng ghép vào các mô hình phát hiện chủ động bệnh lao tại CSYT và 08 chiến dịch cộng đồng quy mô nhỏ tại An Giang. Kết quả từ tháng 01-10/2023 đã có 28.519 trẻ được chụp XQ, trong đó có 1.631 trẻ có XQ nghi lao, 1.983 trẻ được làm Xpert, 36 trẻ được chẩn đoán mắc lao (1,8%) và 33 trẻ được đưa vào điều trị.

Về sàng lọc phát hiện và điều trị lao tiềm ẩn, trẻ là người tiếp xúc BN lao phổi nhạy cảm ≥ 5 tuổi, không nhiễm HIV và chưa được chẩn đoán mắc lao tiềm ẩn trước đó sẽ được tiêm TST. Kết quả từ tháng 1- 10/2023 đã có 1.482 trẻ >5 tuổi được xét nghiệm lao tiềm ẩn, trong đó 1.479 (99,8%) có kết quả xét nghiệm. 225 (15,2%) trẻ được chẩn đoán mắc lao tiềm ẩn, 195 trẻ được điều trị lao tiềm ẩn, trong đó có 44 trẻ dưới 5 tuổi được đưa vào điều trị. Tỷ lệ trẻ em điều trị Lao tiềm ẩn đạt 86,7%.

9.2.3 Hoạt động phát hiện chủ động ca lao và lao tiềm ẩn (ACF) tại cộng đồng và CSYT

9.2.3.1 Chiến dịch phát hiện chủ động bệnh lao tại cộng đồng

Trong năm 2023, dự án USAID SET đã đẩy mạnh triển khai hoạt động phát hiện chủ động bệnh lao tại cộng đồng áp dụng chiến lược 2X với các mô hình bao gồm:

- 80 ngày chiến dịch cộng đồng với mô hình quy mô nhỏ tại 08 huyện/tp tại An Giang bao gồm Tân Châu, Châu Đốc, Chợ Mới, Thoại Sơn, Châu Thành, Châu Phú, Phú Tân và Long Xuyên sử dụng xét nghiệm Truenat thay Xpert để xét nghiệm mẫu đờm tìm vi khuẩn lao. Bên cạnh đó máy X quang di động cầm tay UPX cũng được sử dụng tại 4 huyện/tp là Tân Châu, Châu Đốc, Phú Tân, Châu Phú trong suốt chiến dịch.
- 82 ngày chiến dịch cộng đồng với mô hình hotspot tại Cần Thơ và Tiền Giang: Mỗi tỉnh/TP chọn 3 huyện có tình hình dịch cao nhất (Cần Thơ: Ninh Kiều, Cờ Đỏ, Bình Thủy; Tiền Giang: Cái Bè, Gò Công Tây, Cai Lậy), mỗi huyện lựa chọn 5 xã có tình hình dịch cao nhất. Mỗi xã lựa chọn 3 ấp có số bệnh nhân lao nhiều nhất để thực hiện chiến dịch Hotspot.
- 103 ngày chiến dịch cộng đồng với quy mô lớn tại các tỉnh An Giang (3 huyện An Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn), Đồng Tháp (huyện Lấp Vò), Khánh Hòa (2 huyện Vạn Ninh, Diên Khánh), Tây Ninh (2 huyện Gò Dầu và Hòa Thành), 7/8 huyện (không bao gồm Vạn Ninh) đã sử dụng IGRA để chẩn đoán lao tiềm ẩn.
- Kết quả đã chụp XQ cho 56.505 người tiếp xúc và nguy cơ cao, 8.240 (14,6%) có kết quả XQ bất thường nghi lao, 9.599 người đã được lấy mẫu làm xét nghiệm Truenat/Xpert, phát hiện 849 trường hợp mắc lao, trong đó 149 trường hợp không có BCVKH. Tỷ lệ Truenat/ Xpert dương tính chiếm 7,3%.

Bảng 20. Kết quả chiến dịch PHCD bệnh lao, lao tiềm ẩn tại cộng đồng

Mô hình	Lao hoạt động								Lao tiềm ẩn		
	XQ ngực			Xpert			Chẩn đoán lao		# đọc TST/IGRA	# TST/IGRA (+)	% TST/IGRA (+)
	# XQ	# XQ nghi lao	% XQ nghi lao	# XN Xpert	# Xpert (+)	% Xpert (+)	# Không BCVK	TS ca lao			
Chiến dịch quy mô nhỏ	16.970	3.222	19%	4.209	218	5,2%	41	259			
Chiến dịch quy mô lớn	30.431	4.113	13,5%	4.529	381	8,4%	105	486	4.162	1.462	35,1%
Hotspot	9.104	905	9,9%	861	101	11,7%	3	104	363	72	19,8%
Tổng	56.505	8.240	14,6%	9.599	700	7,3%	149	849	4.525	1.534	33,9%

9.2.3.2 Đối với mô hình phát hiện ca lao chủ động tại cơ sở y tế (CSYT)

Dự án đã thực hiện khám tầm soát ca lao và lao tiềm ẩn cho người tiếp xúc hộ gia đình (NTXHGĐ) BN lao phổi được phát hiện vào năm 2021 – 2022 và 10 tháng đầu năm 2023 chưa đến chiến dịch hoặc cơ sở y tế trước đó. Kết quả đến hết tháng 10/2023, trong số người người tiếp xúc đến khám tại CSYT 5.764 người đã được chụp XQ ngực, 1.245 (21,6%) người có XQ bất thường nghi lao, XN Xpert cho 1.135 trường hợp, phát hiện 172 ca lao. Tổng số bệnh nhân được đưa vào điều trị là 163 (94,8%). Đối với chẩn đoán LTA, đã thực hiện xét nghiệm và đọc kết quả TST cho 6.022 người tiếp xúc, trong đó 1.171 (19,4%) người tiếp xúc được chẩn đoán mắc LTA, 784 (64,5%) trường hợp đã được đưa vào điều trị.

9.2.3.3 Mô hình sử dụng Xpert để sàng lọc bệnh lao (1X)

Dự án triển khai tại các tỉnh có tình hình dịch tễ cao cho đối tượng có ho khạc đờm kéo dài trên 2 tuần, người tiếp xúc của bệnh nhân lao kháng thuốc hoặc trẻ em có triệu chứng nghi lao. Tại tuyến xã/phường, cán bộ trạm y tế và cộng tác viên thực hiện thu thập mẫu đờm của người đủ tiêu chuẩn, chuyển đến cơ sở theo phân vùng chuyển mẫu để làm XN Xpert. Kết quả 10 tháng đầu năm 2023, có 1.023 (9,9%) trường hợp chẩn đoán mắc lao trong tổng số 10.170 người được làm XN Xpert. Tổng số bệnh nhân được đưa vào điều trị là 957 ca (93,5%).

9.2.3.4. Mô hình sàng lọc lao tại cộng đồng bằng mã QR

Năm 2023, Dự án tiếp tục triển khai công cụ sàng lọc lao tại cộng đồng bằng quét mã QR nhằm tăng cường phát hiện ca lao. Kết quả 10 tháng đầu năm 2023, 11.608 người dân trong địa bàn các huyện được dự án hỗ trợ đã tự sàng lọc bằng mã QR, 10.010 người (86,2%) được đánh giá có nguy cơ mắc lao. Trong số 5.667 người có nguy cơ mắc lao đã đến cơ sở y tế và được chụp phim X-quang, 2.363 (41,7%) có XQ bất thường nghi lao, 2.363 (100%) được làm xét nghiệm Xpert, 399 người được chẩn đoán mắc lao, trong đó 9 người được chẩn đoán mắc lao không có bằng chứng vi khuẩn học, tỷ lệ Xpert dương tính là 16,5%, 383 trường hợp (96%) đã bắt đầu điều trị lao. Mô hình này giúp giảm tải gánh

nặng cho các cơ sở y tế, khuyến khích người dân tự sàng lọc lao, cung cấp thêm thông tin về các cơ sở y tế khám chữa bệnh lao cho người dân.

9.2.3.5 Mô hình “Tăng cường vai trò của cộng đồng trong sàng lọc phát hiện lao và lao tiềm ẩn, hỗ trợ tuân thủ điều trị”

Nhằm tăng cường sự tham gia của cộng tác viên y tế cộng đồng trong việc sàng lọc, phát hiện và chuyển gửi người nghi lao đi khám phát hiện bệnh lao, dự án đã triển khai thí điểm mô hình này tại 46 xã thuộc 09 huyện của hai tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang. Các hoạt động được thực hiện bao gồm: 1) Xây dựng Quy trình và tài liệu tập huấn; 2) Lựa chọn xã triển khai và thành lập nhóm công tác viên y tế; 3) Tổ chức tập huấn cho nhóm công tác viên.

Kết quả tính đến hết tháng 10 năm 2023, 4.429 người nguy cơ tại cộng đồng được tiếp cận tư vấn và chuyển gửi đi khám phát hiện bệnh lao, LTA. Kết quả, phát hiện 100 bệnh nhân lao, thu nhận điều trị 99 bệnh nhân (99%); đồng thời xét nghiệm TST cho 100 người, phát hiện 23 bệnh nhân lao tiềm ẩn, thu nhận điều trị 18 bệnh nhân (78%), các bệnh nhân còn lại đang được tổ lao tuyến huyện phối hợp với mạng lưới cộng tác viên để tiếp tục tư vấn thu nhận điều trị.

Bước đầu, mô hình đã chứng minh tính hiệu quả trong việc huy động sự tham gia của mạng lưới cộng tác viên y tế tại cộng đồng. Tuy nhiên, mô hình này còn gặp nhiều khó khăn do cộng tác viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong tiếp cận các nhóm nguy cơ cao trong cộng đồng. Dự án đã phối hợp với điều phối kỹ thuật cấp tỉnh, huyện và chuyên trách lao tuyến xã thực hiện hỗ trợ kỹ thuật cho nhóm cộng tác viên rà soát lập danh sách các nhóm nguy cơ cao, đánh giá chính xác tiêu chuẩn người được lấy mẫu đờm xét nghiệm (mô hình 1X) cũng như chuyển gửi thông qua mã QR hoặc phiếu chuyển gửi đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại phương.

9.2.4. Cải thiện chất lượng điều trị lao

9.2.4.1 Hỗ trợ tư vấn tăng cường tuân thủ điều trị

Trong năm 2023, dự án đã mở rộng địa bàn triển khai hoạt động, từ 15 huyện thuộc 02 tỉnh Tây Ninh và An Giang lên 20 huyện tại 04 tỉnh Tây Ninh, Đồng Tháp, Kiên Giang và Sóc Trăng. Dự án tập trung vào nhóm BN mắc lao kháng thuốc, BN trẻ em mắc lao/lao tiềm ẩn và các BN không tuân thủ điều trị.

Bảng kiểm tư vấn được áp dụng là công cụ giúp cán bộ chống lao tại tuyến tỉnh và tuyến huyện tích cực phát hiện và giải quyết những rào cản tuân thủ điều trị. Một số rào cản phổ biến được phát hiện trong quá trình triển khai bao gồm: tác dụng phụ của thuốc điều trị, nơi sinh sống và làm việc xa nơi điều trị và gián đoạn điều trị với bệnh nhân không có thẻ bảo hiểm y tế.

9.2.4.2 Tăng cường chất lượng quản lý điều trị lao kháng thuốc

Trong năm 2023, Dự án tiếp tục hỗ trợ CTCLQG triển khai mô hình điều trị ngoại trú ngay từ đầu cho NB LKT điều trị phác đồ có chứa Bdq tại 04 tỉnh An Giang, Kiên Giang,

Khánh Hòa, Hậu Giang với mục tiêu theo dõi hiệu quả và tính an toàn của phác đồ điều trị chứa Bdq khi người bệnh được điều trị ngoại trú ngay từ đầu. 02 lớp tập huấn đã được tổ chức tại Kiên Giang và TP HCM cho 100 học viên thuộc 5 tỉnh/TP nhằm thống nhất quy trình triển khai. Kết quả, 118 BN lao kháng đa thuốc điều trị ngoại trú ngay từ đầu với phác đồ có Bdq đã được theo dõi tại An Giang và Khánh Hòa.

9.3. Thúc đẩy vai trò ứng phó với bệnh lao của địa phương - chuyển giao khám bệnh chữa bệnh lao qua bảo hiểm y tế (BHYT)

Tính đến hết tháng 11 năm 2023, toàn bộ các CSYT tham gia KCB lao tại 9 tỉnh trọng điểm dự án đã hoàn thành công tác kiện toàn, đáp ứng điều kiện KCB lao qua BHYT. Trong năm 2023 Dự án đã:

- Hỗ trợ BVP tỉnh tổ chức các cuộc họp với cơ quan BHXH địa phương và các đơn vị để giải quyết các khó khăn trong quá trình chuyển giao khám, chữa bệnh và cấp thuốc lao BHYT. Hỗ trợ các tỉnh cải thiện tỷ lệ người bệnh nhận thuốc lao BHYT tại 9 tỉnh Dự án, tăng từ 87% vào tháng 12/2022 lên 95 % vào cuối tháng 9/2023.
- Hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh để giải quyết kịp thời những vướng mắc ban đầu trong việc triển khai và mở rộng cấp thuốc lao BHYT tại tuyến xã, phường. Tính đến hết tháng 10 năm 2023, đã có 78% tổng số xã ở 9 tỉnh dự án đã triển khai cấp phát thuốc lao BHYT tại trạm y tế xã, phường. Trong đó tỷ lệ này ở các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh và An Giang gần như đạt 100%. Riêng Khánh Hòa và Đồng Tháp mới mở rộng triển khai cấp thuốc tại xã phường từ tháng 8-10/2023 và đến cuối tháng 10/2023 tỷ lệ cấp phát thuốc tại xã, phường ở tỉnh Đồng Tháp đạt 24% và Khánh Hòa đạt 34%.
- Hỗ trợ xây dựng tờ áp phích tuyên truyền về quyền lợi KCB lao của người tham gia BHYT để khuyến khích người dân đặc biệt người bệnh lao tham gia BHYT để giảm gánh nặng chi phí y tế khi mắc bệnh lao. Dự án đã in ấn 13.000 tờ áp phích này và cấp phát cho tất cả các cơ sở y tế tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Xây dựng công cụ và tiến hành khảo sát về tỷ lệ người bệnh lao chưa tham gia BHYT ở 63 tỉnh thành phố trên toàn quốc. Kết quả 46/63 tỉnh tham gia khảo sát và số liệu thu thập được cho thấy tỷ lệ người bệnh lao không có thẻ BHYT trung bình khoảng 8.4%. Số liệu này cần thiết để CTCLQG và các dự án xây dựng kế hoạch hỗ trợ. Dự án cũng tham gia đoàn khảo sát của Bộ Y tế và CTCLQG về việc thực hiện Thông tư 36/2021/TT-BYT tại TP Cần Thơ cũng như tham gia các cuộc họp góp ý cho dự thảo sửa đổi Thông tư 36/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Phối hợp với CTCLQG tổ chức lớp tập huấn về sử dụng công cụ e-LMIS để xây dựng nhu cầu thuốc lao BHYT giai đoạn 2024-2025 cho 112 cơ sở y tế khám, chữa bệnh lao thuộc 9 tỉnh trọng điểm dự án. Sau lớp tập huấn dự án hỗ trợ trong việc đôn đốc các tỉnh tiến hành thủ tục thông qua hội đồng thuốc của SYT để gửi cho CTCLQG bản kế hoạch đúng thời hạn.

- Hỗ trợ các tỉnh dự án xây dựng và vận động xây dựng định mức chi về PCL cũng như xây dựng kế hoạch PCL năm 2024 hiệu quả hơn, phối hợp và tối ưu hóa các nguồn lực trong PCL ở các tỉnh (Tiền Giang, Tây Ninh, An Giang, Khánh Hòa).

9.4. Một số hoạt động truyền thông

Trong năm 2023, dự án đã hỗ trợ CTCLQG thực hiện một số các hoạt động truyền thông tăng cường nhận thức, giảm kỳ thị phân biệt đối xử đối với người mắc lao trong cộng đồng, và thúc đẩy quan hệ hợp tác. Các hoạt động truyền thông nổi bật bao gồm:

- Dự án đã hỗ trợ xây dựng chiến lược truyền thông cho 9 tỉnh dự án cũng như xây dựng thông điệp truyền thông thay đổi hành vi kèm các mẫu thiết kế cho 63 tỉnh thành phố sử dụng nhân ngày Thế giới Phòng chống Lao 24/3/2023. Các hoạt động truyền thông được xây dựng bao gồm phát triển thông điệp, thiết kế và in ấn băng rôn, thực hiện phát loa trên xe tuyên truyền và thực hiện phát thanh tại đài phát thanh quận/huyện/xã với nội dung thúc đẩy khám phát hiện lao và lao tiềm ẩn. Hơn nữa, dự án cùng CTCLQG đẩy mạnh tuyên truyền về bệnh lao vào giờ vàng phát sóng trên các kênh truyền hình VTV1, VTV2 và VTV3. Đặc biệt, chiến lược truyền thông trên mạng xã hội với các nội dung về triệu chứng nghi lao, sàng lọc lao, BHYT và khuyến khích người dân đi sàng lọc lao đăng trên kênh Facebook của CTCLQG và BVPTW từ ngày 19/3 đến ngày 1/4 đã tiếp cận được hơn 1.5 triệu người dân.
- Dự án tham gia Hội nghị Thế giới về Sức khỏe Phổi vào tháng 11 năm 2023 tại Paris với 6 bài trình bày khoa học về việc triển khai các mô hình sáng tạo và nghiên cứu để chẩn đoán và điều trị trị lao. Cụ thể, các bài thuyết trình về những thành tựu đạt được trong 3 năm thực hiện dự án như việc ứng dụng AI vào đọc phim XQ ngực, mô hình sàng lọc lao đối với bệnh tiểu đường và các biện pháp can thiệp phục hồi phát hiện bệnh lao áp dụng chiến lược 2X. Đặc biệt, bài trình bày về mô hình phát hiện ca lao chủ động tại cơ sở y tế và sử dụng QR code đã được lựa chọn là một trong 8 bài tiêu biểu nhất được đề cập trong Phiên tổng kết hội nghị.
- Về tài liệu truyền thông, trong năm 2023. Dự án đã xây dựng, sản xuất 887.000 tờ rơi (nội dung về lao hoạt động và lao tiềm ẩn) và phân bổ tới 63 tỉnh thành. Các tài liệu khác bao gồm quy trình xét nghiệm MTP định danh và kháng RMB, bộ công cụ hỗ trợ sàng lọc lao cho các cán bộ y tế đang trong quá trình hoàn thiện thiết kế và sản xuất để phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trong thời gian tới.

❖ Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án

- Văn kiện dự án năm 2023 với CTCLQG bao gồm các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Kiên Giang chưa được phê duyệt, đồng thời việc phê duyệt văn kiện dự án tại 06 tỉnh/TP như An Giang, Cần Thơ, Tây Ninh, Tiền Giang, Đồng Tháp và Khánh Hòa cũng mất nhiều thời gian đã làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai hoạt động của dự án tại các địa phương. Bên cạnh đó việc đăng ký xin phép các cơ quan chính quyền địa phương cho các các hoạt động tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật được tài trợ trực tiếp bởi dự án cũng mất nhiều thời gian thực hiện.

- Sự thiếu hụt xét nghiệm chẩn đoán LTA, chậm trễ mua bán đầu thầu vật tư tiêu hao phục vụ cho công tác chẩn đoán (thiếu cartridge Xpert, phim XQ...) đã làm ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động phát hiện tại địa phương. Ngoài ra một cơ chế để huy động sử dụng các máy XQuang cầm tay cho các chiến dịch nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các công cụ chẩn đoán cũng cần được xây dựng để các tỉnh có thể áp dụng.
- Các tỉnh và các đơn vị tham gia KCB lao trên địa bàn tỉnh dự án còn chậm trễ trong việc tận dụng nguồn lực từ quỹ BHYT để thanh toán các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến chẩn đoán lao như AFB, Xpert, nuôi cấy trong khi nguồn ngân sách địa phương dành cho công tác PCL còn rất hạn chế (nhiệm vụ PCL đã được chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của ngân sách địa phương từ năm 2021). Một số tỉnh như Tây Ninh, Sóc Trăng, Đồng Tháp còn chưa có chỉ đạo của SYT về việc xây dựng định mức chi cho PCL (và các chương trình y tế dân số khác) nên việc sử dụng ngân sách địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Trong năm tới CTCLQG cần hỗ trợ để các tỉnh tăng cường hơn nữa vận động nguồn lực địa phương cho hoạt động PCL của tỉnh.
- Huy động sự tham gia của mạng lưới cộng tác viên y tế tại cộng đồng trong khuôn khổ dự án ban đầu còn gặp nhiều khó khăn do cộng tác viên còn thiếu kinh nghiệm trong tiếp cận các nhóm nguy cơ cao trong cộng đồng và cần sự hỗ trợ kỹ thuật của dự án và chuyên trách lao tại các tuyến đặt biệt hỗ trợ rà soát lập danh sách các nhóm nguy cơ cao, đánh giá tiêu chuẩn người được lấy mẫu đờm xét nghiệm theo mô hình 1X cũng như chuyển gửi thông qua mã QR.
- Đối với hệ thống giám sát, yêu cầu kết nối với hệ thống HIS bệnh viện, kết nối xét nghiệm với hệ thống VITIMES là một yêu cầu lớn cần sự hỗ trợ của CTCLQG và các bệnh viện Phổi tuyến tỉnh. Việc đưa vào vận hành hệ thống VITIMES phiên bản nâng cấp cũng cần rất nhiều nỗ lực để chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ qua hệ thống mới điều này đòi hỏi sự tham gia và hỗ trợ của các đơn vị để đảm bảo cơ sở dữ liệu chuyển đổi đầy đủ và đáp ứng nhu cầu sử dụng.

C. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC CHỐNG LAO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ PHỤ (SR) NGUỒN QUỸ TOÀN CẦU

1. Hội Nông dân

❖ Nhận định chung:

Năm 2023 là năm diễn ra Đại hội Hội Nông dân các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, một số cán bộ Hội chủ chốt tại các tỉnh, thành Hội nghỉ hưu, chuyển đi các ngành khác, trong đó có không ít cán bộ đang trực tiếp thực hiện các hoạt động Dự án, gây khó khăn không nhỏ cho việc triển khai phòng chống lao trong nông thôn; tuy nhiên nhờ sự quan tâm, tạo mọi điều kiện của Bệnh viện Phổi Trung ương, Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao Việt Nam cùng với sự chỉ đạo sát sao của Ban quản

lý Dự án Trung ương Hội và sự nỗ lực, quyết tâm của Tổ chống lao 17 tỉnh, thành Hội, sự vào cuộc quyết liệt của cán bộ hội viên nông dân, các hoạt động phòng chống lao của Hội Nông dân Việt Nam về cơ bản đã được triển khai đúng theo kế hoạch, mục tiêu và tiến độ dự án đề ra, cụ thể:

- Duy trì và mở rộng, đẩy mạnh hoạt động các mô hình “Nông dân phòng chống lao” cấp huyện, mô hình “Quản lý lao tiềm ẩn” cấp xã, mô hình “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao” tại 17 tỉnh, thành Hội: Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ, An Giang.
- Tổ chức hoạt động tập huấn cho các mô hình “Nông dân phòng chống lao”, “Quản lý lao tiềm ẩn” và “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao”; các buổi truyền thông trực tiếp cho cộng đồng về lao tiềm ẩn với tổng cộng trên 3.100 cộng tác viên, tuyên truyền viên được đào tạo.
- Đa dạng hóa công tác truyền thông như phát hành tài liệu truyền thông dưới dạng tờ rơi, áp phích, sách hướng dẫn về phòng chống lao đến tận tay cán bộ hội viên nông dân; phối hợp tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng: VTV1, Báo Nông thôn ngày nay, Tạp chí Nông thôn mới, Website của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các tỉnh, thành Hội, bản tin “Tiếng nói nhà Nông”, chuyên mục “Diễn đàn Hội Nông dân các cấp”, hệ thống loa đài phát thanh của xã, thôn, bản, các nền tảng mạng xã hội Zalo, Facebook của Hội...
- Định kỳ giám sát, hỗ trợ giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Tổ chống lao các tỉnh, thành Hội theo kế hoạch, đồng thời lồng ghép giám sát trong các hoạt động công tác Hội và phong trào nông dân. Chỉ đạo Tổ chống lao các tỉnh, thành Hội triển khai công tác giám sát, hỗ trợ kỹ thuật bám sát theo kế hoạch đề ra tới các mô hình phòng chống lao tại cơ sở Hội.
- Mô hình “Nông dân phòng chống lao” là mô hình rất phù hợp với đặc điểm của nông dân cũng như thế mạnh của Hội, đã và đang phát huy hiệu quả trong phát hiện lao sớm, cắt đứt nguồn lây lao trong cộng đồng và huy động cộng đồng cùng chung tay ngăn chặn bệnh lao; giúp cộng đồng xóa ki thị, bệnh nhân có được thêm nhận thức vượt qua mặc cảm bản thân, có điều kiện để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống tạo điều kiện cho bệnh nhân yên tâm điều trị. Trên 6.860 cán bộ hội viên nông dân của 51 mô hình đã triển khai tư vấn hỗ trợ cho 114.567 người các kiến thức về phòng chống lao; vận động 14.692 người có dấu hiệu nghi mắc lao đi khám; qua đó phát hiện 2.305 người mắc lao mới, 46 người mắc lao đồng nhiễm HIV, 81 người mắc lao kháng thuốc; đồng thời tổ chức thực hiện 27.000 lượt thăm hỏi, hỗ trợ điều trị tại nhà cho 5.163 bệnh nhân lao, vận động 81 bệnh nhân bỏ trị quay lại điều trị.

- Mô hình “Quản lý lao tiềm ẩn” triển khai sang năm thứ 4 đã thu được nhiều kết quả tích cực. Người nhà bệnh nhân lao và các đối tượng nguy cơ cao được tuyên truyền phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về lao tiềm ẩn; chủ động tham gia khám sàng lọc và điều trị sớm lao tiềm ẩn, ngăn ngừa nguy cơ tiến triển thành bệnh lao. Hơn 3.920 cán bộ hội viên nông dân của 330 xã triển khai mô hình đã thực hiện 4.320 lượt đến thăm và khuyến khích người nhà tiếp xúc bệnh nhân lao tham gia sàng lọc lao tiềm ẩn; qua đó vận động được 9.862 người có nguy cơ cao đi khám sàng lọc lao tiềm ẩn, phát hiện 2.549 người nhiễm lao tiềm ẩn, động viên 2.301 bệnh nhân lao tiềm ẩn đăng ký điều trị, hỗ trợ 1.507 trường hợp điều trị thành công lao tiềm ẩn.
- Mô hình “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao” được bệnh nhân và gia đình đón nhận tích cực, cán bộ Hội nhiệt tình hỗ trợ bệnh nhân tuân thủ phác đồ không bỏ trị; đã có khoảng 450 bệnh nhân tại 10 mô hình được nhận tin nhắn từ chương trình.
- Hội Nông dân Việt Nam đã phát huy hiệu quả vai trò của các cấp Hội trong công tác phòng chống lao; bên cạnh phát hiện sớm người mắc lao, lao tiềm ẩn, giám sát bệnh nhân điều trị đúng phác đồ; Hội đã vận động xóa bỏ kỳ thị, nâng cao thu nhập để người bệnh yên tâm điều trị; giúp tăng số phát hiện cả về lao và lao tiềm ẩn trong cộng đồng.
- Tỷ lệ bỏ trị giảm rõ rệt, tỷ lệ điều trị thành công được tăng lên so với cùng kỳ tại các điểm triển khai mô hình Hội Nông dân theo dõi giám sát, hỗ trợ quá trình điều trị của bệnh nhân.
- Hội đã vận động hều hết các thành viên gia đình có bệnh nhân mắc lao đặc biệt là trẻ em dưới 5 tuổi đến các cơ sở y tế khám, tư vấn và điều trị dự phòng lao tiềm ẩn.
- 100% bệnh nhân lao và lao kháng thuốc tại các mô hình của Hội được hỗ trợ từ kiến thức, tinh thần, sinh kế... để yên tâm điều trị thành công.

Bảng 21: Số liệu cụ thể đạt được của các mô hình tại các tỉnh, thành Hội:

STT	Các chỉ số	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
1	Số người được tư vấn hỗ trợ các thông tin, kiến thức về phòng chống lao	114.567	102.420	+11.86
2	Số người nghi mắc lao vận động đi khám.	14.692	12.745	+15.28
3	Số lượt thăm bệnh nhân tại nhà.	27.000	27.000	0
4	Số người phát hiện mắc lao.	2.305	1.978	+16.53
5	Số người mắc lao được cán bộ hội viên nông dân theo dõi hỗ trợ điều trị	5.163		
6	Số người phát hiện mắc lao/HIV.	46	50	-8
7	Số người phát hiện mắc lao kháng thuốc.	81	69	+17.39

Năm 2023, kết quả thực hiện các chỉ số của mô hình “Nông dân phòng chống lao”, đặc biệt là số vận động đi khám sàng lọc lao và số phát hiện mắc lao mới đã gia tăng rõ rệt so với cùng kỳ 2022.

- Tiếp tục duy trì hoạt động 330 mô hình “Quản lý lao tiềm ẩn” cấp xã tại 11 tỉnh, thành Hội. So với cùng kỳ năm 2022, cả số người đi khám sàng lọc, số phát hiện nhiễm lao tiềm ẩn đều được gia tăng đáng kể, đặc biệt có 1.507 trường hợp nhiễm lao tiềm ẩn đã được đội ngũ cán bộ hội viên nông dân tư vấn đi khám sàng lọc và hỗ trợ điều trị thành công.

Bảng 22: Số liệu cụ thể đạt được của mô hình

STT	Các chỉ số	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
1	Số lượt thăm hỏi, tư vấn, vận động	4.320	4.320	0
2	Số người nguy cơ cao nhiễm lao tiềm ẩn vận động đi khám sàng lọc	9.862	8.290	+18.96
3	Số người phát hiện nhiễm lao tiềm ẩn	2.549	2.501	+1.92
4	Số bệnh nhân lao tiềm ẩn đăng ký điều trị	2.301	2.323	-0.95
5	Số bệnh nhân lao tiềm ẩn hỗ trợ điều trị thành công	1.507	1.307	+15.3

❖ Các hoạt động hỗ trợ bệnh nhân lao của Hội Nông dân

- Ưu tiên hỗ trợ cho 1.288 hộ gia đình có bệnh nhân mắc lao được vay vốn từ các nguồn ưu đãi như Quỹ Hỗ trợ nông dân, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với tổng số tiền vay lên tới 26 tỷ đồng để phát triển sản xuất kinh doanh. Giúp đỡ 492 hộ nông dân có người mắc lao thoát nghèo.
- Hỗ trợ cung ứng 2.700 kg chế phẩm và 1.840 tấn phân bón trả chậm cho 405 hộ gia đình bệnh nhân lao nghèo; phối hợp với các ngành chuyên môn tổ chức 26 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ sâu bệnh, sử dụng phân bón, cải tạo đất nông nghiệp... giúp các thành viên mô hình, gia đình bệnh nhân mắc lao xóa nghèo bền vững và yên tâm điều trị.
- Thăm hỏi, tặng 410 suất quà trong các dịp lễ, tết trị giá 630 triệu đồng cho các gia đình bệnh nhân lao có hoàn cảnh khó khăn.
- Hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 32 nhà tình thương, nhà chống bão lũ cho các bệnh nhân lao nghèo.
- Tổ chức 15 lớp dạy nghề ngắn hạn; 30 lớp tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ cho các hộ gia đình có bệnh nhân lao.

- Hỗ trợ hơn 6.700 con giống, 5.200 cây giống các loại cho bệnh nhân mắc lao.
- Trao tặng 50 sổ tiết kiệm cho gia đình bệnh nhân lao; tặng 90 suất quà bao gồm sách vở, dụng cụ học tập, quần áo, xe đạp cho con em bệnh nhân lao.
- Huy động nguồn lực từ địa phương thăm hỏi bệnh nhân lao hàng tháng với tổng số tiền trên 60 triệu đồng; duy trì hoạt động phát cháo tình thương định kỳ tại một số bệnh viện Phổi cho các bệnh nhân lao nghèo.
- Hỗ trợ mua hơn 860 thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho bệnh nhân lao nghèo với tổng giá trị trên 540 triệu đồng.
- Phối hợp tổ chức nhiều lớp tập huấn, tuyên truyền về phòng chống lao cho hơn 6.400 cán bộ hội viên nông dân từ các nguồn kinh phí ngân sách địa phương.
- Hướng ứng Tháng hành động Ngày thế giới phòng chống lao 24/03, Tổ chống lao các tỉnh, thành Hội triển khai nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như: tổ chức 18 cuộc mít tinh, diễu hành truyền thông về công tác phòng chống lao trên địa bàn tỉnh, thành phố với sự tham gia của hơn 13.400 lượt cán bộ hội viên nông dân; treo, dán hơn 1.350 băng rôn, pa nô, áp phích; tổ chức 12 xe loa đi tuyên truyền lưu động xuống tận thôn, bản; phát gần 30.000 tờ rơi, sổ tay truyền thông về phòng chống lao cho người dân; viết và đưa 880 tin, bài tuyên truyền công tác phòng chống lao trên hệ thống loa đài phát thanh địa phương và website Hội Nông dân tỉnh, thành phố; nhấn hơn 2.400 tin ủng hộ Quỹ hỗ trợ người chiến thắng bệnh lao - PASTB.

❖ Thuận lợi.

- Triển khai dự án tới các tỉnh, thành Hội được sự đồng thuận cao của các cấp Hội cũng như chính quyền địa phương, người dân sẵn sàng vào cuộc phòng chống lao.
- Công tác phối hợp với ngành y tế diễn ra thường xuyên và liên tục.
- Công tác tuyên truyền, vận động và huy động cộng đồng có tính lan toả mạnh mẽ trong nông dân, nông thôn.
- Công tác theo dõi, giám sát, quản lý điều trị được thực hiện thường xuyên và sát sao giúp người bệnh điều trị đúng phác đồ, không bỏ trị.
- Công tác kiểm tra, giám sát từ Trung ương đến địa phương diễn ra thường xuyên, liên tục, qua đó đôn đốc, hỗ trợ các tỉnh, thành Hội cũng như các cấp cơ sở Hội triển khai hoạt động, đảm bảo tiến độ của dự án.
- Các cấp Hội tích cực thực hiện công tác phòng chống lao lồng ghép với các hoạt động công tác Hội, vận dụng các nguồn lực của Hội trong việc hỗ trợ bệnh nhân lao nghèo ổn định cuộc sống, yên tâm điều trị.
- Dự án triển khai sang đến năm thứ 13 nên cán bộ Hội ở các cấp đã có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện hoạt động, giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức hoạt động.

❖ **Khó khăn, tồn tại.**

- Trình độ nhận thức của người dân chưa đồng đều, sự hiểu biết của người dân về phòng chống lao còn hạn chế, nhất là đối tượng người cao tuổi.
- Đời sống người nông dân còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa khiến bệnh lao dễ tiến triển và lây lan trong cộng đồng. Nhiều bệnh nhân lao nghèo còn lo sinh kế nên chưa dành đủ thời gian nghỉ ngơi, bồi dưỡng sức khỏe để điều trị bệnh.
- Nhiều nơi người dân còn có thái độ kỳ thị, xa lánh đối với người mắc lao; bản thân người bệnh còn tâm lý mặc cảm.
- Ở một số nơi, cộng đồng xã hội chưa vào cuộc, chưa quan tâm đến công tác phòng chống lao, vẫn coi chống lao là công việc của riêng ngành y tế.
- Một số đơn vị y tế nêu lý do cần bảo mật thông tin bệnh nhân nên không cung cấp danh sách bệnh nhân trên địa bàn, không xác nhận cho Hội Nông dân cơ sở đối với các trường hợp lao tiềm ẩn được cán bộ hội viên nông dân tư vấn hỗ trợ điều trị thành công.
- Định mức kinh phí một số hoạt động còn thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tế, không tạo động lực cho cán bộ Hội, đội ngũ tuyên truyền viên tham gia vì người thực hiện phần lớn là không hưởng lương.
- Tổ chống lao tỉnh, huyện, xã, các mô hình cơ sở Hội thiếu trang thiết bị tuyên truyền như loa, đài, băng rôn, pano, áp phích...
- Không có kinh phí mua quà thăm hỏi người bệnh khi cán bộ Hội thực hiện hoạt động “Thăm hỏi bệnh nhân lao tại nhà”.
- Tại một số nơi có địa bàn rộng lớn, khoảng cách người dân đến trung tâm y tế còn xa, khó tiếp cận cơ sở y tế; cán bộ Hội trở ngại trong việc đến thăm bệnh nhân tại nhà.
- Một số cán bộ Hội còn lo lắng việc lây nhiễm khi đến thăm bệnh nhân do chưa được tập huấn kiến thức về lao, khả năng tuyên truyền của nhiều cán bộ Hội còn hạn chế.
- Việc hoàn thuế Giá trị gia tăng gặp nhiều khó khăn.
- Việc thanh lý tài sản hỏng, hết khấu hao còn vướng mắc, chưa rõ quy định quản lý.

❖ **Phương hướng triển khai năm 2024:**

- Thực hiện dự án theo đúng nội dung, kế hoạch hoạt động, đối tượng, định mức kinh phí đã được phê duyệt.
- Duy trì và mở rộng hoạt động các mô hình phòng chống lao tại 17 tỉnh, thành Hội theo đúng kế hoạch.
- Chỉ đạo các tỉnh, thành Hội phối hợp với các ban, ngành chức năng thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống lao trong nông thôn, nông dân, nâng cao ý thức người dân, giảm nguồn lây nhiễm lao, lao kháng thuốc.

- Tăng cường phát hiện chủ động lao trong nông thôn, các đối tượng có nguy cơ mắc lao cao, lao trẻ em và lao đồng nhiễm HIV; hỗ trợ, giám sát điều trị bệnh nhân lao, lao kháng thuốc; quản lý điều trị lao tiềm ẩn.
- Phối hợp với ngành y tế tự duy trì và mở rộng các mô hình; tăng cường hoạt động truyền thông thông qua sinh hoạt mô hình, câu lạc bộ, đảm bảo tính bền vững; phối hợp khám lưu động, cán bộ y tế xã cùng đi vận động.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động truyền thông, đẩy mạnh tuyên truyền phòng chống lao qua các nền tảng mạng xã hội Zalo, Facebook, Website của Hội Nông dân.
- Vận động nông dân tương trợ, giúp đỡ bệnh nhân lao có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là nhóm đối tượng lao kháng thuốc về giống, vốn, vật tư, ngày công, tiền nhằm giúp họ yên tâm chữa trị dứt điểm bệnh lao.
- Triển khai phòng chống lao lồng ghép với các nhiệm vụ thường xuyên của Hội, tăng cường hoạt động hỗ trợ về tinh thần, dinh dưỡng, thuốc, sinh kế, đặc biệt các hoạt động tương trợ, dịch vụ hỗ trợ như: vay vốn phát triển kinh tế, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm để nâng cao thu nhập... giúp bệnh nhân phát triển sản xuất, yên tâm điều trị.
- Tăng cường hoạt động phối hợp với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức tình nguyện tư nhân, tổ chức xã hội dân sự, tổ chức cộng đồng trong việc hỗ trợ điều trị cho các bệnh nhân lao nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế tiếp cận dịch vụ y tế, hỗ trợ sinh kế cho bệnh nhân lao có hoàn cảnh khó khăn.
- Hướng dẫn 63 tỉnh, thành Hội chỉ đạo các cơ sở Hội vận động nông dân có nguy cơ mắc lao cao, có triệu chứng mắc lao đi khám và chữa bệnh đúng phác đồ điều trị.

2. Trung tâm nghiên cứu và phát triển sức khỏe cộng đồng (RCSCH)

Năm 2023 Trung tâm NCTV Hỗ trợ SKCD (RCSCH) tiếp tục triển khai các hoạt động đã được phê duyệt về Phát hiện chủ động ở 8 tỉnh và Mở rộng đóng góp của đối tác vào phát hiện chủ động bệnh lao ở khu công nghiệp tại 02 tỉnh.

Dự án Phát hiện chủ động ở 8 tỉnh triển khai tại: Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Tuyên Quang, Bình Định, Vĩnh Long, Đồng Tháp và Hậu Giang.

Dự án Mở rộng đóng góp của đối tác vào phát hiện chủ động bệnh lao ở khu công nghiệp được triển khai tại 02 tỉnh: Vĩnh Long và Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Thực hiện in ấn tài liệu về truyền thông, bảng kiểm, giám sát và quản lý bệnh lao năm 2023. Các loại tài liệu và số lượng:
 - ☐ Sổ tay hỏi đáp bệnh lao và điều trị lao: 5.600 quyển.
 - ☐ Sổ tay Hướng dẫn truyền thông trong phòng chống lao: 5.600 quyển.
 - ☐ Tờ rơi “Phát hiện sớm và điều trị khỏi bệnh lao: 5.600 tờ.
 - ☐ Tờ rơi “Những điều người bệnh lao cần biết, cần làm để bảo vệ người thân và cộng đồng”: 5.600 tờ.
 - ☐ Tờ rơi “Lao tiềm ẩn – Những điều bạn cần biết”: 5.600 tờ.
- Tổ chức xét chọn và mua sắm các thành phần cho gói dinh dưỡng, đã gửi về địa phương cấp phát cho bệnh nhân lao nghèo trong 6 tháng cuối năm, tổng 720 suất.

- Phối hợp với các đơn vị phòng chống lao tỉnh triển khai phát hiện chủ động bệnh lao trong cộng đồng:
 - Kế hoạch KSL năm 2023: RCSCH phối hợp với BVP triển khai các chiến dịch khám chủ động với chỉ tiêu sàng lọc cho 28,000 đối tượng nguy cơ mắc lao tại 08 tỉnh.
 - Tính đến 31/10/2023, các đơn vị đã triển khai khám sàng lọc đồng bộ tại 06 tỉnh: Tuyên Quang, Sơn La, Điện Biên, Bình Định, Vĩnh Long và Đồng Tháp. Trong đó Tuyên Quang và Vĩnh Long thực hiện thêm 2000 chỉ tiêu khám sàng lọc so với kế hoạch ban đầu do Kinh phí kết dư của quý III.
 - Đến 31/10/2023 đã có 6/8 tỉnh gửi báo cáo kết quả khám sàng lọc. Riêng Đồng Tháp và Hậu Giang đang triển khai khám bổ sung và hoàn thiện báo cáo kết quả sau.

Bảng 23. Kết quả khám sàng lọc tại cộng đồng:

STT	Tỉnh	Chỉ tiêu	Chụp Xquang	Xquang nghi lao	Số Xpert	MTB+và MTB+/R+	Thu nhận điều trị lao
1	Yên Bái	4000	3832	265 (6,9%)	720	2 (0,3%)	2
2	Vĩnh Long	6000	6066	1293 (21,3%)	1223	134 (10,96%)	157
3	Tuyên Quang	5000	5385	460 (8,54%)	497	14 (2,82%)	14
4	Sơn La	3000	2952	196 (6,64%)	517	7 (1,35%)	7
5	Điện Biên	4000	4003	149 (3,7%)	754	6 (0,8%)	10
6	Bình Định	4000	4250	390 (9,18%)	419	44 (10,5%)	44
Tổng		26000	26488	2753 (10,39%)	4130	207 (5,01%)	234

- Hoạt động khám sàng lọc lao tiềm ẩn cũng được thực hiện tại các địa phương triển khai dự án với đội ngũ cán bộ y tế đã được đào tạo đầy đủ về qui trình và kỹ thuật tiêm – đọc kết quả Mantoux.

Bảng 24. Kết quả sàng lọc Lao tiềm ẩn

STT	Tỉnh	XN Mantoux	Mantoux +	Thu nhận điều trị lao tiềm ẩn
1	Vĩnh Long	1160	476 (41,03%)	339 (71,2%)
2	Yên Bái	800	22 (2,75%)	22 (100%)

STT	Tỉnh	XN Mantoux	Mantoux +	Thu nhận điều trị lao tiềm ẩn
3	Tuyên Quang	868	42 (4,84%)	34 (80,95%)
4	Sơn La	608	28 (4,6%)	12 (42,86%)
5	Điện Biên	78	13 (16,67%)	13 (100%)
Tổng		3514	581 (16,53%)	420 (72,29%)

Truyền thông về lao thông qua các tổ chức dân sự xã hội:

- Hoạt động Truyền thông về lao thông qua các tổ chức dân sự xã hội được các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bình Định, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Tuyên Quang triển khai thực hiện.
- Trong đó, các tỉnh Sơn La, Tuyên Quang đã thực hiện được 36 cuộc truyền thông; các tỉnh Bình Định, Điện Biên và Yên Bái thực hiện 48 cuộc truyền thông; tỉnh Vĩnh Long thực hiện được 72 cuộc truyền thông trực tiếp tại các trạm y tế xã cho tổ trưởng tổ dân phố, cộng tác viên lao, Hội phụ nữ, người nhà bệnh nhân lao về các triệu chứng nghi lao, cách phát hiện người nghi lao trong cộng đồng, điều tra người tiếp xúc bệnh nhân lao, vận động giới thiệu người nghi lao tham gia tầm soát chủ động.
- Năm 2023, Trung tâm NCTV & HTSKCĐ triển khai các hoạt động tại 2 Khu công nghiệp thuộc 2 tỉnh Vĩnh Long và Bà Rịa – Vũng Tàu. Công tác tập huấn TNV về truyền thông và tư vấn cho người lao động mắc bệnh được 2 tỉnh Vĩnh Long và Bà Rịa – Vũng Tàu triển khai trong tháng 6 với tổng 100 học viên.

Bảng 25. Kết quả khám sàng lọc tại khu công nghiệp năm 2022

	NỘI DUNG	KCN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	KCN TỈNH VĨNH LONG
1	Số công ty	2	1
2	Số công nhân được khám sàng lọc	1892	2020
3	Kết quả		
	<i>Chụp XQ phổi</i>	1853	2020
	<i>XQ tổn thương</i>	35	222
	<i>XPert</i>	35	211
	<i>Xpert +</i>	4	8
	<i>XN Mantoux</i>	16	232
	<i>Mantoux+</i>	5	94
4	Phát hiện BN Lao có BCVKH	4	8
5	Phát hiện BN lao kháng đa thuốc	0	0

❖ Thuận lợi

- RCSCH đã triển khai đúng qui trình, đảm bảo chất lượng và hướng dẫn của Văn phòng Quỹ toàn cầu. Các hoạt động theo qui trình, thứ tự phù hợp với việc triển khai. Các hoạt động từ tập huấn, thống nhất địa phương, xây dựng kế hoạch triển khai thực địa.
- Thông qua hoạt động giám sát của LFA, đơn vị kiểm toán độc lập, giám sát nội bộ của BVP trung ương đánh giá tốt về công tác quản lý dự án về chuyên môn và tài chính
- RCSCH đã củng cố nhân sự, xây dựng kế hoạch và hoàn thành các hướng dẫn, hoàn thiện qui trình thanh quyết toán để thực hiện và gửi các địa phương tham gia dự án.
- Một số tỉnh đã có kinh nghiệm triển khai dự án từ năm 2021 đến nay.
- Các đơn vị tham gia dự án luôn tích cực phối hợp, phản hồi, trao đổi trong hệ thống giữa RCSCH và địa phương. Đặc biệt với những tỉnh mới triển khai trong năm nay cũng rất cố gắng trong trao đổi, phối hợp và quản lý thông tin.
- Triển khai hoạt động phối hợp khám phát hiện lao (2X) được sự ủng hộ của ban quản lý dự án tại các tỉnh và các cấp chỉ đạo triển khai đến các TTYT huyện. Tuyến Tỉnh hỗ trợ chuyên môn và triển khai kế hoạch theo đúng tiến độ

❖ Khó khăn

- Do có một số tỉnh mới triển khai, nên công tác chuẩn bị, hướng dẫn dự án đã dành nhiều thời gian hơn cho các tỉnh mới.
- Thực hiện triển khai ở các xã vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn, rào cản về địa hình, tập quán của cộng đồng còn hạn chế hiểu biết về lợi ích của việc khám phát hiện sớm bệnh lao.
- Sinh phẩm cho hoạt động khám lao tiềm ẩn còn chậm so với nhu cầu cần thiết của các đơn vị.

❖ Phương hướng triển khai năm 2024:

- RCSCH tiếp tục tiến hành triển khai các hoạt động đã phê duyệt của dự án QTC.
- Giám sát hỗ trợ tại địa phương khám sàng lọc tại cộng đồng và các khu công nghiệp. Hỗ trợ chuyên môn và triển khai kế hoạch theo đúng tiến độ.
- Hoàn thiện chứng từ thanh quyết toán đúng tiến độ.
- Tiếp tục củng cố nhân sự và trang thiết bị, cơ sở vật chất, duy trì cộng tác với các đơn vị đã lựa chọn đề xuất triển khai hoạt động dự án giai đoạn 2024-2026 để chuẩn bị triển khai theo đúng tiến độ khi được duyệt triển khai tiếp tục.

3. Hội Chống lao Hoàng gia Hà lan (KNCV)

A. Dự án Quỹ toàn cầu

Trong khuôn khổ Dự án QTC năm 2023, Văn phòng Hội Chống lao Hoàng gia Hà Lan (KNCV) tham gia triển khai tập trung vào các hoạt động gồm: 1) Triển khai mở rộng xét nghiệm Xpert MTB/RIF (Ultra) với mẫu phân để chẩn đoán bệnh lao cho nhóm đối tượng trẻ em và người nhiễm HIV nghi mắc bệnh lao phổi và 2) Đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn lao lồng ghép trong kế hoạch chống nhiễm khuẩn của cơ sở phòng chống lao/HIV tuyến tỉnh và quận/huyện. Ngoài hai hoạt động nêu trên, trong năm 2023 KNCV triển khai thêm

2 hoạt động bổ sung gồm: 3) Điều tra toàn quốc lần thứ nhất tình hình kỳ thị và phân biệt đối xử với bệnh lao và 4) Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng kế hoạch hành động về phân quyền cho cộng đồng và huy động các nguồn tài chính phân cấp.

- Triển khai mở rộng xét nghiệm Xpert MTB/RIF (Ultra) với mẫu phân:
- Đến hết năm 2023, xét nghiệm Xpert MTB/RIF với mẫu phân đã được sẵn có tại tất cả các phòng xét nghiệm GeneXpert trong cả nước hỗ trợ cho chẩn đoán lao trong đối tượng trẻ em và người HIV.

Bảng 26. Tiến độ triển khai thường quy xét nghiệm Xpert MTB/RIF với mẫu phân

Năm	Kế hoạch triển khai	Tiến độ thực hiện		
		Tỉnh/thành phố	Phòng xét nghiệm GeneXpert	Cán bộ xét nghiệm được tập huấn
2020	5	6	11	36
2021	15	12	15	54
2022	25	26	76	206
2023	18	19	73	99
Tổng	63	63	175	395

Để tăng cường xét nghiệm Xpert với mẫu phân cho nhóm đối tượng trẻ em và người HIV nghi mắc bệnh lao phổi, Dự án đề nghị CTCLQG cần đầu tư và đẩy mạnh xây dựng, in ấn và phân phối tờ rơi hướng dẫn lấy mẫu phân, truyền thông về mẫu phân cho xét nghiệm Xpert với cán bộ lâm sàng; tăng cường quản lý trẻ tiếp xúc tại cộng đồng (tuyến xã/phường); tăng cường phối hợp với hệ thống Y tế công lập (Đa khoa, Nhi khoa, HIV...).

Trong năm 2023, Chuyên gia của KNCV - TS. Petra Wilhelmina – đã thực hiện đợt làm việc từ 23 - 29/7/2023 nhằm hỗ trợ CTCLQG rà soát và tăng cường sử dụng xét nghiệm Xpert MTB/RIF Ultra với mẫu phân để cải thiện chẩn đoán lao ở trẻ em và người có HIV tại Việt Nam.

Để tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng công tác xét nghiệm, KNCV phối hợp với BV Phổi Trung Ương, BV Phạm Ngọc Thạch, BV Phổi Đà Nẵng thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ cho các hoạt động xét nghiệm, đặc biệt là xét nghiệm Xpert và công tác phòng chống lao tương ứng của toàn quốc, miền Đông Nam Bộ và Miền Trung-Tây Nguyên.

Ngoài ra, Văn phòng KNCV phối hợp với 37 tỉnh/thành phố thực hiện hoạt động kiểm tra giám sát hoạt động xét nghiệm Xpert và công tác phòng chống lao gồm Hưng Yên, Bắc Giang, Quảng Nam, Bến Tre, Hải Dương, Đà Nẵng, Sóc Trăng, Nam Định, Hà Nam, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Nội, Sơn La, Lai Châu, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Hoà Bình, Yên Bái, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Long An, Cà Mau, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Thừa Thiên Huế..

- Hoạt động Kiểm soát nhiễm khuẩn lao:
 - Trong năm 2023, KNCV đã tổ chức lớp tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn lao tại tỉnh Phú Yên (ngày 10-11/8/2023) cho 50 cán bộ Chương trình Chống lao quốc gia và Chương trình HIV các Bệnh viện Lao & bệnh phổi của tỉnh, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, các tổ lao tuyến quận/huyện, các phòng khám ngoại trú OPC, phòng tư vấn xét nghiệm HIV, phòng điều trị Methadon, trại giam/trung tâm giáo dục. Đây là đơn vị cuối cùng trong 63 tỉnh/thành phố mà KNCV đã phối hợp tổ chức tập huấn KSNKL với nguồn hỗ trợ từ các dự án khác nhau trong giai đoạn vừa qua.
 - Hoạt động tăng cường kiểm soát nhiễm khuẩn lao gồm: i) đánh giá tình trạng kiểm soát nhiễm khuẩn tại đơn vị y tế, ii) xây dựng và phê duyệt kế hoạch (bao gồm kinh phí) và iii) triển khai kế hoạch cải thiện tình trạng kiểm soát nhiễm khuẩn lao.
 - Trong 6 tháng đầu năm 2023, KNCV phối hợp với Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Trà Vinh, Bệnh viện Lao Bệnh phổi Đồng Tháp, Bệnh viện Phổi Tiền Giang, Bệnh viện Lao Bệnh phổi Đắk Lắk, BV Phổi Nghệ An, BV Chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang triển khai các hoạt động tăng cường kiểm soát nhiễm khuẩn lao cho các cơ sở y tế gồm: đánh giá tình trạng kiểm soát nhiễm khuẩn, xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện tình trạng kiểm soát nhiễm khuẩn lao tại BVL&BP Bến Tre, BVL&BP Trà Vinh, BVL&BP Đồng Tháp, BVL&BP Tiền Giang, An Giang (5 đơn vị), BV Phổi Nghệ An, Quảng Trị (5 đơn vị), Đắk Lắk (4 đơn vị) và Quảng Bình (5 đơn vị).
 - Các đơn vị cam kết tham gia xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện tình trạng KSNKL sau khi khảo sát đánh giá tình trạng KSNKL gồm 7 Bệnh viện Lao Bệnh Phổi tuyến tỉnh (Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Khánh Hòa, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bến Tre, Bệnh viện Lao Bệnh phổi Đồng Tháp, Bệnh viện Phổi Tiền Giang, BV Phổi Nghệ An, BV Chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị, BV Phổi Quảng Ngãi) và một số Trung tâm Y tế quận/huyện (4 TTYT quận/huyện thuộc tỉnh Quảng Trị, 4 đơn vị TTYT quận/huyện thuộc tỉnh Dak Lak, 1 TTYT huyện thuộc tỉnh Trà Vinh và 1 TTYT huyện thuộc tỉnh Quảng Bình).
- Điều tra toàn quốc lần thứ nhất tình hình kỳ thị và phân biệt đối xử đối với bệnh lao: CTCLQG phối hợp với Hội Chống lao Hoàng gia Hà Lan (KNCV) thực hiện Điều tra tình hình kỳ thị và phân biệt đối xử đối với bệnh. Điều tra này tích hợp hai phương pháp Điều tra định lượng và định tính. Điều tra định lượng được thực hiện dựa trên bộ câu hỏi được cài đặt trên máy tính bản để xác định mức độ của kỳ thị và phân biệt đối xử với bệnh lao trong nhóm người bệnh lao. Điều tra định tính được thực hiện để xác định tác nhân, niềm tin cốt lõi, và cơ chế của kỳ thị và phân biệt đối xử với bệnh lao. Kết quả của Điều tra này là cơ sở để CTCLQG thiết kế các biện pháp can thiệp giảm thiểu kỳ thị và phân biệt đối xử với bệnh lao trong tương lai và xây dựng các điều tra với quần thể lớn trong tương lai.

- Trong quý 2/2023, CTCLQG phối hợp với KNCV xây dựng đề cương Điều tra. Đề cương Điều tra đã được thông qua Hội đồng Khoa học và Y đức của Bệnh viện Phổi Trung ương ngày 24/8/2023.
- Tập huấn cho cán bộ thu thập dữ liệu định lượng và định tính (lý thuyết và thực hành tại BVPTU) đã được thực hiện ngày 31/8/2023. Tập huấn bổ túc cho cán bộ thu thập dữ liệu định tính được thực hiện trong các ngày từ 26/9 đến 29/9/2023
- Từ ngày 15/9/2023, việc thu thập dữ liệu từ các đối tượng điều tra cho Điều tra định lượng (người bệnh lao) và Điều tra định tính (người bệnh lao, người nhà người bệnh lao và nhân viên y tế) đã được thực hiện tại 34 Đơn vị thuộc 17 tỉnh/thành phố thuộc 8 vùng kinh tế-xã hội. Đến 30/10/2023, việc thu thập dữ liệu cho Điều tra định lượng đã hoàn tất 100% so với đề cương Điều tra đặt ra và đến 30/11/2023, việc thu thập dữ liệu cho Điều tra định tính đã hoàn thành 100% so với đề cương Điều tra đặt ra. Cán bộ giám sát Điều tra đã tham gia giám sát 100% các điểm và đối tượng điều tra.
- Thảo luận nhóm rà soát các quy định/chính sách liên quan đến bệnh lao sẽ được thực hiện trong tháng 12/2023.
- Dữ liệu đang được tiến hành phân tích. CTCLQG dự kiến công bố kết quả sơ bộ của Điều tra và thảo luận các bước tiếp theo trong tháng 12/2023.
- Báo cáo kết quả cuối cùng của Điều tra sẽ được hoàn tất trong quý 1/2024
- Trong quý 3 và 4 năm 2023, chuyên gia của KNCV - ThS. Sara Keller, TS. Chris Pells – và cán bộ Văn phòng KNCV tại Việt Nam đã thực hiện hỗ trợ kỹ thuật cho CTCLQG trong việc xây dựng đề cương điều tra, tập huấn cho cán bộ thu thập dữ liệu, triển khai và giám sát việc thu thập dữ liệu, phân tích và viết báo cáo cho Điều tra kỳ thị và phân biệt đối xử với bệnh lao tại Việt Nam, gồm hỗ trợ từ xa và 2 đợt làm việc tại Việt Nam từ 28/8-4/9/2023 và từ 11-15/12/2023
- Hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia KNCV:
Chuyên gia của KNCV đã thực hiện hai đợt làm việc tại Việt Nam trong tháng 10/2023 và tháng 12/2023 nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho CTCLQG xây dựng kế hoạch tăng cường vai trò và huy động nguồn lực cho công đồng trong công tác phòng chống lao và xây dựng kế hoạch đánh giá nguyên nhân gốc rễ của tình hình phát hiện bệnh lao trong trẻ em và trẻ vị thành niên thấp để thiết kế các can thiệp trong các năm tiếp theo, gồm hỗ trợ từ xa và 2 đợt làm việc tại Việt Nam từ 16 - 25/10/2023 và từ 11-15/12/2023.
- Tiến độ giải ngân:
Căn cứ theo kế hoạch kinh phí được duyệt giai đoạn 2021-2023, tính đến ngày 30/10/2023, tỉ lệ giải ngân cho các hoạt động đạt khoảng 60%, và ước tính đến hết tháng 12/2023, tỉ lệ giải ngân toàn giai đoạn đạt khoảng hơn 90% so với kế hoạch được duyệt.

B. Dự án Đẩy mạnh đổi mới (thuốc mới/phác đồ mới) để điều trị bệnh lao ngắn hạn (Leveraging Innovation for Faster Treatment of Tuberculosis - LIFT TB)

- Đề cương nghiên cứu phác đồ BPaL đã được Hội đồng NCKH của Bệnh viện Phổi Trung ương phê duyệt ngày 29/12/2020 và được Hội đồng NCKH và Y đức của Bộ Y tế phê duyệt ngày 21/7/2021
- Đề cương nghiên cứu phác đồ BPaL cập nhật, chủ yếu đổi với các phần mở rộng tiêu chuẩn đầu vào, điều chỉnh liều lượng linezolid và quản lý điều trị ngoại trú ngay từ đầu đã được trình Bộ Y tế phê duyệt trong tháng 1/2022 và được cập nhật tiếp theo trong tháng 9/2022. Gần đây, đề cương cập nhật đã được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Quốc gia họp thẩm định vào ngày 26/6/2023.
- Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ đã được thực hiện tại 4 đơn vị tham gia nghiên cứu trong tháng 4/2023 và tháng 8/2023
- Đến 30/11/2023, 65 bệnh nhân đã được sàng lọc và thu nhận vào nghiên cứu phác đồ BPaL tại 4 đơn vị tham gia nghiên cứu.
- Kết quả sơ bộ lô 40 bệnh nhân thu nhận trong giai đoạn từ tháng 11/2021-tháng 12/2022 đã được tổng hợp cùng với các quốc gia khác trong khuôn khổ dự án LIFT TB và báo cáo tại Hội nghị Bệnh phổi toàn cầu tháng 11 năm 2023 tại Paris (Safety and Effectiveness of the BPaL Regimen: Preliminary Analysis of the First Multi-country Operational Research Cohort) cho thấy kết quả điều trị phác đồ BPaL là rất khả quan với tỷ lệ điều trị thành công là 92,7%, tương đồng với các nghiên cứu trước đó (Nix-TB, ZeNix, and TB PRACTECAL clinical trials) và tính an toàn của phác đồ BPaL cải thiện khi giảm liều Linezolid từ 1200mg xuống 600mg.
- Tập huấn aDSM cho các bác sỹ tham gia nghiên cứu BPaL tại 4 điểm nghiên cứu
- Tăng cường năng lực của các phòng xét nghiệm Vi sinh tham gia nghiên cứu BPaL: Tập huấn xét nghiệm KSD thuốc mới cho cán bộ xét nghiệm của 3 PXN nghiên cứu được tổ chức vào ngày 9-11/8/2023 với hỗ trợ về kỹ thuật và kinh phí của ITRC Hàn Quốc.

C. Dự án triển khai kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới trong tầm soát, phát hiện, chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng tại Việt Nam

- Dự án tiến hành xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan, xây dựng quy trình thực hiện kỹ thuật giải trình tự gen cho một số bệnh.
- Trong tháng 10/2023, tập huấn về nghiên cứu định tính đã được tổ chức trực tuyến cho cán bộ tham gia Dự án NGS các ngày 2/10, 3/10, 5/10 và 6/10/2023 để xây dựng năng lực cho cán bộ tham gia dự án triển khai nghiên cứu đánh giá tính khả thi và chất nhận đối với kỹ thuật nanopore sequencing (NGS) mới
- Trang thiết bị phục vụ cho kỹ thuật nanopore sequencing đang được đặt mua. Dự kiến trang thiết bị sẽ được nhập khẩu và lắp đặt tại phòng xét nghiệm chuẩn thức quốc gia trong quý 4/2023 – Quý 1/2024.

❖ **Khó khăn:**

- Do tình hình dịch bệnh covid-19, một số hoạt động được duyệt trong kế hoạch năm 2021-2022 của dự án Quỹ toàn cầu không thực hiện được (kiểm tra giám sát).
- Văn phòng KNCV thường xuyên rà soát tiến độ triển khai các hoạt động được duyệt và kịp thời đề xuất chuyển đổi sang hoạt động khác trong trường hợp không thực hiện được do tác động của dịch bệnh.

❖ **Phương hướng hoạt động năm 2024:**

- Trong năm 2024, Văn phòng KNCV tiếp tục hoàn thiện các báo cáo và chứng từ thanh toán để đóng Dự án Quỹ toàn cầu giai đoạn 2021-2023, đồng thời phối hợp với CTCLQG thương thảo và triển khai các hoạt động được duyệt của Quỹ toàn cầu giai đoạn 2024-2026.
- Trong năm 2024, Văn phòng KNCV tiếp tục triển khai các dự án khác theo kế hoạch đã được phê duyệt gồm dự án LIFT TB, dự án Triển khai kỹ thuật giải trình tự gen theo tiến độ.

4. Cục Y tế - Bộ Công an

❖ **Kết quả hoạt động năm 2023**

- Đào tạo cán bộ công an bao gồm CBYT ở khu vực trại giam về kiểm soát, chẩn đoán, điều trị, kiểm soát lây nhiễm, ghi chép/ báo cáo điện tử, giám sát và lượng giá, v.v.
 - 02 lớp tập huấn về hướng dẫn chẩn đoán, điều trị, quản lý điều trị lao, lao tiềm ẩn cho cán bộ y tế: Cục Y tế đã có kế hoạch triển khai, dự kiến tuần 2 và tuần 3 tháng 8 năm 2023.
 - 09 lớp tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng chống lao cho cán bộ, chiến sĩ tại các trại tạm giam, trại giam do Bộ Công an quản lý: Hiện tại, Cục Y tế đang trao đổi với Công an các đơn vị, địa phương để lập kế hoạch thời gian cụ thể triển khai thực hiện. Dự kiến tổ chức từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2023.
- Đào tạo cán bộ công an bao gồm CBYT ở khu vực trại giam về kiểm soát, chẩn đoán, điều trị, kiểm soát lây nhiễm, ghi chép/ báo cáo điện tử, giám sát và lượng giá, v.v.
- Sàng lọc bệnh lao trong nhóm tạm giam bằng phát hiện triệu chứng hàng năm, xét nghiệm đờm, X-quang, Xpert để phát hiện lao, lao kháng đa thuốc.
 - Cục Y tế đã có công văn gửi Công an các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về việc phối hợp triển khai sàng lọc phát hiện lao, lao tiềm ẩn cho cán bộ, chiến sĩ và can phạm, phạm nhân do đơn vị quản lý và công văn đề nghị Bệnh viện Phổi Trung ương có văn bản chỉ đạo Chương trình chống lao các tỉnh, thành phố hỗ trợ Bộ Công an để triển khai các hoạt động tại các trại tạm giam.
 - Hiện tại Cục Y tế đã ký hợp đồng trách nhiệm với Chương trình chống lao các tỉnh, thành phố để triển khai tại 11/12 trại tạm giam (*1 đơn vị chưa hoàn thành ký là BV Phạm Ngọc Thạch - TP HCM để triển khai tại TTG Chí Hòa - CA TP HCM*).
- Phát hiện lao, lao tiềm ẩn và lao cho cán bộ chiến sỹ công tác tại các trại giam.

- ☐ Hiện tại Cục Y tế đang ký hợp đồng trách nhiệm với 13/16 trại giam triển khai năm 2023 (03 đơn vị chưa ký hợp đồng là TG Suối Hai - Hà Nội; TG Xuân Nguyên - Hải Phòng và TG Xuân Hà - Hà Tĩnh).
- ☐ Các đơn vị đã ký hợp đồng đang triển khai thực hiện theo kế hoạch.
- Tập huấn đào tạo đồng đảng viên cho phạm nhân.
 - ☐ Cục Y tế đã thực hiện xong 9/12 Công an các địa phương (23/30 lớp). Dự kiến tổ chức trong tháng 11 năm 2023 sẽ hoàn thành xong 03 địa phương (7 lớp) còn lại.
- Giám sát hoạt động.
 - ☐ Cục Y tế đã thực hiện giám sát hoạt động tại 11/16 trại giam, trại tạm giam năm 2023.

❖ Các hoạt động triển khai 3 tháng cuối năm 2023

- Tập huấn cho cán bộ Công an về công tác chuyên môn phòng, chống lao: chẩn đoán, điều trị, kiểm soát lây nhiễm, ghi chép, báo cáo...
 - ☐ Tổ chức 02 lớp về chẩn đoán, điều trị lao tiềm ẩn cho cán bộ y tế tại các trại giam.
 - ☐ Tổ chức 03 lớp tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng chống lao cho CBCS các trại tạm giam, trại giam do Bộ Công an quản lý.
- Phát hiện chủ động bệnh lao cho cán bộ, chiến sỹ Công an công tác tại các trại giam, trại tạm giam; phát hiện chủ động bệnh lao cho phạm nhân tại các trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an quản lý.
 - ☐ Ký hợp đồng với các TG và Chương trình chống lao các tỉnh, thành phố chưa ký hợp đồng. Đôn đốc việc thực hiện và thanh quyết toán hoạt động đảm bảo tiến độ.
- Tập huấn đồng đảng viên về công tác trại tạm giam để từ đó các phạm nhân sẽ thành lập các nhóm truyền thông về phòng chống bệnh lao cho các phạm nhân khác trong trại tạm giam.
- Tăng cường giám sát, hỗ trợ kỹ thuật tại một số trại tạm giam, trại giam: Triển khai giám sát tại 5/16 đơn vị.

5. Cục C10 – Bộ Công an

❖ Nhận định chung

Hiện nay tình hình dịch bệnh Covid 19 đã dần được kiểm soát, các hoạt động khám sàng lọc đầu vào, sàng lọc định kỳ đã được triển khai nhằm phát hiện, thu dung và điều trị phạm nhân lao, hạn chế nguy cơ lây nhiễm trong khu giam giữ.

- Nhân lực y tế tại các đơn vị

Hiện nay tổng số cán bộ y tế của 60 đơn vị trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng là hơn 700đ/c. Theo Quyết định 4210/QĐ-BCA và 5562/QĐ-BCA thì các trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng thiếu khoảng 150 cán bộ y tế. Do vậy, số cán bộ y tế được bố trí đều tại các phân trại của các đơn vị để đáp ứng nhu cầu công việc. Tại 54 trại giam đã thành lập tổ chống lao để triển khai các hoạt động sàng lọc phát hiện

sớm phạm nhân mắc lao, kịp thời đưa vào điều trị, giúp giảm tỷ lệ mắc lao trong khu giam giữ, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều trị lao, lao kháng thuốc.

- Cơ sở vật chất

Bệnh xá tại nhiều đơn vị đã xuống cấp do xây dựng lâu năm. Một số bệnh xá đã được cải tạo nâng cấp để đáp ứng nhu cầu thực tế nhưng phần lớn chưa có phòng điều trị cách ly riêng cho các phạm nhân mắc các bệnh lây nhiễm trong đó có lao, lao kháng thuốc, HIV/AIDS... Các đơn vị chủ yếu cải tạo các phòng cũ của bệnh xá để đưa vào sử dụng nên công tác quản lý và điều trị bệnh nhân lao còn nhiều bất cập nhất là khi có phạm nhân lao mới phát hiện đưa vào điều trị với số phạm nhân lao điều trị xét nghiệm đờm (âm tính) phải ở chung do không có buồng cách ly riêng biệt.

Từ năm 2021-2023, Chương trình chống lao Quốc gia đã hỗ trợ kinh phí cải tạo phòng điều trị cách ly lao, lao kháng thuốc cho 9 đơn vị: Đắc Trung, Đắc Tân, Nghĩa An, Kim Sơn, Xuân Lộc, Xuyên Mộc, Cây Cầy, Cái Tàu, Bến Giá. Ngoài ra còn hỗ trợ kinh phí xây dựng khu điều trị cách ly mới cho phạm nhân mắc lao, lao kháng thuốc tại trại giam Xuân Phước, Quảng Ninh và cải tạo, nâng cấp khu điều trị tại Trại giam Định Thành.

- Về trang thiết bị y tế

Phần lớn các đơn vị trại giam đã được trang bị máy X-Quang, máy siêu âm, máy xét nghiệm sinh hóa, kính hiển vi...để phục vụ công tác chuyên môn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại có 21 máy siêu âm không sử dụng được do bị hỏng (trong đó: 14 máy đen trắng, 02 máy xách tay, 05 máy màu), 20 máy X-Quang đã bị hỏng không sử dụng được do thiết bị khó thay thế, sửa chữa hoặc sửa được nhưng kinh phí rất đắt, 08 máy vẫn sử dụng được nhưng việc mua phim, hóa chất gặp nhiều khó khăn và chất lượng hình ảnh không tốt, 02 đơn vị chưa được cấp là Trại giam Suối Hai, Đắc Plao. Do máy X-Quang bị hỏng hay chưa được cấp nên công tác khám sàng lọc đầu vào cho phạm nhân đang phụ thuộc chủ yếu vào Chương trình chống lao tuyến tỉnh/TP dẫn đến không phát hiện sớm các trường hợp mắc lao khi mới đến nhập trại để đưa vào điều trị kịp thời.

Từ năm 2018-2021 CTCLQG đã cấp 20 máy X-Quang kỹ thuật số cho 20 trại giam (2019: 11 máy, 2021: 9 máy). Tuy nhiên, 09 máy X-Quang được cấp 2021 chưa có máy in phim nên các trường hợp phim chụp có dấu hiệu tổn thương phổi đơn vị phải liên hệ với Chương trình chống lao tuyến tỉnh. Ngoài máy X-Quang năm 2023, Chương trình chống lao Quốc gia cấp 6 máy xét nghiệm Gen Expert cho 6 trại giam Vĩnh Quang, Quảng Ninh, Số 6, Thanh Lâm, Thủ Đức, Xuyên Mộc để phục vụ công tác xét nghiệm các trường hợp nghi mắc lao, tăng tỷ lệ phát hiện lao, lao kháng thuốc, giảm thiểu tỷ lệ mắc lao trong thời gian tới.

- Công tác khám phát hiện, điều trị lao và lao kháng thuốc tại các đơn vị

Phạm nhân mới nhập trại 100% đều được chụp phim X-Quang sàng lọc bệnh lao, nếu phát hiện phổi có tổn thương nghi lao mà soi đờm trực tiếp không tìm ra vi khuẩn lao thì tiến hành lấy mẫu xét nghiệm Gen Expert và cách ly riêng. Khi có kết quả xét nghiệm, các trường hợp mắc lao sẽ đưa hội chẩn để đưa vào điều trị. Đối với các phạm nhân nhập trại

đang mắc lao, đơn vị kiểm tra phiếu chuyển tiếp nếu có thì tiếp tục cho phạm nhân điều trị theo đúng hướng dẫn của Chương trình chống lao Quốc gia.

Trong các buồng giam khi phạm nhân có các triệu chứng: Ho, khạc đờm kéo dài trên 2 tuần, sụt cân, đau ngực, khó thở cán bộ y tế sẽ lấy mẫu đờm và soi đờm trực tiếp tại đơn vị. Kết quả xét nghiệm dương tính sẽ được lấy mẫu làm xét nghiệm Gen Expert nhằm phát hiện lao thường và lao kháng thuốc. Bên cạnh đó định kỳ gửi mẫu xét nghiệm Gen Expert đối với số phạm nhân điều trị thất bại, phạm nhân bỏ trị, phạm nhân tiếp xúc với lao kháng thuốc để phát hiện sớm lao kháng thuốc đưa vào điều trị.

Đối với lao kháng thuốc khi phát hiện được cách ly và đề xuất chuyển phạm nhân xuống Bệnh viện Lao và Phổi của tỉnh/ Trung tâm kiểm soát bệnh tật của tỉnh để hội chẩn và chỉ định phác đồ điều trị. Khi phạm nhân điều trị ổn định chuyển về trại tiếp tục điều trị.

Hàng ngày các phạm nhân mắc lao, lao kháng thuốc được cấp thuốc và uống trực tiếp trước sự giám sát của cán bộ y tế của trại giam. Riêng phạm nhân mắc lao kháng thuốc được hỗ trợ ăn thêm 30.000đ/ngày.

Trong quá trình điều trị lao, lao kháng thuốc phạm nhân được định kỳ lấy mẫu đờm để xét nghiệm theo dõi quá hiệu quả điều trị.

- Quy trình chuyển tiếp điều trị đối với phạm nhân mắc lao và lao kháng thuốc đến đơn vị khác hay hết án chuyển về cộng đồng

Khi phạm nhân hết án ra trại hoặc chuyển đến cơ sở giam giữ khác. Đơn vị lập phiếu chuyển tiếp điều trị đến cơ sở điều trị mới kèm theo phiếu theo dõi điều trị gốc, sổ bệnh án phô tô gửi đến cơ sở điều trị lao mới.

Cấp đủ cơ sở thuốc lao còn lại trong 1 tháng và 01 phiếu chuyển tiếp điều trị đồng thời hướng dẫn phạm nhân đến cơ sở điều trị lao mới để khám và nhận thuốc điều trị tiếp những tháng còn lại.

❖ Kết quả thực hiện các hoạt động phòng chống lao năm 2023

- Tổ chức 02 lớp tập huấn về lao, lao kháng đa thuốc cho cán bộ y tế, kỹ thuật viên xét nghiệm, quản giáo của 54 trại giam tại Nhà nghỉ dưỡng Hải Đăng, Lớp 1: 40 học viên, lớp 2: 46 học viên, thời gian tập huấn: Mỗi lớp 03 ngày.
- Triển khai kế hoạch mua sắm giường inox và thiết bị xử lý rác thải y tế cung cấp cho 13 trại giam phục vụ công tác khám chữa bệnh và xử lý chất thải y tế đảm bảo theo quy định gồm: TG Thanh Hòa, TG Đắc Trung, TG Cây Cầy, TG Tổng Lê Chân, TG Kênh 5, TG Kênh 7, TG Hoàng Tiến, TG Ngọc Lý, TG Bến Giá, TG Tân Lập, TG Cái Tàu, TG Suối Hai, TG Thanh Xuân. Hiện đơn vị trúng thầu đang hoàn thiện các thủ tục để bàn giao cho các trại giam.
- Ban quản lý tiểu dự án phòng chống lao Cục C10 được cấp kinh phí 450.000.000đ để triển khai cải tạo, sửa chữa phòng điều trị lao tại 03 đơn vị. Cục C10 hỗ trợ kinh phí cho các Trại Giam Cái Tàu, Cây Cầy, Bến Giá để thực hiện cải tạo phòng điều trị cách ly cho các phạm nhân mắc lao, lao kháng thuốc, đảm bảo các điều kiện cần thiết trong quá trình điều trị bệnh lao, lao kháng thuốc. Số kinh phí đã tạm ứng cho 03 đơn vị: 225.000.000đ. Cả 3 đơn vị hiện nay đã gần hoàn thành và đang hoàn thiện hồ sơ quyết

toán. Ngoài ra Chương trình chống lao Quốc gia cấp bổ sung 574.000.000 cho trại giam Quảng Ninh để xây dựng khu điều trị cách ly cho phạm nhân lao, lao kháng thuốc. Dự kiến hoàn thành tháng 12/2023.

- Cấp kinh phí hỗ trợ ăn 6 tháng đầu năm 2023 cho 51 phạm nhân lao kháng đa thuốc tại 20 đơn vị với tổng kinh phí là 196.050.000đ.
- Hỗ trợ cán bộ tiếp xúc trực tiếp với phạm nhân lao kháng đa thuốc 6 tháng đầu năm 2023 cho 20 đơn vị.
- Truyền thông để phổ biến thông tin về bệnh lao trong phạm nhân do nhóm đồng đẳng từ Ban chấm dứt bệnh lao thực hiện: Cục C10 đã có công văn xin đề xuất chuyển đổi nội dung thực hiện sang tập huấn lao, lao kháng thuốc và dự phòng lây nhiễm lao cho cán bộ chiến sĩ công tác tại Trại giam Cái Tàu. Tổng số cán bộ chiến sĩ tham gia tập huấn là: 220 học viên, thời gian: 03 ngày.
- Trang thiết bị văn phòng: Tổ chức đấu thầu qua mạng lựa chọn đơn vị cung cấp máy in và máy tính. Hiện nay đơn vị đang hoàn thiện các thủ tục để bàn giao cho đơn vị.
- Giám sát công tác phòng chống lao trong các trại giam: Trong 6 tháng đầu năm 2023, Cục C10 đã triển khai giám sát các hoạt động phòng, chống lao kháng thuốc tại 26 đơn vị trại giam gồm Yên Hạ, Quảng Ninh, Thủ Đức, Huy Khiêm, An Phước, Đắc Trung, Đắc Tân, Mỹ Phước, Thanh Hòa, Long Hòa, Cái Tàu, Thanh Lâm, Thanh Phong, Trại 3, Phú Hòa, Xuyên Mộc, Kênh 5, Kênh 7, Nam Hà, Ngọc Lý, Tân Lập, Hồng Ca, Bình Điền, Xuân Phước.
- Lương cán bộ dự án: Hợp tác với 03 chuyên gia hỗ trợ thực hiện các hoạt động của dự án trong đó 02 chuyên gia hỗ trợ về chuyên môn, 01 chuyên gia hỗ trợ về tài chính kế toán. Hiện tại đã chuyển thanh toán kinh phí 6 tháng đầu năm 2023.
- Chi phí mua sắm văn phòng phẩm phục vụ các các hoạt động của dự án 6 tháng năm 2023 là 32.000.000 đ (Ba mươi hai triệu đồng).

❖ Thuận lợi:

- Có sự phối hợp tốt giữa CTCLQG, Bệnh viện phổi Trung ương với Cục C10, giữa bệnh viện lao và bệnh phổi các tỉnh/thành phố với các trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc trên địa bàn trong việc phát hiện bệnh lao. Ngoài kinh phí cấp cho Ban quản lý tiểu dự án phòng chống lao Cục C10 thực hiện, hàng năm Chương trình chống lao Quốc gia còn tổ chức các lớp tập đào tạo kỹ thuật chụp X-Quang, đọc phim, xét nghiệm cho cán bộ y tế, cán bộ làm công tác giáo dục tại các đơn vị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và cập nhật các kỹ thuật mới trong chẩn đoán, điều trị đồng thời hỗ trợ kinh phí chụp phim X-Quang sàng lọc định kỳ và sàng lọc đầu vào cho phạm nhân.
- CTCLQG hỗ trợ cấp máy X-Quang kỹ thuật số di động, máy GeneXpert và vật tư xét nghiệm cho nhiều đơn vị để chủ động sàng lọc đầu vào, sàng lọc lao kháng thuốc cho

phạm nhân hạn chế lây nhiễm lao trong khu giam giữ, nâng cao hiệu quả điều trị lao tại các đơn vị.

❖ **Khó khăn tồn tại:**

- Số lượng phạm nhân nhập trại thời gian gần đây đang có xu hướng tăng lên trong khi nhân lực y tế tại các đơn vị còn thiếu, phần lớn là kiêm nhiệm và khu điều trị cách ly cho phạm nhân mắc lao, lao kháng thuốc tại nhiều trại giam chưa có nên công tác phòng, chống lao còn gặp nhiều khó khăn.
- Nhiều trại giam chưa có máy X-Quang di động, một số trại máy X-Quang hỏng chưa có kinh phí sửa chữa, CTCL tỉnh phải hỗ trợ mang máy X-Quang đến trại giam chụp cho phạm nhân do vậy khi phạm nhân mới đến nhập trại không được sàng lọc bệnh lao ngay dẫn đến nguy cơ lây nhiễm cao. Bên cạnh đó các trại giam đóng quân rải rác trong khắp cả nước và chủ yếu ở vùng sâu di chuyển khó khăn nên việc di chuyển để khám sàng lọc định kỳ cho các trại giam mà tỉnh chưa có xe ô tô X-Quang mất nhiều thời gian và kéo dài thời gian thực hiện hoạt động.
- Các thiết bị văn phòng phục vụ các hoạt động của tổ chống lao tại các đơn vị được cấp đã lâu, số lượng hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu công tác.
- Kinh phí hỗ trợ cho công tác phòng, chống lao còn hạn hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế tại các trại giam.
- Không có chế độ đãi ngộ cho cán bộ làm công tác phòng, chống lao nên chưa thu hút được cán bộ gắn bó lâu dài với công tác phòng, chống lao.

❖ **Phương hướng triển khai năm 2024:**

- Phối hợp chặt chẽ với CTCLQG - Bệnh viện phổi Trung ương và các đơn vị chức năng trong và ngoài ngành trong công tác phòng chống lao.
- Chỉ đạo các đơn vị kiện toàn Tổ chống lao đảm bảo hoạt động thường xuyên liên tục và đạt hiệu quả.
- Đẩy mạnh hoạt động sàng lọc, phát hiện chủ động cho đối tượng mới vào trại và đối tượng có nguy cơ lây nhiễm cao, hạn chế mức thấp nhất tỷ lệ mắc lao trong trại giam.
- Tăng cường sàng lọc lao tiềm ẩn để phát hiện, thu dung điều trị và quản lý kịp thời.
- Triển khai hiệu quả hoạt động thông tin truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về bệnh lao và cách phòng chống bệnh lao cho cán bộ, chiến sĩ và phạm nhân, trại viên, học sinh.
- Phối hợp với các đơn vị chức năng trong và ngoài ngành tăng cường hoạt động đào tạo tập huấn về quản lý, điều trị, dự phòng lây nhiễm bệnh lao, lao kháng thuốc cho cán bộ y tế và quản lý trại giam; tập huấn về quản lý, sử dụng và đọc phim Xquang.
- Tăng cường giám sát và hỗ trợ kỹ thuật tại một số trại giam nhiều bệnh nhân lao và lao kháng thuốc.

6. Cục Bảo trợ xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

❖ Nhận định chung:

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023. Cục Bảo trợ xã hội đã chủ trì, tham mưu; xây dựng trình ban hành các văn bản liên quan đến phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và những văn bản quy phạm pháp luật khác hướng dẫn về lĩnh vực công tác xã hội, sức khỏe tâm thần. Hiện nay Phòng công tác xã hội đang phối hợp với Bộ Tư pháp thẩm định Nghị định về công tác xã hội; trình Chính phủ ban hành Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghiên cứu xây dựng Nghị định về phụ cấp ưu đãi nghề...

Các cơ sở trợ giúp xã hội đã được hình thành và phát triển trên phạm vi cả nước với 425 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập, gồm 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội. Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã cung cấp dịch vụ cho người lớn và trẻ em khuyết tật và tâm thần chiếm tỷ lệ lớn 46,5%, số đối tượng là trẻ em mồ côi và bị bỏ rơi chiếm một tỷ lệ tương đối 19,3%, người già cô đơn chiếm tỷ lệ 10,3%, trẻ em và người lớn nhiễm HIV/AIDS chiếm tỷ lệ 1,4%. Cho đến nay, mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội 30% đối tượng cần trợ giúp xã hội với các dịch vụ như tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội; tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất, dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội.

Các tỉnh, thành phố từng bước chuyển đổi hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội sang hoạt động theo mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với người già, người tâm thần, bảo vệ trẻ em, trợ giúp người khuyết tật phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

Cục Bảo trợ xã hội đã chủ động xây dựng kế hoạch hành động của Cục năm 2023, chủ động hướng dẫn các địa phương theo dõi, tổng hợp tình hình thiệt hại về tình hình thiếu lương thực, nhu yếu phẩm sinh hoạt trong dịp Tết Nguyên đán, giáp hạt vừa qua để kịp thời báo cáo cơ quan có trách nhiệm hỗ trợ theo quy định, xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần và các đối tượng bảo trợ xã hội khác; triển khai kế hoạch phát triển nghề công tác xã hội; quản lý, quy hoạch, phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội và các chương trình, đề án khác.

❖ Kết quả thực hiện các hoạt động phòng chống lao năm 2023

- Tổ chức hội thảo cung cấp dịch vụ và kỹ thuật mô hình
- Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng và nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội về tâm lý lâm sàng, công tác xã hội trong lĩnh vực lao/lao kháng thuốc.

- Phát triển mô hình trợ giúp xã hội toàn diện và định hướng cộng đồng (mã 198) tại 5 tỉnh, thành phố: Khánh Hoà, Hoà Bình, Thanh Hoá, Đà Nẵng và Vĩnh Long, các tỉnh, thành phố thành lập tổ điều phối hoạt động tuyến tỉnh (6 người, gồm sở LĐTBXH, Trung tâm CTXH, Trung tâm phòng chống bệnh xã hội, Bệnh viện phổi....) và điều phối hoạt động tuyến huyện (phòng LĐtbxh tuyến huyện, trung tâm ý tế huyện..).
- Vận hành mô hình tại địa phương:
 - Hỗ trợ người tư vấn theo ca với tổng số ca là 830 ca, trong đó (Khánh Hòa 130 ca; Hòa Bình 100 ca; Vĩnh Long 150 ca; Đà Nẵng 300 ca; Thanh Hóa 150 ca). Cán bộ, nhân viên và cộng tác viên phối hợp với trạm y tế các xã, phường, thị trấn thuộc dự án hỗ trợ tư vấn bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện, tại cộng đồng được quản lý, theo dõi. Song song với việc người bệnh lao được tư vấn liên quan đến tình hình sức khỏe, điều kiện hoàn cảnh gia đình, những mong muốn, nguồn vọng của bản thân trong điều trị bệnh, cải thiện chất lượng cuộc sống. Tìm kiếm, kết nối nguồn lực và tiến hành trợ giúp xã hội cho bệnh nhân lao phổi; kiểm tra kết quả thực hiện trợ giúp xã hội đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân; kết thúc và và trợ giúp bệnh nhân hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống. Do tình hình dịch covid 19 kéo dài và các dịch bệnh khác nên vẫn ảnh hưởng đến việc rà soát, hỗ trợ hồ sơ quản lý trường hợp gặp khó khăn, các tỉnh, thành phố sẽ cố gắng hoàn thành chỉ tiêu theo như dự án đã đề ra trong năm 2022.
 - Hỗ trợ cán bộ kết nối, trợ giúp: Mỗi tháng, Trung tâm phân công 02 cán bộ thực hiện nhiệm vụ khảo sát các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ nguồn lực từ mô hình, đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân như: hỗ trợ dinh dưỡng, hỗ trợ mô hình sinh kế, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế. Ngoài ra, cũng tiến hành tìm kiếm, vận động, kết nối các nguồn lực từ cộng đồng để hỗ trợ các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn.
 - Tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám với tổng số là 2.220 người, trong đó (Khánh Hòa 270 người; Hòa Bình 300 người; Vĩnh Long 450 người; Đà Nẵng 700 người; Thanh Hóa 500 người); Trung tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan và cộng tác viên công tác xã hội tiến hành rà soát, tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám từ các cơ sở trợ giúp xã hội đến cộng đồng tới Trung tâm y tế huyện hoặc Bệnh viện phổi tỉnh để được khám.
 - Tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị; giám sát định kỳ, tiếp xúc, trao đổi thông tin với tổng số là 830 người, trong đó (Khánh Hòa 130 người; Hòa Bình 100 người; Vĩnh Long 150 người; Đà Nẵng 300 người; Thanh Hóa 150 người): Cộng tác viên công tác xã hội các xã, phường, thị trấn phối hợp với Trạm Y tế tổ chức tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị; cộng tác viên cũng đã thực hiện giám sát định kỳ, tiếp xúc trao đổi thông tin đối với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân. Đã thực hiện tư vấn cho tất cả bệnh nhân và gia đình bệnh nhân.

Bảng 27: Hỗ trợ bệnh nhân và cán bộ quản lý trường hợp

STT	Tỉnh, thành phố	Hỗ trợ người tư vấn theo ca (ca)	Hỗ trợ cán bộ kết nối (người)	Tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám (Người)	Tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị; giám sát định kỳ, tiếp xúc.. (người)
1	Hòa Bình	100	2	300	100
2	Khánh Hòa	130	2	270	130
3	Đà Nẵng	300	2	700	300
4	Thanh Hóa	150	2	500	150
5	Vĩnh Long	150	2	450	150
Tổng số		830	10	2.220	830

- Cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội gồm chăm sóc dinh dưỡng, mua thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ học nghề, tìm việc làm:
 - Chăm sóc dinh dưỡng với tổng số là 1.020 người, trong đó (Khánh Hòa 220 người; Hòa Bình 100 người; Vĩnh Long 200 người; Đà Nẵng 300 người; Thanh Hóa 200 người).
 - Hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế với tổng số là 78 người, trong đó (Khánh Hòa 23 người; Hòa Bình 5 người; Vĩnh Long 15 người; Thanh Hóa 15 người, Đà Nẵng 20 người): Trung tâm phối hợp với cộng tác viên công tác xã hội đã rà soát xem xét và hỗ trợ cho bệnh nhân có nhu cầu được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế trong số bệnh nhân được quản lý. Tuy nhiên, việc huy động này chỉ dừng lại ở việc kêu gọi, vận động là chính chưa thực hiện được do ngoài cộng đồng còn khó khăn về điều kiện kinh tế, đặc biệt là do tình hình dịch covid 19 kéo dài...Các tỉnh, thành phố đến nay đã đạt chỉ tiêu 80% theo định mức hỗ trợ của chương trình và còn huy động thêm được từ nguồn lực bên ngoài hỗ trợ cho bệnh nhân và người nhà có thẻ bảo hiểm y tế.
 - Hỗ trợ mô hình sinh kế với tổng số là 54 người, trong đó (Khánh Hòa 12 người; Hòa Bình 12 người; Vĩnh Long 10 người; Đà Nẵng 12 người; Thanh Hóa 8 người): Trung tâm đã chỉ đạo cộng tác viên công tác xã hội đánh giá và hỗ trợ các gia đình bệnh nhân lao phổi có nhu cầu hỗ trợ vốn làm sinh kế và mời bệnh nhân lao đến để tư vấn, giới thiệu việc làm cho bệnh nhân. Thực hiện phối hợp với phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố kết nối với các Trung tâm Dạy nghề, giáo dục thường xuyên cấp huyện để tuyển sinh những bệnh nhân học nghề theo chương trình đào tạo của Trung tâm dạy nghề, giáo dục thường xuyên và Trung tâm Công tác xã hội. Thực hiện phối hợp với Chính quyền địa phương phối hợp với các cá nhân, doanh nghiệp tại địa phương tư vấn và hỗ trợ kết nối việc làm cho gia đình bệnh nhân.

- Trung tâm đã phối hợp với cộng tác viên công tác xã hội và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cùng với bệnh nhân xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện mô hình sinh kế tạo việc làm, phát triển kinh tế cho gia đình bệnh nhân. Thực hiện việc hỗ trợ cho bệnh nhân như: Cây giống, con giống, nuôi gà, nuôi bò, vật nuôi, dụng cụ sản xuất, phục vụ quán ăn, làm cá, làm công nhân khu công nghiệp, buôn bán nước giải khát trang thiết bị làm việc.... Như tỉnh Khánh Hòa, Hòa Bình, Đà Nẵng, Vĩnh Long hỗ trợ nuôi bò, dê cho gia đình bệnh nhân, việc nuôi bò kinh phí rất lớn, tỉnh đã bổ sung kinh phí đối ứng cùng với gia đình bỏ tiền để mua con giống với số tiền là 10.000.000đ-15.000.000đ/con....
- Các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Trung tâm công tác xã hội vận động các mạnh thường quân, đặc biệt là phối hợp với ngân hàng chính sách hỗ trợ vay vốn cho người nghèo để cùng với nguồn của dự án mua con giống để tăng gia sản xuất cho gia đình; dự án hỗ trợ 5 triệu vay ngân hàng chính sách 15-40 triệu đồng để triển mở rộng trang trại nuôi bò, dê, vườn ao chuồng....
- Bên cạnh đó, các tỉnh, thành phố còn thực hiện, phối hợp và kêu gọi Chính quyền địa phương phối hợp với các cá nhân, doanh nghiệp tại địa phương tư vấn và hỗ trợ kết nối việc làm cho gia đình bệnh nhân ngoài hoạt động của chương trình như tìm việc làm cho bệnh nhân lao/lao kháng thuốc đi trông xe, làm giúp việc theo giờ...

Bảng 28. Cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội:

STT	Tỉnh, thành phố	Chăm sóc dinh dưỡng (người)	Thẻ bảo hiểm Y tế (người)	Hỗ trợ việc làm (người)
1	Hòa Bình	100	5	12
2	Khánh Hòa	220	23	12
3	Đà Nẵng	300	20	12
4	Thanh Hóa	200	15	8
5	Vĩnh Long	200	15	10
Tổng số		1020	78	54

- Chuyển gửi bệnh nhân: Trung tâm đã phối hợp với Bệnh viện hỗ trợ 200.000đ/bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn để giúp họ đi lại trong thời gian điều trị tại Bệnh viện, so với kế hoạch đề ra thì chỉ có mỗi tỉnh Khánh Hòa là đơn vị chuyển gửi bệnh nhân, còn các tỉnh, thành phố khác không sử dụng kinh phí chuyển gửi bệnh nhân.
- Giám sát hỗ trợ triển khai mô hình: Mỗi đơn vị 02-03 cán bộ đi cùng với nhóm hỗ trợ tuyến tỉnh và Trung ương xuống địa bàn hỗ trợ lập hồ sơ quản lý trường hợp, hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, phân loại đối tượng... để hỗ trợ cho bệnh nhân; giúp cộng tác viên công tác xã hội mở hồ sơ quản lý trường hợp, đảm bảo tính thống nhất trong quá trình triển khai và thực hiện tư vấn, tham vấn cho đối tượng... so với kế hoạch đạt 100%.
- Truyền thông nâng cao nhận thức về lĩnh vực lao phổi:

- Phối hợp với đài truyền hình Việt Nam làm phóng sự truyền thông về lĩnh vực lao phổi, chương trình sẽ phát sóng tháng 3 và tháng 6, 11 trên kênh VTV1 nhằm tuyên truyền nhận thức của cộng đồng về vấn đề trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc...
- Nhân 24/3/2023 ngày thế giới phòng chống lao, Cục Bảo trợ xã hội đã yêu cầu các tỉnh, thành phố tổ chức công tác tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề lao/lao kháng thuốc; nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về ảnh hưởng của bệnh lao đến sức khỏe, kinh tế và xã hội, đồng thời đẩy mạnh nỗ lực chấm dứt đại dịch lao trên toàn cầu; Các tỉnh, thành phố truyền thông trên mọi hình thức khác nhau như: tổ chức in hàng nghìn tờ rơi tuyên truyền về phòng chống lao; phát tờ rơi tại các cơ sở trợ giúp xã hội, người dân và tuyên truyền trực tiếp trên loa đài, đài phát thanh; treo băng rôn, khẩu hiệu về cách phòng chống lây lan, đại dịch covid 19 để người dân thực hiện; thường xuyên viết bài tuyên truyền trên Báo Khánh Hòa, Hòa Bình, Vĩnh Long, Đà Nẵng, Thanh Hóa và trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm Công tác xã hội. Mặc dù dự án không hỗ trợ tập huấn về vấn đề chính sách, truyền thông nhưng các tỉnh, thành phố đã lấy nguồn đối ứng để tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên và truyền thông về lao và hỗ trợ bệnh nhân lao để nâng cao năng lực về lĩnh vực lao phổi cho các cộng tác viên các xã, phường, thị trấn có bệnh nhân mắc lao trên địa bàn.
- Hỗ trợ kiểm tra, giám sát mô hình: Cục Bảo trợ xã hội phối hợp với một số đơn vị liên quan và chuyên gia tổ chức các đoàn đi kiểm tra giám sát việc thực hiện mô hình tại Hòa Bình, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Vĩnh Long trong năm 2023.
- Tổ chức Hội thảo chính sách liên quan đến lĩnh vực trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc
- Lương cho cán bộ dự án: Hàng tháng Ban quản lý dự án thanh toán tiền công cho 02 công tác viên đến tháng 4/2023, so với kế hoạch thì giảm kinh phí (do hai công tác viên thi đỗ công chức); tháng 6/2023 tuyển 01 công tác viên. Khoản kinh phí giảm điều chỉnh sang dòng ngân sách 206- đã được phê duyệt của Dự án phòng chống Lao- Bệnh viện Phổi trung ương;
- Chi phí hoạt động: hàng tháng Ban quản lý dự án mua các vận dụng cần thiết như văn phòng phẩm, photo tài liệu, các khoản chi khác... để phục vụ mô hình trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc.

❖ **Thuận lợi**

- Cán bộ chuyên trách lao, cộng tác viên được cử tham gia Mô hình nhiệt tình trách nhiệm, nghiêm túc thực hiện việc rà soát, tổng hợp đầy đủ các thông tin liên quan đến người bệnh.

- Phòng Lao động – Thương binh và các tỉnh, thành phố phối hợp với trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo cán bộ công tác viên công tác xã hội và cán bộ y tế các xã, phường, thị trấn tích cực tham gia và đánh giá nhu cầu hỗ trợ của bệnh nhân trên địa bàn. Đội ngũ công tác viên công tác xã hội và y tế nhiệt tình, tâm huyết với nghề...
- Công tác tìm kiếm, kết nối các nguồn lực từ gia đình, từ địa phương nơi bệnh nhân đang cư trú, từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh để tiến hành trợ giúp xã hội cho những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đã được tiến hành rất tích cực và đạt kết quả tương đối khả quan trong 6 tháng đầu năm.

❖ **Khó khăn:**

- Thành viên Ban điều phối cấp tỉnh, thành phố có sự thay đổi, phần nào có ảnh hưởng đến công tác tiếp cận, điều phối vận hành mô hình trợ giúp xã hội.
- Đội ngũ cán bộ xã hội tại địa phương bố trí không ổn định, hầu hết phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, trong khi mô hình cần có nhiều thời gian để tiếp cận và nắm bắt công việc nên sự kết nối, phối hợp giải quyết các vấn đề cũng gặp không ít khó khăn.
- Trong quá trình tư vấn, hỗ trợ bệnh nhân, công tác viên phải đến tiếp xúc, trao đổi với bệnh nhân rất nhiều lần, bệnh nhân đang cư trú tại các vùng sâu, vùng xa nên còn nhiều khó khăn khi tiếp cận đánh giá hỗ trợ.
- Các bệnh nhân lao đa số thuộc địa bàn khó khăn, gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn do quá trình điều trị tốn nhiều chi phí, thời gian điều trị kéo dài nên đã ảnh hưởng đến sức khỏe, việc làm, thu nhập.... Chính vì vậy, nhu cầu cần hỗ trợ của bệnh nhân rất nhiều nhưng chưa thể kết nối thêm nhiều nguồn lực, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của bệnh nhân.
- Bệnh nhân điều trị trong thời gian dài, sức khỏe giảm, bị tác dụng phụ trong quá trình điều trị bằng thuốc nên rất khó khăn trong việc tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị.
- Hoạt động của Mô hình được triển khai ở một số huyện miền núi địa bàn xa, đi lại khó khăn, người bệnh sống không tập trung nên việc thu thập thông tin cũng như thực hiện các hoạt động trợ giúp gặp nhiều khó khăn.
- Về chứng từ để thanh toán tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn như hoạt động đi kiểm tra, giám sát của ban điều phối tuyến tỉnh, huyện đi xuống xã chứng từ thanh toán phải có báo cáo cá nhân hàng tháng có đóng dấu xác nhận của địa phương đi công tác, hoặc yêu cầu biên bản làm việc có đóng dấu của địa phương công tác trong khi đã có giấy đi đường hàng tháng kèm theo báo cáo, điều này gây khó khăn và thêm thủ tục cho các cán bộ tham gia Dự án và địa phương không thực hiện được.

❖ **Phương hướng triển khai năm 2024:**

- Tiếp tục triển khai mô hình tại một số tỉnh, thành phố
- Tiếp tục truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề lao/lao kháng thuốc

- Vận hành mô hình tại địa phương
 - ☐ Tổ chức họp giao ban định kỳ và tổng kết thực hiện mô hình
 - ☐ Tiếp tục thực hiện tư vấn theo ca và lập hồ sơ quản lý trường hợp cho bệnh nhân lao phổi.
 - ☐ Tiếp tục rà soát hỗ trợ dinh dưỡng, hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ mô hình sinh kế cho bệnh nhân.
 - ☐ Tiếp tục hỗ trợ cộng tác viên công tác xã hội tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị tránh bỏ trị cho bệnh nhân.
 - ☐ Tiếp tục cử cán bộ Trung tâm Công tác xã hội kết nối, trợ giúp bệnh nhân.
 - ☐ Xây dựng kế hoạch và tổ chức tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám cho bệnh nhân.
 - ☐ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bệnh lao phổi bằng hình thức thiết kế, in và phát hành tờ rơi đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
 - ☐ Cung cấp các dịch vụ như: Chăm sóc dinh dưỡng, thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ việc làm cho những bệnh nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng thời, tìm kiếm, kết nối nguồn lực của tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh Khánh Hòa để thực hiện việc trợ giúp đối với những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn.
 - ☐ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật để giúp cho Cộng tác viên công tác xã hội và cán bộ Trạm y tế các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao phổi....
- Lương cho cán bộ dự án: Ban quản lý dự án chuyển lương cho 01 cán bộ cộng tác viên của dự án
 - ☐ Chi phí hoạt động: hàng tháng Ban quản lý dự án mua các vận dụng cần thiết như văn phòng phẩm, photo tài liệu, máy tính...để phục vụ mô hình trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc.

7. Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phát triển cộng đồng (SCDI)

❖ Nhận định chung:

Trong năm 2023, nhờ sự định hướng, xây dựng kế hoạch tốt từ đầu năm, đội ngũ cán bộ thực hiện của SCDI đã tích cực chủ động phối hợp với đối tác các tỉnh và linh hoạt trong việc triển khai hoạt động sàng lọc cũng như hoạt động hỗ trợ kết nối điều trị. Kết quả đạt được đáng ghi nhận:

- Chụp Xquang cho **65.331** người (đạt *113%* so với chỉ tiêu kế hoạch) tại các chiến dịch phát hiện lao ở cộng đồng, phát hiện **436** ca lao hoạt động (*đạt 667/100.000 dân*), chuyển gửi chụp Xquang cho **5.049** người thuộc nhóm nguy cơ cao và có dấu hiệu nghi lao, hỗ trợ phát hiện **239** ca lao hoạt động, hỗ trợ đưa vào điều trị 605 ca (*~ 89,7% tổng ca lao phát hiện*). Phần lớn bệnh nhân đều tuân thủ điều trị tốt, số bệnh nhân còn lại đã và đang tiếp tục được đưa vào điều trị.

- Tiêm Mantoux làm phản ứng TST cho **7.514** người (đạt 86% so với kế hoạch), phát hiện **1.362** ca (*tỉ lệ 18% tổng số người được tiêm*). Hiện đã đưa vào điều trị 882 ca (~65% tổng ca lao tiềm ẩn), các ca còn lại đang tiếp tục được tư vấn điều trị.
- Hệ thống Cộng đồng Chấm dứt bệnh Lao (CSET) ở các tỉnh tiếp tục được thiết lập, mở rộng và nâng cao năng lực, trở thành nguồn lực quan trọng trong chủ động rà soát, sàng lọc thông tin đối tượng nguy cơ, phát hiện ca bệnh, hỗ trợ đưa vào và tuân thủ điều trị.
- Cơ chế phối hợp hiệu quả được thiết lập và duy trì giữa SCDI, mạng lưới cộng đồng và hệ thống y tế, bao gồm các bệnh viện phổi, TTYT quận/huyện & các tổ chống lao, và TYT các xã ở các tỉnh thực hiện dự án.

❖ **Kết quả thực hiện các hoạt động phòng chống lao năm 2023**

- Phát hiện ca lao hoạt động, lao tiềm ẩn và hỗ trợ điều trị:
 - Chiến dịch sàng lọc chủ động bằng 2X phát hiện lao hoạt động và TST phát hiện lao tiềm ẩn:

Duyên Hải Bắc Bộ và Trung Bộ:

- Hải Dương: Trung tâm SCDI đã phối hợp Trung tâm y tế thành phố tổ chức 25 ngày sàng lọc lao miễn phí cho người có nguy cơ cao trên địa bàn 25 phường/xã của thành phố Hải Dương. Kết quả: 7.061 người được khám sàng lọc, chụp Xquang miễn phí và phát hiện 11 người có kết quả xét nghiệm Genxpert dương tính, 39 người nhiễm lao tiềm ẩn.
- Nghệ An: SCDI đã phối hợp với Bệnh viện Phổi tỉnh tổ chức sàng lọc lưu động tại 3 huyện Đô Lương, Nam Đàn và Nghĩa Đàn.
- Thái Bình: tổ chức 25 ngày sàng lọc lao miễn phí cho toàn bộ người có nguy cơ cao trên địa bàn 38 xã, thị trấn, huyện Đông Hưng.
- Hải Phòng: SCDI thực hiện sàng lọc lao trong nhóm đặc thù – nhóm tiêm chích ma túy (dự án Drive TB). Các nhóm cộng đồng thực hiện việc chuyển gửi các ca mắc lao hoạt động, cung cấp các hỗ trợ xã hội đặc thù như bảo hiểm y tế, dinh dưỡng, hỗ trợ đi lại để đảm bảo bệnh nhân có điều kiện tiếp cận và duy trì điều trị... Song song đó là tư vấn, chuyển gửi người tiếp xúc hộ gia đình tới các cơ sở dịch vụ sàng lọc lao.

Tây Nguyên thực hiện tại Gia Lai và Đắk Lắk

- Đắk Lắk: Thực hiện sàng lọc tại 03 huyện Ea Hlêo, Ea Kar và Krông Pắc. Cụ thể: tổ chức 07 ngày sàng lọc cho người có nguy cơ cao trên địa bàn 13 xã của huyện Ea Kar, tổ chức 05 ngày sàng lọc cho người có nguy cơ cao tại 6 xã của huyện Ea Hlêo. Và tổ chức 15 ngày sàng lọc cho người có nguy cơ cao trên địa bàn 16 xã của huyện Krông Pắc.
- Gia Lai: Thực hiện sàng lọc lưu động tại 4 huyện: Krông Pa, Ia Pa, Đức Cơ và Gia Grai. Tổng có 15,345 được chụp Xquang, phát hiện 151 ca lao hoạt động và 119 ca lao tiềm ẩn.

Miền Nam thực hiện tại Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại thành phố Hồ Chí Minh: SCDI phối hợp cùng Hội y tế công cộng TP HCM để thực hiện tầm soát và khám sàng lọc lao cho các nhóm nguy cơ cao thông qua mạng lưới

cộng tác viên cộng đồng sẵn có trên các địa bàn Quận 1, Tân Phú, Bình Tân và Bình Thạnh. Đến tháng 11 đã chuyển gửi 435 khách hàng và ghi nhận 12 ca lao hoạt động.

- Bình Phước: SCDI phối hợp với CDC tỉnh thực hiện sàng lọc tại 3 huyện Lộc Ninh, Đồng Phú, Hớn Quản và 01 Trung tâm cai nghiện. Tổng trong năm đã chụp xquang cho 9,411 người, ghi nhận 55 ca lao hoạt động và 474 ca lao tiềm ẩn. Hoạt động sàng lọc tại huyện Hớn Quản mới kết thúc trong tháng 11, vì vậy các bệnh nhân lao hoạt động và lao tiềm ẩn đang trong quá trình được đưa vào điều trị.

Bảng 29: Phát hiện lao hoạt động qua sàng lọc chủ động tại cộng đồng

Xquang lưu động	Bình Phước	Đắk Lắk	Gia Lai	Hải Dương	Nghệ An	Thái Bình	Tổng SCDI	So sánh với chỉ tiêu cả năm	% đạt được so với chỉ tiêu
Số chụp Xquang	9.411	8.341	15.345	7.061	17.174	7.999	65.331	58.000	113%
GeneXpert	393	935	803	296	1.159	301	3.887	5.800	67%
Lao HĐ	55	47	151	11	131	41	436	522	84%
Đã vào điều trị	51	46	134	10	88	37	366	95%	84%

Bảng 30: Phát hiện lao tiềm ẩn trong chiến dịch sàng lọc

Lao Tiềm ẩn	Bình Phước	Đắk Lắk	Gia Lai	Hải Dương	Nghệ An	Thái Bình	Tổng SCDI	So sánh với chỉ tiêu cả năm	% đạt được so với chỉ tiêu
Tiềm Mantoux	2.722	921	871	430	1,751	819	7.514	8.700	86,4%
Lao tiềm ẩn	474	248	119	39	243	239	1.362	2.175	63%
Đã vào trị	69	237	102	25	226	223	882	70%	65%

- Mạng lưới phòng, chống lao (CSET/CBO) chuyển gửi người tiếp xúc, người sử dụng ma túy, người có HIV, vô gia cư, người di biến động có nguy cơ cao hoặc có dấu hiệu nghi lao đến cơ sở y tế sàng lọc và phát hiện bệnh lao.
- Mạng lưới cộng đồng được xây dựng dựa trên nòng cốt là các CBO sẵn có và thu hút thêm những người tình nguyện tại địa phương. Các thành viên của mạng lưới cộng đồng này được đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Năm 2023, SCDI tiếp tục duy trì hoạt động của các nhóm CBO ở 3 tỉnh Duyên Hải là Nghệ An, Thái Bình, Hải Dương. CBO thực hiện tiếp cận, truyền thông cho những người có nguy cơ cao, đặc biệt là các đối tượng khó tiếp cận như người sử dụng ma túy, người bán dâm, người vô gia cư, sống ở khu ổ chuột,... để chuyển gửi đến đến cơ sở y tế chụp X-quang, lấy đờm làm xét nghiệm chẩn đoán lao.

- Ở thành phố Hồ Chí Minh: từ tháng 6/2023 các tiếp cận viên (TCV) cộng đồng của SCDI tại TP. Hồ Chí Minh đã phối hợp để chuyển gửi khách hàng nguy cơ cao đến các đợt khám sàng lọc lưu động của Hội YTCC hoặc đến các cơ sở y tế để khám sàng lọc lao.

Bảng 31. Chi tiết kết quả thực hiện

Tỉnh/thành phố	Số TCV cộng đồng	Số chụp XQ	Số lao hoạt động phát hiện	Vào điều trị	Ghi chú
Hải Dương	3	284	7	7	Thực hiện từ tháng 3/2023
Thái Bình	8	2.450	123	123	Thực hiện từ tháng 1/2023
Nghệ An	14	1.880	97	97	Thực hiện từ tháng 1 (6TCV) và tháng 9 (8TCV)
Thành phố Hồ Chí Minh	5	435	12	12	Thực hiện từ tháng 6
Tổng	30	5.049	239	239	

- Từ tháng 6/2023, SCDI đã được phê duyệt ngân sách điều chỉnh để mở rộng triển khai mô hình CSET - hệ thống cộng đồng tham gia chấm dứt bệnh lao tại các tỉnh với mong muốn mở rộng và củng cố mạng lưới cộng đồng phòng chống lao, nâng cao năng lực và phát huy vai trò của mạng lưới trong việc sàng lọc người nguy cơ và hỗ trợ tuân thủ điều trị.
- Nhóm thực hiện dự án đã xây dựng kế hoạch để tuyển chọn thành viên CSET và tập huấn nâng cao năng lực cho CSET. Trong tháng 7 đã tổ chức 01 khóa tập huấn cho mạng lưới CBO/CSET tại Nghệ An, trong tháng 11 SCDI đã phối hợp với Bệnh viện phổi và TTYT Krông Pa, TTYT Ia Pa tổ chức tập huấn củng cố kiến thức, quy trình cho mạng lưới CSET để họ hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng.
- Trong tháng 11, được sự phê duyệt kế hoạch và ngân sách của Viện phổi TW, SCDI đã tổ chức cuộc gặp gỡ các nhóm cộng đồng tại Phú Yên nhằm chia sẻ kết quả, kinh nghiệm trong hoạt động phòng, chống lao giữa các nhóm cộng đồng và định hướng hoạt động giai đoạn 2024 – 2026.
- Hỗ trợ tuân thủ điều trị và hỗ trợ xã hội cho bệnh nhân lao hoạt động và lao tiềm ẩn: Trong quý 4, SCDI đẩy mạnh triển khai hoạt động hỗ trợ xã hội, hỗ trợ dinh dưỡng với mong muốn tạo điều kiện hỗ trợ và khuyến khích động viên người mắc lao, nhiễm lao tiềm ẩn được phát hiện trong các đợt sàng lọc lao năm 2023 do SCDI phối hợp với các Bệnh viện Phổi, các Trung tâm y tế huyện tổ chức. Bệnh nhân đang điều trị hoặc chuẩn bị vào điều trị, có hoàn cảnh khó khăn và chưa nhận được hỗ trợ bởi nguồn nào khác từ Quỹ toàn cầu trong năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại khoảng 300 bệnh nhân lao và lao tiềm ẩn đáp ứng các tiêu chí trên đã nhận được hỗ trợ từ dự án
- Củng cố mối quan hệ với đối tác:

- Tại mỗi tỉnh triển khai hoạt động SCDI luôn chú trọng xây dựng, củng cố mối quan hệ với các đối tác, chính vì vậy đến nay sau hơn 2 năm thực hiện, đội ngũ thực hiện đã thiết lập và duy trì được cơ chế phối hợp hiệu quả giữa SCDI, mạng lưới cộng đồng và hệ thống y tế, bao gồm các bệnh viện phổi, CDC các tỉnh, TTYT quận/huyện & các tổ chức lao, và TYT các xã ở các tỉnh thực hiện.
- Tại mỗi địa bàn, trước khi triển khai SCDI đều có những buổi họp/làm việc cụ thể với đối tác Y tế các cấp cũng như với UBND các cấp để thống nhất về phương hướng, mục tiêu, kế hoạch triển khai, tăng cường gắn kết với chính quyền địa phương, thu hút sự ủng hộ của các tổ chức cho các hoạt động tại địa bàn.

❖ **Thuận lợi:**

- Trong năm, nhóm thực hiện dự án có sự chủ động hơn về công tác lập kế hoạch triển khai một phần do đã có kinh nghiệm, một phần là do được sự hỗ trợ từ Ban quản lý dự án nên không gặp khó khăn về thủ tục, hợp đồng.
- Cán bộ chương trình/dự án được tham gia tập huấn kiến thức về lao tiềm ẩn, kỹ thuật xét nghiệm Mantoux và nắm được các yêu cầu chất lượng, tăng cường chất lượng giám sát cho thực địa.
- Hoạt động thực địa được địa phương đón nhận và ủng hộ, chỉ đạo các đơn vị thực hiện và hỗ trợ tổ chức tốt.
- Các đối tác linh động trong việc giải quyết các tình huống phát sinh như phối hợp với bên thứ 3 để thực hiện xét nghiệm genexpert, chụp XQ.

❖ **Khó khăn:**

- Mô hình CSET cần nhiều thời gian để nâng cao năng lực và đào tạo kỹ năng cho các thành viên để đưa hoạt động về lao thành một trong những vai trò chính của cộng đồng.
- Việc hỗ trợ tuân thủ điều trị cho bệnh nhân cần sự nhiệt huyết và chung tay của cả hệ thống y tế và mạng lưới cộng đồng.

❖ **Phương hướng triển khai năm 2024:**

- Tiếp tục duy trì mở rộng và củng cố mạng lưới cộng đồng phòng chống lao CSET. Nâng cao năng lực và phát huy vai trò của mạng lưới trong việc sàng lọc người nguy cơ và hỗ trợ tuân thủ điều trị; Phát huy hiệu quả của việc mở rộng mô hình tìm ca qua mạng lưới cộng đồng;
- Củng cố kết nối và phối hợp giữa cộng đồng và cơ sở y tế để thực hiện mục tiêu chung;
- Tiếp tục đẩy mạnh 2X tại các địa bàn trọng điểm, phát hiện nhiều ca bệnh, song song với tư vấn điều trị lao tiềm ẩn để hướng tới chấm dứt lao tại các địa bàn đã thực hiện;
- Tăng cường các nội dung và hình thức truyền thông để người dân hiểu đúng về lao, giảm kỳ thị và tự kỳ thị, nâng cao nhận thức và ý thức trong việc điều trị

8. Hội Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh

❖ Nhận định chung:

Chương trình nâng cao năng lực cộng đồng phòng chống và loại trừ bệnh lao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Chương trình) được Chương trình chống lao Quốc gia/Ban quản lý Dự án phòng chống lao của Quỹ toàn cầu phê duyệt và cho phép triển khai trong 3 năm 2021-2023.

Từ tháng 6/2023, để hỗ trợ mạng lưới nhân viên y tế làm công tác chương trình lao, TTYT đã có kế hoạch thành lập mạng lưới cộng tác viên phòng chống lao. Các CTV có nhiệm vụ tiếp cận cộng đồng để sàng lọc người nghi lao trong gia đình bệnh nhân, người tiếp xúc cộng đồng và nguy cơ cao, tư vấn và chuyển gửi người nghi lao về Tổ chống lao để khám bệnh, chụp x quang và xét nghiệm đàm miễn phí. Các CTV còn hỗ trợ chuyên trách lao tại phường/xã tư vấn tuân thủ điều trị.

Năm 2023, Hội đã đăng ký và được Chương trình chống lao quốc gia/Dự án Quỹ toàn cầu phê duyệt đề cương tiếp tục Dự án trong 3 năm 2024-2026. Dự án vòng 2024-2026 có sự thay đổi trong hoạt động như tăng cường hoạt động tầm soát chủ động trong cộng đồng với sự hỗ trợ của mạng lưới cộng tác viên phòng chống lao và tầm soát bệnh lao trong nhóm trẻ đang được nuôi dưỡng trong các mái ấm, nhà mở, ngừng các buổi truyền thông trong cộng đồng.

Tuy nhiên, kết quả đến tháng 9 năm 2023 của các TCL/TTYT chưa đạt được chỉ tiêu đăng ký ban đầu với Quỹ toàn cầu. Nếu không có những biện pháp tích cực trong hoạt động nhằm cải thiện kết quả của Dự án 3 năm 2021-2023 thì sẽ ảnh hưởng đến nguy cơ Quỹ toàn cầu chấm dứt tài trợ trong vòng tiếp theo 2024-2026.

❖ Kết quả thực hiện các hoạt động phòng chống lao năm 2022

- Hoạt động tầm soát:

- ☐ Nhiều chỉ tiêu được giao chưa đạt. Số bệnh nhân được tầm soát chỉ đạt 51,72%, số người có triệu chứng nghi lao chuyển gửi đến phòng khám lao chỉ đạt 47% sau khi tầm soát. Số được chụp x quang miễn phí đạt 14,29% do trong năm 2022 đã bắt đầu khám chữa bệnh lao bằng bảo hiểm y tế nên số được chụp miễn phí không nhiều (Bình Tân đến nay chưa có ai được hỗ trợ chụp x quang miễn phí).
- ☐ Số mẫu đàm thu và xét nghiệm bị tác động do chủ trương về khám chữa bệnh lao bằng BHYT thay vì miễn phí từ chương trình lao trước đây. Bình Thạnh có chính sách riêng nên số mẫu đàm chuyển gửi từ cộng đồng lên được xét nghiệm miễn phí rất tốt.
- ☐ Tầm soát tại nhà BN chưa rớt ráo. Tỷ lệ tầm soát hộ gia đình bệnh nhân chung 4 quận chỉ mới đạt 68,50%.

Hoạt động		9 tháng đầu năm 2023					2021-2022	Cộng dồn	Tỷ lệ % 3 năm	2021-2023
		Q1	Bình Thạnh	Bình Tân	Tân Phú	Tổng số				
1	Số hộ gia đình đã tầm soát bằng ACIS	64	2,634	336	646	3,680	975	4,655	51.72	9,000
2	Số người có triệu chứng nghi lao đã tầm soát bằng ACIS	131	3,476	1,835	1,140	6,582	10,845	17,427	72.61	24,000
3	Số người đến Tổ chống lao khám bệnh và chụp x quang (có phiếu chuyên)	282	3,036	0	207	3,525	1,343	8,111	67.59	12,000
4	Số người đã được thu thập & vận chuyển mẫu đờm	186	3,436	1,376	308	5,306	4,822	15,248	63.53	24,000
5	Số xét nghiệm xpert (sinh phẩm do Chương trình chống lao cấp)	282	190	158	198	828		1,374		
6	Số chụp x quang tại Tổ chống lao	282	190	0	198	670	1,343	2,401	14.29	16,800
Trung tâm Y tế		BN lao tại TCL		BN lao đã được tầm soát			Tỷ lệ được tầm soát			
Quận 1		708		144			20.34%			
Q. Bình Thạnh		2119		2634			124.30%			
Q. Bình Tân		2249		914			40.64%			
Q. Tân Phú		1580		869			55.00%			
Tất cả các Q/H		6656		4561			68.52%			

- Hoạt động điều trị: Số ca thu dung đến hết tháng 9/2023 là 6.656 bệnh nhân, đạt 85,07% chỉ tiêu 3 năm. Nhưng số tái khám và mang đờm kiểm soát còn thấp. Một phần do BN thay vì nhận thuốc tại PK lao hoặc TYT thì khám và nhận thuốc trực tiếp tại khoa được hoặc mang đơn thuốc ra hiệu thuốc mua trực tiếp cho nhanh, không mất thời gian chờ đợi hoặc không có BHYT. Trong năm 2022- đầu năm 2023, do nguồn sinh phẩm chẩn đoán lao tiềm ẩn nhận từ Chương trình chống lao có hạn chế nên số ca được tầm soát và điều trị không cao.

Hoạt động điều trị	9 tháng đầu năm 2023					2021-2022	Cộng dồn	Tỷ lệ 33 tháng	Chỉ tiêu đến tháng 9/2023	Tỷ lệ 3 năm	2021 - 2023
	Q1	Bình Thạnh	Bình Tân	Tân Phú	Tổng số						
Số người đã thu dung	204	640	614	515	1.973	4.683	6.656	92,81%	7.172	85,07%	7.824
Số người tái khám và KS1	203	666	377	394	1.640	2.587	4.227	58,94%	7.172	54,03%	7.824
Số người tái khám và KS3	147	567	338	303	1.355	1.758	3.113	43,40%	7.172	39,79%	7.824
Số thu dung	41	0	5	14	60	242	302	9,81%	3.080	29,96%	1.008
Số hoàn thành điều trị	34	0	0	5	39	162	201	21,75%	924	19,94%	1.008

- Hoạt động truyền thông: Số buổi truyền thông đến tháng 10/2023 là 716 cuộc, đạt 59,67% chỉ tiêu 3 năm. Thực tế cả năm 2021 hầu như không tổ chức được do dịch COVID. Chủ yếu truyền thông tại cộng đồng. Cần tăng cường truyền thông nhiều trong nhóm câu lạc bộ bệnh nhân lao.
- Tổ chức X-quang lưu động sàng lọc lao tại cộng đồng:

X quang lưu động	9 tháng đầu năm 2023					2021-2022	Cộng dồn	Tỷ lệ đến tháng 9/2023	Chỉ tiêu đến tháng 9/2023	Tỷ lệ 3 năm	2021-2023
	Q1	Bình Thạnh	Bình Tân	Tân Phú	Tổng số						
Số buổi	5	3	8	8	24	23	47	117,50%	40	97,92%	48
Số người chụp phim	1.340	929	2.852	2767	7.888	6.892	7.895	56,39%	14.000	46,99%	16.800
Số hình ảnh nghi lao	26	123	264	37	450	675	1.125	51,14%	2.200		
Số xét nghiệm xpert	96	123	264	333	816	720	1.536	69,82%	2.200	64,00%	2.400
Số ca (+)	9	9	22	27	67	49	116	52,73%	220		
Số ca lao kháng thuốc	0	0	0	2	2	5	7				

❖ Thuận lợi

- Ban Quản lý dự án Quỹ Toàn cầu hướng dẫn sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý tiêu dự án tại TP.HCM triển khai chương trình.
- Có sự hỗ trợ về chuyên môn từ bệnh viện Phạm Ngọc Thạch
- Ban giám đốc 04 trung tâm y tế rất ủng hộ và tạo điều kiện để triển khai Chương trình.
- Tổ chống lao 04 quận tích cực triển khai các hoạt động và chủ động hỗ trợ mạng lưới chống lao trong các hoạt động tại cộng đồng.

❖ Khó khăn:

- Nhân viên y tế Chương trình lao: luân chuyển cán bộ, phụ trách nhiều chương trình sức khỏe trong năm 2021- Quý 1 2022
- Cơ sở vật chất đơn vị chưa hoàn chỉnh: máy x quang, gene xpert bị hư
- XN soi tươi tầm soát lao trong cộng đồng không còn miễn phí
- Điều trị bệnh lao miễn phí từ chương trình chống lao chuyển sang bảo hiểm y tế.
- Trong quý 3/2023, để hỗ trợ cho chuyên trách lao các TTYT đã phối hợp với UBND các phường thành lập mạng lưới CTV. Do mới bắt đầu hoạt động, các CTV còn nhiều bỡ ngỡ, chưa bắt kịp tiến độ các hoạt động của Dự án QTC nên hiệu quả chưa cao.
- Có phường có tên CTV không hoạt động hay hoạt động lơ là (chưa hiểu hết vai trò, công việc, nỗ lực mà nhận việc nhưng còn bận việc khác, kỹ năng tiếp xúc cộng đồng và không sử dụng được ứng dụng ACIS trên điện thoại thông minh dù đã được tập huấn,...) và phần mềm ACIS hiện đang cập nhật, chỉnh sửa trên ứng dụng android nên CTV chưa được thực hành nhiều. Dự kiến trong tháng 10/2023 phần mềm sẽ được cập nhật hoàn thiện.
- Mức bồi dưỡng chưa khuyến khích CTV.
- Chưa được hoàn thuế giá trị gia tăng trong dự án 66.416.026 đồng

❖ Phương hướng triển khai năm 2024:

- Tái tập huấn về hoạt động của Dự án cho chuyên trách lao, cộng tác viên, nhân viên y tế có liên quan.
- Cập nhật, chỉnh sửa các tài liệu truyền thông của Chương trình
- Khảo sát, tổng hợp tình hình trẻ trong các cơ sở bảo trợ, sàng lọc lao tiềm ẩn.
- Tầm soát người nguy cơ mắc lao trong cộng đồng và chuyển gửi về phòng khám lao.
- Tầm soát hộ gia đình bệnh nhân lao và chuyển gửi người tiếp xúc hộ gia đình đến sàng lọc lao và lao tiềm ẩn.
- Hỗ trợ người được chuyên trách lao, cộng tác viên chuyển gửi chụp x quang miễn phí và chi phí đi lại
- Tổ chức các ngày Xquang lưu động trong cộng đồng và trong các cơ sở bảo trợ trẻ em.
- Tầm soát và thu dung các trường hợp lao tiềm ẩn
- Thu dung, quản lý điều trị các ca bệnh theo quy trình của Chương trình chống lao quốc gia.

- Cấp tiền thưởng cho chuyên trách lao, cộng tác viên và phòng khám lao trên kết quả hoạt động chuyển gửi, khám bệnh, thu dung, hoàn thành điều trị theo đề cương.

9. Trung tâm Nghiên cứu môi trường và Sức khỏe (CEHS)

Năm 2023 là năm cuối chu kỳ của Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao giai đoạn 2021-2023, Trung tâm nghiên cứu Môi trường và sức khỏe (CEHS) triển khai Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao. Năm nay gặp nhiều thuận lợi trong quá trình triển khai các hoạt động do tình hình dịch bệnh Covid 19 ổn định, đi lại thuận tiện và sự nhiệt tình tham gia của các địa phương, sự hỗ trợ kịp thời của VPQTC.

Năm thứ 3 triển khai Dự án Quỹ toàn cầu, CEHS đã triển khai rất đúng qui trình, đảm bảo chất lượng và hướng dẫn của Văn phòng Quỹ toàn cầu. Các hoạt động theo qui trình, thứ tự phù hợp với việc triển khai. Các hoạt động từ tập huấn, thống nhất địa phương, xây dựng kế hoạch triển khai thực địa.

❖ Về việc thực hiện chỉ tiêu so với kế hoạch:

- Thông qua hoạt động giám sát của LFA, đơn vị kiểm toán độc lập, giám sát nội bộ của BVP trung ương đánh giá cao về công tác quản lý dự án về chuyên môn và tài chính.
- Tỷ lệ giải ngân cao. Dự kiến đạt 98%
- Khó khăn trong hoạt động sàng lọc LTA do thiếu tuberculin, cấp muộn. Định mức hỗ trợ người bệnh còn thấp.
- Kết quả sàng lọc có sự chênh lệch giữa các địa phương (số bệnh nhân dương tính qua sàng lọc chủ động)
- Hoạt động PPM tiến hành khá tốt, tuy nhiên số bệnh nhân lao được chẩn đoán do cơ sở ngoài công lập chưa cao

❖ Kết quả hoạt động năm 2023

- Các hoạt động cụ thể đã triển khai theo dòng ngân sách
 - Tập huấn cho CBYT tuyến tỉnh, huyện và xã về sàng lọc phát hiện, điều trị quản lý lao, lao tiềm ẩn (tại các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Kon Tum, Đắk Nông và Lâm Đồng): Do các địa phương tổ chức, theo nội dung hướng dẫn của CEHS.
 - Giám sát hoạt động tại địa phương: Đến 30 tháng 11 năm 2023, CEHS thực hiện được 20 cuộc giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho 6 tỉnh tiêu Dự án CEHS bao gồm: Bắc Giang: 02 cuộc, Hòa Bình: 04 cuộc, Phú Thọ: 03 cuộc, Lâm Đồng: 03 cuộc, Kon Tum: 04 cuộc, Đắk Nông: 04 cuộc.
 - Chi lương cho cán bộ văn phòng: Tiểu Dự án CEHS đã chi lương đều hàng tháng cho 08 cán bộ văn phòng theo dòng ngân sách đã được Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao Bệnh viện Phổi trung ương phê duyệt năm 2023
 - Chi phí hoạt động duy trì văn phòng: Đã triển khai hàng tháng, theo kế hoạch.
 - Thành lập tổ mua sắm, nhận báo giá, chọn nhà cung cấp và tiếp nhận trang thiết bị. Các thiết bị văn phòng đã mua bao gồm: 01 máy photo, 01 máy tính xách tay theo đúng phê duyệt của VP Quỹ toàn cầu.
- Một số kết quả chuyên môn:

Hoạt động sàng lọc chủ động:

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Tổng số người sàng lọc	9177	5000	8539	9273	11202	5000	48191
Tổng số phim chụp	9105	5000	8384	9253	11202	5000	47944
Tổng số phim có tổn thương nghi lao	913	530	598	1412	808	147	4408
Tổng số XN GeneXpert	911	500	598	1339	1098	400	4846
Tổng số XN dương tính	125	41	18	67	37	23	311
Tổng số XN kháng R	0	01	01	1	01	0	4
Tổng số bệnh nhân lao được chẩn đoán	169	141	18	68	37	26	459
Tổng số BN lao thu nhận và điều trị	125	141	18	68	34	26	412

Hoạt động lao tiềm ẩn:

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Tổng số người sàng lọc	9177	0	732	651	850	5000	16410
Tổng số người tiêm Mantoux	653	0	732	651	850	900	3786
Tổng số Mantoux dương tính	63	0	75	105	245	44	532
Tổng số BN LTA đưa vào điều trị	55	0	60	70	166	43	394

Hoạt động phối hợp y tế công tư (PPM):

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Số cơ sở y tế công tư ký cam kết với đơn vị chống lao tỉnh	13	25	09	20	06	18	91
Tổng số cán bộ y tế công tư được tập huấn	174	25	0	17	0	0	216
Tổng số người nghi lao được các đơn vị phối hợp y tế công tư chuyển đến đơn vị chống lao tỉnh	901	356	526	46	409	1167	3405
Tổng số bệnh nhân được chẩn đoán mắc lao	209	177	93	37	138	43	697
Tổng số bệnh nhân lao được thu nhận điều trị (tính đến thời điểm báo cáo)	209	177	93	37	109	43	668

Hoạt động truyền thông:

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Số cuộc truyền thông	45	10	45	25	30	10	165
Số người được tiếp cận	1800	400	1800	1000	1200	400	6600

- Ngoài các hoạt động truyền thông qua Tờ rơi, Pano, áp phích, loa phát thanh xã, truyền hình địa phương, mạng xã hội, ở các tỉnh Dự án CEHS còn thực hiện 100 cuộc truyền thông trực tiếp về phòng chống lao, thông tin được chia sẻ tới hơn 4000 người là lãnh đạo các ban ngành, người có tiếng nói tại địa phương.

10. FIT

❖ Các hoạt động triển khai thuộc các nguồn ngân sách

- Hỗ trợ và theo dõi cán bộ thực địa trong vận hành hệ thống chuyển gửi điện tử (eReferral), cơ chế phiếu chuyển điện tử (eVoucher), và áp dụng hệ thống tin nhắn tuân thủ điều trị
- Tập huấn nâng cao kỹ năng cho nhân viên y tế tham gia PPM mô hình 5
 - ☐ Tập huấn quy trình dự án.
 - ☐ Hội nghị Tổng kết hoạt động dự án PPM mô hình 5 giai đoạn 2021-2023: đã được Bộ y tế phê duyệt và triển khai tại tỉnh Thừa Thiên Huế với sự tham gia của 130 đại biểu từ Chương trình Chống lao Quốc gia, Sở y tế, bệnh viện phổi tỉnh và cơ sở y tế tham gia hoạt động trên địa bàn 20 tỉnh triển khai dự án PPM mô hình 5 cũng như các đối tác và các cán bộ triển khai dự án.
- Hỗ trợ từ ban quản lý các bệnh viện tham gia dự án: Ban quản lý dự án được hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng tháng để tạo điều kiện duy trì và thúc đẩy các hoạt động triển khai hiệu quả. Tổng số Ban quản lý dự án đã được thành lập trong khuôn khổ dự án tính đến nay là 63, trong đó: Hà Nội: 6, Hải Phòng: 3, Đà Nẵng: 4, Thanh Hóa: 3, Thừa Thiên Huế: 6, TPHCM: 17, Bình Dương: 3, Bà Rịa Vũng Tàu: 3, Cần Thơ: 4, Long An: 2; các tỉnh vừa mở rộng năm 2023 có Thái Nguyên 4, Quảng Nam 4, Hà Giang: 3 Vĩnh Long 1 và Bình Định 2.
- Triển khai hoạt động PPIA mô hình 5 và gói hỗ trợ bệnh nhân lao nhạy cảm
 - ☐ Phân phối sinh phẩm Xpert/TrueNat: Với đề xuất của Bệnh viện phổi tỉnh và tổ chức FIT, CTCLQG đã phân phối Cartridge xét nghiệm Xpert/TrueNat cho các tỉnh theo kế hoạch:
 - ☐ Đến hết Q3-2023, dự án PPM Mô hình 5 đã tiếp cận được 8.422 cơ sở và ký Thỏa thuận hợp tác với 3.192 cơ sở cung cấp dịch vụ chuyển gửi chẩn đoán tại 15 tỉnh can thiệp. Ngoài ra, tổng cộng 139 bác sĩ đã tham gia báo cáo các ca bệnh lao được điều trị tự nhân của họ.

□ Số ca được phát hiện từ chiến lược chuyển gửi chẩn đoán (Chiến lược 1) là 12.069 ca và thu dung điều trị 10.070 ca; nâng tổng số ca được phát hiện thông qua Chiến lược 1 từ đầu dự án đến kỳ báo cáo này (01/2021-09/2023) là 26.066 ca và 23.225 ca được thu dung điều trị. Cùng với bệnh nhân lao nhạy cảm tự đến bác sĩ tư và được bác sĩ tư khai báo mới, tổng số bệnh nhân được khai báo điều trị tư trên hệ thống VITIMES là 2.046 ca (Chiến lược 2).

□ Kết quả thực hiện gói hỗ trợ Vitamin và Dinh dưỡng cho bệnh nhân lao 9 tháng 2023

○ Số bệnh nhân lao được hỗ trợ dinh dưỡng là 63 người, trong đó: Hải Phòng: 24, Thừa Thiên Huế: 02, Đà Nẵng: 04, TPHCM: 11, Bình Dương: 03, Cần Thơ: 05, BRVT: 14.

○ Số bệnh nhân lao được hỗ trợ Vitamin là 1.124 người; trong đó Hải Phòng: 22, Quảng Nam 52, Thừa Thiên Huế 162, Đà Nẵng: 26, TPHCM: 351, Bình Dương 95, Cần Thơ: 79, Hà Giang: 08, BRVT: 271, Hà Nội: 47, Long An 17.

- Ứng dụng mHealth cho theo dõi tuân thủ điều trị: Trong giai đoạn từ 01/01 đến 30/09 đã có tổng số 2,138 bệnh nhân lao tham gia điều trị đã bắt đầu được nhận tin nhắn hỗ trợ tuân thủ điều trị tại các tỉnh dự án. Số tin nhắn đã được gửi cho các bệnh nhân mới và bệnh nhân đang tham gia điều trị là 160,180 tin nhắn SMS trong giai đoạn báo cáo. Trung bình số lượng tin nhắn được gửi đi là 4,450 tin nhắn SMS mỗi tuần. Bắt đầu từ tháng 07/2023 dự án áp dụng mở rộng việc nhắn tin thông qua hệ thống Zalo để bệnh nhân có thêm lựa chọn nhận tin nhắn nhắc nhở tuân thủ điều trị. Trong giai đoạn báo cáo đã có tổng số 18,478 tin nhắn đã được gửi qua nền tảng Zalo.

- Theo dõi tuân thủ điều trị tại nhà: Đề động viên và hỗ trợ việc tuân thủ dùng thuốc tại nhà, các cán bộ dự án PPM mô hình 5 liên hệ người bệnh, giải thích về việc có thể có các phản ứng không mong muốn do dùng thuốc; cung cấp cho các bệnh nhân một phương án nhận tin nhắn nhắc nhở uống thuốc trước 10 phút vào 9 sáng hàng ngày trong thời gian họ điều trị.

- Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà cung cấp công - tư trong mạng lưới PPM

Tỉnh	Tuyển CSYT tư	Tập huấn	Duy trì	Giải quyết vấn đề	CL2 Thu thập báo cáo ca bệnh lao	Tổng
Bà Rịa - Vũng Tàu	29	58	159	38	1	285
Bình Định	5	5	5			9
Bình Dương	58		334	13	4	409
Cần Thơ	441	28	170	149	18	806
Đà Nẵng	414	100	3.923	119	15	4.571

Tỉnh	Tuyển CSYT tư	Tập huấn	Duy trì	Giải quyết vấn đề	CL2 Thu thập báo cáo ca bệnh lao	Tổng
Gia Lai	2	1	3	3		9
Hà Giang	20	19	38	2		79
Hà Nội	3.165	493	9.466	288	582	13.994
Hải Phòng	1.067	413	3.872	66	219	5.637
Hồ Chí Minh	4.904	426	10.321	770	230	16.651
Long An	17	39	61	4		121
Quảng Nam	24	11	2			37
Thái Nguyên	11	8	11	19		49
Thanh Hoá	67	22	400	25	11	525
Thừa Thiên Huế	156	75	856	73	5	1.165
Vĩnh Long	10	2				11
Tổng cộng	10.388	1.697	29.619	1.569	1.085	44.358

❖ Kết quả hoạt động dự án PPM mô hình 5

- Số ca phát hiện của Mô hình PPM (Public-Private Mix) trên toàn quốc đã tiến gần đến với các mục tiêu số lượng ca bệnh phát hiện trong năm 2023 bởi Quỹ Toàn cầu.
- Số ca bệnh báo cáo đã đạt được 26,488, bằng 96,0% mục tiêu cả năm dù chỉ mới thống kê đến hết tháng 9, dự báo việc vượt qua chỉ tiêu đặt ra vào cuối năm. Nổi bật là tại nhóm các cơ sở y tế công nằm ngoài quản lý của CTCLQG có tỷ lệ so với mục tiêu là 97,5%.
- Ngoài ra, Mô hình PPM đã đóng góp vào trong phát hiện hơn một phần ba (34.3%) tổng số các trường hợp mắc lao hoạt động trên toàn quốc trong năm 2023.

❖ Hạn chế, tồn tại

- Một số địa bàn xa chưa triển khai được các hoạt động dự án do xét nghiệm Xpert chưa bao phủ, kinh phí vận chuyển mẫu từ những cơ sở y tế này về các điểm xét nghiệm cao (gấp 5-10 lần so với định mức được duyệt) dẫn đến dự án chưa mang tính bao phủ đặc biệt những vùng xa, khó khăn trên địa bàn dự án.
- Hầu hết các phòng xét nghiệm chỉ thực hiện 1 số loại dịch, mẫu bệnh phẩm phổ biến như đờm, dịch phết quản, dịch não tủy do đó không đa dạng được các loại mẫu khác dẫn đến bỏ sót các ca bệnh đặc biệt các tiếp cận chẩn đoán cho lao ngoài phổi và lao trẻ em.

- Một số bác sĩ có điều trị lao tư nhân nhưng không đồng ý cung cấp thông tin điều trị của bệnh nhân dẫn đến thiếu trên hệ thống ghi nhận ca bệnh của Chương trình chống lao Quốc gia cũng như giảm tỷ lệ kết nối điều trị thành công của những ca bệnh sau khi được chẩn đoán lao.
- Xây dựng cơ chế chuyển gửi điện tử (e-voucher) nhưng không triển khai hiệu quả do hiện một số phòng khám/cơ sở chụp Xquang không có đủ các trang thiết bị như máy tính có kết nối mạng internet hoặc không có đủ nhân sự để nhập thông tin lên hệ thống. Ngoài ra nhiều cơ sở vẫn thấy sử dụng phương thức chuyển gửi bằng giấy phù hợp hơn với mô hình của đơn vị. Cùng với đó nhiều bệnh nhân không sử dụng hoặc sử dụng số điện thoại của người thân làm cho khả năng cung cấp mã OTP cho nhân viên y tế bị hạn chế.

❖ **Phương hướng năm 2024**

- Tiếp tục triển khai các hoạt động sàng lọc chủ động tại các cơ sở y tế ngoài Chương trình chống lao Quốc gia, tăng độ bao phủ hoạt động dự án đến các địa bàn chưa tiếp cận được với các xét nghiệm chẩn đoán lao.
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống ghi nhận và triển khai sàng lọc lao cho người tiếp xúc hộ gia đình với bệnh nhân lao được chẩn đoán phát hiện cũng như báo cáo ghi nhận điều trị.
- Hỗ trợ Chương trình chống lao Quốc gia đảm bảo thống nhất, chính xác các báo cáo ghi nhận thông tin phát hiện, điều trị từ hệ thống cơ sở y tế ngoài Chương trình lao tại các tỉnh/ thành phố.
- Trú trọng việc triển khai các hoạt động sàng lọc, điều trị lao trẻ em, lao tiềm ẩn tại các cơ sở y tế.
- Tự động hóa ghi nhận thông tin từ hệ thống bệnh viện sang hệ thống ACIS để tăng cường các hoạt động sàng lọc chính xác, hiệu quả, giảm gánh nặng cho nhân viên y tế tham gia dự án.

11. Học viện Quân y

❖ **Kết quả hoạt động năm 2023**

- Học viện Quân y đã triển khai kế hoạch về công tác chụp Xquang chủ động và tuyên truyền phòng chống lao đến Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh đối tác thực hiện.
- Các đối tác đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chụp Xquang chủ động và truyền thông phòng chống lao.
- Tại tỉnh Hà Giang
 - Ban Quân Y, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Hà Giang đã phối hợp bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang triển khai 3 đợt khám chụp Xquang theo kế hoạch của đơn vị khám sàng lọc phát hiện lao và truyền thông phòng chống lao tại một số xã Ngọc Long,

Quyết Tiến, Sùng Trà thuộc huyện các huyện Yên Minh, Mèo Vạc, Quản Bạ tỉnh Hà Giang.

- ☐ Kết quả đã chụp được sàng lọc khoảng 950 người, có 68 phim có dấu hiệu tổn thương phổi, các trường hợp có tổn thương đều được xét nghiệm GeneXpert chẩn đoán lao, hiện nay đã phát hiện và gửi CTCL tỉnh đang điều trị 4 trường hợp lao phổi có xét nghiệm GeneXpert dương tính.
- ☐ Tổ chức truyền thông, tuyên truyền 6 đợt phòng chống lao và truyền thông cho 150 cán bộ y tế xã, y tế thôn bản, trưởng thôn bản. Kết quả truyền thông tại các phiên chợ, cụm dân cư dân số khoảng 1800 người². Tại tỉnh Lạng Sơn
- Tại tỉnh Lạng Sơn
 - ☐ Ban Quân y, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn đã triển khai được 3 đợt truyền thông và khám chụp Xquang với tổng số chụp Xquang là 800 người, phát hiện 04 bệnh nhân lao gửi điều trị.
 - ☐ Triển khai được 5 đợt truyền thông phòng chống lao tại các xã.
- Tại tỉnh Cao Bằng
 - ☐ Ban Quân y, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng đã triển khai chụp Xquang chủ động 3 đợt tại các huyện thuộc tỉnh Cao Bằng, cho 600 lượt người trong đó phát hiện 01 trường hợp mắc lao chuyển đi điều trị.
 - ☐ Triển khai 5 đợt truyền thông phòng chống Lao tại các xã biên giới: Phan Thanh, Bảo Lâm, Bế Văn Đàn, Quảng Hòa, Bạch Đằng, Hòa An.
- Tại tỉnh Yên Bái:
 - ☐ Ban Quân y, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái đã triển khai được 2 đợt khám chụp Xquang chủ động với 400 lượt chụp phim. Kết quả chưa phát hiện trường hợp mắc Lao.
 - ☐ Triển khai được 3 đợt truyền thông tại các huyện vùng xa.
- Tại Phú Quốc – Kiên Giang
 - ☐ Ban Quân y Vùng 5 Hải quân triển khai được 3 đợt chụp Xquang phát hiện chủ động cho 600 người. Phát hiện 02 bệnh nhân mắc lao AFB (+) gửi đi điều trị. Triển khai được 3 đợt truyền thông với 150 người tham dự.
 - ☐ Trung tâm Y tế huyện Phú Quốc đã triển khai theo kế hoạch được 03 đợt khám chụp Xquang phát hiện chủ động cho hơn 600 người, phát hiện được 03 trường hợp mắc Lao đưa vào điều trị. Triển khai được 2 đợt truyền thông theo kế hoạch.

❖ Thuận lợi

Các địa bàn triển khai mô hình kết hợp quân dân y trong phòng chống Lao tiếp tục duy trì khu vực biên giới, hải đảo thuộc hai tỉnh Hà Giang và Kiên Giang là những địa bàn đã được triển khai từ nhiều năm nay, lực lượng quân y trên địa bàn bao gồm Ban chỉ huy quân

sự tỉnh Hà Giang và Kiên Giang, quân y Vùng 5 Hải quân và lực lượng dân y gồm các Trung tâm y tế, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh đã phối hợp và hoạt động nhiều năm nên thuận lợi trong quá trình triển khai các hoạt động.

❖ **Khó khăn**

- Các địa bàn phát triển mới bao gồm 5 tỉnh miền núi phía Bắc và hải đảo bao gồm Yên Bái, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Cạn là những địa bàn mới triển khai và mới được bàn giao máy Xquang di động, cán bộ quân y còn ít kinh nghiệm triển khai hoạt động kết hợp quân dân y trong phòng chống lao.
- Có nhiều sự thay đổi nhân sự như thay đổi Ban quản lý tiểu dự án phòng chống lao của Học viện Quân y từ tháng 3 năm 2023, nhiều vị trí cán bộ chuyên trách bị thay đổi; một số tỉnh tham gia thực hiện cũng có sự thay đổi về cán bộ phụ trách hoạt động. Vì vậy, đã có nhiều khó khăn khách quan ảnh hưởng đến triển khai các hoạt động phòng chống lao năm 2023

❖ **Kế hoạch hoạt động cuối năm 2024**

Đánh giá chung: Tiến độ triển khai hoạt động phòng chống lao còn chậm so với kế hoạch do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Phương hướng tháng 12:

- Tiếp tục bám sát kế hoạch, triển khai thực hiện các nội dung hoạt động bảo đảm đầy đủ theo kế hoạch đề ra.
- Các tỉnh hoàn thành kế hoạch năm 2023 đã xây dựng, hoàn thiện hồ sơ chứng từ gửi về Học viện Quân y trước 20 tháng 12 năm 2023 để thanh quyết toán kinh phí theo quy định, kết thúc giai đoạn 2021 – 2023.

D. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Công tác lập kế hoạch

Bệnh viện Phổi Trung ương tiếp tục triển khai năm thứ 3 Dự án Quỹ Toàn cầu Phòng chống lao giai đoạn 2021-2023 với tổng kinh phí 40.564.353 USD (trong đó gồm 9.621.986 USD kinh phí chưa quyết toán năm 2022 sang năm 2023 để quyết toán các viện trợ bằng hàng từ nhà tài trợ Quỹ Toàn cầu, 3.954.444 USD từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023 liên quan đến các gói trong nước đang trong quá trình đấu thầu, 9.480.558 USD kinh phí còn dư thuộc kế hoạch 2021-2022 để điều chỉnh tăng quy mô triển khai một số hoạt động có nhu cầu cấp thiết của dự án trong năm 2023 và bổ sung mua thuốc lao hàng 1 cho người bệnh lao không có thể Bảo hiểm y tế). Kế hoạch thực hiện năm 2023 đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định 1875/QĐ-BYT ngày 17/4/2023. Do tình hình COVID-19 diễn biến phức tạp từ năm 2021 đến đầu tháng 4/2022, phần lớn hoạt động thuộc kế hoạch dự án Quỹ Toàn cầu phòng chống lao năm 2021 chuyển sang triển khai năm 2022 đã tạo gánh nặng giải ngân cho năm 2022, dẫn đến một số hoạt động bị chậm tiến độ, Bệnh viện

Phối Trung ương – Ban Quản lý Dự án đã gửi Công văn cho phép các đơn vị triển khai dự án tiếp tục thực hiện các hoạt động chậm tiến độ năm 2022.

Năm 2023, tương tự như các giai đoạn trước, bộ phận kế hoạch của Dự án Quỹ Toàn cầu Phòng chống lao cũng đã liên tục hỗ trợ các đối tác và các tỉnh rà soát, điều chỉnh/ thay đổi kế hoạch hoạt động do khó khăn/ tồn đọng một số dòng kinh phí năm 2021-2022 cũng như nhu cầu thay đổi phù hợp với thực tế triển khai, đảm bảo các kế hoạch điều chỉnh phù hợp với quy định của nhà tài trợ và thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch của lãnh đạo dự án. Năm 2023 là năm cuối cùng của giai đoạn 2021-2023, Ban quản lý Dự án Quỹ Toàn cầu đã thông báo tất cả các đơn vị triển khai khẩn trương thực hiện và hoàn thành các dịch vụ trước ngày 31/12/2023, tiến độ giải ngân cũng sẽ được rà soát liên tục để đảm bảo điều chỉnh kịp thời.

Kế hoạch năm 2023 Dự án Quỹ Toàn cầu Phòng chống lao trong nhóm dân di cư khu vực tiểu vùng sông Mê công giai đoạn 2022-2024 đã nhận được phê duyệt của Bộ Y tế tại Quyết định số 1997/QĐ-BYT ngày 28/4/2023 với tổng kinh phí triển khai năm 2023 là 716.459.

Tháng 11/2023, sau khi rà soát lần thứ 3 kết dư của toàn quốc đối với dự án Quỹ Toàn cầu năm 2023, Đơn vị CL-KH-HC tiếp tục trình nhà tài trợ phê duyệt điều chỉnh và sau đó cũng đã được Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch điều chỉnh tại Quyết định số 4216/QĐ-BYT ngày 14/11/2023.

Đơn vị KH-CL-HC đã đệ trình Quỹ Toàn cầu thành công Đề xuất viện trợ phòng chống lao cho giai đoạn 2024-2026 với tổng kinh phí cam kết phân bổ là 63.814.002 USD. Hiện Đơn vị KH-CL-HC đang trình Bộ Y tế hỗ trợ quy trình ký kết Thỏa thuận thực hiện dự án và quy trình phê duyệt Văn kiện Dự án nhận viện trợ Quỹ Toàn cầu giai đoạn 2024-2026 theo quy định tại Nghị định 114/2021/NĐ-CP và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/05/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114.

Bên cạnh đó, đơn vị KH-CL-HC tiếp tục thực hiện các thủ tục phê duyệt từ nhà tài trợ đối với nguồn kinh phí C19RM 2024-2025 sử dụng kết dư của giai đoạn 2021-2023 (tổng kinh phí 5.042.927 USD).

Cùng với dự án Quỹ toàn cầu, năm 2023, Chương trình chống lao Quốc gia tiếp tục triển khai các hoạt động thuộc kế hoạch Dự án hỗ trợ chương trình chống lao do CDC tài trợ với tổng kinh phí 971.247 USD; kế hoạch Dự án USAID hỗ trợ chấm dứt bệnh lao, và các hỗ trợ khác từ WHO, KNCV, FIND, FIT, v.v. tập trung triển khai các chương trình can thiệp Lao, Lao đa kháng thuốc và Lao/HIV chất lượng cao thông qua việc tăng cường và mở rộng năng lực chẩn đoán bệnh Lao, Lao đa kháng thuốc và lao/HIV, cải thiện hệ thống phòng chống lao tại cơ sở y tế và cộng đồng; cải thiện các hoạt động dự phòng, chẩn đoán và điều trị lao nhạy cảm với thuốc và lao kháng thuốc; và tăng cường vai trò và nguồn lực địa phương để đáp ứng với hoạt động phòng chống lao, bao gồm chuyển giao

khám chữa bệnh lao qua bảo hiểm y tế. Bên cạnh triển khai các hoạt động thuộc năm tài chính 2023, kế hoạch hoạt động thuộc nguồn viện trợ của CDC và USAID cho những năm tiếp theo cũng đang trong quá trình phê duyệt của Bộ Y tế, cụ thể, Văn kiện Dự án SET do USAID viện trợ cho năm tài chính 2024-2025 với tổng giá trị dự án khoảng hơn 4 triệu USD triển khai tại địa bàn 11 tỉnh/ thành phố hiện đang được hoàn thiện để chuẩn bị trình Bộ Y tế.

Năm 2023, Bệnh viện Phổi Trung ương – Chương trình chống lao Quốc gia cũng nhận được kinh phí 1,8 tỷ đồng từ nguồn Ngân sách nhà nước, đóng góp một phần cùng các nguồn kinh phí khác của Chương trình để triển khai các hoạt động giám sát, duy tu bảo dưỡng, vận hành kho thuốc/ vật tư/ trang thiết bị, xây dựng kế hoạch, tập huấn.

Chương trình Chống lao tích cực phối hợp cùng Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Y tế đề xuất cơ chế sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước mua thuốc lao cho những người bệnh lao không có thẻ bảo hiểm y tế. Tiếp tục thúc đẩy và mở rộng phạm vi triển khai các hoạt động tăng cường phát hiện và thu nhận điều trị bệnh nhân, hỗ trợ các tỉnh hoàn thiện các thủ tục thanh toán dịch vụ phòng chống lao từ nguồn quỹ BHYT. Làm việc với lãnh đạo UBND và lãnh đạo Sở y tế Ninh Bình, Yên Bái cũng như chương trình chống lao tại một số tỉnh trọng điểm để hỗ trợ cải thiện chất lượng khám chữa bệnh và quản lý bệnh lao, góp phần tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở.

2. Hoạt động quản lý tài chính

Bảng 32: Tổng hợp kinh phí giải ngân 9 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: đồng

STT	Hoạt động	Kế hoạch được phê duyệt	Kinh phí ước thực hiện	Tỷ lệ %
I	Dự án PC lao /NSNN 2023	1.818.000.000	1.818.000.000	100%
	Giám sát dịch tễ	442.600.000	442.600.000	
	In ấn tài liệu chuyên môn	331.700.000	331.700.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1.043.700.000	1.043.700.000	
	<i>Tiếp nhận hàng viện trợ, duy tu bảo dưỡng, vận hành kho miễn, tập huấn đào tạo hỗ trợ chuyển đổi Ti thuốc lao bằng nguồn BHYT cho các tỉnh trên toàn Quốc</i>			
II	Nguồn viện trợ (A+B)	2.273.852.079.538	1.527.044.696.369	
A	QUỸ TOÀN CẦU	2.225.386.776.178	1.495.036.264.240	67%
	Chăm sóc và dự phòng lao	943.440.293.642	692.965.684.566	
	Phối hợp Lao/HIV	31.381.144.254	28.444.935.278	

STT	Hoạt động	Kế hoạch được phê duyệt	Kinh phí ước thực hiện	Tỷ lệ %
	Lao đa kháng thuốc	373.961.685.568	223.319.143.908	
	Quản lý chuỗi mua sắm và cung ứng	30.426.061.184	4.883.737.704	
	Hệ thống quản lý thông tin y tế và theo dõi & lượng giá	66.567.995.386	32.049.104.442	
	Quản lý dự án	103.403.854.762	73.446.474.665	
	COVID-19	676.205.741.382	439.927.183.677	
B	Viện trợ NGO KHÁC	48.465.303.360	32.008.432.129	66%
	Dự án TBTC (NTP Q, Dramatic)	15.097.669.720	9.521.245.993	
	Dự án Tifa/Viện NCYK Hoa Kỳ	3.538.210.552	3.538.210.552	
	Dự án ZTV hope	2.327.061.834	2.327.061.834	
	ACT 5	5.163.683.750	5.163.683.750	
	Hoạt động CDC	22.338.677.504	11.458.230.000	
Tổng cộng (I+II)		2.275.670.079.538	1.528.862.696.369	

3. Hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại năm 2023 tăng nhanh trở lại sau giai đoạn dịch bệnh Covid-19, nhất là vào các đợt các đoàn chuyên gia hỗ trợ triển khai các hoạt động lượng giá, đánh giá dịch tễ và cập nhật chiến lược quốc gia của CTCL nhưng vẫn được đảm bảo hỗ trợ thủ tục kịp thời, đúng quy định.

CTCLQG đã phối hợp tổ chức đón tiếp nhiều đoàn khách và chuyên gia quốc tế đến thăm và làm việc, trọng tâm là các đoàn chuyên gia lượng giá giữa kỳ CTCLQG giai đoạn 2021-2025, các đợt làm việc cập nhật Kế hoạch chiến lược quốc gia về PCL và xây dựng Đề xuất viện trợ Quỹ Toàn cầu. Đặc biệt, Bệnh viện Phổi Trung ương, Chương trình chống lao quốc gia đã phối hợp tổ chức thành công Hội nghị lần thứ 49 của Hội đồng điều hành Quỹ Toàn cầu và các lịch làm việc bên lề liên quan. Trong những năm qua, hợp tác trong lĩnh vực y tế giữa Quỹ Toàn cầu và ngành Y tế Việt Nam có nhiều kết quả tốt đẹp. Đến nay, Quỹ Toàn cầu đã hỗ trợ không hoàn lại cho Việt Nam gần 800 triệu USD cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS, lao và sốt rét, trong đó viện trợ cho công tác phòng chống lao khoảng 243 triệu USD. Ngoài ra chương trình cũng đón tiếp nhiều đoàn chuyên gia đến từ các tổ chức CDC, Cepheid, UNC, KNCV ... và tổ chức nhiều hội thảo chuyên môn quan trọng.

Tháng 9/2023, đoàn nghị sỹ Nhật Bản do ngài Ichiro Aisawa, Chủ tịch Hội đồng Đạo đức Chính trị, Hạ viện đồng Chủ tịch Nhóm chuyên trách của Những người bạn của Quỹ Toàn cầu, Nhật Bản tại Quốc hội (FGFJ) cùng các nghị sỹ và đại diện Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam đã tới thăm và làm việc với Bệnh viện Phổi Trung ương, Chương trình Chống lao Quốc gia nhằm tăng cường hiểu biết về nỗ lực cũng như thành quả của Việt Nam trong phòng chống các bệnh truyền nhiễm, củng cố, tăng cường hệ thống y tế đồng thời chứng kiến tác động và vai trò của Quỹ Toàn cầu phòng, chống AIDS, Lao và Sốt rét tại Việt Nam, thúc đẩy hỗ trợ song phương của Nhật Bản và Quỹ Toàn cầu trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam.

Cũng trong tháng 9/2023, lãnh đạo Bệnh viện Phổi Trung ương, Chương trình chống lao quốc gia đoàn cấp cao tháp tùng Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Y tế tham dự Khóa 78 Đại hội đồng Liên hợp quốc và Cuộc họp cấp cao lần thứ hai của Liên hợp quốc về bệnh lao tại Hoa Kỳ. Các cuộc họp tái khẳng định cam kết chính trị cấp cao của Nhà nước và Bộ Y tế trong cuộc chiến chống lại bệnh lao. Đặc biệt, trong khuôn khổ kỳ họp, Tổ chức Y tế Thế giới đã thành lập Hội đồng thúc đẩy tiến trình phát triển vắc xin phòng bệnh lao, một nỗ lực quan trọng và đột phá trong cuộc chiến chống lại bệnh lao mà Chương trình chống lao Việt Nam đang tham gia rất tích cực.

Đoàn đại biểu Chương trình chống lao quốc gia Việt Nam và các đối tác cũng đã tham dự các cuộc họp chính sách và kỹ thuật của Tổ chức Y tế Thế giới và Hội nghị sức khỏe phổi toàn cầu tổ chức tại Pháp vào tháng 11/2023. Đoàn đại biểu Việt Nam đóng góp nhiều nghiên cứu có giá trị, thể hiện cam kết của nước ta đối với các đối mới phục vụ sức khỏe toàn cầu, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm ứng phó và phục hồi sau đại dịch COVID - 19. Các bài trình bày cũng phản ánh thành tựu của Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng chẩn đoán, tăng cường sàng lọc, mở rộng quy mô dự phòng bệnh lao, giới thiệu các phác đồ điều trị mới được khuyến nghị, chuyển dịch mô hình tài chính và tăng cường hợp tác đa lĩnh vực.



Đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị sức khỏe phổi toàn cầu tại Pháp tháng 11/2023

Hoạt động vận động tài trợ năm 2023 vẫn được thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu từ nhiều nguồn khác nhau như USAID, CDC, Tổ chức Y tế Thế giới, các nguồn phi chính phủ và các nguồn viện trợ lẻ khác. Năm 2023, Quỹ Toàn cầu cũng đã thông báo sẽ viện trợ không hoàn lại hơn 48 triệu USD trong 3 năm 2024-2026 cho công tác phòng chống lao tại Việt Nam. Các thủ tục ký kết viện trợ đang được khẩn trương hoàn thiện theo quy định.

PHẦN 2

CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM CUỐI NĂM 2023 VÀ NĂM 2024

1. Mục tiêu / Các chỉ tiêu chuyên môn chính trong Kế hoạch năm 2024

STT	Chỉ số tác động	Số liệu cơ sở			Chỉ tiêu 2024
		Giá trị	Năm	Nguồn	
1	Tỷ lệ hiện mắc lao trên 100.000 dân	173	2021	Ước tính của TCYTTG – Báo cáo Lao toàn cầu	165
2	Tỷ lệ tử vong do lao trên 100.000 dân	12	2021	Ước tính của TCYTTG – Báo cáo Lao toàn cầu	11
3	Tỷ lệ kháng đa thuốc trong số những trường hợp mắc lao mới	4,3%	2021	Ước tính của TCYTTG – Báo cáo Lao toàn cầu	4,6%
4	Tỷ lệ tử vong Lao/HIV trên 100.000 dân	2,2	2021	Ước tính của TCYTTG – Báo cáo Lao toàn cầu	2,0

Stt	Chỉ số kết quả	Số liệu cơ sở			Chỉ tiêu 2024
		Giá trị	Năm	Nguồn	
1	Mức độ bao phủ điều trị lao: Tỷ lệ các trường hợp mới và tái phát được phát hiện và điều trị trong số các ca mới mắc trong năm (lao tất cả các thể - có bằng chứng vi khuẩn và chẩn đoán lâm sàng)	59,6%	2022	Hệ thống ghi chép báo cáo, báo cáo quản lý hàng năm	72,7%
2	Mức độ bao phủ điều trị lao kháng thuốc: Tỷ lệ phần trăm số trường hợp lao kháng thuốc đã được xác nhận về mặt vi khuẩn so với tổng số người ước tính mắc lao kháng thuốc	40,2%	2022	Hệ thống ghi chép báo cáo, báo cáo quản lý hàng năm	58%
3	Tỷ lệ cơ sở y tế có sẵn sản phẩm y tế cho 3 bệnh lao, HIV, sốt rét vào ngày giám sát hoặc báo cáo	80%	2022	Hệ thống ghi chép báo cáo, báo cáo quản lý hàng năm	82%

Stt	Chỉ số kết quả	Số liệu cơ sở			Chỉ tiêu 2024
		Giá trị	Năm	Nguồn	
4	Tỷ lệ điều trị thành công lao các thể của bệnh nhân lao là nữ giới (lao tất cả các thể - có bằng chứng vi khuẩn và chẩn đoán lâm sàng)	93,7%	2021	Hệ thống ghi chép báo cáo, báo cáo quản lý hàng năm	94%

STT	Chỉ số đầu ra	Số liệu cơ sở			2024	
		Tử số	%	Năm	Tử số	%
		Mẫu số			Mẫu số	
1	Số ca bệnh lao các thể được thông báo - có bằng chứng vi khuẩn học + được chẩn đoán lâm sàng, mới và tái phát	102.437		2022	120.000	
2	Tỷ lệ phần trăm số ca bệnh lao các thể được thông báo (có bằng chứng vi khuẩn học + được chẩn đoán lâm sàng) được đóng góp bởi các đơn vị ngoài CTCLQG – y tế tư nhân/phi chính phủ	9.956	9,72%	2022		12,00%
		102.437				
3	Tỷ lệ phần trăm số ca bệnh lao các thể được thông báo (có bằng chứng vi khuẩn học + được chẩn đoán lâm sàng) được đóng góp bởi các đơn vị ngoài CTCLQG – Y tế công lập; *chỉ bao gồm mới và tái phát	15.521	15,15%	2022		16,00%
		102.437				
4	Tỷ lệ phần trăm các ca bệnh lao mới và tái phát được xét nghiệm bằng các xét nghiệm chẩn đoán nhanh được khuyến cáo bởi WHO tại thời điểm chẩn đoán		33,01%	2022		40,00%
5	Tỷ lệ điều trị thành công các thể: Tỷ lệ bệnh nhân lao các thể, có bằng chứng vi khuẩn học và được chẩn đoán lâm sàng được điều trị thành công (được chữa khỏi và hoàn thành điều trị) trong số tất cả bệnh nhân lao được thông báo		91,14%	2021		92,00%
6	Số lượng ca bệnh được chẩn đoán xác định lao kháng thuốc (RR-TB và/hoặc MDR-TB) được thông báo	3.577		2022	5.073	
7	Tỷ lệ ca bệnh được chẩn đoán xác định lao kháng thuốc (RR-TB và/hoặc MDR-TB) được bắt đầu điều trị thuốc hàng hai		96,06%	2022		96,00%

STT	Chỉ số đầu ra	Số liệu cơ sở			2024	
		Tỷ số	%	Năm	Tỷ số	%
		Mẫu số			Mẫu số	
8	Tỷ lệ điều trị thành công trong khu vực tư nhân: Tỷ lệ bệnh nhân lao các thể có bằng chứng vi khuẩn học và chẩn đoán lâm sàng điều trị thành công trong khu vực tư nhân		86,27%	2021		87,00%
9	Tỷ lệ phòng thí nghiệm tham gia thành công vào hoạt động ngoại kiểm (EQA) hoặc thử nghiệm độ thành thạo (PT)		87,58%	2022		88,00%
10	Tỷ lệ điều trị thành công lao kháng thuốc (RR-TB và/hoặc MDR-TB): Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao kháng R/đa kháng thuốc điều trị thành công		74,65%	2020		78,00%
11	Số người tiếp xúc với BN lao được điều trị dự phòng	34.149		2022	80.000	
12	Số bệnh nhân lao (các thể) được phát hiện trong số phạm nhân; *chỉ bao gồm bệnh nhân lao mới và tái phát	2.112		2022	2.300	
13	Tỷ lệ bệnh nhân lao mới và tái phát được đăng ký có tình trạng nhiễm HIV được ghi nhận		83,70%	2022		90,00%
14	Tỷ lệ bệnh nhân lao (mới và tái phát) được đăng ký có HIV dương tính được điều trị ARV trong quá trình điều trị lao		70,94%	2022		90,00%
15	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân HIV mới bắt đầu điều trị kháng virus được điều trị dự phòng lao (IPT) trong kỳ báo cáo	15.030	8,78%	2022	18.400	10,00%
		171.193			184.000	
16	Tỷ lệ bệnh nhân lao kháng thuốc có kết quả kháng sinh đồ đối với Fluoroquinolone trong tổng số bệnh nhân lao kháng thuốc được thông báo trong kỳ báo cáo		87,51%	2022		88,00%

2. Các hoạt động trọng tâm

- Hoàn thiện thủ tục phê duyệt Dự án nhận viện trợ Quỹ Toàn cầu giai đoạn 2024-2026, phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính Dự án năm 2024, đảm bảo tiến độ và hiệu quả triển khai các hoạt động theo kế hoạch phê duyệt.

- Hoàn thiện thủ tục phê duyệt các nguồn viện trợ khác và phê duyệt nguồn hỗ trợ từ NSNN.
- Thúc đẩy kiện toàn Ủy ban quốc gia chấm dứt bệnh lao, báo cáo tiến độ và duy trì hoạt động của UBQG.
- Hoàn thiện Chiến lược cộng đồng chấm dứt bệnh lao ở Việt Nam, ghép thành 1 câu phần trong Kế hoạch chiến lược phòng chống lao giai đoạn 2021-2026. Thực hiện các thủ tục trình Ủy ban quốc gia và Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch chiến lược phòng chống lao.
- Thành lập mạng lưới cộng đồng chấm dứt bệnh lao ở Việt nam.
- Thành lập và duy trì hoạt động nhóm kỹ thuật nòng cốt của Chương trình chống lao Quốc gia, xây dựng kế hoạch sinh hoạt định kỳ để cập nhật tiến độ triển khai các can thiệp trọng tâm, chia sẻ kinh nghiệm, cải thiện chất lượng và trình độ chuyên môn kỹ thuật các tuyến.
- Tổ chức sự kiện Ngày thế giới phòng chống lao 24/3.
- Rà soát tiến độ các tỉnh được phê duyệt Kế hoạch chiến lược Phòng chống lao cập nhật giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030, vận động cam kết kinh phí địa phương.
- Triển khai các hoạt động mua sắm, cung ứng chuyên nghiệp, đảm bảo tiến độ các gói thầu mua sắm thuốc chống lao, vật tư, hóa chất trang thiết bị chẩn đoán theo đúng kế hoạch đề ra.
- Tích cực triển khai các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu tập trung thuốc lao nguồn BHYT giai đoạn 2024-2025 đảm bảo có kết quả trúng thầu ngay sau khi thỏa thuận khung giai đoạn 2022-2023 hết hiệu lực.
- Tích cực tham mưu với BHYT để trình Chính phủ chủ trương, phương án đảm bảo thuốc cho người bệnh lao không có thẻ BHYT và chưa tiếp cận được với dịch vụ khám chữa bệnh BHYT.
- Tập trung hỗ trợ các địa phương trong việc quản lý điều tiết sử dụng thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT để đảm bảo có đủ thuốc sử dụng cho người bệnh, đáp ứng các điều kiện về thanh quyết toán với cơ quan BHXH theo quy định.
- Triển khai các hoạt động dự án nguồn Quỹ Toàn cầu, nguồn CDC, USAID v.v đã được Bộ Y tế và nhà tài trợ phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và đạt chỉ tiêu đề ra.
- Mở rộng ứng dụng AI trong chẩn đoán và điều trị.
- Xây dựng nền tảng tập huấn trực tuyến, cấp tài khoản để cán bộ y tế các tuyến có thể chủ động truy cập các nội dung tập huấn trực tuyến đã được đăng tải trên nền tảng, hỗ trợ ôn tập, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật, quản lý chương trình, v.v.

- Duy trì đảm bảo chất lượng hoạt động phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh lao thường quy tại các tuyến của CTCL lồng ghép trong các hoạt động chung của hệ thống y tế.
- Đẩy mạnh phát hiện chủ động tại cộng đồng, phát hiện tích cực tại cơ sở y tế, tăng cường vai trò của hệ thống y tế cơ sở, cam kết của lãnh đạo tỉnh đối với hoạt động phòng chống lao, tập trung vào các nhóm nguy cơ cao nhằm tăng cường phát hiện tối đa các bệnh nhân lao có trong cộng đồng, đưa vào điều trị sớm, chất lượng trong CTCL nhằm cắt đứt nguồn lây trong cộng đồng, giảm nhanh dịch tễ bệnh lao. Người được chẩn đoán loại trừ bệnh lao và đủ điều kiện cần được thu nhận điều trị lao tiềm ẩn nhằm giảm nguy cơ chuyển từ nhiễm sang bệnh lao.
- Tăng cường áp dụng chiến lược 2X (Xquang, Xpert) trong các tiếp cận phát hiện chủ động, phát hiện tích cực bệnh nhân lao, sử dụng hiệu quả xe Xquang di động kỹ thuật số và các máy Xquang di động được cấp cho các tỉnh trong phát hiện bệnh nhân lao.

3. Các hoạt động chuyên môn cụ thể

➤ Hoạt động xét nghiệm

- Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động thường quy
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, giám sát và hỗ trợ các đơn vị nhằm giảm thiểu sai sót do thủ công, đáp ứng được các yêu cầu về thời gian thực với phần mềm kết nối dữ liệu, phần mềm theo dõi vận chuyển mẫu và xây dựng phần mềm quản lý xét nghiệm Vi sinh chung cho hệ thống xét nghiệm.
- Tiếp tục duy trì chất lượng và tiến tới được công nhận là phòng xét nghiệm PQ và SRL của Tổ chức y tế thế giới.
- Tăng cường hoạt động hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống, đặc biệt vai trò và nhiệm vụ của các Phòng xét nghiệm vùng
- Triển khai thành công kế hoạch Giải trình tự gene cho vi khuẩn lao với bệnh nhân MDR, ứng dụng kết quả vào thực tế lâm sàng
- Triển khai kỹ thuật Kháng sinh đồ thuốc mới cho 4 Phòng xét nghiệm trong hệ thống.
- Tăng cường công cụ cho chẩn đoán lao nhi bằng việc triển khai sử dụng loại mẫu bệnh phẩm dịch hút tỵ hầu.
- Tăng cường hoạt động đánh giá với các kỹ thuật xét nghiệm nhanh tìm kháng nguyên trong nước tiểu nhằm chẩn đoán lao sớm cho bệnh nhân nhiễm HIV như LF LAM, FujiLAM.

➤ Hoạt động quản lý lao tiềm ẩn

- Triển khai các lớp tập huấn cập nhật những nội dung mới về phát hiện và quản lý Lao tiềm ẩn cho các Tỉnh/TP sau khi tài liệu Hướng dẫn về chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh lao của CTCLQG được Bộ Y tế phê duyệt.
- Cập nhật và phổ biến các biểu mẫu ghi chép, báo cáo quản lý Lao tiềm ẩn, biểu mẫu giám sát hoạt động Lao tiềm ẩn mới cho các Tỉnh/TP triển khai hoạt động Lao tiềm ẩn.

Triển khai in ấn các sổ sách biểu mẫu ghi chép, báo cáo hoạt động Lao tiềm ẩn để phân phối cho các tuyến.

- Tiếp tục tham gia các lớp tập huấn triển khai thí điểm Hệ thống giám sát và quản lý thông tin (VITIMES) mới tích hợp Module Lao tiềm ẩn để sớm hoàn thiện và đưa vào sử dụng Module Lao tiềm ẩn trong năm 2024.
- Thực hiện các chuyến giám sát việc triển khai các hoạt động quản lý Lao tiềm ẩn tại các tuyến của CTCL.
- Phối hợp với nhóm Mua sắm Cung ứng, Đơn vị Chiến lược - Kế hoạch - Hậu cần thúc đẩy việc nhập khẩu và tiếp nhận Tubeculine các đợt tiếp theo để sớm phân phối cho các Tỉnh/TP triển khai hoạt động Lao tiềm ẩn.
- Phối hợp với nhóm Mua sắm Cung ứng, Đơn vị Chiến lược - Kế hoạch - Hậu cần tiếp nhận và phân thuốc điều trị Lao tiềm ẩn cho các tuyến.
- Phối hợp với các đối tác triển khai các hoạt động tập huấn về quản lý lao tiềm ẩn và lồng ghép hoạt động chẩn đoán, điều trị lao tiềm ẩn trong các chiến dịch phát hiện chủ động của CTCL.

➤ **Hoạt động Lao trẻ em/ARI**

- Tập trung chỉ đạo, giám sát để chỉ đạo các tỉnh phối hợp thường xuyên với khoa nhi bệnh viện đa khoa tỉnh - huyện, bệnh viện nhi tỉnh để tăng cường phát hiện bệnh nhân lao trẻ em.
- Tiếp tục triển khai hoạt động hội chẩn - hỗ trợ chẩn đoán lao trẻ em cho tuyến dưới qua Zoom, Zalo.

➤ **Hoạt động phối hợp lao/HIV**

- Tiếp tục duy trì ổn định mô hình lồng ghép dịch vụ tại một địa điểm.
- Hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến cơ sở.

➤ **Hoạt động quản lý bệnh nhân lao kháng thuốc**

- Tăng cường chẩn đoán lao kháng R/MDR-TB và tiền/siêu kháng. Đặc biệt lưu ý chỉ định LPA2 hoặc xét nghiệm Xpert XDR đối với 100% bệnh nhân kháng R, đồng thời theo dõi sát kết quả xét nghiệm để điều chỉnh phác đồ ngay sau khi phát hiện kháng FQs, tránh tình trạng bỏ sót như hiện nay.
- Tiếp tục mở rộng tiếp cận phác đồ ngắn hạn thuốc uống và triển khai một số nghiên cứu liên quan đến điều trị lao đa kháng (nghiên cứu BPaL, BPaLM), triển khai phác đồ mới khi hướng dẫn mới được Bộ Y tế phê duyệt.
- Triển khai các lớp tập huấn về quản lý lâm sàng cơ bản, quản lý lâm sàng nâng cao trong điều trị lao kháng thuốc, quản lý aDSM.
- Tăng cường quản lý biến cố bất lợi aDSM thông qua việc theo dõi chỉ tiêu đã giao, thu thập số liệu, phối hợp trao đổi, cập nhật thông tin với Trung tâm DI & ADR Quốc gia, xúc tiến hoạt động phân tích quan hệ nhân quả, giám sát chuyên đề nhằm hỗ trợ kỹ thuật kịp thời.

- Hoàn thiện công cụ và ứng dụng công nghệ trong quản lý, theo dõi người bệnh lao kháng thuốc và quản lý chuỗi cung ứng.
- Tăng cường hoạt động giám sát, tổ chức giám sát chuyên sâu quản lý lao kháng thuốc sử dụng công cụ mới, ghi nhận và báo cáo hoạt động theo dõi tái phát lao kháng thuốc sau khi hoàn thành điều trị.
- **Hoạt động phối hợp y tế công tư (PPM)**
 - Tiếp tục duy trì PPM mô hình 5 tại 20 tỉnh đã triển khai năm 2023 và mở rộng trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá.
 - Tăng cường sự phối hợp với các cơ sở nhi khoa trong phát hiện, chẩn đoán ca bệnh lao trẻ em.
 - Tăng cường sự tham gia của hệ thống nhà thuốc trong hoạt động phối hợp với chương trình chống lao.
 - Tiếp tục phối hợp với các đối tác của CTCLQG (FIT, CDC...) triển khai các hoạt động PPM.
- **Hoạt động PCL trong môi trường khép kín năm 2024**
 - Cấp kinh phí sớm để các tỉnh/TP làm kế hoạch triển khai ngay từ đầu năm.
 - Đối với sàng lọc lao định kỳ cho phạm nhân tại các tỉnh chưa có xe X-Quang, khuyến khích và uỷ quyền cho các tỉnh có khả năng chủ động triển khai hoạt động sàng lọc nếu đủ điều kiện.
 - Đề nghị Cục C10, Bộ Công an củng cố lại Tổ lao trong trại giam (về tổ chức và chuyên môn) để tăng hiệu quả phát hiện thụ động bệnh lao cho phạm nhân.
 - Tổ lao trong trại giam phối hợp chặt chẽ với CTCL tỉnh để được hỗ trợ sàng lọc đầu vào và định kỳ giúp phát hiện ra nhiều bệnh nhân lao nếu tổ lao trong trại giam không đảm bảo các điều kiện và vật tư xét nghiệm.
 - Cần ưu tiên cấp máy X-quang di động cho các trại giam đông phạm nhân và tỷ lệ mắc lao cao để trại chủ động sàng lọc đầu vào.
 - Cần triển khai hoạt động chẩn đoán và điều trị lao tiềm ẩn cho phạm nhân tại các trại giam.
 - Tiếp tục duy trì sàng lọc lao đầu vào và định kỳ cho phạm nhân tại các trại giam và trại tạm giam – Bộ Công an.
- **Hoạt động phát hiện chủ động**
 - Xây dựng kinh phí cho địa phương từ nguồn QTC và các nguồn khác triển khai hoạt động phát hiện chủ động bệnh lao tại cơ sở y tế cho nhóm nguy cơ cao có tổn thương nghi lao trên phim Xquang cho tất cả người nguy cơ có phim tổn thương nghi lao.
 - Tiếp tục triển khai chiến lược 2X để phát hiện bệnh nhân lao và lao tiềm ẩn theo các qui trình đã được điều chỉnh và phê duyệt.
 - Mở rộng ra tất cả các tỉnh qui trình khai chiến lược 2X để phát hiện bệnh nhân lao và lao tiềm ẩn tại 100% có sở y tế tuyến huyện bằng các nguồn kinh phí khác nhau.

➤ **Hoạt động truyền thông và huy động xã hội**

- Tăng cường đẩy mạnh các hoạt động thực hiện truyền thông tại 10 tỉnh thành phố theo dự án TCG4 đã được phê duyệt: Xây dựng một kế hoạch chiến lược truyền thông và giáo dục mới nhằm nâng cao kiến thức, thái độ và sự thực hành của người dân trong phòng chống và kiểm soát bệnh lao và COVID-19 đến năm 2025; Xây dựng các tài liệu truyền thông mới (áp phích, tờ rơi, phát thanh, truyền hình...) về hậu COVID-19 và bệnh lao; Phổ biến các tài liệu truyền thông mới đến cấp tỉnh, huyện và cộng đồng; Thực hiện chiến dịch giáo dục và truyền thông (tập huấn, tuyên truyền trong cộng đồng...); Xây dựng các chương trình phát thanh radio tuyên truyền về bệnh lao, với chủ đạo là đài phát thanh VOV; Sản xuất các chương trình talkshow, phóng sự với chủ đề về lao và Covid-19; Tổ chức giải chạy gây quỹ cho người bệnh lao trong cộng đồng;
- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng chống lao tại các địa phương có hoàn cảnh khó khăn (vì 70% những người mắc lao là người nghèo).
- Thực hiện các chuỗi sự kiện truyền thông về bệnh lao hướng tới kỷ niệm Ngày thế giới phòng chống lao 24/3.
- Tổ chức cuộc thi sáng tác các bài hát, các tác phẩm nghệ thuật truyền thông về bệnh lao, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bệnh lao.
- Phối hợp với Quỹ PASTB truyền thông kêu gọi ủng hộ cho các trường hợp người mắc lao có hoàn cảnh khó khăn trên fanpage Bệnh viện/ Quỹ PASTB/Chương trình Chống lao Quốc gia và thực hiện liên hệ với các nhà mạng về việc hỗ trợ tin nhắn ủng hộ Quỹ PASTB vận động ủng hộ Quỹ người bệnh chiến thắng bệnh lao.

➤ **Hoạt động Giám sát – lượng giá**

- Đảm bảo việc cập nhật dữ liệu trên hệ thống Vitimes, tốc độ truy cập của Vitimes.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá chất lượng dữ liệu điện tử. Đảm bảo hỗ trợ kỹ thuật từ xa cho các địa phương, bảo trì, bảo dưỡng phần mềm và phần cứng.
- Xây dựng app điện thoại di động (VITIMES, sàng lọc và chuyển bằng phần mềm ACIS cộng đồng, v.v.) trong ghi chép, báo cáo, giám sát chẩn đoán, điều trị lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn; xây dựng và cập nhật hệ thống chi chép và báo cáo điện tử để hỗ trợ sự thay đổi của chương trình.
- Tập huấn mô đun và SOP mới.
- Phối hợp với tổ chức FHI360 và công ty phần mềm tiếp tục hoàn thiện hệ thống Vitimes phiên bản nâng cấp và tổ chức tập huấn cho giảng viên tuyến tỉnh.
- Duy trì hoạt động giám sát thường quy tại các địa phương để góp phần duy trì và củng cố hoạt động mạng lưới chống lao.
- Triển khai giám sát chuyên đề phối hợp với các giám sát khác.
- Triển khai giám sát các đối tác của Dự án Phòng chống lao quốc gia.
- Theo dõi, đôn đốc để các chuyển giám sát để triển khai đúng hướng dẫn, đúng kế hoạch.

➤ **Hoạt động nghiên cứu khoa học**

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong nước triển khai thực hiện các nghiên cứu lớn trong lĩnh vực lao và bệnh phổi, các đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp nhà nước.
- Triển khai khóa học về Phương pháp Nghiên cứu y sinh học cho cán bộ y tế thuộc hệ thống Chương trình chống lao quốc gia.
- Tiếp tục kết nối đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế lao và bệnh phổi, triển khai có hiệu quả các nghiên cứu khoa học, phối hợp với các đối tác trong nước và quốc tế.
- Chuẩn bị triển khai nghiên cứu trọng điểm của Chương trình Chống lao Quốc gia về thử nghiệm lâm sàng vắc-xin lao tại Việt Nam, do Quỹ Bill & Melinda Gates Medical Research Institute (Gates MRI) tài trợ.

➤ **Hoạt động cung ứng**

- Tích cực triển khai các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu tập trung thuốc lao nguồn BHYT giai đoạn 2024-2025 đảm bảo có kết quả trúng thầu ngay sau khi thỏa thuận khung giai đoạn 2022-2023 hết hiệu lực.
- Tích cực tham mưu với BHYT để trình Chính phủ chủ trương, phương án đảm bảo thuốc cho người bệnh lao không có thẻ BHYT và chưa tiếp cận được với dịch vụ khám chữa bệnh BHYT.
- Tập trung hỗ trợ các địa phương trong việc quản lý điều tiết sử dụng thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT để đảm bảo có đủ thuốc sử dụng cho người bệnh, đáp ứng các điều kiện về thanh quyết toán với cơ quan BHXH theo quy định.
- Tính toán nhu cầu mua thuốc và thực hiện đặt hàng thuốc chống lao hàng 2 đợt 2 năm 2022, để kịp nhận thuốc trước 31/12/2023 khi kết thúc giai đoạn 2021 – 2023 dự án Quỹ Toàn cầu theo yêu cầu của nhà tài trợ.
- Chuẩn bị sẵn sàng các thủ tục hành chính (phê duyệt các bước từ văn kiện, kế hoạch mua sắm, thông tin thuốc, ...) cho việc nhận thuốc năm 2024, giảm thiểu thời gian chờ thuốc.
- Hoàn thiện phần mềm eLMIS hỗ trợ quản lý thuốc BHYT kết nối với hệ thống thông tin của cơ quan BHXHVN, khẩn trương thực hiện kế hoạch phát triển modul quản lý chuỗi cung ứng trên phần mềm New Vitimes.
- Tổ chức các lớp tập huấn về công tác dự trữ thuốc, hóa chất, vật tư trang thiết bị cũng như công tác báo cáo cung ứng của CTCLQG cho 63 đơn vị trong toàn quốc;
- Duy trì định kỳ các cuộc họp tổ kỹ thuật cung ứng thuốc và vật tư.
- Có kế hoạch hướng dẫn các địa phương trong việc mua sắm, cung ứng hóa chất, vật tư tiêu hao từ nguồn địa phương hoặc thanh toán BHYT trong bối cảnh NSNN không còn đầu tư cho hoạt động này.
- Tiếp tục hỗ trợ/hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tiếp nhận máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống lao.

- Thực hiện việc phân phối định kỳ và điều chuyển thuốc đột xuất nếu cần
- Tổ chức các cuộc họp tổ kỹ thuật cung ứng thuốc và vật tư.
- Phối hợp cùng FHI360 xây dựng module quản lý cung ứng trên Vitimes.
- Cập nhật hệ thống excel tập hợp báo cáo, dữ liệu tồn kho thuốc hàng 2 trên toàn quốc (để tiếp tục sử dụng trong thời gian chờ hệ thống điện tử được hoàn thiện).

➤ **Xây dựng Kế hoạch**

- Hoàn thiện thủ tục phê duyệt Dự án nhận viện trợ Quỹ Toàn cầu giai đoạn 2024-2026, phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính Dự án năm 2024, đảm bảo tiến độ và hiệu quả triển khai các hoạt động theo kế hoạch phê duyệt.
- Hoàn thiện thủ tục phê duyệt các nguồn viện trợ khác và phê duyệt nguồn hỗ trợ từ NSNN.
- Thúc đẩy kiện toàn Ủy ban quốc gia chấm dứt bệnh lao, báo cáo tiến độ và duy trì hoạt động của UBQG.
- Hoàn thiện Chiến lược cộng đồng chấm dứt bệnh lao ở Việt Nam, ghép thành 1 câu phần trong Kế hoạch chiến lược phòng chống lao giai đoạn 2021-2026. Thực hiện các thủ tục trình Ủy ban quốc gia và Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch chiến lược phòng chống lao.
- Thành lập mạng lưới cộng đồng chấm dứt bệnh lao ở Việt nam.
- Thành lập và duy trì hoạt động nhóm kỹ thuật nòng cốt của Chương trình chống lao Quốc gia, xây dựng kế hoạch sinh hoạt định kỳ để cập nhật tiến độ triển khai các can thiệp trọng tâm, chia sẻ kinh nghiệm, cải thiện chất lượng và trình độ chuyên môn kỹ thuật các tuyến.
- Tổ chức sự kiện Ngày thế giới phòng chống lao 24/3.
- Rà soát tiến độ các tỉnh được phê duyệt Kế hoạch chiến lược Phòng chống lao cập nhật giai đoạn 2021-2026, vận động cam kết kinh phí địa phương.
- Theo dõi, hỗ trợ, rà soát tiến độ triển khai các hoạt động của địa phương, các đơn vị tiếp nhận viện trợ so với kế hoạch đề ra.

PHẦN 3

KẾT LUẬN

Ngay sau những ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, cuối năm 2022 và năm 2023, Chương trình Chống Lao Quốc gia đã đẩy mạnh triển khai đồng bộ các can thiệp phòng chống lao nhằm tăng tối đa số bệnh nhân lao được phát hiện, chẩn đoán và thu nhận vào điều trị, cắt đứt nguồn lây trong cộng đồng, phục hồi hoạt động phát hiện bệnh lao sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Sự thành công đó là nhờ vào việc tăng cường mở rộng diện triển khai phát hiện chủ động trong cộng đồng, phát hiện tích cực ở cơ sở y tế, áp dụng chiến lược X-quang và xét nghiệm Xpert để chẩn đoán; triển khai các hoạt động và can thiệp gắn liền với hệ thống y tế cơ sở để tăng cường chất lượng chẩn đoán và điều trị, đồng thời duy trì bền vững công tác dự phòng lao.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, số liệu phát hiện của CTCLQG tiếp tục có sự cải thiện đáng kể sau khi phục hồi lại chất lượng và tác động tích cực của chương trình vào năm 2022. Bằng việc đẩy mạnh công tác phát hiện lao kết hợp nhiều hình thức, vận động sự cam kết và chỉ đạo quyết liệt của chính quyền địa phương các cấp đối với hoạt động phòng chống lao, lồng ghép các chiến dịch sàng lọc bệnh lao với các bệnh phổi khác và tầm soát một số bệnh lý mạn tính, lập hồ sơ sức khỏe điện tử; hoạt động phát hiện, chẩn đoán lao 9 tháng đầu năm 2023 đã thông báo tăng 2% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 32,3% so với cùng kỳ năm 2021 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của COVID-19. Phát hiện lao kháng đa thuốc 9 tháng đầu năm 2023 cũng cao hơn cùng kỳ các năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 9%, 44% và 4%. Với kết quả này, Chương trình chống lao Quốc gia hoàn toàn có thể hy vọng năm 2023 sẽ là năm phát hiện và thu nhận được số bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc cao nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây, giúp Chương trình chống lao tiến gần hơn với mục tiêu chấm dứt bệnh lao đã đặt ra.

Trong năm nay, Chương trình chống lao cũng đã chuyển thành công thanh toán thuốc lao từ nguồn Ngân sách nhà nước sang nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế, cũng như vận động sự hỗ trợ của Bộ Y tế để áp dụng các chính sách hỗ trợ thanh toán các dịch vụ khác về khám chữa bệnh lao qua nguồn quỹ Bảo hiểm y tế một cách thuận tiện và hiệu quả. Bên cạnh đó, cùng với xu thế toàn cầu, năm 2023 có thể nói là năm Chương trình chống lao có những thành tựu bước đầu trong áp dụng trí tuệ nhân tạo vào hỗ trợ công tác chẩn đoán bệnh lao, tạo thúc đẩy rất ý nghĩa trong nỗ lực phát hiện các trường hợp lao bị bỏ sót, khó tiếp cận.

Tiếp nối các thành công cũng như bài học kinh nghiệm từ triển khai hoạt động phòng chống lao năm 2023, trong năm 2024, Chương trình chống lao quốc gia tiếp tục thực hiện các giải pháp toàn diện để bảo đảm tất cả bệnh nhân lao được khám, phát hiện và điều trị, ưu tiên tăng cường phát hiện bệnh lao trên toàn quốc, đặc biệt là phát hiện chủ động trong cộng đồng, phát hiện tích cực tại cơ sở y tế, kết hợp phát hiện thường quy, tiếp sau đó là đảm bảo chất lượng quản lý điều trị, mở rộng hệ thống xét nghiệm nhanh, chính xác để kịp thời phát hiện sớm bệnh nhân mắc lao và ngăn chặn nguồn lây trong cộng đồng. Việc mở rộng phối hợp y tế công – tư, mở rộng tiếp cận chẩn đoán lao ở các cơ sở y tế đa khoa và chuyên khoa ngoài hệ thống CTCL cũng là một can thiệp quan trọng được duy trì đầu tư của chương trình.

PHẦN 4**PHỤ LỤC****PHỤ LỤC 1: BẢNG, BIỂU ĐỒ HOẠT ĐỘNG PHÁT HIỆN, ĐIỀU TRỊ, XÉT NGHIỆM THEO MIỀN*****Bảng 5: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 9 tháng đầu năm 2023 và 2022
Khu vực miền Bắc***

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
9 tháng 2023	11.649	879	222	4.266	4.423	4	21.443
%	54,33	4,10	1,04	19,89	20,63	0,02	100
9 tháng 2022	10.845	778	123	5.158	4.259	1	21.164
%	51,24	3,68	0,58	24,37	20,12	0,00	100
SS số lượng	804	101	99	-892	164	3	279
SS TL %	3,08	0,42	0,45	-4,48	0,50	0,01	0,00
SS TL/SL	7,41	12,98	80,49	-17,29	3,85	300,00	1,32

* SS: So sánh

***Bảng 6: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 9 tháng đầu năm 2023 và 2022
Khu vực miền Trung***

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
9 tháng 2023	5.720	503	125	1.785	1.536	22	9.691
%	59,02	5,19	1,29	18,42	15,85	0,23	100
9 tháng 2022	5.048	408	88	2.244	1.474	10	9.272
%	54,44	4,40	0,95	24,20	15,90	0,11	100
SS số lượng	672	95	37	-459	62	12	419
SS TL %	4,58	0,79	0,34	-5,78	-0,05	0,12	0,00
SS TL/SL	13,31	23,28	42,05	-20,45	4,21	120,00	4,52

* SS: So sánh

Bảng 7: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 9 tháng đầu năm 2023 và 2022
Khu vực miền Nam

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
9 tháng 2023	31.118	3.055	595	4.826	7.915	31	47.540
%	65,46	6,43	1,25	10,15	16,65	0,07	100
9 tháng 2022	29.723	2.711	449	5.986	7.440	20	46.329
%	64,16	5,85	0,97	12,92	16,06	0,04	100
SS số lượng	1.395	344	146	-1.160	475	11	1.211
SS TL %	1,30	0,57	0,28	-2,77	0,59	0,02	0,00
SS TL/SL	4,69	12,69	32,52	-19,38	6,38	55,00	2,61

* SS: So sánh

Bảng 9: Kết quả điều trị bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát
9 tháng đầu năm 2022 và 2021

Khu vực miền Bắc.

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTDT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
9 tháng 2022	Số BN	10931	8353	1611	183	35	339	410
	%		76,4	14,7	1,7	0,3	3,1	3,8
9 tháng 2021	Số BN	10564	7795	1892	186	30	338	323
	%		73,8	17,9	1,8	0,3	3,2	3,1

Bảng 10: Kết quả điều trị bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 9 tháng đầu năm 2022 và 2021

Khu vực miền Trung

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
9 tháng 2022	Số BN	5344	4357	608	107	21	192	59
	%		81,5	11,4	2,0	0,4	3,6	1,1
9 tháng 2021	Số BN	3761	3095	480	90	15	54	27
	%		82,3	12,8	2,4	0,4	1,4	0,7

Bảng 11: Kết quả điều trị bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 9 tháng đầu năm 2022 và 2021

Khu vực Miền Nam

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
9 tháng 2022	Số BN	30886	25013	2664	995	240	1262	712
	%		81,0	8,6	3,2	0,8	4,1	2,3
9 tháng 2021	Số BN	21245	16.437	2.860	638	162	587	561
	%		77,4	13,5	3,0	0,8	2,8	2,6

Bảng 12: Kết quả xét nghiệm đờm sau 2(3) tháng điều trị (9 tháng đầu năm 2023)

Khu vực		Dương tính mới				Điều trị lại			
		Dương tính	Âm tính	KXN	Tổng số	Dương tính	Âm tính	KXN	Tổng số
MBắc	Số BN	139	4.848	708	5.695	24	431	88	543
	%	2,4	85,1	12,4		4,4	79,4	16,2	
Mtrung	Số BN	77	3.810	587	4.474	9	362	55	426
	%	1,7	85,2	13,1		2,1	85,0	12,9	

Khu vực		Dương tính mới				Điều trị lại			
		Dương tính	Âm tính	KXN	Tổng số	Dương tính	Âm tính	KXN	Tổng số
MNam	Số BN	775	18.201	2.385	21.361	126	2.030	291	2.447
	%	3,6	85,2	11,2		5,1	83,0	11,9	
Toàn quốc	Số BN	991	26.859	3.680	31.530	159	2.823	434	3.416
	%	3,1	85,2	11,7		4,7	82,6	12,7	

Bảng 13: Số tiêu bản thực hiện 9 tháng đầu năm 2023 theo miền

Miền	Số tiêu bản phát hiện			Số tiêu bản theo dõi điều trị			Tổng số
	(+)	(-)	Cộng	(+)	(-)	Cộng	
M. Bắc							
9 tháng 2022	12.219	328.685	340.904	894	26.145	27.039	367.943
9 tháng 2023	11.140	349.279	360.419	810	30.559	31.369	391.788
M. Trung							
9 tháng 2022	4.884	70.443	75.327	425	10.088	10.513	85.840
9 tháng 2023	4.615	78.881	83.496	322	13.191	13.513	97.009
Mnam							
9 tháng 2022	42.894	409.313	452.207	3.181	71.394	74.575	526.782
9 tháng 2023	28.757	373.658	402.415	2.984	87.397	90.381	492.796
Toàn quốc							
9 tháng 2022	59.997	808.441	868.438	4.500	107.627	112.127	980.565
9 tháng 2023	44.512	801.818	846.330	4.116	131.147	135.263	981.593

Bảng 14: Tình hình thử đờm phát hiện.

Khu vực	Người thử đờm / dân số				Người thử đờm (+) / người thử đờm			
	9 tháng 2022		9 tháng 2023		9 tháng 2022		9 tháng 2023	
	S.lượng	%	S.lượng	%	S.lượng	%	S.lượng	%
M.Bắc	183.311	0,41	200.146	0,43	6.656	3,63	6.551	3,27
M.Trung	47.567	0,31	52.123	0,33	3.093	6,50	3.025	5,80
M.Nam	248.347	0,62	226.876	0,57	23.687	9,54	16.511	7,28
T.quốc	479.225	0,48	479.145	0,47	33.436	6,98	26.087	5,44

Bảng 15: Kết quả kiểm định tiêu bản 9 tháng năm 2023 - 2022 theo miền.

Miền	Số TB kiểm định	Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
		SL	%	SL	%
M. Bắc					
9 tháng 2022	35.874	85	0,24%	112	0,31%
9 tháng 2023	50.929	19	0,04%	96	0,19%
M. Trung					
9 tháng 2022	12.556	4	0,03%	148	1,18%
9 tháng 2023	13.401	15	0,11%	48	0,36%
M. Nam					
9 tháng 2022	41.327	41	0,10%	205	0,50%
9 tháng 2023	45.847	48	0,10%	136	0,30%
Toàn quốc					
9 tháng 2022	89.757	130	0,14%	465	0,52%
9 tháng 2023	110.177	82	0,07%	280	0,25%

PHỤ LỤC 2: TÌNH HÌNH CUNG ỨNG THUỐC, VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

BẢNG 2.1: TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THUỐC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	NGUỒN: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					NGUỒN: QUỸ TOÀN CẦU					NGUỒN: CDC			NGUỒN: WHO		
		Turbe	Turbezid	Ethambutol	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Streptomycin	Ethambutol	Pyrazinamid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid
		(R/H)	(R/H/Z)	(E)	(H)	(H)	(P)	(S)	(E)	(Z)	(H)	(P)	(H)	(H)	(P)	(H)	(H)
		viên	viên	viên	viên	viên	viên	lọ	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên
		150/100mg	150/75/400mg	400mg	300mg	50mg	150mg	01g	400mg	500mg	300mg	150mg	50mg	300mg	150mg	300mg	100mg
I	MIỀN BẮC																
1	Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hải Phòng	82.800	21.600	84.000	-	-	9.600	-	-	-	-	-	-	-	16.056	-	-
3	Hưng Yên	36.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000	105.708	-	-	-
4	Hải Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.600	-	-	-
5	Thái Bình	-	-	3.000	-	-	10.000	120	-	-	-	-	-	19.200	-	-	-
6	Hà Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.080	-	-	-
7	Nam Định	-	-	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Ninh Bình	-	-	18.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	83.700	6.000	-	-
9	Thanh Hóa	-	-	-	-	-	4.000	-	-	-	-	-	-	15.804	-	-	-
10	Nghệ An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.200	-	-	-
11	Hà Tĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500	5.736	-	-	-
12	Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Vĩnh Phúc	-	3.024	10.080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Bắc Ninh	-	-	8.004	-	-	-	-	-	-	-	-	-	195.600	-	-	-
15	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Hòa Bình	-	-	-	-	-	14.120	-	-	-	-	-	13.500	48.288	7.800	3.640	-
17	Yên Bái	-	-	-	-	-	2.400	-	-	-	-	-	-	125.760	5.040	-	-
18	Lào Cai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.400	-	-	-
19	Bắc Kạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	51.600	-	-	-
20	Thái Nguyên	15.840	-	18.000	-	-	-	-	-	-	-	5.640	-	12.780	7.560	-	-
21	Quảng Ninh	42.480	-	57.960	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	NGUỒN: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					NGUỒN: QUỸ TOÀN CẦU					NGUỒN: CDC			NGUỒN: WHO		
		Turbe	Turbezid	Ethambutol	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Streptomycin	Ethambutol	Pyrazinamid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid
		(R/H)	(R/H/Z)	(E)	(H)	(H)	(P)	(S)	(E)	(Z)	(H)	(P)	(H)	(H)	(P)	(H)	(H)
		viên	viên	viên	viên	viên	viên	lọ	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên
		150/100mg	150/75/400mg	400mg	300mg	50mg	150mg	01g	400mg	500mg	300mg	150mg	50mg	300mg	150mg	300mg	100mg
22	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.500	8.280	-	-	-
23	Cao Bằng	-	-	-	-	-	240	-	-	-	-	-	-	9.000	-	-	-
24	Hà Giang	-	-	-	-	-	7.560	-	-	-	-	-	1.500	3.600	2.816	-	-
25	Tuyên Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Lai Châu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.800	-	-	-
27	Điện Biên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Sơn La	20.880	3.600	13.440	-	-	45.540	-	-	-	-	-	15.000	36.564	2.376	-	-
	CỘNG I	198.000	28.224	227.484	-	-	93.460	120	-	-	-	5.640	66.000	800.700	47.648	3.640	-
II	BỆNH VIỆN TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bệnh viện 71 TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Bệnh viện 74 TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	BV Phổi TW	-	-	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	BVTWQĐ 108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	BVTWQĐ 103	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	BV 198 BCA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bệnh viện E	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	BV Hữu Nghị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	BV Nội Tiết TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	BV Nhiệt Đới TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	BV Bạch Mai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	BV Nhi TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.500	-	-	-	-
	CỘNG II	-	-	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	4.500	-	-	-	-
	KHO TW	198.000	28.224	239.484	-	-	93.460	120	-	-	-	5.640	70.500	800.700	47.648	3.640	-

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	NGUỒN: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					NGUỒN: QUỸ TOÀN CẦU					NGUỒN: CDC			NGUỒN: WHO		
		Turbe	Turbezid	Ethambutol	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Streptomycin	Ethambutol	Pyrazinamid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid
		(R/H)	(R/H/Z)	(E)	(H)	(H)	(P)	(S)	(E)	(Z)	(H)	(P)	(H)	(H)	(P)	(H)	(H)
		viên	viên	viên	viên	viên	viên	lọ	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên
		150/100mg	150/75/400mg	400mg	300mg	50mg	150mg	01g	400mg	500mg	300mg	150mg	50mg	300mg	150mg	300mg	100mg
III	MIỀN TRUNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Quảng Bình	-	-	2.640	-	-	-	-	11.520	1.344	3.360	-	-	-	-	-	-
2	Quảng Trị	-	-	-	-	-	-	-	5.472	10.080	3.360	-	-	-	-	-	-
3	Thừa Thiên Huế	-	-	15.060	-	-	-	-	8.160	6.688	9.392	-	-	-	-	-	-
4	Quảng Nam	4.000	-	5.000	-	-	25.000	-	12.624	20.160	19.080	-	-	-	-	-	-
5	Đà Nẵng	-	-	7.680	-	-	2.594	-	19.584	22.176	10.752	-	-	-	-	-	-
6	Bình Định	-	-	3.360	-	-	-	-	22.848	24.192	11.736	-	-	-	-	-	-
7	Quảng Ngãi	-	-	40	-	-	-	-	7.712	6.720	672	-	-	-	-	-	-
8	Phú Yên	-	-	3.360	-	-	-	-	8.592	3.360	5.376	-	-	-	-	-	-
9	Đắk Lắk	-	-	5.880	-	-	14.502	-	6.288	2.688	17.016	-	-	-	-	-	-
10	Đắk Nông	-	-	-	-	-	-	-	1.200	3.360	1.344	-	-	-	-	-	-
11	Kon Tum	-	-	-	-	-	-	-	3.000	-	672	-	-	-	-	-	-
12	Gia Lai	-	-	13.280	-	-	2.304	-	15.352	5.132	10.316	-	-	-	-	-	-
13	Khánh Hòa	-	-	4.680	-	-	3.000	-	20.112	16.128	22.720	-	-	-	-	-	-
	CỘNG III	4.000	-	60.980	-	-	47.400	-	142.464	122.028	115.796	-	-	-	-	-	-
IV	MIỀN ĐÔNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	-	-	-	7.200	-	22.176	13.440	-	-	-	3.600	-	-	-
2	Bình Dương	-	-	-	-	-	-	-	12.096	26.880	10.752	-	-	-	-	-	-
3	Bình Phước	-	-	-	-	-	9.455	-	9.408	11.032	-	-	-	16.660	-	-	-
4	Bình Thuận	-	45.000	213.000	-	-	13.248	-	9.408	10.080	7.392	-	-	7.584	-	-	-

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	NGUỒN: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					NGUỒN: QUỸ TOÀN CẦU					NGUỒN: CDC			NGUỒN: WHO		
		Turbe	Turbezid	Ethambutol	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Streptomycin	Ethambutol	Pyrazinamid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid
		(R/H)	(R/H/Z)	(E)	(H)	(H)	(P)	(S)	(E)	(Z)	(H)	(P)	(H)	(H)	(P)	(H)	(H)
		viên	viên	viên	viên	viên	viên	lọ	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên
		150/100mg	150/75/400mg	400mg	300mg	50mg	150mg	01g	400mg	500mg	300mg	150mg	50mg	300mg	150mg	300mg	100mg
5	Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	28.896	16.800	12.412	-	-	-	-	-	-
6	Lâm Đồng	-	-	-	-	-	-	-	6.720	5.376	1.344	-	-	-	-	-	-
7	Ninh Thuận	-	7.200	24.000	-	-	-	-	12.768	4.032	2.016	-	-	-	-	-	-
8	Tây Ninh	-	-	-	-	-	11.574	-	24.192	16.800	7.392	-	-	3.697	-	-	-
9	TP Hồ Chí Minh	27.000	7.200	50.400	792	-	66.840	-	221.529	122.888	61.238	-	12.000	127.252	42.024	-	3.000
	CỘNG IV	27.000	59.400	287.400	792	-	108.317	-	347.193	227.328	102.546	-	12.000	158.793	42.024	-	3.000
V	MIỀN TÂY	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	An Giang	-	36.000	36.000	-	-	6.504	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Bến Tre	-	44.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Bạc Liêu	-	24.000	24.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	6.720	-	-	-
4	Cà Mau	36.000	36.000	24.000	-	6.000	14.760	-	-	-	7.380	-	-	7.380	-	-	-
5	Cần Thơ	-	-	24.000	-	-	14.544	-	-	-	-	-	-	4.032	-	-	-
6	Hậu Giang	-	-	24.000	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Kiên Giang	36.000	72.000	49.080	12.000	9.000	38.400	-	-	-	15.456	-	-	-	-	-	-
8	Sóc Trăng	-	54.000	24.000	-	-	4.152	-	-	-	-	-	-	11.376	-	-	-
9	Trà Vinh	-	36.000	24.000	-	-	-	-	-	-	8.400	-	-	14.112	-	-	-
10	Vĩnh Long	-	-	24.000	-	3.000	61.272	-	-	-	20.160	-	-	9.408	-	-	-
11	Đồng Tháp	-	-	-	-	3.000	49.236	-	-	-	8.736	-	-	16.800	-	-	-
12	Tiền Giang	-	36.000	24.000	-	-	288	-	-	-	-	-	-	25.536	-	-	-
13	Long An	108.000	90.000	54.960	-	3.000	58.980	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CỘNG V	180.000	428.400	332.040	12.000	28.500	248.136	-	-	-	60.132	-	-	95.364	-	-	-
	TỔNG CỘNG	409.000	516.024	919.904	12.792	28.500	497.313	120	489.657	349.356	278.474	5.640	82.500	1.054.857	89.672	3.640	3.000

BẢNG 2.2: THEO DÕI CẤP PHÁT BỔ SUNG HÓA CHẤT VẬT TƯ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Tỉnh	Cốc dờm	Lam kính	Giấy lau KHV	Bộ dụng cụ XN	Hộp đựng tiêu bản	Fuccin	XML
		<i>cái</i>	<i>cái</i>	<i>tập</i>	<i>bộ</i>	<i>hộp</i>	<i>gam</i>	<i>gam</i>
I	MIỀN BẮC	-	51.240	90	-	-	4.600	8.500
1	Hung Yên		10.080	60			1.200	1.200
2	Hà Nam		15.120	5			2.000	2.000
3	Nam Định		15.120	1			500	
4	Lào Cai		7.200				300	300
5	BV 74 TƯ		6.600	10				
6	Quảng Ninh						500	3.000
7	Lai Châu						400	400
8	BV 74 TƯ						200	200
9	BVPTƯ						100	200
10	BV 103						200	200
11	Hòa Bình		1.440	11				
12	Lạng Sơn		1.440					
13	Điện Biên		1.440					
14	BV 198			3				1.000
II	MIỀN TRUNG	1.500	18.522	6	2	20	1.000	1.000
1	Thừa Thiên Huế	500	3.600			10		
2	Bình Định	500	7.200	2	1			
3	Quảng Ngãi	500	4.122	2	1	10		
4	Kon Tum		3.600	2			1.000	1.000
III	MIỀN ĐÔNG						5.800	3.600
1	TPHCM						5.800	3.600
IV	MIỀN TÂY						10.600	12.100
1	Bạc Liêu						1.500	300
2	Cà Mau						2.000	2.000
3	Hậu Giang						1.000	1.000
4	Kiên Giang						1.500	-
5	Sóc Trăng						-	1.300
6	Đồng Tháp						-	1.000
7	Tiền Giang						300	300
8	Cần Thơ						4.300	6.200

	TỔNG CỘNG	1.500	69.762	96	2	20	22.000	25.200
--	------------------	--------------	---------------	-----------	----------	-----------	---------------	---------------

BẢNG 2.3: THEO DÕI CẤP PHÁT VẬT TƯ PHÒNG CHỐNG DỊCH 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Tỉnh	Khẩu trang N95	Khẩu trang Y tế	Khẩu trang Y tế Quai đeo	Khẩu trang y tế Quai buộc	Bộ quần áo phòng dịch	Nước rửa tay
		<i>Cái</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Bộ</i>	<i>Chai</i>
I	MIỀN BẮC	46.400	405.223	250.000	65.000	12.690	72
1	Hà Nội	2.000	16.240	7.000	3.000	500	
2	Hải Phòng	2.000	16.240	7.000	3.000	500	
3	Hưng Yên	2.000	16.240	7.000	3.000	500	
4	Hải Dương	2.000	16.240	7.000	3.000	500	
5	Thái Bình	2.000	16.240	7.000	2.000	500	
6	Hà Nam	2.000	16.240	7.000	3.000	500	
7	Nam Định	2.000	16.240	7.000	2.000	500	
8	Ninh Bình	2.000	13.615	6.750	2.000	500	
9	Thanh Hóa	2.000	16.240	6.750	2.000	500	
10	Nghệ An	2.000	13.615	6.750	2.000	500	
11	Hà Tĩnh	1.200	16.240	6.500	2.000	500	
12	Phú Thọ	1.200	13.615	6.750	2.000	500	
13	Vĩnh Phúc	1.200	16.240	6.500	2.000	500	
14	Bắc Ninh	1.200	13.615	6.500	2.000	500	
15	Bắc Giang	1.200	16.240	6.500	2.000	500	
16	Hòa Bình	1.200	16.240	6.500	2.000	300	
17	Yên Bái	1.200	16.240	6.500	2.000	350	
18	Lào Cai	1.200	16.240	6.500	2.000	300	
19	Bắc Cạn	1.200	16.240	6.500	2.000	300	
20	Thái Nguyên	1.200	16.240	41.750	2.000	400	
21	Quảng Ninh	1.200	13.615	6.750	2.000	400	
22	Lạng Sơn	1.400	16.240	6.500	2.000	400	

STT	Tỉnh	Khẩu trang N95	Khẩu trang Y tế	Khẩu trang Y tế Quai đeo	Khẩu trang y tế Quai buộc	Bộ quần áo phòng dịch	Nước rửa tay
		<i>Cái</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Bộ</i>	<i>Chai</i>
23	Cao Bằng	1.200	16.240	6.500	2.000	400	
24	Hà Giang	1.200	16.240	6.500	2.000	350	
25	Tuyên Quang	1.400	13.615	6.500	2.000	350	
26	Lai Châu	1.200	13.615	6.500	2.000	350	
27	Điện Biên	1.200	16.240	6.500	2.000	400	
28	Sơn La	1.200	16.240	36.500	2.000	400	
1	BV 71 TƯ	1.200	16.240	6.500	2.000	250	
2	BV 74 TƯ	1.200	16.240	6.500	2.000	240	
3	BVPTƯ	2.000	20.926	18.750	7.000		72
III	MIỀN TRUNG	33.000	885.285	26.000	35.000	230	137
1	Quảng Bình	2.460	65.240			20	10
2	Quảng Trị	2.440	70.070			20	10
3	Thừa Thiên Huế	2.700	70.070	15.000		20	10
4	Quảng Nam	2.900	70.070			20	10
5	Đà Nẵng	2.900	87.915			20	17
6	Bình Định	2.600	65.240			20	10
7	Quảng Ngãi	2.400	65.240			20	10
8	Phú Yên	2.600	65.240			10	10
9	Đắk Lắk	2.400	65.240			15	10
10	Đắk Nông	2.000	65.240			15	10
11	Kon Tum	2.200	65.240	11.000	35.000	10	10
12	Gia Lai	2.720	65.240			20	10
13	Khánh Hòa	4.920	65.240			20	10
IV	MIỀN ĐÔNG	70.360	750.165	-	-	-	-
1	Bà Rịa Vũng Tàu	7.000	70.000				
2	Bình Dương	7.000	70.000				

STT	Tỉnh	Khẩu trang N95	Khẩu trang Y tế	Khẩu trang Y tế Quai đeo	Khẩu trang y tế Quai buộc	Bộ quần áo phòng dịch	Nước rửa tay
		<i>Cái</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>Bộ</i>	<i>Chai</i>
3	Bình Phước	7.000	70.000				
4	Bình Thuận	7.000	70.000				
5	Đồng Nai	7.000	70.000				
6	Lâm Đồng	7.000	70.000				
7	Ninh Thuận	5.500	70.000				
8	Tây Ninh	7.000	70.000				
9	TPHCM	15.860	190.165				
V	MIỀN TÂY	39.500	-	-	770.320	-	-
1	An Giang	3.000			70.000		
2	Bến Tre	3.000			60.000		
3	Bạc Liêu	3.000			50.000		
4	Cà Mau	3.000			50.000		
5	Cần Thơ	3.500			60.320		
6	Hậu Giang	3.000			60.000		
7	Kiên Giang	3.000			60.000		
8	Sóc Trăng	3.000			60.000		
9	Trà Vinh	3.000			60.000		
10	Vĩnh Long	3.000			60.000		
11	Đồng Tháp	3.000			60.000		
12	Tiền Giang	3.000			60.000		
13	Long An	3.000			60.000		
	TỔNG CỘNG	189.140	2.040.673	276.000	870.320	12.920	209

BẢNG 2.4: THEO DÕI CẤP PHÁT VẬT TƯ SINH PHẨM XÉT NGHIỆM CTCLQG 11 THÁNG ĐẦU NĂM 20223

STT	Tỉnh	Xpert MTB/RIF	Xpert Ultra	Xpert XDR	XN LF Lam	Bộ xét nghiệm bán định lượng	Bộ xét nghiệm định tính	Bộ hiệu chuẩn	Ống Falcon
		<i>Test</i>	<i>Test</i>	<i>Test</i>	<i>Hộp/ túi</i>	<i>Test</i>	<i>Test</i>	<i>Bộ</i>	<i>Cái</i>
I	MIỀN BẮC	184.300	22.700	1.770	94	3.050	600	173	103.021
1	Hà Nội	4.000	22.650	220	13	400	150	13	13.360
2	Hải Phòng	300	8.100		17	800	50	11	3.520
3	Hưng Yên	650	5.350					3	2.150
4	Hải Dương	1.450	4.800					4	2.120
5	Thái Bình	1.400	2.400			400	50	4	1.400
6	Hà Nam	300	4.450					2	1.080
7	Nam Định	-	6.400					6	3.341
8	Ninh Bình	300	4.200					4	1.360
9	Thanh Hóa	1.850	10.200		6	1000	200	8	2.480
10	Nghệ An	200	6.950		39			8	3.280
11	Hà Tĩnh	600	1.700					3	1.200
12	Phú Thọ	450	2.850					2	1.280
13	Vĩnh Phúc	300	1.050					7	1.000
14	Bắc Ninh	800	8.200					2	1.600
15	Bắc Giang	650	9.000					6	1.800
16	Hòa Bình	-	1.800					2	320
17	Yên Bái	650	2.750			200	50	4	850
18	Lào Cai	300	600					2	320
19	Bắc Cạn	-	350					1	200
20	Thái Nguyên	800	6.950		15			3	
21	Quảng Ninh	600	2.100		9			3	2.880
22	Lạng Sơn	300	4.450					4	1.200
23	Cao Bằng	700	1.200					2	320
24	Hà Giang	350	1.600					2	400
25	Tuyên Quang	600	1.450					2	480
26	Lai Châu	-	1.000					1	200
27	Điện Biên	400	500		6			2	200

STT	Tỉnh	Xpert MTB/RIF	Xpert Ultra	Xpert XDR	XN LF Lam	Bộ xét nghiệm bán định lượng	Bộ xét nghiệm định tính	Bộ hiệu chuẩn	Ống Falcon
		Test	Test	Test	Hộp/ túi	Test	Test	Bộ	Cái
28	Sơn La	350	1.950		8			1	480
29	BV 74 TỨ	350	1.700	250				2	1.800
30	BVPTỨ	1.000	46.200	1.300	1	250	100	23	50.000
31	BV 108	300	1.000					2	
32	BV 103	200	1.250					3	760
33	BV 198	250	1.300					1	
34	BV E	100	150					1	
35	BV Hữu Nghị	50	650					2	
36	BV Nhi TỨ	600	1.550		1			2	
37	BVĐK Hà Đông	-	0					1	
38	BV Hữu Nghị Việt Đức	-	300					1	
39	OUCRU	-	600						
40	BV 71 TỨ	700	1.000					1	1.640
41	Bệnh viện ĐH Y	750	3.000						
42	Bệnh viện Bạch Mai	100	550		1			1	
43	Bệnh viện Nhiệt đới TỨ	-	50		1			3	
44	Bệnh viện Nội tiết TỨ							1	
45	Bệnh viện K							1	
III	MIỀN TRUNG	12.800	55.700	400	-	1.700	350	42	12.840
1	Quảng Bình	1.300	2.400					6	800
2	Quảng Trị	750	3.900					3	680
3	Thừa Thiên Huế	2.000	8.500			400	100	5	
4	Quảng Nam	1.450	5.400			650		3	1.240
5	Đà Nẵng	3.200	13.750	400		50		6	1.240
6	Bình Định	1.050	2.400					3	1.640
7	Quảng Ngãi	800	4.300					5	1.000
8	Phú Yên	300	2.150					2	1.040
9	Đắk Lắk	-	250					3	1.360
10	Đắk Nông	350	1.950					1	
11	Kon Tum	300	2.850					1	200

STT	Tỉnh	Xpert MTB/RIF	Xpert Ultra	Xpert XDR	XN LF Lam	Bộ xét nghiệm bán định lượng	Bộ xét nghiệm định tính	Bộ hiệu chuẩn	Ống Falcon
		Test	Test	Test	Hộp/ túi	Test	Test	Bộ	Cái
12	Gia Lai	200	1.150			550	150	1	720
13	Khánh Hòa	1.100	6.700			50	100	3	2.920
IV	MIỀN ĐÔNG	18.300	58.050	-	75	600	200	64	59.840
1	Bà Rịa Vũng Tàu	1.300	6.300		6			4	2.160
2	Bình Dương	800	6.190		8			6	4.720
3	Bình Phước	50	1.400		6			2	1.200
4	Bình Thuận	300	100		4			5	2.200
5	Đồng Nai	400	3.450					4	5.000
6	Lâm Đồng	400	1.150					1	480
7	Ninh Thuận	400	3.300						1.680
8	Tây Ninh	2.550	9.000			600	200	3	3.600
9	TPHCM	12.100	27.160		51			39	38.800
V	MIỀN TÂY	2.100	93.050	740	55	8.600	1.600	70	39.010
1	An Giang		11.650		12	5.100	550	11	7.400
2	Bến Tre	100	2.050					4	1.920
3	Bạc Liêu		600					2	2.250
4	Cà Mau		2.550					6	1.840
5	Cần Thơ	300	16.500	740	10			10	3.080
6	Hậu Giang	200	4.100					4	2.000
7	Kiên Giang	300	8.050		10	500	300	2	3.200
8	Sóc Trăng	200	5.150		5			4	2.600
9	Trà Vinh		3.000					2	1.480
10	Vĩnh Long	-	7.800					5	2.880
11	Đồng Tháp	500	14.250		7	3.000	900	8	3.880
12	Tiền Giang	200	9.650		5			6	2.600
13	Long An	300	7.700		6			6	3.880
	TỔNG CỘNG	55.900	391.100	2.910	224	14.550	2.750	349	214.711

BẢNG 2.5: THEO DÕI CẤP PHÁT MÁY MÓC THIẾT BỊ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Tỉnh	Máy tính bảng Masstel Tab 8.2	Máy xét nghiệm Realtime RT-PCR	Máy đo điện tim	Máy Gene Xpert
		<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái/ Hệ thống</i>	<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái</i>
I	Miền Bắc	92	3	6	4
1	Hà Nội	5			
2	Hải Phòng	3	1		
3	Hưng Yên	3		1	
4	Hải Dương	3		1	
5	Thái Bình	3		1	
6	Hà Nam	3			
7	Nam Định	3		1	
8	Ninh Bình	3			
9	Thanh Hóa	3			
10	Nghệ An	3	(Hệ thống RT PCR)1		
11	Hà Tĩnh	3			
12	Phú Thọ	3			
13	Vĩnh Phúc	3			
14	Bắc Ninh	3			
15	Bắc Giang	3			
16	Hòa Bình	3			
17	Yên Bái	3	1		1
18	Lào Cai	3			1
19	Bắc Cạn	3			
20	Thái Nguyên	3			
21	Quảng Ninh	3			
22	Lạng Sơn	3			
23	Cao Bằng	3		1	
24	Hà Giang	3			
25	Tuyên Quang	3			1
26	Lai Châu	3			
27	Điện Biên	3			
28	Sơn La	3			
29	BV Phổi TƯ	6		2	
30	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới TƯ				1
II	Miền Trung	39	1	-	3
1	Quảng Bình	3			
2	Quảng Trị	3			
3	Thừa Thiên Huế	3	(Hệ thống RT PCR)1		2
4	Quảng Nam	3			
5	Đà Nẵng	3			

STT	Tỉnh	Máy tính bảng Masstel Tab 8.2	Máy xét nghiệm Realtime RT-PCR	Máy đo điện tim	Máy Gene Xpert
6	Bình Định	3			
7	Quảng Ngãi	3			
8	Phú Yên	3			1
9	Đắk Lắk	3			
10	Đắk Nông	3			
11	Kon Tum	3			
12	Gia Lai	3			
13	Khánh Hòa	3			
III	Miền Đông	30	-	1	3
1	Bà Rịa Vũng Tàu	3			
2	Bình Dương	3			
3	Bình Phước	3			
4	Bình Thuận	3			2
5	Đồng Nai	3			
6	Lâm Đồng	3			
7	Ninh Thuận	3		1	1
8	Tây Ninh	3			
9	TP.HCM	6			
IV	Miền Tây	39	-	1	7
1	An Giang	3			
2	Bến Tre	3			
3	Bạc Liêu	3			
4	Cà Mau	3		1	
5	Cần Thơ	3			3
6	Hậu Giang	3			2
7	Kiên Giang	3			
8	Sóc Trăng	3			
9	Trà Vinh	3			1
10	Vĩnh Long	3			1
11	Đồng Tháp	3			
12	Tiền Giang	3			
13	Long An	3			
	Tổng	200	4	8	17

Ghi chú:

- Máy xét nghiệm Realtime RT-PCR phân bổ cho Nghệ An và Thừa Thiên Huế trong phụ lục này là máy Hệ thống máy Realtime PCR gồm: 01 Máy xét nghiệm sinh học phân tử; 01 máy tách chiết Acid nucleic tự động; 01 máy chuẩn bị mẫu tự động;
- Máy xét nghiệm Realtime RT-PCR phân bổ cho Yên Bái và Hải Phòng là máy Truenat

Stt	Tỉnh	Điều hòa nhiệt độ ≥ 18000 BTU/h		Bộ lưu điện cho máy GeneXpert ≥ 6 KvA	
		ĐVT: Cái		ĐVT: Bộ	
I	Miền Bắc	29		39	
1	Bệnh viện Phổi Trung ương	5		5	
2	Hà Nội	3		3	
3	BV Quân Y 103			1	
4	Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương	1		1	
5	Hải Phòng	1		1	
6	Vĩnh Phúc	1		2	
7	Hải Dương	1		1	
8	Hưng Yên			1	
9	Hà Nam	1		1	
10	Nam Định	2		2	
11	Thái Bình	2		2	
12	Hà Giang			1	
13	Cao Bằng			1	
14	Lào Cai	1		1	
15	Tuyên Quang	1		1	
16	Thái Nguyên	1		1	
17	Yên Bái	2		3	
18	Bắc Giang	1		1	
19	Điện Biên	1		1	
20	Sơn La	1		1	
21	Hòa Bình			1	
22	Thanh Hóa	3		4	
23	Bệnh viện 71 Trung ương			1	
24	Nghệ An			1	
25	Hà Tĩnh	1		1	
II	Miền Trung	14		13	
1	Quảng Bình	1		2	
2	Quảng Trị	1		1	
3	Thừa Thiên Huế	3		3	
4	Đà Nẵng	2		2	
5	Quảng Ngãi	2		1	
6	Bình Định	1		1	
7	Khánh Hòa	2		1	

Stt	Tỉnh	Điều hòa nhiệt độ $\geq$ 18000 BTU/h		Bộ lưu điện cho máy GeneXpert $\geq$ 6KvA	
		ĐVT: Cái		ĐVT: Bộ	
8	Gia Lai	1		1	
9	Đắc Nông	1		1	
III	Miền Đông	22		26	
1	Bà Rịa Vũng Tàu	2		2	
2	Bình Dương			1	
3	Bình Phước	1		2	
4	Bình Thuận			1	
5	Đồng Nai	3		3	
6	Ninh Thuận	2		3	
7	Tây Ninh			2	
8	TP.HCM	14		12	
IV	Miền Tây	15		15	
1	An Giang	1		2	
2	Bạc Liêu	1			
3	Bến Tre	2		2	
4	Cà Mau			1	
5	Hậu Giang	1			
6	Đồng Tháp	1		1	
7	Long An	2		2	
8	Sóc Trăng	2		2	
9	Tiền Giang	3		3	
10	Trà Vinh	1		1	
11	Vĩnh Long	1		1	
	Tổng cộng	80		93	

Stt	Miền Bắc	Máy X-Quang kỹ thuật số và phần mềm trí tuệ nhân tạo
		<i>ĐVT: Bộ</i>
I	Miền Bắc	12
1	Hải Phòng	1
2	Hải Dương	2
3	Bắc Ninh	1
4	Bắc Giang	1
5	Nam Định	1
6	Nghệ An	1
7	Thái Bình	1
8	Vĩnh Phúc	2
9	Tuyên Quang	1
10	Ninh Bình	1
	Tổng	12

Stt	CTCL tuyển tỉnh	Máy Lắc	Nồi hấp tiệt trùng	Máy nhân gen - PCR	ATSH (*)	Tủ lạnh âm sâu	KHV (**)
		<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái</i>	<i>ĐVT: Cái</i>
I	Miền Bắc	-	-	1	1	-	3
1	Bệnh viện Phổi Trung ương			1	1		3
II	Miền Trung	1	-	-	-	-	-
1	Đà Nẵng	1					
III	Miền Tây	-	1	-	-	1	-
1	Cần Thơ		1			1	
	Tổng	1	1	1	1	1	3

Ghi chú:

- (*) trong phụ lục trên - ATSH: Tủ An toàn sinh học cấp II
- (**) trong phụ lục trên - KHV: Kính hiển vi 2 mắt đèn led

Stt	CTCL tỉnh/Đơn vị được phân bổ	Máy đọc phim X-Quang lao phổi tự động
		<i>ĐVT: Gói/Bộ</i>
I	Miền Bắc	5
1	Bệnh viện Phổi Trung ương	1
2	Lạng Sơn	1
3	Hà Nam	1
4	Ninh Bình	1
5	Bắc Cạn	1
II	Miền Trung	4
1	Đà Nẵng	1
2	Quảng Ngãi	1
3	Đắk Nông	1
4	Khánh Hòa	1
III	Miền Đông	3
1	Bình Phước	1
2	Bà Rịa Vũng Tàu	1
3	Đồng Nai	1
IV	Miền Tây	1
1	Bến Tre	1
	Tổng	13

PHỤ LỤC 3.1. TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ BỆNH NHÂN LAO 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	TỈNH	Mới				Tái phát				Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)				Không rõ tiền sử điều trị				Tổng cộng
		Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	
Vùng đồng bằng Sông hồng																		
1	Hà Nội	1815	333	34	577	212	15	2	17	43	5	1	5	0	0	0	0	3059
2	Hải Phòng	811	205	10	162	38	3	0	2	16	1	1	0	0	0	0	0	1249
3	Vĩnh Phúc	53	35	7	22	14	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	133
4	Bắc Ninh	294	101	17	84	6	1	0	0	3	1	0	1	2	0	0	0	510
5	Hải Dương	453	152	9	99	57	5	0	3	9	2	0	0	0	0	0	0	789
6	Hưng Yên	228	85	5	60	43	18	0	3	6	2	0	0	0	0	0	0	450
7	Hà Nam	278	113	0	74	10	1	0	1	1	2	0	0	0	0	0	0	480
8	Nam Định	618	232	6	108	2	0	0	0	28	8	0	3	0	0	0	0	1005
9	Thái Bình	445	153	1	124	27	1	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	755
10	Ninh Bình	379	87	13	82	77	0	1	1	8	0	0	0	0	0	0	0	648
11	TB Hospital	1089	635	100	980	28	5	0	2	4	1	0	1	0	0	0	0	2845
	Tổng	6463	2131	202	2372	514	51	3	31	118	24	2	10	2	0	0	0	11923
Vùng Đông bắc																		
12	Hà Giang	358	45	16	134	18	3	0	0	11	1	0	0	0	0	0	0	586
13	Cao Bằng	128	27	0	54	10	5	0	1	4	1	0	1	0	0	0	0	231
14	Lào Cai	144	16	6	52	11	1	0	1	3	0	0	0	0	0	0	1	235
15	Tuyên Quang	157	9	0	30	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	208
16	Lạng Sơn	324	79	7	73	32	7	0	0	7	2	0	3	0	0	0	0	534
17	Bắc Kạn	47	34	0	13	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	99

STT	TỈNH	Mới				Tái phát				Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)				Không rõ tiền sử điều trị				Tổng cộng
		Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	
18	Thái Nguyên	244	173	5	112	27	5	1	4	6	1	0	0	0	0	0	0	578
19	Yên Bái	114	23	13	27	6	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	185
20	Phú Thọ	257	34	2	67	15	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	379
21	Quảng Ninh	447	147	29	142	67	7	1	3	17	2	1	1	0	0	0	0	864
22	Bắc Giang	439	534	27	179	25	38	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	1246
	Tổng	2659	1121	105	883	226	68	3	9	55	9	1	5	0	0	0	1	5145
Vùng Tây bắc																		
23	Điện Biên	53	26	0	28	1	1	0	0	2	5	0	2	0	0	0	0	118
24	Sơn La	240	21	0	55	23	1	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	345
25	Hoà Bình	181	44	0	78	14	2	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	322
26	Lai Châu	103	17	0	20	7	0	0	0	4	5	0	0	0	0	0	0	156
	Tổng	577	108	0	181	45	4	0	1	11	12	0	2	0	0	0	0	941
Vùng Bắc Trung bộ																		
27	Thanh Hóa	970	333	28	209	49	10	0	1	13	3	0	1	1	0	0	0	1618
28	Nghệ An	792	128	13	285	41	0	0	1	23	1	0	0	0	0	0	0	1284
29	Hà Tĩnh	188	259	3	72	4	3	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	532
30	Quảng Bình	188	355	3	44	5	49	0	0	9	46	0	1	0	0	0	0	700
31	Quảng Trị	192	100	6	33	18	6	0	0	7	2	0	0	0	0	0	0	364
32	Thừa Thiên Huế	684	176	4	129	56	9	0	1	12	2	0	0	0	0	0	0	1073
	Tổng	3014	1351	57	772	173	77	0	3	66	55	0	2	1	0	0	0	5571
Vùng Nam Trung bộ																		
33	Đà Nẵng	800	88	6	188	66	1	1	2	24	0	0	4	0	0	0	3	1183

STT	TỈNH	Mới				Tái phát				Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)				Không rõ tiền sử điều trị				Tổng cộng
		Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	
34	Quảng Nam	712	244	9	156	86	14	0	1	15	5	0	1	0	0	0	0	1243
35	Quảng Ngãi	278	189	17	87	14	24	1	1	3	6	2	1	5	11	0	1	640
36	Bình Định	440	179	10	156	39	5	0	3	5	5	0	1	0	0	0	0	843
37	Phú Yên	283	35	5	82	18	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	424
38	Khánh Hoà	934	48	3	198	120	0	0	3	20	0	0	3	0	0	0	0	1329
	Tổng	3447	783	50	867	343	44	2	10	67	16	2	11	5	11	0	4	5662
Vùng Tây nguyên																		
39	Kon Tum	288	35	0	61	7	0	0	0	7	0	0	1	0	0	0	0	399
40	Gia Lai	331	86	7	87	13	0	0	1	5	0	0	1	0	0	0	0	531
41	Đắk Lắk	463	63	19	145	46	1	0	1	14	1	0	1	0	0	0	0	754
42	Đắk Nông	127	10	23	23	15	1	0	2	4	0	0	1	2	0	0	0	208
43	Lâm Đồng	259	41	0	114	23	0	0	2	2	0	0	1	0	0	0	0	442
	Tổng	1468	235	49	430	104	2	0	6	32	1	0	5	2	0	0	0	2334
Vùng Đông Nam bộ																		
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	669	36	14	139	66	2	1	3	7	1	0	1	0	0	0	0	939
45	Bình Dương	1393	108	10	381	109	2	1	4	26	1	1	2	1	1	0	0	2040
46	Bình Phước	444	46	2	127	41	1	0	3	8	1	0	1	0	0	0	0	674
47	Bình Thuận	724	114	12	101	72	4	1	1	9	2	0	1	0	0	0	0	1041
48	Đồng Nai	1520	278	40	437	131	10	5	8	53	1	2	7	1	0	0	0	2493
49	Ninh Thuận	358	46	10	86	29	0	0	0	32	10	0	4	0	0	0	0	575
50	Tây Ninh	1423	122	6	249	124	11	0	8	5	0	0	0	0	0	0	0	1948
51	TP. Hồ Chí Minh	8199	2132	305	2581	1217	52	14	79	205	10	2	48	1	1	0	1	14847

STT	TỈNH	Mới				Tái phát				Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)				Không rõ tiền sử điều trị				Tổng cộng
		Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	
	Tổng	14730	2882	399	4101	1789	82	22	106	345	26	5	64	3	2	0	1	24557
Vùng đồng bằng sông Cửu long																		
52	An Giang	3114	279	19	360	257	25	0	7	40	7	0	6	17	1	0	0	4132
53	Bạc Liêu	666	40	13	141	55	4	2	5	6	0	0	0	0	0	0	1	933
54	Bến Tre	688	35	11	188	65	0	0	5	11	0	0	1	0	0	0	0	1004
55	Cà Mau	891	125	0	148	45	0	0	2	12	0	0	2	0	0	0	0	1225
56	Cần Thơ	1484	249	30	259	110	1	0	1	11	3	0	1	0	0	0	0	2149
57	Hậu Giang	788	54	29	101	45	1	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	1021
58	Đồng Tháp	1854	170	16	264	163	3	1	1	19	0	1	2	1	0	0	0	2495
59	Kiên Giang	1567	191	32	247	139	2	1	5	41	2	0	1	2	0	0	0	2230
60	Long An	1153	127	17	250	107	5	2	3	12	2	0	2	0	0	0	0	1680
61	Sóc Trăng	1168	159	2	280	77	3	0	6	43	0	0	4	0	0	0	0	1742
62	Tiền Giang	1111	129	10	238	69	2	0	5	42	0	1	2	2	0	0	0	1611
63	Trà Vinh	750	24	82	68	9	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	934
64	Vĩnh Long	895	149	8	209	102	0	0	2	8	4	0	8	0	0	0	0	1385
	Tổng	16129	1731	269	2753	1243	46	6	42	248	18	2	29	23	1	0	1	22541
	Tổng cộng	48487	10342	1131	12359	4437	374	36	208	942	161	12	128	36	14	0	7	78674

PHỤ LỤC 3.2. BỆNH NHÂN LAO MỚI VÀ TÁI PHÁT THEO GIỚI VÀ TUỔI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Tỉnh			Nhóm tuổi														Tổng		
		0 - 4		5 - 14		15-24		25-34		35-44		45-54		55-64		≥65				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Chung
Vùng đồng bằng Sông hồng																				
1	Hà Nội	0	1	7	13	197	181	245	194	310	155	370	98	409	126	437	262	1975	1030	3005
2	Hải Phòng	1	0	4	1	63	43	96	64	124	59	175	47	208	46	212	88	883	348	1231
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	7	3	11	2	19	3	25	4	25	3	26	5	113	20	133
4	Bắc Ninh	1	0	1	1	19	9	41	22	37	20	54	16	77	24	105	76	335	168	503
5	Hải Dương	0	0	3	4	25	16	62	26	62	27	98	24	144	27	165	95	559	219	778
6	Hưng Yên	0	0	1	2	10	9	20	15	45	16	52	7	75	31	86	73	289	153	442
7	Hà Nam	1	0	3	2	11	7	31	10	31	14	60	14	85	20	111	77	333	144	477
8	Nam Định	1	0	3	3	44	13	47	27	99	29	110	15	153	47	227	148	684	282	966
9	Thái Bình	0	0	1	1	16	10	37	24	54	28	81	41	116	57	187	100	492	261	753
10	Ninh Bình	0	0	0	5	21	20	50	35	91	22	91	12	89	31	111	62	453	187	640
11	TB Hospital	0	1	0	2	206	120	248	182	276	151	323	97	380	125	483	245	1916	923	2839
	Tổng	4	2	23	34	619	431	888	601	1148	524	1439	375	1761	537	2150	1231	8032	3735	11767
Vùng Đông bắc																				
12	Hà Giang	3	1	7	9	50	40	85	37	102	26	85	29	50	15	20	15	402	172	574
13	Cao Bằng	0	0	0	0	12	6	22	10	41	7	43	5	36	11	27	5	181	44	225
14	Lào Cai	0	0	2	0	18	15	26	16	48	10	36	15	27	2	11	5	168	63	231
15	Tuyên Quang	1	0	2	0	11	7	21	12	32	5	31	5	28	8	31	14	157	51	208
16	Lạng Sơn	0	0	2	4	17	13	39	13	56	16	85	19	97	22	82	57	378	144	522
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	4	7	11	2	9	3	20	4	19	5	9	6	72	27	99
18	Thái Nguyên	1	0	0	4	19	13	39	34	67	18	91	21	101	17	91	55	409	162	571
19	Yên Bái	0	0	1	0	17	11	18	10	34	5	22	9	28	4	20	5	140	44	184
20	Phú Thọ	0	0	4	1	21	10	39	24	38	24	52	7	58	10	59	28	271	104	375
21	Quảng Ninh	0	0	5	2	22	42	82	51	97	31	133	23	150	38	116	51	605	238	843
22	Bắc Giang	1	0	4	3	35	14	71	35	77	26	184	36	239	78	270	169	881	361	1242
	Tổng	6	1	27	23	226	178	453	244	601	171	782	173	833	210	736	410	3664	1410	5074

TT	Tỉnh			Nhóm tuổi														Tổng		
		0 - 4		5 - 14		15-24		25-34		35-44		45-54		55-64		≥65				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Chung
Vùng Tây bắc																				
23	Điện Biên	0	0	0	2	14	12	10	10	14	4	13	1	9	6	9	5	69	40	109
24	Sơn La	0	0	1	0	18	14	42	19	44	15	59	18	54	12	34	10	252	88	340
25	Hoà Bình	0	0	1	0	11	10	34	20	59	13	42	8	57	19	32	14	236	84	320
26	Lai Châu	0	0	1	0	12	9	18	4	40	4	30	6	9	2	6	6	116	31	147
	Tổng	0	0	3	2	55	45	104	53	157	36	144	33	129	39	81	35	673	243	916
Vùng Bắc Trung bộ																				
27	Thanh Hóa	0	0	1	4	57	28	128	64	193	53	243	43	308	71	288	119	1218	382	1600
28	Nghệ An	2	1	6	2	59	31	118	68	157	35	184	34	216	41	211	95	953	307	1260
29	Hà Tĩnh	1	1	2	1	19	12	37	22	47	13	80	12	93	17	126	46	405	124	529
30	Quảng Bình	0	0	1	2	18	8	37	21	62	18	91	30	113	31	151	61	473	171	644
31	Quảng Trị	4	1	2	9	21	13	34	15	48	14	62	10	48	13	47	14	266	89	355
32	Thừa Thiên Huế	0	0	3	5	48	46	107	56	122	38	187	23	172	39	166	47	805	254	1059
	Tổng	7	3	15	23	222	138	461	246	629	171	847	152	950	212	989	382	4120	1327	5447
Vùng Nam Trung bộ																				
33	Đà Nẵng	2	1	12	11	72	50	98	67	120	42	191	38	194	43	156	55	845	307	1152
34	Quảng Nam	1	0	7	5	37	31	103	51	137	42	213	50	198	45	221	81	917	305	1222
35	Quảng Ngãi	0	0	0	2	18	16	46	34	60	31	113	21	114	23	98	35	449	162	611
36	Bình Định	2	1	3	2	26	19	50	33	71	20	140	29	176	28	184	48	652	180	832
37	Phú Yên	2	0	1	3	17	9	50	10	42	17	73	12	83	14	68	22	336	87	423
38	Khánh Hoà	1	1	3	3	51	38	87	68	171	48	215	59	233	55	214	59	975	331	1306
	Tổng	8	3	26	26	221	163	434	263	601	200	945	209	998	208	941	300	4174	1372	5546
Vùng Tây nguyên																				
39	Kon Tum	3	0	3	3	18	16	47	19	37	17	45	11	67	20	63	22	283	108	391
40	Gia Lai	5	0	2	3	24	24	51	44	59	20	88	16	90	15	64	20	383	142	525
41	Đắk Lắk	3	0	4	5	34	54	73	68	68	36	116	24	112	27	77	37	487	251	738
42	Đắk Nông	1	0	0	0	7	7	20	19	27	13	26	8	30	6	29	8	140	61	201
43	Lâm Đồng	2	0	2	0	21	20	43	30	62	24	61	22	65	23	45	19	301	138	439
	Tổng	14	0	11	11	104	121	234	180	253	110	336	81	364	91	278	106	1594	700	2294

TT	Tỉnh			Nhóm tuổi														Tổng		
		0 - 4		5 - 14		15-24		25-34		35-44		45-54		55-64		≥65				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Chung
Vùng Đông Nam bộ																				
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	0	1	2	47	28	82	56	136	42	149	27	151	39	131	38	698	232	930
45	Bình Dương	1	1	3	8	125	102	234	161	308	133	325	103	230	59	143	72	1369	639	2008
46	Bình Phước	1	0	2	2	16	24	65	40	87	28	110	24	120	28	96	21	497	167	664
47	Bình Thuận	3	2	4	7	44	29	90	42	143	35	180	31	179	41	134	65	777	252	1029
48	Đồng Nai	3	2	13	8	104	90	254	126	303	133	393	96	392	97	283	132	1745	684	2429
49	Ninh Thuận	2	1	2	4	22	21	52	33	63	19	105	14	91	13	68	19	405	124	529
50	Tây Ninh	3	1	3	3	58	32	148	59	228	51	353	68	357	115	335	129	1485	458	1943
51	TP. Hồ Chí Minh	92	41	104	140	859	721	1273	1061	1539	862	2096	646	2095	692	1652	706	9710	4869	14579
	Tổng	106	48	132	174	1275	1047	2198	1578	2807	1303	3711	1009	3615	1084	2842	1182	16686	7425	24111
Vùng đồng bằng sông Cửu long																				
52	An Giang	2	1	6	13	114	69	229	102	465	140	759	195	795	209	678	284	3048	1013	4061
53	Bạc Liêu	0	0	1	1	20	17	72	32	105	34	130	33	170	44	190	77	688	238	926
54	Bến Tre	1	0	1	5	31	16	51	34	141	37	152	35	214	44	159	71	750	242	992
55	Cà Mau	1	1	2	1	38	18	90	33	165	40	170	46	213	58	244	91	923	288	1211
56	Cần Thơ	1	0	3	6	74	52	127	70	221	72	336	101	380	119	397	175	1539	595	2134
57	Hậu Giang	1	0	3	0	21	15	74	29	114	30	170	34	173	54	216	84	772	246	1018
58	Đồng Tháp	2	2	2	4	67	48	136	58	289	70	424	98	468	140	476	188	1864	608	2472
59	Kiên Giang	0	0	5	10	80	63	179	78	255	82	341	77	378	118	373	145	1611	573	2184
60	Long An	1	0	0	2	62	39	98	64	191	60	267	60	332	70	316	102	1267	397	1664
61	Sóc Trăng	2	1	2	5	75	63	123	81	210	73	244	65	264	78	309	100	1229	466	1695
62	Tiền Giang	1	2	4	5	50	34	99	47	180	50	237	47	312	71	306	119	1189	375	1564
63	Trà Vinh	1	1	0	1	25	27	91	43	96	42	138	45	159	37	165	62	675	258	933
64	Vĩnh Long	1	0	3	4	23	29	74	44	126	45	201	57	278	68	283	129	989	376	1365
	Tổng	14	8	32	57	680	490	1443	715	2558	775	3569	893	4136	1110	4112	1627	16544	5675	22219
	Tổng cộng	159	65	269	350	3402	2613	6215	3880	8754	3290	11773	2925	12786	3491	12129	5273	55487	21887	77374

PHỤ LỤC 3.3: TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ BỆNH NHÂN LAO TRẺ EM 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	21	100	0	0	0	0	0	0	21
2	Hải Phòng	6	100	0	0	0	0	0	0	6
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	3	100	0	0	0	0	0	0	3
5	Hải Dương	7	100	0	0	0	0	0	0	7
6	Hưng Yên	3	100	0	0	0	0	0	0	3
7	Hà Nam	6	100	0	0	0	0	0	0	6
8	Nam Định	7	100	0	0	0	0	0	0	7
9	Thái Bình	2	100	0	0	0	0	0	0	2
10	Ninh Bình	4	80	1	20	0	0	0	0	5
11	TB Hospital	3	100	0	0	0	0	0	0	3
	Tổng	62	98	1	1	0	0	0	0	63
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	20	100	0	0	0	0	0	0	20
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lào Cai	2	100	0	0	0	0	0	0	2
15	Tuyên Quang	3	100	0	0	0	0	0	0	3
16	Lạng Sơn	6	100	0	0	0	0	0	0	6
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	5	100	0	0	0	0	0	0	5
19	Yên Bái	1	100	0	0	0	0	0	0	1
20	Phú Thọ	5	100	0	0	0	0	0	0	5
21	Quảng Ninh	7	100	0	0	0	0	0	0	7
22	Bắc Giang	8	100	0	0	0	0	0	0	8
	Tổng	57	100	0	0	0	0	0	0	57
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	2	100	0	0	0	0	0	0	2
24	Sơn La	1	100	0	0	0	0	0	0	1
25	Hoà Bình	1	100	0	0	0	0	0	0	1
26	Lai Châu	1	100	0	0	0	0	0	0	1
	Tổng	5	100	0	0	0	0	0	0	5
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	5	100	0	0	0	0	0	0	5
28	Nghệ An	11	100	0	0	0	0	0	0	11
29	Hà Tĩnh	5	100	0	0	0	0	0	0	5
30	Quảng Bình	3	100	0	0	0	0	0	0	3
31	Quảng Trị	15	93	1	6	0	0	0	0	16
32	Thừa Thiên Huế	8	100	0	0	0	0	0	0	8
	Tổng	47	97	1	2	0	0	0	0	48
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	25	96	1	3	0	0	0	0	26
34	Quảng Nam	13	100	0	0	0	0	0	0	13
35	Quảng Ngãi	2	100	0	0	0	0	0	0	2

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
36	Bình Định	8	100	0	0	0	0	0	0	8
37	Phú Yên	6	100	0	0	0	0	0	0	6
38	Khánh Hoà	8	100	0	0	0	0	0	0	8
	Tổng	62	98	1	1	0	0	0	0	63
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	9	100	0	0	0	0	0	0	9
40	Gia Lai	10	100	0	0	0	0	0	0	10
41	Đắk Lắk	11	91	1	8	0	0	0	0	12
42	Đắk Nông	1	100	0	0	0	0	0	0	1
43	Lâm Đồng	4	100	0	0	0	0	0	0	4
	Tổng	35	97	1	2	0	0	0	0	36
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	4	100	0	0	0	0	0	0	4
45	Bình Dương	13	100	0	0	0	0	0	0	13
46	Bình Phước	5	100	0	0	0	0	0	0	5
47	Bình Thuận	16	100	0	0	0	0	0	0	16
48	Đồng Nai	26	100	0	0	0	0	0	0	26
49	Ninh Thuận	9	90	0	0	1	10	0	0	10
50	Tây Ninh	9	90	1	10	0	0	0	0	10
51	TP. Hồ Chí Minh	375	99	2	0	1	0	0	0	378
	Tổng	457	98	3	0	2	0	0	0	462
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	21	95	1	4	0	0	0	0	22
53	Bạc Liêu	2	100	0	0	0	0	0	0	2
54	Bến Tre	7	100	0	0	0	0	0	0	7
55	Cà Mau	5	100	0	0	0	0	0	0	5
56	Cần Thơ	10	100	0	0	0	0	0	0	10
57	Hậu Giang	4	100	0	0	0	0	0	0	4
58	Đồng Tháp	10	90	0	0	1	9	0	0	11
59	Kiên Giang	15	93	0	0	1	6	0	0	16
60	Long An	3	100	0	0	0	0	0	0	3
61	Sóc Trăng	10	100	0	0	0	0	0	0	10
62	Tiền Giang	11	91	1	8	0	0	0	0	12
63	Trà Vinh	3	100	0	0	0	0	0	0	3
64	Vĩnh Long	8	88	0	0	1	11	0	0	9
	Tổng	109	95	2	1	3	2	0	0	114
	Tổng cộng	834	98	9	1	5	0	0	0	848

PHỤ LỤC 3.4. TÌNH HÌNH PHÁT HIỆN BỆNH NHÂN LAO CÓ XÉT NGHIỆM HIV 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	2673	90	226	7	51	1	0	0	2950
2	Hải Phòng	1002	97	18	1	7	0	0	0	1027
3	Vĩnh Phúc	65	97	2	2	0	0	0	0	67
4	Bắc Ninh	303	97	6	1	2	0	1	0	312
5	Hải Dương	700	90	62	8	11	1	0	0	773
6	Hưng Yên	368	84	61	13	8	1	0	0	437
7	Hà Nam	437	97	10	2	3	0	0	0	450
8	Nam Định	945	95	2	0	39	3	0	0	986
9	Thái Bình	647	95	28	4	4	0	0	0	679
10	Ninh Bình	544	86	79	12	8	1	0	0	631
11	TB Hospital	1469	99	7	0	2	0	0	0	1478
	Tổng	9153	93	501	5	135	1	1	0	9790
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	463	95	15	3	9	1	0	0	487
13	Cao Bằng	140	88	14	8	4	2	0	0	158
14	Lào Cai	216	92	13	5	3	1	1	0	233
15	Tuyên Quang	177	93	12	6	0	0	0	0	189
16	Lạng Sơn	479	90	39	7	12	2	0	0	530
17	Bắc Kạn	94	94	5	5	0	0	0	0	99
18	Thái Nguyên	492	93	27	5	7	1	0	0	526
19	Yên Bái	88	96	3	3	0	0	0	0	91
20	Phú Thọ	327	95	10	2	4	1	0	0	341
21	Quảng Ninh	631	89	56	7	16	2	0	0	703
22	Bắc Giang	1098	94	58	5	4	0	0	0	1160
	Tổng	4205	93	252	5	59	1	1	0	4517
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	65	95	0	0	3	4	0	0	68
24	Sơn La	301	91	24	7	5	1	0	0	330
25	Hoà Bình	238	93	16	6	0	0	0	0	254
26	Lai Châu	50	96	2	3	0	0	0	0	52
	Tổng	654	92	42	5	8	1	0	0	704
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	1393	95	49	3	16	1	1	0	1459
28	Nghệ An	1165	94	40	3	24	1	0	0	1229
29	Hà Tĩnh	457	98	4	0	3	0	0	0	464
30	Quảng Bình	318	84	33	8	25	6	0	0	376
31	Quảng Trị	295	91	20	6	8	2	0	0	323
32	Thừa Thiên Huế	930	93	58	5	12	1	0	0	1000
	Tổng	4558	93	204	4	88	1	1	0	4851
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	1023	91	67	6	21	1	3	0	1114

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
34	Quảng Nam	1049	89	99	8	20	1	0	0	1168
35	Quảng Ngãi	365	88	27	6	5	1	17	4	414
36	Bình Định	715	93	39	5	10	1	0	0	764
37	Phú Yên	370	95	17	4	1	0	0	0	388
38	Khánh Hoà	1133	89	118	9	22	1	0	0	1273
	Tổng	4655	90	367	7	79	1	20	0	5121
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	353	95	7	1	8	2	0	0	368
40	Gia Lai	383	97	5	1	5	1	0	0	393
41	Đắk Lắk	577	92	33	5	13	2	0	0	623
42	Đắk Nông	97	91	8	7	1	0	0	0	106
43	Lâm Đồng	378	94	19	4	2	0	0	0	399
	Tổng	1788	94	72	3	29	1	0	0	1889
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	746	92	56	6	5	0	0	0	807
45	Bình Dương	1681	93	96	5	26	1	0	0	1803
46	Bình Phước	599	92	42	6	6	0	0	0	647
47	Bình Thuận	946	91	78	7	12	1	0	0	1036
48	Đồng Nai	1781	92	86	4	50	2	1	0	1918
49	Ninh Thuận	463	87	29	5	39	7	0	0	531
50	Tây Ninh	1765	92	139	7	5	0	0	0	1909
51	TP. Hồ Chí Minh	11409	88	1258	9	244	1	3	0	12914
	Tổng	19390	89	1784	8	387	1	4	0	21565
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	3314	90	265	7	48	1	16	0	3643
53	Bạc Liêu	812	92	62	7	6	0	1	0	881
54	Bến Tre	882	91	66	6	11	1	0	0	959
55	Cà Mau	1007	95	37	3	14	1	0	0	1058
56	Cần Thơ	1922	93	110	5	14	0	0	0	2046
57	Hậu Giang	972	95	46	4	2	0	1	0	1021
58	Đồng Tháp	2255	92	165	6	22	0	1	0	2443
59	Kiên Giang	1965	91	140	6	35	1	1	0	2141
60	Long An	1537	92	115	6	16	0	0	0	1668
61	Sóc Trăng	1396	92	75	4	34	2	0	0	1505
62	Tiền Giang	1372	93	70	4	21	1	2	0	1465
63	Trà Vinh	282	100	0	0	0	0	0	0	282
64	Vĩnh Long	1261	91	104	7	20	1	0	0	1385
	Tổng	18977	92	1255	6	243	1	22	0	20497
	Tổng cộng	63380	91	4477	6	1028	1	49	0	68934

PHỤ LỤC 3.5. TÌNH HÌNH PHÁT HIỆN BỆNH NHÂN LAO/HIV 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	66	81	15	18	0	0	0	0	81
2	Hải Phòng	22	88	3	12	0	0	0	0	25
3	Vĩnh Phúc	1	100	0	0	0	0	0	0	1
4	Bắc Ninh	3	75	0	0	1	25	0	0	4
5	Hải Dương	10	100	0	0	0	0	0	0	10
6	Hung Yên	2	66	1	33	0	0	0	0	3
7	Hà Nam	3	100	0	0	0	0	0	0	3
8	Nam Định	15	88	0	0	2	11	0	0	17
9	Thái Bình	4	80	0	0	1	20	0	0	5
10	Ninh Bình	12	85	2	14	0	0	0	0	14
11	TB Hospital	8	100	0	0	0	0	0	0	8
	Tổng	146	85	21	12	4	2	0	0	171
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	5	100	0	0	0	0	0	0	5
13	Cao Bằng	8	100	0	0	0	0	0	0	8
14	Lào Cai	2	100	0	0	0	0	0	0	2
15	Tuyên Quang	2	66	1	33	0	0	0	0	3
16	Lạng Sơn	7	87	1	12	0	0	0	0	8
17	Bắc Kạn	5	100	0	0	0	0	0	0	5
18	Thái Nguyên	13	86	2	13	0	0	0	0	15
19	Yên Bái	1	100	0	0	0	0	0	0	1
20	Phú Thọ	9	100	0	0	0	0	0	0	9
21	Quảng Ninh	23	88	3	11	0	0	0	0	26
22	Bắc Giang	6	100	0	0	0	0	0	0	6
	Tổng	81	92	7	7	0	0	0	0	88
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	1	100	0	0	0	0	0	0	1
24	Sơn La	4	100	0	0	0	0	0	0	4
25	Hoà Bình	4	100	0	0	0	0	0	0	4
26	Lai Châu	3	100	0	0	0	0	0	0	3
	Tổng	12	100	0	0	0	0	0	0	12
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	28	100	0	0	0	0	0	0	28
28	Nghệ An	20	100	0	0	0	0	0	0	20
29	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	1	33	0	0	2	66	0	0	3
31	Quảng Trị	2	66	1	33	0	0	0	0	3
32	Thừa Thiên Huế	1	100	0	0	0	0	0	0	1
	Tổng	52	94	1	1	2	3	0	0	55
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	6	85	0	0	1	14	0	0	7
34	Quảng Nam	7	100	0	0	0	0	0	0	7

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
35	Quảng Ngãi	2	100	0	0	0	0	0	0	2
36	Bình Định	5	100	0	0	0	0	0	0	5
37	Phú Yên	6	100	0	0	0	0	0	0	6
38	Khánh Hoà	5	100	0	0	0	0	0	0	5
	Tổng	31	96	0	0	1	3	0	0	32
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	9	100	0	0	0	0	0	0	9
41	Đắk Lắk	4	100	0	0	0	0	0	0	4
42	Đắk Nông	3	100	0	0	0	0	0	0	3
43	Lâm Đồng	2	100	0	0	0	0	0	0	2
	Tổng	18	100	0	0	0	0	0	0	18
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	35	92	3	7	0	0	0	0	38
45	Bình Dương	64	91	2	2	4	5	0	0	70
46	Bình Phước	9	100	0	0	0	0	0	0	9
47	Bình Thuận	9	90	1	10	0	0	0	0	10
48	Đồng Nai	53	96	1	1	1	1	0	0	55
49	Ninh Thuận	5	100	0	0	0	0	0	0	5
50	Tây Ninh	55	90	6	9	0	0	0	0	61
51	TP. Hồ Chí Minh	456	83	80	14	13	2	0	0	549
	Tổng	686	86	93	11	18	2	0	0	797
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	94	89	5	4	5	4	1	0	105
53	Bạc Liêu	29	90	3	9	0	0	0	0	32
54	Bến Tre	32	91	1	2	2	5	0	0	35
55	Cà Mau	27	93	2	6	0	0	0	0	29
56	Cần Thơ	43	93	3	6	0	0	0	0	46
57	Hậu Giang	13	92	1	7	0	0	0	0	14
58	Đồng Tháp	59	95	2	3	1	1	0	0	62
59	Kiên Giang	49	89	5	9	1	1	0	0	55
60	Long An	41	91	3	6	1	2	0	0	45
61	Sóc Trăng	51	91	2	3	3	5	0	0	56
62	Tiền Giang	34	94	1	2	1	2	0	0	36
63	Trà Vinh	7	100	0	0	0	0	0	0	7
64	Vĩnh Long	30	88	2	5	2	5	0	0	34
	Tổng	509	91	30	5	16	2	1	0	556
	Tổng cộng	1535	88	152	8	41	2	1	0	1729

PHỤ LỤC 3.6. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO PHỔI CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	1540	85	194	10	3	0	22	1	25	1	7	0	1791	18
2	Hải Phòng	393	55	231	32	0	0	11	1	62	8	9	1	706	1
3	Vĩnh Phúc	22	95	0	0	0	0	1	4	0	0	0	0	23	0
4	Bắc Ninh	230	90	18	7	0	0	4	1	2	0	1	0	255	2
5	Hải Dương	438	78	51	9	2	0	27	4	35	6	5	0	558	6
6	Hưng Yên	239	81	46	15	0	0	7	2	3	1	0	0	295	5
7	Hà Nam	202	92	6	2	0	0	0	0	3	1	8	3	219	2
8	Nam Định	516	95	4	0	1	0	5	0	0	0	15	2	541	3
9	Thái Bình	360	86	18	4	1	0	5	1	19	4	13	3	416	1
10	Ninh Bình	324	88	15	4	3	0	11	3	6	1	7	1	366	3
11	TB Hospital	506	49	244	23	2	0	1	0	24	2	252	24	1029	0
	Tổng	4770	76	827	13	12	0	94	1	179	2	317	5	6199	41
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	157	53	99	34	0	0	7	2	19	6	9	3	291	0
13	Cao Bằng	118	84	10	7	0	0	4	2	5	3	2	1	139	0
14	Lào Cai	74	56	42	32	2	1	4	3	8	6	0	0	130	0
15	Tuyên Quang	96	76	14	11	0	0	2	1	6	4	8	6	126	0
16	Lạng Sơn	314	91	10	2	7	2	8	2	1	0	2	0	342	4
17	Bắc Kạn	52	98	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	53	1
18	Thái Nguyên	139	72	33	17	2	1	4	2	7	3	6	3	191	0
19	Yên Bái	89	95	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	93	0
20	Phú Thọ	260	94	6	2	0	0	0	0	4	1	4	1	274	1
21	Quảng Ninh	218	46	214	45	2	0	10	2	15	3	7	1	466	3
22	Bắc Giang	353	86	35	8	1	0	3	0	1	0	17	4	410	0
	Tổng	1870	74	467	18	14	0	43	1	66	2	55	2	2515	9
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	42	73	10	17	3	5	1	1	1	1	0	0	57	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
24	Sơn La	132	96	2	1	0	0	0	0	2	1	1	0	137	0
25	Hoà Bình	152	91	9	5	0	0	4	2	0	0	2	1	167	2
26	Lai Châu	73	65	26	23	0	0	6	5	5	4	1	0	111	1
	Tổng	399	84	47	9	3	0	11	2	8	1	4	0	472	3
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	527	72	93	12	0	0	19	2	64	8	20	2	723	1
28	Nghệ An	662	80	110	13	6	0	16	1	19	2	14	1	827	0
29	Hà Tĩnh	125	64	67	34	0	0	0	0	3	1	0	0	195	0
30	Quảng Bình	103	71	35	24	0	0	1	0	2	1	4	2	145	1
31	Quảng Trị	274	81	55	16	1	0	2	0	3	0	1	0	336	2
32	Thừa Thiên Huế	289	71	97	23	3	0	6	1	11	2	1	0	407	0
	Tổng	1980	75	457	17	10	0	44	1	102	3	40	1	2633	4
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	696	77	113	12	4	0	16	1	64	7	9	0	902	1
34	Quảng Nam	538	80	67	10	1	0	16	2	31	4	13	1	666	0
35	Quảng Ngãi	167	86	19	9	0	0	2	1	5	2	0	0	193	0
36	Bình Định	290	85	27	7	0	0	10	2	4	1	8	2	339	5
37	Phú Yên	260	92	10	3	0	0	8	2	2	0	1	0	281	3
38	Khánh Hoà	865	91	4	0	4	0	16	1	46	4	7	0	942	4
	Tổng	2816	84	240	7	9	0	68	2	152	4	38	1	3323	13
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	223	92	8	3	0	0	6	2	5	2	0	0	242	0
40	Gia Lai	242	72	72	21	3	0	7	2	7	2	3	0	334	0
41	Đắk Lắk	354	73	86	17	5	1	17	3	10	2	12	2	484	0
42	Đắk Nông	56	76	15	20	0	0	0	0	2	2	0	0	73	0
43	Lâm Đồng	261	89	12	4	2	0	5	1	10	3	1	0	291	2
	Tổng	1136	79	193	13	10	0	35	2	34	2	16	1	1424	2
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	592	87	14	2	2	0	29	4	32	4	6	0	675	12
45	Bình Dương	844	74	182	16	15	1	29	2	41	3	22	1	1133	19

STT	TỈNH	Khôi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
46	Bình Phước	358	75	71	15	3	0	11	2	28	5	2	0	473	3
47	Bình Thuận	675	79	51	5	7	0	36	4	79	9	6	0	854	4
48	Đồng Nai	1342	80	50	2	15	0	31	1	211	12	24	1	1673	9
49	Ninh Thuận	304	74	39	9	8	1	14	3	43	10	0	0	408	1
50	Tây Ninh	1274	85	99	6	10	0	55	3	46	3	5	0	1489	1
51	TP. Hồ Chí Minh	6576	74	1021	11	117	1	186	2	384	4	559	6	8843	128
	Tổng	11965	76	1527	9	177	1	391	2	864	5	624	4	15548	177
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	2786	90	144	4	2	0	103	3	44	1	9	0	3088	48
53	Bạc Liêu	576	88	21	3	2	0	32	4	17	2	1	0	649	3
54	Bến Tre	618	82	70	9	4	0	33	4	19	2	2	0	746	2
55	Cà Mau	606	76	146	18	2	0	23	2	13	1	0	0	790	3
56	Cần Thơ	1223	87	8	0	3	0	67	4	76	5	28	1	1405	0
57	Hậu Giang	727	92	32	4	1	0	10	1	9	1	6	0	785	2
58	Đồng Tháp	1276	78	214	13	4	0	73	4	52	3	10	0	1629	20
59	Kiên Giang	1162	73	239	15	30	1	82	5	58	3	16	1	1587	29
60	Long An	961	76	194	15	4	0	80	6	13	1	4	0	1256	0
61	Sóc Trăng	871	87	52	5	4	0	30	3	42	4	1	0	1000	0
62	Tiền Giang	1073	93	2	0	3	0	34	2	27	2	9	0	1148	6
63	Trà Vinh	144	99	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	145	0
64	Vĩnh Long	764	93	3	0	2	0	31	3	18	2	1	0	819	19
	Tổng	12787	84	1125	7	61	0	599	3	388	2	87	0	15047	132
	Tổng cộng	37723	79	4883	10	296	0	1285	2	1793	3	1181	2	47161	381

PHỤ LỤC 3.7. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO PHỔI KHÔNG CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	1	0	405	94	1	0	4	0	16	3	3	0	430	5
2	Hải Phòng	0	0	209	89	0	0	1	0	21	9	2	0	233	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	29	96	0	0	0	0	1	3	0	0	30	0
4	Bắc Ninh	0	0	172	75	0	0	7	3	38	16	11	4	228	1
5	Hải Dương	0	0	128	90	0	0	4	2	8	5	1	0	141	0
6	Hưng Yên	0	0	176	99	0	0	1	0	0	0	0	0	177	0
7	Hà Nam	0	0	150	97	0	0	1	0	1	0	2	1	154	0
8	Nam Định	0	0	264	97	0	0	3	1	0	0	5	1	272	1
9	Thái Bình	0	0	153	91	0	0	3	1	3	1	9	5	168	1
10	Ninh Bình	0	0	82	97	0	0	1	1	0	0	1	1	84	1
11	TB Hospital	0	0	591	78	3	0	7	0	17	2	134	17	752	4
	Tổng	1	0	2359	88	4	0	32	1	105	3	168	6	2669	13
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	40	81	0	0	0	0	5	10	4	8	49	0
13	Cao Bằng	0	0	10	76	0	0	0	0	3	23	0	0	13	0
14	Lào Cai	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	17	0
15	Tuyên Quang	0	0	31	86	0	0	0	0	1	2	4	11	36	0
16	Lạng Sơn	0	0	126	91	0	0	8	5	3	2	0	0	137	0
17	Bắc Kạn	0	0	20	95	0	0	1	4	0	0	0	0	21	0
18	Thái Nguyên	0	0	172	91	0	0	4	2	11	5	2	1	189	0
19	Yên Bái	0	0	32	100	0	0	0	0	0	0	0	0	32	0
20	Phú Thọ	0	0	106	96	0	0	0	0	1	0	3	2	110	0
21	Quảng Ninh	0	0	158	91	1	0	4	2	5	2	4	2	172	0
22	Bắc Giang	0	0	534	96	2	0	1	0	0	0	16	2	553	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
	Tổng	0	0	1246	93	3	0	18	1	29	2	33	2	1329	0
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	32	94	1	2	0	0	1	2	0	0	34	0
24	Sơn La	0	0	43	97	0	0	1	2	0	0	0	0	44	0
25	Hoà Bình	0	0	60	96	0	0	2	3	0	0	0	0	62	0
26	Lai Châu	0	0	31	96	0	0	1	3	0	0	0	0	32	0
	Tổng	0	0	166	96	1	0	4	2	1	0	0	0	172	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	465	93	1	0	7	1	18	3	8	1	499	1
28	Nghệ An	0	0	108	89	0	0	2	1	8	6	3	2	121	0
29	Hà Tĩnh	0	0	188	97	1	0	0	0	3	1	0	0	192	0
30	Quảng Bình	0	0	141	90	0	0	1	0	9	5	5	3	156	0
31	Quảng Trị	0	0	326	98	0	0	1	0	2	0	1	0	330	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	313	97	0	0	2	0	6	1	0	0	321	0
	Tổng	0	0	1541	95	2	0	13	0	46	2	17	1	1619	1
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	208	82	0	0	4	1	39	15	2	0	253	0
34	Quảng Nam	0	0	179	92	1	0	3	1	4	2	6	3	193	0
35	Quảng Ngãi	0	0	175	97	0	0	0	0	4	2	1	0	180	0
36	Bình Định	0	0	284	94	0	0	6	2	2	0	8	2	300	0
37	Phú Yên	0	0	54	98	0	0	1	1	0	0	0	0	55	0
38	Khánh Hoà	0	0	55	96	0	0	0	0	2	3	0	0	57	1
	Tổng	0	0	955	92	1	0	14	1	51	4	17	1	1038	1
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	39	97	0	0	0	0	1	2	0	0	40	0
40	Gia Lai	0	0	106	95	0	0	1	0	3	2	1	0	111	0
41	Đắk Lắk	0	0	105	86	0	0	3	2	12	9	1	0	121	0
42	Đắk Nông	0	0	19	100	0	0	0	0	0	0	0	0	19	0
43	Lâm Đồng	0	0	28	100	0	0	0	0	0	0	0	0	28	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
	Tổng	0	0	297	93	0	0	4	1	16	5	2	0	319	0
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	0	101	86	0	0	3	2	6	5	6	5	117	0
45	Bình Dương	0	0	76	90	0	0	3	3	3	3	2	2	84	0
46	Bình Phước	0	0	41	97	1	2	0	0	0	0	0	0	42	0
47	Bình Thuận	0	0	255	85	0	0	10	3	24	8	8	2	297	1
48	Đồng Nai	0	0	326	87	2	0	2	0	34	9	8	2	372	0
49	Ninh Thuận	0	0	28	80	0	0	0	0	7	20	0	0	35	0
50	Tây Ninh	0	0	200	91	1	0	10	4	5	2	2	0	218	0
51	TP. Hồ Chí Minh	0	0	1393	70	5	0	10	0	267	13	299	15	1974	1
	Tổng	1	0	2420	77	9	0	38	1	346	11	325	10	3139	2
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	2	0	425	95	1	0	12	2	6	1	1	0	447	1
53	Bạc Liêu	0	0	32	82	0	0	3	7	4	10	0	0	39	0
54	Bến Tre	0	0	61	91	0	0	5	7	0	0	1	1	67	0
55	Cà Mau	0	0	137	96	0	0	3	2	2	1	0	0	142	0
56	Cần Thơ	0	0	218	80	0	0	20	7	28	10	4	1	270	0
57	Hậu Giang	0	0	232	93	0	0	2	0	2	0	11	4	247	0
58	Đồng Tháp	0	0	147	93	1	0	6	3	2	1	2	1	158	0
59	Kiên Giang	0	0	266	92	0	0	11	3	9	3	1	0	287	0
60	Long An	0	0	152	94	0	0	9	5	0	0	0	0	161	0
61	Sóc Trăng	0	0	343	89	2	0	19	4	19	4	0	0	383	0
62	Tiền Giang	0	0	123	93	0	0	1	0	1	0	7	5	132	0
63	Trà Vinh	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
64	Vĩnh Long	0	0	135	95	0	0	5	3	2	1	0	0	142	1
	Tổng	2	0	2275	91	4	0	96	3	75	3	27	1	2479	2
	Tổng cộng	4	0	11259	88	24	0	219	1	669	5	589	4	12764	19

PHỤ LỤC 3.8. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO NGOÀI PHỔI CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	0	0	27	93	0	0	1	3	0	0	1	3	29	1
2	Hải Phòng	0	0	6	66	0	0	0	0	3	33	0	0	9	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
4	Bắc Ninh	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
5	Hải Dương	0	0	11	91	0	0	0	0	0	0	1	8	12	0
6	Hưng Yên	0	0	6	75	1	12	1	12	0	0	0	0	8	0
7	Hà Nam	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
8	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thái Bình	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
10	Ninh Bình	0	0	12	100	0	0	0	0	0	0	0	0	12	0
11	TB Hospital	0	0	48	64	0	0	0	0	9	12	18	24	75	0
	Tổng	0	0	119	77	1	0	2	1	12	7	20	12	154	1
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	0
14	Lào Cai	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
15	Tuyên Quang	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
16	Lạng Sơn	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
17	Bắc Kạn	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
18	Thái Nguyên	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
19	Yên Bái	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0
20	Phú Thọ	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
21	Quảng Ninh	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	17	0
22	Bắc Giang	0	0	20	95	0	0	1	4	0	0	0	0	21	0
	Tổng	0	0	70	97	0	0	2	2	0	0	0	0	72	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sơn La	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
25	Hoà Bình	0	0	1	50	0	0	1	50	0	0	0	0	2	0
26	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	3	75	0	0	1	25	0	0	0	0	4	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	15	71	0	0	1	4	4	19	1	4	21	1
28	Nghệ An	0	0	12	85	0	0	1	7	1	7	0	0	14	0
29	Hà Tĩnh	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
30	Quảng Bình	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
31	Quảng Trị	0	0	8	88	0	0	0	0	1	11	0	0	9	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
	Tổng	0	0	39	81	0	0	2	4	6	12	1	2	48	1
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
34	Quảng Nam	0	0	8	88	0	0	0	0	1	11	0	0	9	0
35	Quảng Ngãi	0	0	13	92	0	0	0	0	1	7	0	0	14	0
36	Bình Định	0	0	5	83	0	0	0	0	1	16	0	0	6	0
37	Phú Yên	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
38	Khánh Hoà	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
	Tổng	0	0	36	92	0	0	0	0	3	7	0	0	39	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
40	Gia Lai	0	0	14	100	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0
41	Đắk Lắk	0	0	11	100	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0
42	Đắk Nông	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0	8	0
43	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	37	100	0	0	0	0	0	0	0	0	37	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	18	100	0	0	0	0	0	0	0	0	18	0
45	Bình Dương	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0
46	Bình Phước	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
47	Bình Thuận	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
48	Đồng Nai	0	0	10	58	0	0	1	5	6	35	0	0	17	0
49	Ninh Thuận	0	0	4	80	0	0	0	0	1	20	0	0	5	0
50	Tây Ninh	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
51	TP. Hồ Chí Minh	0	0	184	72	0	0	1	0	16	6	54	21	255	0
	Tổng	0	0	239	75	0	0	2	0	23	7	54	16	318	0
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	0	0	8	88	0	0	1	11	0	0	0	0	9	0
53	Bạc Liêu	0	0	4	80	0	0	1	20	0	0	0	0	5	0
54	Bến Tre	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
55	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Cần Thơ	0	0	17	89	0	0	2	10	0	0	0	0	19	0
57	Hậu Giang	0	0	18	100	0	0	0	0	0	0	0	0	18	0
58	Đồng Tháp	0	0	12	75	0	0	2	12	2	12	0	0	16	0
59	Kiên Giang	0	0	31	96	0	0	0	0	1	3	0	0	32	0
60	Long An	0	0	8	80	0	0	2	20	0	0	0	0	10	0
61	Sóc Trăng	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
62	Tiền Giang	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
63	Trà Vinh	0	0	24	100	0	0	0	0	0	0	0	0	24	0
64	Vĩnh Long	0	0	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
	Tổng	0	0	139	92	0	0	8	5	3	2	0	0	150	0
	Tổng cộng	0	0	682	82	1	0	17	2	47	5	75	9	822	2

PHỤ LỤC 3.9. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO NGOÀI PHỔI KHÔNG CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	0	0	535	95	0	0	7	1	9	1	7	1	558	1
2	Hải Phòng	0	0	162	88	0	0	1	0	18	9	3	1	184	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
4	Bắc Ninh	0	0	82	77	0	0	3	2	17	16	4	3	106	0
5	Hải Dương	0	0	98	88	0	0	4	3	3	2	6	5	111	0
6	Hưng Yên	0	0	69	97	2	2	0	0	0	0	0	0	71	0
7	Hà Nam	0	0	68	100	0	0	0	0	0	0	0	0	68	0
8	Nam Định	0	0	147	96	0	0	1	0	0	0	5	3	153	0
9	Thái Bình	0	0	133	97	0	0	0	0	1	0	3	2	137	0
10	Ninh Bình	0	0	76	96	0	0	1	1	0	0	2	2	79	0
11	TB Hospital	0	0	860	87	2	0	13	1	43	4	64	6	982	4
	Tổng	0	0	2234	91	4	0	30	1	91	3	94	3	2453	5
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	83	85	1	1	1	1	6	6	6	6	97	0
13	Cao Bằng	0	0	35	94	0	0	1	2	1	2	0	0	37	0
14	Lào Cai	0	0	54	98	0	0	1	1	0	0	0	0	55	0
15	Tuyên Quang	0	0	34	80	0	0	0	0	2	4	6	14	42	0
16	Lạng Sơn	0	0	100	95	0	0	5	4	0	0	0	0	105	0
17	Bắc Kạn	0	0	6	85	0	0	1	14	0	0	0	0	7	0
18	Thái Nguyên	0	0	100	94	0	0	1	0	4	3	1	0	106	0
19	Yên Bái	0	0	13	100	0	0	0	0	0	0	0	0	13	0
20	Phú Thọ	0	0	44	93	0	0	0	0	2	4	1	2	47	1
21	Quảng Ninh	0	0	114	89	0	0	0	0	6	4	7	5	127	1
22	Bắc Giang	0	0	156	94	0	0	1	0	0	0	8	4	165	0
	Tổng	0	0	739	92	1	0	11	1	21	2	29	3	801	2

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	23	100	0	0	0	0	0	0	0	0	23	0
24	Sơn La	0	0	59	98	0	0	1	1	0	0	0	0	60	0
25	Hoà Bình	0	0	74	97	0	0	0	0	0	0	2	2	76	0
26	Lai Châu	0	0	17	94	0	0	0	0	1	5	0	0	18	1
	Tổng	0	0	173	97	0	0	1	0	1	0	2	1	177	1
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	82	89	0	0	1	1	8	8	1	1	92	0
28	Nghệ An	0	0	221	96	1	0	1	0	4	1	1	0	228	0
29	Hà Tĩnh	0	0	81	98	0	0	0	0	1	1	0	0	82	0
30	Quảng Bình	0	0	30	88	0	0	0	0	2	5	2	5	34	0
31	Quảng Trị	0	0	25	96	0	0	0	0	0	0	1	3	26	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	114	98	0	0	0	0	2	1	0	0	116	0
	Tổng	0	0	553	95	1	0	2	0	17	2	5	0	578	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	181	92	0	0	1	0	12	6	1	0	195	0
34	Quảng Nam	0	0	143	92	0	0	6	3	2	1	4	2	155	0
35	Quảng Ngãi	0	0	80	93	0	0	1	1	4	4	1	1	86	0
36	Bình Định	0	0	157	96	0	0	2	1	1	0	3	1	163	0
37	Phú Yên	0	0	60	95	0	0	1	1	2	3	0	0	63	0
38	Khánh Hoà	0	0	200	94	0	0	3	1	5	2	4	1	212	1
	Tổng	0	0	821	93	0	0	14	1	26	2	13	1	874	1
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	38	100	0	0	0	0	0	0	0	0	38	0
40	Gia Lai	0	0	67	91	0	0	2	2	2	2	2	2	73	1
41	Đắk Lắk	0	0	146	92	1	0	6	3	0	0	5	3	158	0
42	Đắk Nông	0	0	14	100	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0
43	Lâm Đồng	0	0	103	95	0	0	2	1	2	1	1	0	108	1

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
	Tổng	0	0	368	94	1	0	10	2	4	1	8	2	391	2
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	137	93	0	0	4	2	3	2	3	2	147	0
45	Bình Dương	0	0	216	91	0	0	4	1	6	2	9	3	235	0
46	Bình Phước	0	0	99	94	0	0	1	0	4	3	1	0	105	0
47	Bình Thuận	0	0	104	89	0	0	3	2	8	6	1	0	116	0
48	Đồng Nai	0	0	423	86	1	0	6	1	52	10	5	1	487	0
49	Ninh Thuận	0	0	51	69	0	0	6	8	15	20	1	1	73	0
50	Tây Ninh	0	0	205	88	2	0	9	3	12	5	4	1	232	0
51	TP. Hồ Chí Minh	0	0	2173	86	2	0	30	1	92	3	223	8	2520	1
	Tổng	0	0	3408	87	5	0	63	1	192	4	247	6	3915	1
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	0	0	342	96	0	0	11	3	1	0	1	0	355	1
53	Bạc Liêu	0	0	125	87	0	0	7	4	9	6	2	1	143	0
54	Bến Tre	0	0	153	92	1	0	9	5	2	1	0	0	165	0
55	Cà Mau	0	0	116	94	0	0	3	2	4	3	0	0	123	0
56	Cần Thơ	0	0	195	80	0	0	19	7	22	9	7	2	243	0
57	Hậu Giang	0	0	83	96	0	0	2	2	0	0	1	1	86	0
58	Đồng Tháp	0	0	179	85	0	0	14	6	12	5	5	2	210	0
59	Kiên Giang	0	0	257	93	0	0	6	2	10	3	2	0	275	1
60	Long An	0	0	204	90	0	0	17	7	4	1	1	0	226	0
61	Sóc Trăng	0	0	218	90	0	0	7	2	15	6	0	0	240	0
62	Tiền Giang	0	0	244	91	2	0	11	4	5	1	5	1	267	0
63	Trà Vinh	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
64	Vĩnh Long	0	0	198	93	0	0	12	5	1	0	0	0	211	0
	Tổng	0	0	2316	90	3	0	118	4	85	3	24	0	2546	2
	Tổng cộng	0	0	10612	90	15	0	249	2	437	3	422	3	11735	14

PHỤ LỤC 3.10. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ LẠI (THẤT BẠI, ĐIỀU TRỊ LẠI SAU BỎ TRỊ, TIỀN SỬ ĐIỀU TRỊ KHÁC) 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	14	63	6	27	0	0	0	0	1	4	1	4	22	1
2	Hải Phòng	0	0	3	60	1	20	0	0	1	20	0	0	5	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
5	Hải Dương	4	30	6	46	0	0	2	15	1	7	0	0	13	0
6	Hưng Yên	0	0	2	66	0	0	1	33	0	0	0	0	3	0
7	Hà Nam	2	66	1	33	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
8	Nam Định	11	52	9	42	0	0	1	4	0	0	0	0	21	0
9	Thái Bình	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
10	Ninh Bình	6	85	1	14	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	40	51	29	37	1	1	4	5	3	3	1	1	78	1
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	1	10	6	60	0	0	1	10	2	20	0	0	10	0
13	Cao Bằng	1	25	2	50	0	0	0	0	1	25	0	0	4	0
14	Lào Cai	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
15	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lạng Sơn	1	12	7	87	0	0	0	0	0	0	0	0	8	0
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
19	Yên Bái	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
20	Phú Thọ	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
21	Quảng Ninh	6	46	4	30	0	0	2	15	1	7	0	0	13	1
22	Bắc Giang	0	0	2	66	0	0	0	0	0	0	1	33	3	0
	Tổng	12	26	26	56	0	0	3	6	4	8	1	2	46	1

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	4	80	0	0	0	0	0	0	1	20	0	0	5	0
24	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
	Tổng	5	71	1	14	0	0	0	0	1	14	0	0	7	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	2	50	0	0	0	0	0	0	2	50	0	0	4	0
28	Nghệ An	16	55	9	31	0	0	1	3	1	3	2	6	29	0
29	Hà Tĩnh	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
30	Quảng Bình	0	0	28	93	0	0	0	0	2	6	0	0	30	0
31	Quảng Trị	5	83	1	16	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
32	Thừa Thiên Huế	7	70	3	30	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0
	Tổng	30	36	44	53	0	0	1	1	5	6	2	2	82	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	14	58	5	20	0	0	1	4	3	12	1	4	24	0
34	Quảng Nam	9	69	3	23	0	0	0	0	1	7	0	0	13	0
35	Quảng Ngãi	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
36	Bình Định	1	10	9	90	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0
37	Phú Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Khánh Hoà	10	76	3	23	0	0	0	0	0	0	0	0	13	1
	Tổng	34	55	21	34	0	0	1	1	4	6	1	1	61	1
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	2	33	4	66	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
40	Gia Lai	1	20	3	60	0	0	0	0	0	0	1	20	5	0
41	Đắk Lắk	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
42	Đắk Nông	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
43	Lâm Đồng	4	80	1	20	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
	Tổng	11	50	10	45	0	0	0	0	0	0	1	4	22	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	42	2	28	0	0	0	0	2	28	0	0	7	0
45	Bình Dương	16	66	4	16	1	4	0	0	1	4	2	8	24	1
46	Bình Phước	3	37	4	50	0	0	1	12	0	0	0	0	8	0
47	Bình Thuận	7	46	6	40	0	0	1	6	1	6	0	0	15	0
48	Đồng Nai	21	60	4	11	1	2	1	2	7	20	1	2	35	0
49	Ninh Thuận	14	43	7	21	0	0	6	18	5	15	0	0	32	0
50	Tây Ninh	5	29	9	52	0	0	1	5	2	11	0	0	17	0
51	TP. Hồ Chí Minh	115	44	106	40	6	2	5	1	20	7	8	3	260	9
	Tổng	184	46	142	35	8	2	15	3	38	9	11	2	398	10
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	21	38	29	52	0	0	3	5	2	3	0	0	55	1
53	Bạc Liêu	3	75	0	0	0	0	1	25	0	0	0	0	4	0
54	Bến Tre	5	71	2	28	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
55	Cà Mau	0	0	2	66	0	0	0	0	1	33	0	0	3	0
56	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0	1	50	1	50	2	0
57	Hậu Giang	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
58	Đồng Tháp	3	75	0	0	1	25	0	0	0	0	0	0	4	0
59	Kiên Giang	14	53	5	19	1	3	3	11	3	11	0	0	26	2
60	Long An	16	66	5	20	0	0	3	12	0	0	0	0	24	0
61	Sóc Trăng	19	59	8	25	2	6	2	6	1	3	0	0	32	0
62	Tiền Giang	12	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12	0
63	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Vĩnh Long	7	24	19	65	0	0	2	6	1	3	0	0	29	1
	Tổng	101	50	70	35	4	2	14	7	9	4	1	0	199	4
	Tổng cộng	417	46	343	38	13	1	38	4	64	7	18	2	893	17

PHỤ LỤC 3.11. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN KHÔNG RÕ TIỀN SỬ 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nam Định	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
9	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
34	Quảng Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Quảng Ngãi	0	0	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
36	Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Phú Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Khánh Hoà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
41	Đắk Lắk	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Bình Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Bình Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Bình Thuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Ninh Thuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	TP. Hồ Chí Minh	1	9	10	90	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0
	Tổng	1	9	10	90	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	5	83	1	16	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
53	Bạc Liêu	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
54	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Long An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Tiền Giang	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
63	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	8	88	1	11	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0
	Tổng cộng	9	29	22	70	0	0	0	0	0	0	0	0	31	0

PHỤ LỤC 3.12. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO/HIV 9 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	23	31	42	58	0	0	2	2	3	4	2	2	72	2
2	Hải Phòng	8	27	12	41	1	3	2	6	6	20	0	0	29	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
5	Hải Dương	3	42	1	14	0	0	1	14	2	28	0	0	7	0
6	Hưng Yên	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
7	Hà Nam	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
8	Nam Định	4	23	11	64	0	0	0	0	0	0	2	11	17	0
9	Thái Bình	1	14	4	57	0	0	1	14	1	14	0	0	7	0
10	Ninh Bình	5	45	5	45	0	0	0	0	0	0	1	9	11	0
11	TB Hospital	111	50	57	25	0	0	0	0	5	2	47	21	220	0
	Tổng	155	42	138	37	1	0	6	1	17	4	52	14	369	2
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
13	Cao Bằng	4	57	1	14	0	0	1	14	1	14	0	0	7	0
14	Lào Cai	2	33	4	66	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
15	Tuyên Quang	4	66	1	16	0	0	0	0	1	16	0	0	6	0
16	Lạng Sơn	2	50	1	25	0	0	1	25	0	0	0	0	4	0
17	Bắc Kạn	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
18	Thái Nguyên	8	50	8	50	0	0	0	0	0	0	0	0	16	0
19	Yên Bái	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
20	Phú Thọ	2	22	7	77	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0
21	Quảng Ninh	12	32	20	54	0	0	2	5	3	8	0	0	37	1
22	Bắc Giang	1	14	4	57	0	0	2	28	0	0	0	0	7	0
	Tổng	37	38	48	50	0	0	6	6	5	5	0	0	96	1

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	1	33	1	33	0	0	1	33	0	0	0	0	3	0
24	Sơn La	2	40	2	40	0	0	0	0	1	20	0	0	5	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
	Tổng	4	40	4	40	0	0	1	10	1	10	0	0	10	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	10	19	39	76	0	0	2	3	0	0	0	0	51	0
28	Nghệ An	12	42	15	53	0	0	1	3	0	0	0	0	28	0
29	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	0
	Tổng	22	27	54	67	0	0	4	5	0	0	0	0	80	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	2	40	2	40	0	0	0	0	1	20	0	0	5	0
34	Quảng Nam	3	37	5	62	0	0	0	0	0	0	0	0	8	0
35	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	1	33	2	66	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
37	Phú Yên	1	33	1	33	0	0	1	33	0	0	0	0	3	0
38	Khánh Hoà	5	35	7	50	0	0	1	7	1	7	0	0	14	0
	Tổng	12	36	17	51	0	0	2	6	2	6	0	0	33	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	1	25	3	75	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
41	Đắk Lắk	0	0	5	83	0	0	1	16	0	0	0	0	6	0
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	2	40	2	40	0	0	1	20	0	0	0	0	5	0
	Tổng	3	20	10	66	0	0	2	13	0	0	0	0	15	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	8	34	9	39	0	0	3	13	2	8	1	4	23	0
45	Bình Dương	18	38	17	36	0	0	4	8	3	6	5	10	47	1
46	Bình Phước	7	70	3	30	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0
47	Bình Thuận	4	22	10	55	0	0	2	11	2	11	0	0	18	0
48	Đồng Nai	15	15	59	61	0	0	1	1	2	2	19	19	96	0
49	Ninh Thuận	0	0	2	40	0	0	2	40	1	20	0	0	5	0
50	Tây Ninh	16	33	23	47	0	0	8	16	1	2	0	0	48	0
51	TP. Hồ Chí Minh	241	44	216	39	2	0	32	5	25	4	25	4	541	5
	Tổng	309	39	339	43	2	0	52	6	36	4	50	6	788	6
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	33	42	35	44	0	0	9	11	1	1	0	0	78	1
53	Bạc Liêu	11	42	12	46	0	0	3	11	0	0	0	0	26	1
54	Bến Tre	10	38	11	42	0	0	5	19	0	0	0	0	26	0
55	Cà Mau	6	54	5	45	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0
56	Cần Thơ	7	36	7	36	0	0	4	21	1	5	0	0	19	0
57	Hậu Giang	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0
58	Đồng Tháp	23	44	21	40	0	0	6	11	2	3	0	0	52	0
59	Kiên Giang	17	42	22	55	0	0	1	2	0	0	0	0	40	1
60	Long An	8	25	15	46	0	0	7	21	2	6	0	0	32	0
61	Sóc Trăng	14	31	25	55	0	0	4	8	2	4	0	0	45	0
62	Tiền Giang	15	53	12	42	0	0	1	3	0	0	0	0	28	0
63	Trà Vinh	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
64	Vĩnh Long	16	50	12	37	0	0	3	9	1	3	0	0	32	0
	Tổng	175	43	178	43	0	0	43	10	9	2	0	0	405	3
	Tổng cộng	717	39	788	43	3	0	116	6	70	3	102	5	1796	12

PHỤ LỤC 3.13. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM ÂM HÓA ĐỜM SAU 2(3) THÁNG ĐIỀU TRỊ 9 THÁNG NĂM 2023

STT	TỈNH	DƯƠNG TÍNH MỚI							ĐIỀU TRỊ LẠI						
		Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng	Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng
		SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	5	1,33	339	90,16	32	8,51	376	2	2,9	62	89,86	5	7,25	69
2	Hải Phòng	0	0	258	90,53	27	9,47	285	0	0	6	85,71	1	14,29	7
3	Vĩnh Phúc	0	0	44	100	0	0	44	0	0	7	100	0	0	7
4	Bắc Ninh	5	3,62	116	84,06	17	12,32	138	0	0	9	90	1	10	10
5	Hải Dương	11	4,62	205	86,13	22	9,24	238	2	6,45	25	80,65	4	12,9	31
6	Hưng Yên	0	0	101	81,45	23	18,55	124	3	11,11	15	55,56	9	33,33	27
7	Hà Nam	0	0	104	88,89	13	11,11	117	0	0	1	100	0	0	1
8	Nam Định	8	2,31	268	77,23	71	20,46	347	0	0	7	100	0	0	7
9	Thái Bình	8	1,74	437	95	15	3,26	460	1	4	20	80	4	16	25
10	Ninh Bình	11	3,53	281	90,06	20	6,41	312	0	0	47	77,05	14	22,95	61
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	48	1,97	2153	88,2	240	9,83	2441	8	3,27	199	81,22	38	15,51	245
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	18	6,95	174	67,18	67	25,87	259	2	8,33	16	66,67	6	25	24
13	Cao Bằng	3	5,36	44	78,57	9	16,07	56	0	0	4	66,67	2	33,33	6
14	Lào Cai	19	14,39	86	65,15	27	20,45	132	2	13,33	6	40	7	46,67	15
15	Tuyên Quang	3	5,77	37	71,15	12	23,08	52	0	0	4	80	1	20	5
16	Lạng Sơn	20	9,8	162	79,41	22	10,78	204	4	13,33	23	76,67	3	10	30
17	Bắc Kạn	1	2,08	47	97,92	0	0	48	0	0	2	100	0	0	2
18	Thái Nguyên	3	1,57	135	70,68	53	27,75	191	0	0	13	65	7	35	20
19	Yên Bái	0	0	91	96,81	3	3,19	94	0	0	4	100	0	0	4
20	Phú Thọ	3	1,2	248	98,8	0	0	251	1	6,67	14	93,33	0	0	15
21	Quảng Ninh	5	1,81	200	72,2	72	25,99	277	2	4,65	34	79,07	7	16,28	43
22	Bắc Giang	0	0	325	89,78	37	10,22	362	0	0	32	96,97	1	3,03	33
	Tổng	75	3,89	1549	80,43	302	15,68	1926	11	5,58	152	77,16	34	17,26	197

STT	TỈNH	DƯƠNG TÍNH MỚI							ĐIỀU TRỊ LẠI						
		Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng	Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng
		SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	46	100	0	0	46	1	14,29	6	85,71	0	0	7
24	Sơn La	0	0	190	100	0	0	190	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	2	1,36	115	78,23	30	20,41	147	0	0	9	100	0	0	9
26	Lai Châu	1	1,22	64	78,05	17	20,73	82	0	0	4	66,67	2	33,33	6
	Tổng	3	0,65	415	89,25	47	10,11	465	1	4,55	19	86,36	2	9,09	22
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	1	0,29	326	95,04	16	4,66	343	0	0	28	84,85	5	15,15	33
28	Nghệ An	8	2,18	274	74,66	85	23,16	367	4	9,76	28	68,29	9	21,95	41
29	Hà Tĩnh	4	2,61	131	85,62	18	11,76	153	0	0	5	100	0	0	5
30	Quảng Bình	0	0	140	88,05	19	11,95	159	0	0	11	91,67	1	8,33	12
31	Quảng Trị	4	1,94	180	87,38	22	10,68	206	0	0	28	90,32	3	9,68	31
32	Thừa Thiên Huế	8	1,28	501	80,29	115	18,43	624	0	0	22	81,48	5	18,52	27
	Tổng	25	1,35	1552	83,8	275	14,85	1852	4	2,68	122	81,88	23	15,44	149
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	3	0,62	431	89,42	48	9,96	482	0	0	34	69,39	15	30,61	49
34	Quảng Nam	5	0,98	402	78,52	105	20,51	512	1	1,43	64	91,43	5	7,14	70
35	Quảng Ngãi	9	3,3	255	93,41	9	3,3	273	0	0	13	81,25	3	18,75	16
36	Bình Định	4	1,14	347	98,86	0	0	351	1	3,7	26	96,3	0	0	27
37	Phú Yên	5	2,84	118	67,05	53	30,11	176	0	0	3	60	2	40	5
38	Khánh Hoà	34	3,82	828	93,03	28	3,15	890	6	4,17	129	89,58	9	6,25	144
	Tổng	60	2,24	2381	88,71	243	9,05	2684	8	2,57	269	86,5	34	10,93	311
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	205	99,51	1	0,49	206	0	0	5	100	0	0	5
40	Gia Lai	1	0,34	212	71,86	82	27,8	295	0	0	2	100	0	0	2
41	Đắk Lắk	4	1,56	159	61,87	94	36,58	257	1	3,45	17	58,62	11	37,93	29
42	Đắk Nông	0	0	32	74,42	11	25,58	43	0	0	8	88,89	1	11,11	9
43	Lâm Đồng	13	5,37	209	86,36	20	8,26	242	0	0	1	100	0	0	1
	Tổng	18	1,73	817	78,33	208	19,94	1043	1	2,17	33	71,74	12	26,09	46

STT	TỈNH	DƯƠNG TÍNH MỚI							ĐIỀU TRỊ LẠI						
		Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng	Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng
		SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	20	3,15	533	84,07	81	12,78	634	3	7,5	25	62,5	12	30	40
45	Bình Dương	9	4,35	146	70,53	52	25,12	207	0	0	16	69,57	7	30,43	23
46	Bình Phước	6	1,63	328	89,37	33	8,99	367	2	6,25	25	78,12	5	15,62	32
47	Bình Thuận	46	8,88	421	81,27	51	9,85	518	4	5,88	59	86,76	5	7,35	68
48	Đồng Nai	54	5,15	774	73,78	221	21,07	1049	8	8,33	55	57,29	33	34,38	96
49	Ninh Thuận	20	7,19	227	81,65	31	11,15	278	2	5,13	31	79,49	6	15,38	39
50	Tây Ninh	8	2,43	287	87,23	34	10,33	329	1	2,13	39	82,98	7	14,89	47
51	TP. Hồ Chí Minh	352	5,46	5282	81,99	808	12,54	6442	95	7,95	982	82,18	118	9,87	1195
	Tổng	515	5,24	7998	81,41	1311	13,34	9824	115	7,47	1232	80	193	12,53	1540
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	22	0,74	2864	96,01	97	3,25	2983	0	0	255	94,8	14	5,2	269
53	Bạc Liêu	27	5,25	443	86,19	44	8,56	514	0	0	38	88,37	5	11,63	43
54	Bến Tre	25	3,53	626	88,42	57	8,05	708	0	0	59	93,65	4	6,35	63
55	Cà Mau	33	3,61	732	80,09	149	16,3	914	0	0	44	91,67	4	8,33	48
56	Cần Thơ	4	3,92	88	86,27	10	9,8	102	0	0	9	100	0	0	9
57	Hậu Giang	17	2,25	729	96,56	9	1,19	755	3	5,36	51	91,07	2	3,57	56
58	Đồng Tháp	13	2,64	381	77,44	98	19,92	492	0	0	28	70	12	30	40
59	Kiên Giang	48	4,76	681	67,49	280	27,75	1009	2	2,08	67	69,79	27	28,12	96
60	Long An	15	1,82	751	91,03	59	7,15	825	1	1,45	60	86,96	8	11,59	69
61	Sóc Trăng	13	1,8	645	89,21	65	8,99	723	1	1,37	65	89,04	7	9,59	73
62	Tiền Giang	12	1,09	1043	95,08	42	3,83	1097	3	3,19	83	88,3	8	8,51	94
63	Trà Vinh	7	0,9	683	88,02	86	11,08	776	0	0	14	100	0	0	14
64	Vĩnh Long	11	2,77	328	82,62	58	14,61	397	1	3,12	24	75	7	21,88	32
	Tổng	247	2,19	9994	88,48	1054	9,33	11295	11	1,21	797	87,97	98	10,82	906
	Tổng cộng	991	3,14	26859	85,19	3680	11,67	31530	159	4,65	2823	82,64	434	12,7	3416

PHỤ LỤC 3.14. TÌNH HÌNH THỬ ĐỜM PHÁT HIỆN 9 THÁNG NĂM 2023

TT	Tỉnh	Tổng số người xét nghiệm	Tỷ lệ xét nghiệm/ dân số	AFB(+)			AFB(-)			Số BN lao phổi AFB(+) được quản lý ngay sau khi PH
				1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	22505	0,28	383	628	1011	6597	14897	21494	154
2	Hải Phòng	5319	0,25	90	25	115	3318	1886	5204	27
3	Vĩnh Phúc	2129	0,17	1	6	7	341	1781	2122	7
4	Bắc Ninh	1725	0,18	13	94	107	309	1309	1618	147
5	Hải Dương	9197	0,54	43	265	308	966	7923	8889	304
6	Hưng Yên	7407	0,55	2	147	149	40	7218	7258	149
7	Hà Nam	3013	0,09	11	80	91	243	2679	2922	72
8	Nam Định	9002	0,46	2	376	378	46	8578	8624	324
9	Thái Bình	9989	0,51	215	118	333	4493	5163	9656	121
10	Ninh Bình	8596	1,00	55	100	155	4231	4210	8441	157
11	TB Hospital	2404		156	45	201	1256	947	2203	0
	Tổng	81286	0,34	971	1884	2855	21840	56591	78431	1462
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	1553	0,17	187	138	325	697	531	1228	5
13	Cao Bằng	857	0,16	35	40	75	214	568	782	72
14	Lào Cai	1925	0,25	42	90	132	841	952	1793	131
15	Tuyên Quang	2499	0,29	4	32	36	336	2127	2463	13
16	Lạng Sơn	6251	0,75	51	201	252	0	5999	5999	250
17	Bắc Kạn	1594	0,51	14	29	43	278	1273	1551	43
18	Thái Nguyên	8737	0,62	90	107	197	4088	4452	8540	183
19	Yên Bái	4006	0,47	26	47	73	135	3798	3933	2
20	Phú Thọ	10246	0,67	1	108	109	136	10001	10137	105
21	Quảng Ninh	10427	0,75	192	327	519	3833	6075	9908	418
22	Bắc Giang	7231	0,38	1	95	96	141	6994	7135	93
	Tổng	55326	0,49	643	1214	1857	10699	42770	53469	1315
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	2673	0,41	27	40	67	875	1731	2606	58
24	Sơn La	2924	0,22	29	75	104	81	2739	2820	94
25	Hoà Bình	736	0,08	27	30	57	330	349	679	28
26	Lai Châu	1679	0,34	19	44	63	144	1472	1616	45
	Tổng	8012	0,24	102	189	291	1430	6291	7721	225
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	21410	0,59	87	363	450	8492	12468	20960	487
28	Nghệ An	30269	0,92	427	524	951	22321	6997	29318	5
29	Hà Tĩnh	3843	0,26	47	100	147	667	3029	3696	15
30	Quảng Bình	796	0,09	50	1	51	496	249	745	50
31	Quảng Trị	4085	0,72	113	154	267	2030	1788	3818	0
32	Thừa Thiên Huế	2868	0,24	61	238	299	607	1962	2569	132
	Tổng	63271	0,57	785	1380	2165	34613	26493	61106	689
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	985	0,08	19	25	44	253	688	941	549
34	Quảng Nam	7408	0,47	345	47	392	5009	2007	7016	391

TT	Tỉnh	Tổng số người xét nghiệm	Tỷ lệ xét nghiệm/ dân số	AFB(+)			AFB(-)			Số BN lao phổi AFB(+) được quản lý ngay sau khi PH
				1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	
35	Quảng Ngãi	4258	0,29	26	217	243	248	3767	4015	356
36	Bình Định	10303	0,66	310	36	346	7567	2390	9957	338
37	Phú Yên	4836	0,51	139	66	205	2136	2495	4631	58
38	Khánh Hoà	7378	0,55	60	486	546	247	6585	6832	514
	Tổng	35168	0,44	899	877	1776	15460	17932	33392	2206
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	1979	0,34	0	139	139	0	1840	1840	53
40	Gia Lai	740	0,04	17	89	106	130	504	634	30
41	Đắk Lắk	4953	0,23	85	251	336	397	4220	4617	77
42	Đắk Nông	1534	0,25	0	51	51	70	1413	1483	34
43	Lâm Đồng	4177	0,31	12	164	176	111	3890	4001	167
	Tổng	13383	0,21	114	694	808	708	11867	12575	361
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3069	0,26	15	161	176	32	2861	2893	162
45	Bình Dương	5935	0,21	174	424	598	1125	4212	5337	37
46	Bình Phước	2556	0,25	9	181	190	56	2310	2366	38
47	Bình Thuận	8767	0,70	30	572	602	80	8085	8165	576
48	Đồng Nai	6045	0,19	85	787	872	25	5148	5173	177
49	Ninh Thuận	4172	0,64	74	287	361	341	3470	3811	361
50	Tây Ninh	2251	0,18	16	227	243	43	1965	2008	191
51	TP. Hồ Chí Minh	90065	1,03	2297	3178	5475	44107	40483	84590	1340
	Tổng	122860	0,61	2700	5817	8517	45809	68534	114343	2882
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	15740	0,78	205	835	1040	724	13976	14700	699
53	Bạc Liêu	4414	0,47	141	450	591	522	3301	3823	675
54	Bến Tre	7788	0,55	23	167	190	478	7120	7598	813
55	Cà Mau	4462	0,36	44	366	410	15	4037	4052	0
56	Cần Thơ	6576	0,53	173	722	895	1254	4427	5681	951
57	Hậu Giang	4822	0,63	108	329	437	91	4294	4385	419
58	Đồng Tháp	5272	0,28	110	550	660	483	4129	4612	33
59	Kiên Giang	8197	0,43	51	959	1010	272	6915	7187	356
60	Long An	6633	0,38	82	385	467	132	6034	6166	25
61	Sóc Trăng	9039	0,75	147	551	698	211	8130	8341	165
62	Tiền Giang	11229	0,63	20	730	750	235	10244	10479	293
63	Trà Vinh	3764	0,37	54	216	270	431	3063	3494	207
64	Vĩnh Long	11903	1,13	36	364	400	439	11064	11503	158
	Tổng	99839	0,55	1194	6624	7818	5287	86734	92021	4794
	Tổng cộng	479145	0,47	7408	18679	26087	135846	317212	453058	13934

PHỤ LỤC 3.15. SỐ TIÊU BẢN THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2023

STT	Tỉnh	Số tiêu bản phát hiện			Số tiêu bản theo dõi điều trị			Tổng cộng
		TB dương	TB âm	Cộng	TB dương	TB âm	Cộng	
Vùng đồng bằng Sông hồng								
1	Hà Nội	1588	36703	38291	45	6626	6671	44962
2	Hải Phòng	145	7285	7430	8	1601	1609	9039
3	Vĩnh Phúc	11	3902	3913	0	107	107	4020
4	Bắc Ninh	183	2804	2987	16	876	892	3879
5	Hải Dương	571	16890	17461	48	1869	1917	19378
6	Hưng Yên	296	14486	14782	27	1571	1598	16380
7	Hà Nam	162	6809	6971	12	1037	1049	8020
8	Nam Định	756	21528	22284	23	2316	2339	24623
9	Thái Bình	563	16480	17043	38	1031	1069	18112
10	Ninh Bình	255	12651	12906	29	1284	1313	14219
11	TB Hospital	246	3150	3396	113	609	722	4118
	Tổng	4776	142688	147464	359	18927	19286	166750
Vùng Đông bắc								
12	Hà Giang	435	1741	2176	37	394	431	2607
13	Cao Bằng	113	1351	1464	24	261	285	1749
14	Lào Cai	204	2611	2815	23	371	394	3209
15	Tuyên Quang	65	4439	4504	18	200	218	4722
16	Lạng Sơn	454	11196	11650	51	1013	1064	12714
17	Bắc Kạn	72	2811	2883	5	41	46	2929
18	Thái Nguyên	304	12992	13296	27	334	361	13657
19	Yên Bái	96	7681	7777	0	99	99	7876
20	Phú Thọ	217	20144	20361	8	826	834	21195
21	Quảng Ninh	856	16040	16896	129	1183	1312	18208
22	Bắc Giang	193	14103	14296	4	1919	1923	16219
	Tổng	3009	95109	98118	326	6641	6967	105085
Vùng Tây bắc								
23	Điện Biên	108	4337	4445	6	157	163	4608
24	Sơn La	179	6339	6518	10	443	453	6971
25	Hoà Bình	87	1028	1115	3	311	314	1429
26	Lai Châu	105	3113	3218	11	126	137	3355
	Tổng	479	14817	15296	30	1037	1067	16363
Vùng Bắc Trung bộ								
27	Thanh Hóa	1097	51866	52963	10	1807	1817	54780
28	Nghệ An	1532	37909	39441	79	1426	1505	40946
29	Hà Tĩnh	247	6890	7137	6	721	727	7864
30	Quảng Bình	52	992	1044	9	191	200	1244
31	Quảng Trị	419	5633	6052	1	429	430	6482
32	Thừa Thiên Huế	388	3697	4085	35	1662	1697	5782
	Tổng	3735	106987	110722	140	6236	6376	117098
Vùng Nam Trung bộ								
33	Đà Nẵng	69	1641	1710	4	1292	1296	3006

STT	Tỉnh	Số tiêu bản phát hiện			Số tiêu bản theo dõi điều trị			Tổng cộng
		TB dương	TB âm	Cộng	TB dương	TB âm	Cộng	
34	Quảng Nam	466	9213	9679	27	1664	1691	11370
35	Quảng Ngãi	461	7651	8112	5	644	649	8761
36	Bình Định	382	12382	12764	21	1443	1464	14228
37	Phú Yên	265	7239	7504	8	771	779	8283
38	Khánh Hoà	1012	13721	14733	111	3248	3359	18092
	Tổng	2655	51847	54502	176	9062	9238	63740
Vùng Tây nguyên								
39	Kon Tum	224	3734	3958	0	196	196	4154
40	Gia Lai	191	1158	1349	20	339	359	1708
41	Đắk Lắk	584	8914	9498	74	1173	1247	10745
42	Đắk Nông	102	2906	3008	7	139	146	3154
43	Lâm Đồng	337	7899	8236	22	349	371	8607
	Tổng	1438	24611	26049	123	2196	2319	28368
Vùng Đông Nam bộ								
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	337	5761	6098	72	1743	1815	7913
45	Bình Dương	1001	9271	10272	74	4285	4359	14631
46	Bình Phước	371	4711	5082	31	1172	1203	6285
47	Bình Thuận	1174	19727	20901	85	3183	3268	24169
48	Đồng Nai	1674	10470	12144	322	5340	5662	17806
49	Ninh Thuận	645	7307	7952	71	1189	1260	9212
50	Tây Ninh	518	3944	4462	73	4443	4516	8978
51	TP. Hồ Chí Minh	8487	125319	133806	1110	18935	20045	153851
	Tổng	14207	186510	200717	1838	40290	42128	242845
Vùng đồng bằng sông Cửu long								
52	An Giang	2065	28488	30553	94	11512	11606	42159
53	Bạc Liêu	1039	7862	8901	47	2073	2120	11021
54	Bến Tre	355	14789	15144	37	2418	2455	17599
55	Cà Mau	776	8126	8902	54	1792	1846	10748
56	Cần Thơ	1257	9431	10688	159	3997	4156	14844
57	Hậu Giang	767	8733	9500	48	2301	2349	11849
58	Đồng Tháp	1178	8958	10136	342	2249	2591	12727
59	Kiên Giang	1976	15521	17497	107	3788	3895	21392
60	Long An	835	11944	12779	75	4122	4197	16976
61	Sóc Trăng	1249	15729	16978	22	3639	3661	20639
62	Tiền Giang	1480	20723	22203	53	4159	4212	26415
63	Trà Vinh	472	6476	6948	64	1820	1884	8832
64	Vĩnh Long	764	22469	23233	22	2888	2910	26143
	Tổng	14213	179249	193462	1124	46758	47882	241344
	Tổng cộng	44512	801818	846330	4116	131147	135263	981593

PHỤ LỤC 3.16. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH TIÊU BẢN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

BẢNG 1: PHÂN LOẠI LỖI VÀ TỶ LỆ LỖI

TT	Địa phương	TSTB thực hiện	Số TB cần KD	Số TB KD	Phân loại lỗi						Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
					Sai (+) lớn	Sai (-) lớn	ĐL lớn	Sai (+) nhỏ	Sai (-) nhỏ	ĐL nhỏ	SL	%	SL	%
Vùng đồng bằng Sông hồng														
1	Hà Nội	38783	3726	3696	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Hải Phòng	4324	1424	2414	0	0	0	0	0	4	0	0	4	0
3	Vĩnh Phúc	4254	1056	948	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	3594	227	227	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hải Dương	12161	1992	1992	2	6	1	0	2	13	9	0	15	0
6	Hưng Yên	5243	2340	2340	0	0	0	0	0	8	0	0	8	0
7	Hà Nam	3875	1421	1421	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
8	Nam Định	24601	1595	1595	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0
9	Thái Bình	18112	2036	1745	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Ninh Bình	2781	1216	623	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	117728	17033	17001	2	6	1	0	2	30	9	0	32	0
Vùng Đông bắc														
12	Hà Giang	1413	388	388	0	0	0	0	1	11	0	0	12	3
13	Cao Bằng	1566	745	745	1	2	0	0	0	1	3	0	1	0
14	Lào Cai	3989	929	929	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuyên Quang	2409	322	322	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lạng Sơn	7206	2349	2325	1	1	0	0	2	18	2	0	20	0
17	Bắc Kạn	2712	975	968	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	223	223	223	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
19	Yên Bái	5444	1113	1113	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
20	Phú Thọ	13159	1446	1420	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Quảng Ninh	8524	2652	2251	0	5	0	0	0	24	5	0	24	1
22	Bắc Giang	3997	1184	1180	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0
	Tổng	50642	12326	11864	2	8	0	1	3	57	10	0	61	0

TT	Địa phương	TSTB thực hiện	Số TB cần KĐ	Số TB KĐ	Phân loại lỗi						Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
					Sai (+) lớn	Sai (-) lớn	ĐL lớn	Sai (+) nhỏ	Sai (-) nhỏ	ĐL nhỏ	SL	%	SL	%
Vùng Tây bắc														
23	Điện Biên	2298	1191	1160	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sơn La	1374	782	782	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	1429	768	574	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	2919	1050	1050	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
	Tổng	8020	3791	3566	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
Vùng Bắc Trung bộ														
27	Thanh Hóa	54706	5389	5311	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
28	Nghệ An	13871	13555	11986	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Hà Tĩnh	2942	1245	1201	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	377	116	116	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	6521	1177	1177	0	0	0	0	0	22	0	0	22	1
32	Thừa Thiên Huế	3721	1042	1042	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	82138	22524	20833	0	0	0	0	0	24	0	0	24	0
Vùng Nam Trung bộ														
33	Đà Nẵng	1486	338	338	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Quảng Nam	6186	1649	1572	0	0	0	0	0	5	0	0	5	0
35	Quảng Ngãi	942	118	118	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	7832	2801	2577	0	0	6	0	1	8	6	0	9	0
37	Phú Yên	9386	1707	1707	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
38	Khánh Hoà	6993	1157	1157	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
	Tổng	32825	7770	7469	0	0	6	0	1	16	6	0	17	0
Vùng Tây nguyên														
39	Kon Tum	3160	406	406	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	1427	415	415	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Đắk Lắk	8093	1631	1590	1	4	4	0	0	9	9	0	9	0
42	Đắk Nông	3076	1186	1186	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	7794	1891	1763	0	0	3	0	0	11	3	0	11	0
	Tổng	23550	5529	5360	1	4	7	0	0	20	12	0	20	0

TT	Địa phương	TSTB thực hiện	Số TB cần KĐ	Số TB KĐ	Phân loại lỗi						Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
					Sai (+) lớn	Sai (-) lớn	ĐL lớn	Sai (+) nhỏ	Sai (-) nhỏ	ĐL nhỏ	SL	%	SL	%
Vùng Đông Nam bộ														
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	5035	994	987	0	0	0	0	4	2	0	0	6	0
45	Bình Dương	13671	1050	960	3	0	0	3	0	9	3	0	12	1
46	Bình Phước	5874	1422	1366	0	0	0	0	0	9	0	0	9	0
47	Bình Thuận	15073	3078	3078	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
48	Đồng Nai	8387	1670	1670	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0
49	Ninh Thuận	4511	1282	1267	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Tây Ninh	6311	1170	1159	0	0	0	4	0	0	0	0	4	0
51	TP. Hồ Chí Minh	142631	8856	8727	0	27	2	1	27	32	29	0	60	0
	Tổng	201493	19522	19214	3	28	2	8	31	55	33	0	94	0
Vùng đồng bằng sông Cửu long														
52	An Giang	42159	2044	1994	5	1	1	0	1	2	7	0	3	0
53	Bạc Liêu	10855	1152	1107	0	1	0	0	0	4	1	0	4	0
54	Bến Tre	16094	2841	2841	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
55	Cà Mau	8184	1156	1156	0	0	1	0	0	8	1	0	8	0
56	Cần Thơ	7977	2153	2153	1	0	0	0	1	7	1	0	8	0
57	Hậu Giang	12186	1592	1590	2	0	0	0	0	3	2	0	3	0
58	Đồng Tháp	9077	1019	1019	0	0	0	1	1	1	0	0	3	0
59	Kiên Giang	21492	1451	1451	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
60	Long An	12547	2645	2570	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Sóc Trăng	9820	2272	2272	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Tiền Giang	22412	3837	3837	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Trà Vinh	9140	1170	980	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Vĩnh Long	20885	1904	1900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	202828	25236	24870	8	2	2	1	4	26	12	0	31	0
	Tổng cộng	719224	113731	110177	16	48	18	10	41	229	82	0	280	0

BẢNG 2: CHẤT LƯỢNG TIÊU BẢN

TT	Địa phương	Số TBKD	CLBP		Tẩy màu		Độ sạch		Độ dày		Kích cỡ		Độ mịn	
			SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%
Vùng đồng bằng Sông hồng														
1	Hà Nội	3696	2379	64	3636	98	3575	96	2375	64	3665	99	2352	63
2	Hải Phòng	739	1883	254	1981	268	1993	269	1905	257	1968	266	1840	248
3	Vĩnh Phúc	948	781	82	830	87	802	84	813	85	847	89	762	80
4	Bắc Ninh	227	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hải Dương	1992	1800	90	1751	87	1736	87	1315	66	1508	75	1398	70
6	Hưng Yên	2340	2089	89	1902	81	1968	84	1918	81	1920	82	1948	83
7	Hà Nam	1421	1079	75	1322	93	1311	92	1055	74	1055	74	1094	76
8	Nam Định	1595	1362	85	1518	95	1407	88	1351	84	1350	84	1293	81
9	Thái Bình	1745	1242	71	1255	71	1255	71	1256	71	1274	73	1237	70
10	Ninh Bình	623	346	55	379	60	380	60	358	57	368	59	362	58
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15326	12961	84	14574	95	14427	94	12346	80	13955	91	12286	80
Vùng Đông bắc														
12	Hà Giang	388	314	80	309	79	266	68	280	72	249	64	273	70
13	Cao Bằng	745	598	80	707	94	707	94	605	81	648	86	595	79
14	Lào Cai	929	846	91	924	99	925	99	846	91	883	95	924	99
15	Tuyên Quang	322	267	82	308	95	279	86	259	80	273	84	271	84
16	Lạng Sơn	2235	2083	93	2129	95	2147	96	2073	92	2087	93	2095	93
17	Bắc Kạn	968	1132	116	946	97	952	98	872	90	906	93	892	92
18	Thái Nguyên	223	195	87	203	91	188	84	111	49	149	66	186	83
19	Yên Bái	1085	1002	92	984	90	984	90	981	90	973	89	977	90
20	Phú Thọ	1420	1191	83	1150	80	1151	81	1166	82	1460	102	1080	76
21	Quảng Ninh	2251	1773	78	1761	78	1708	75	1324	58	1420	63	1247	55
22	Bắc Giang	1180	960	81	1278	108	947	80	947	80	951	80	951	80
	Tổng	11746	10361	88	10699	91	10254	87	9464	80	9999	85	9491	80

TT	Địa phương	Số TBKD	CLBP		Tẩy màu		Độ sạch		Độ dày		Kích cỡ		Độ mịn	
			SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%
Vùng Tây bắc														
23	Điện Biên	1160	590	50	806	69	803	69	561	48	715	61	506	43
24	Sơn La	782	274	35	274	35	274	35	274	35	274	35	274	35
25	Hoà Bình	573	543	94	568	99	536	93	474	82	539	94	538	93
26	Lai Châu	1050	720	68	830	79	730	69	476	45	584	55	456	43
	Tổng	3565	2127	59	2478	69	2343	65	1785	50	2112	59	1774	49
Vùng Bắc Trung bộ														
27	Thanh Hóa	5311	3832	72	3847	72	3659	68	3904	73	3845	72	3877	72
28	Nghệ An	11986	11928	99	11917	99	11902	99	11887	99	11915	99	11891	99
29	Hà Tĩnh	1023	1154	112	1031	100	1040	101	947	92	999	97	946	92
30	Quảng Bình	116	83	71	97	83	101	87	93	80	102	87	83	71
31	Quảng Trị	1177	915	77	947	80	937	79	933	79	949	80	927	78
32	Thừa Thiên Huế	1042	958	91	935	89	938	90	916	87	883	84	918	88
	Tổng	20655	18870	91	18774	90	18577	89	18680	90	18693	90	18642	90
Vùng Nam Trung bộ														
33	Đà Nẵng	338	277	81	322	95	315	93	291	86	312	92	284	84
34	Quảng Nam	1572	1290	82	1347	85	1432	91	1252	79	1266	80	1260	80
35	Quảng Ngãi	118	94	79	106	89	106	89	100	84	98	83	101	85
36	Bình Định	2577	2519	97	2330	90	2386	92	2305	89	2306	89	2230	86
37	Phú Yên	1707	1337	78	1380	80	1382	80	1327	77	1387	81	1312	76
38	Khánh Hoà	1157	1022	88	1074	92	1070	92	1003	86	1030	89	1026	88
	Tổng	7469	6539	87	6559	87	6691	89	6278	84	6399	85	6213	83
Vùng Tây nguyên														
39	Kon Tum	406	368	90	356	87	368	90	373	91	377	92	373	91
40	Gia Lai	415	302	72	359	86	278	66	250	60	211	50	186	44
41	Đắk Lắk	1590	961	60	1211	76	1207	75	909	57	1095	68	1032	64
42	Đắk Nông	1186	980	82	1008	84	1016	85	959	80	957	80	971	81
43	Lâm Đồng	1763	1586	89	1809	102	1726	97	1266	71	1562	88	1335	75
	Tổng	5360	4197	78	4743	88	4595	85	3757	70	4202	78	3897	72

TT	Địa phương	Số TBKD	CLBP		Tẩy màu		Độ sạch		Độ dày		Kích cỡ		Độ mịn	
			SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%
Vùng Đông Nam bộ														
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	987	775	78	863	87	953	96	724	73	796	80	737	74
45	Bình Dương	960	775	80	829	86	816	85	753	78	730	76	759	79
46	Bình Phước	1366	1048	76	1247	91	1260	92	1054	77	1168	85	1050	76
47	Bình Thuận	3078	2756	89	3014	97	2954	95	2489	80	2342	76	2618	85
48	Đồng Nai	1670	1615	96	1630	97	1619	96	1476	88	1439	86	1565	93
49	Ninh Thuận	1267	1243	98	1201	94	1199	94	1138	89	1124	88	1157	91
50	Tây Ninh	1159	1101	94	1010	87	1073	92	985	84	1009	87	920	79
51	TP. Hồ Chí Minh	8727	6839	78	8490	97	8670	99	6010	68	6846	78	5296	60
	Tổng	19214	16152	84	18284	95	18544	96	14629	76	15454	80	14102	73
Vùng đồng bằng sông Cửu long														
52	An Giang	1994	1945	97	1932	96	1924	96	1854	92	1923	96	1860	93
53	Bạc Liêu	1107	996	89	1025	92	999	90	944	85	1034	93	1034	93
54	Bến Tre	2841	2478	87	2534	89	2555	89	2456	86	2475	87	2368	83
55	Cà Mau	1156	973	84	1012	87	1016	87	901	77	818	70	913	78
56	Cần Thơ	2153	1909	88	2126	98	2094	97	1915	88	1865	86	1916	88
57	Hậu Giang	1590	1291	81	1185	74	1074	67	1002	63	1095	68	1087	68
58	Đồng Tháp	1019	928	91	904	88	911	89	907	89	907	89	963	94
59	Kiên Giang	1451	1369	94	1441	99	1436	98	1186	81	1391	95	1188	81
60	Long An	2570	2570	100	2570	100	2570	100	2570	100	2570	100	2570	100
61	Sóc Trăng	2272	2017	88	1898	83	2034	89	1859	81	1917	84	1843	81
62	Tiền Giang	3837	3364	87	3168	82	3332	86	3087	80	3166	82	3375	87
63	Trà Vinh	980	948	96	951	97	945	96	905	92	926	94	894	91
64	Vĩnh Long	1900	1779	93	1768	93	1693	89	1646	86	1654	87	1692	89
	Tổng	24870	22567	90	22514	90	22583	90	21232	85	21741	87	21703	87
	Tổng cộng	108205	93774	86	98625	91	98014	90	88171	81	92555	85	88108	81

PHỤ LỤC 4:

**BẢNG 4.1: TÌNH HÌNH THU DUNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ LAO KHÁNG THUỐC
(Q1 – Q3 năm 2023, cập nhật đến 05/11/2023)**

TỈNH		PHÁT HIỆN	THU NHẬN	CHỈ TIÊU THU NHẬN BN LKT N2023	TỶ LỆ ĐẠT	GHI CHÚ
KV MIỀN BẮC		934	790	1499	53%	
Vùng đồng bằng Sông Hồng						
1	Hà Nội	193	152	334	46%	
2	Hải Phòng	33	35	88	40%	
3	Vĩnh Phúc	1	11	25	44%	
4	Bắc Ninh	15	18	40	45%	
5	Hải Dương	32	30	53	57%	
6	Hưng Yên	17	22	35	63%	
7	Hà Nam	8	12	27	44%	
8	Nam Định	27	28	70	40%	
9	Thái Bình	19	20	35	57%	
10	Ninh Bình	25	23	34	68%	
11.1	BVPTƯ	368	280	400	70%	(*)
11.2	BV 74 TƯ	68	26	45	58%	(*)
11.3	BV Quân Y 103	4	4	19	21%	
	Tổng	810	661	1,205	55%	
Vùng Đông Bắc						
12	Hà Giang	6	6	10	60%	
13	Cao Bằng	5	1	8	13%	
14	Lào Cai	5	2	8	25%	
15	Tuyên Quang	7	8	12	67%	
16	Lạng Sơn	12	7	30	23%	
17	Bắc Kạn	0	0	5	0%	
18	Thái Nguyên	14	17	32	53%	
19	Yên Bái	1	9	10	90%	
20	Phú Thọ	15	19	32	59%	
21	Quảng Ninh	31	29	72	40%	
22	Bắc Giang	17	20	45	44%	
	Tổng	113	118	264	45%	
Vùng Tây Bắc						
23	Điện Biên	3	3	5	60%	
24	Sơn La	2	3	12	25%	
25	Hòa Bình	5	4	8	50%	
26	Lai Châu	1	1	5	20%	
	Tổng	11	11	30	37%	
KV MIỀN TRUNG		320	323	601	54%	
Vùng Bắc Trung Bộ						
27	Thanh Hóa	35	33	103	46%	
	BV 71 Trung ương	14	14			
28	Nghệ An	37	33	82	40%	
29	Hà Tĩnh	6	7	30	23%	
30	Quảng Bình	7	12	20	60%	
31	Quảng Trị	10	13	17	76%	

TỈNH		PHÁT HIỆN	THU NHẬN	CHỈ TIÊU THU NHẬN BN LKT N2023	TỶ LỆ ĐẠT	GHI CHÚ
32	T.T Huế	27	24	31	77%	
	Tổng	136	136	283	48%	
Vùng Nam Trung Bộ						
33	Đà Nẵng	30	30	45	67%	
34	Quảng Nam	21	26	31	84%	
35	Quảng Ngãi	11	11	25	44%	
36	Bình Định	37	30	41	73%	
37	Phú Yên	8	10	26	38%	
38	Khánh Hòa	48	46	73	63%	
	Tổng	155	153	241	63%	
Vùng Tây Nguyên						
39	Kom Tum	0	0	5	0%	
40	Gia Lai	9	9	18	50%	
41	Đắk Lắk	11	11	34	32%	
42	Đắk Nông	1	2	8	25%	
43	Lâm Đồng	8	12	12	100%	
	Tổng	29	34	77	44%	
KV ĐÔNG NAM BỘ		814	851	1,484	57%	
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	41	42	54	78%	
45	Bình Dương	48	66	118	56%	
46	Bình Phước	13	17	30	57%	
47	Bình Thuận	26	28	55	51%	
48	Đồng Nai	99	106	125	85%	
49	Ninh Thuận	16	21	42	50%	
50	Tây Ninh	48	53	90	59%	
51	TP Hồ Chí Minh	523	518	970	53%	
	Tổng	814	851	1,484	57%	
KV ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG		696	642	964	67%	
52	An Giang	142	116	185	63%	
53	Bạc Liêu	17	25	45	56%	
54	Bến Tre	22	25	48	52%	
55	Cà Mau	27	29	46	63%	
56	Cần Thơ	75	47	77	61%	
57	Hậu Giang	40	35	50	70%	
58	Đồng Tháp	73	62	97	64%	
59	Kiên Giang	73	44	80	55%	
60	Long An	42	72	97	74%	
61	Sóc Trăng	35	35	65	54%	
62	Tiền Giang	66	69	65	106%	
63	Trà Vinh	30	35	37	95%	
64	Vĩnh Long	54	48	72	67%	
	Tổng	696	642	964	67%	
TỔNG CỘNG		2,764	2,606	4,548	57%	

Ghi chú: (*) Thu nhận và điều trị nội trú cho các tỉnh lân cận

Bảng 4.2: BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ CUỐI CÙNG CỦA LÔ BỆNH NHÂN THU NHẬN Q1 – Q3 NĂM 2021

STT	TỈNH	KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ							
		Khỏi	HTĐT	Thất bại	Tử vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Tỷ lệ (%) điều trị thành công
KHU VỰC MIỀN BẮC		180	226	18	25	58	26	533	76%
Vùng Đồng bằng Sông Hồng									
1	Hà Nội	85	9	12	5	12	0	123	76%
2	Hải Phòng	7	19	2	2	11	0	41	63%
3	TTPCBXH Vĩnh Phúc	0	2	0	2	3	1	8	25%
4	Bắc Ninh	5	6	0	0	4	1	16	69%
5	Hải Dương	9	2	0	0	1	1	13	85%
6	Hưng Yên	9	4	1	3	0	0	17	76%
7	Hà Nam	4	1	0	0	3	0	8	63%
8	Nam Định	19	0	0	2	0	0	21	90%
9	Thái Bình	0	13	2	0	0	0	15	87%
10	Ninh Bình	7	3	0	0	1	0	11	91%
11.1	BVP Trung ương	3	91	0	1	14	10	119	79%
11.2	BV 74 Trung ương	2	0	0	0	4	9	15	13%
11.3	BV Quân Y 103	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng	152	177	17	15	54	24	439	75%
Vùng Đông Bắc									
12	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	
13	Cao Bằng	8	1	0	0	1	0	10	90%
14	Lào Cai	0	1	0	0	0	0	1	100%
15	Tuyên Quang	1	0	0	1	1	0	3	33%
16	Lạng Sơn	4	0	0	1	0	0	5	80%
17	Bắc Kạn	2	0	0	0	0	0	2	100%

STT	TỈNH	KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ							
		Khỏi	HTĐT	Thất bại	Tử vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Tỷ lệ (%) điều trị thành công
18	Thái Nguyên	0	9	0	1	0	0	10	90%
19	Yên Bái	3	0	0	0	0	0	3	100%
20	Phú Thọ	0	4	0	2	1	1	8	50%
21	Quảng Ninh	2	19	1	5	1	1	29	72%
22	Bắc Giang	2	10	0	0	0	0	12	100%
	Tổng	22	44	1	10	4	2	83	80%
Vùng Tây Bắc									
23	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	
24	Sơn La	3	0	0	0	0	0	3	100%
25	Hoà Bình	3	4	0	0	0	0	7	100%
26	Lai Châu	0	1	0	0	0	0	1	100%
	Tổng	6	5	0	0	0	0	11	100%
KHU VỰC MIỀN TRUNG		69	82	5	15	44	2	217	70%
Vùng Bắc Trung Bộ									
27	Thanh Hóa	3	19	0	4	14	0	40	55%
	BV 71	8	0	0	0	5	2	15	53%
28	Nghệ An	16	2	2	1	5	0	26	69%
29	Hà Tĩnh	0	4	0	0	2	0	6	67%
30	Quảng Bình	0	3	0	0	1	0	4	75%
31	Quảng Trị	0	0	0	0	2	0	2	0%
32	Thừa Thiên Huế	0	14	0	0	5	0	19	74%
	Tổng	27	42	2	5	34	2	112	62%

STT	TỈNH	KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ							
		Khỏi	HTĐT	Thất bại	Tử vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Tỷ lệ (%) điều trị thành công
Vùng Nam Trung Bộ									
33	Đà Nẵng	6	1	2	4	3	0	16	44%
34	Quảng Nam	2	7	1	2	1	0	13	69%
35	Quảng Ngãi	0	8	0	0	0	0	8	100%
36	Bình Định	2	9	0	1	1	0	13	85%
37	Phú Yên	3	5	0	1	2	0	11	73%
38	Khánh Hòa	20	1	0	2	3	0	26	81%
	Tổng	33	31	3	10	10	0	87	74%
Vùng Tây Nguyên									
39	Kom Tum	0	0	0	0	0	0	0	
40	Gia Lai	0	2	0	0	0	0	2	100%
41	Đắk Lắk	4	6	0	0	0	0	10	100%
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	
43	Lâm Đồng	5	1	0	0	0	0	6	100%
	Tổng	9	9	0	0	0	0	18	100%
KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ		338	92	30	57	70	15	602	71%
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	9	11	2	0	3	1	26	77%
45	Bình Dương	22	3	0	3	8	2	38	66%
46	Bình Phước	5	0	0	1	0	1	7	71%
47	Bình Thuận	20	1	4	5	1	1	32	66%
48	Đồng Nai	26	7	5	4	18	0	60	55%
49	Ninh Thuận	8	4	1	2	1	0	16	75%

STT	TỈNH	KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ							
		Khỏi	HTĐT	Thất bại	Tử vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Tỷ lệ (%) điều trị thành công
50	Tây Ninh	24	1	1	6	3	1	36	69%
51	TP Hồ Chí Minh	224	65	17	36	36	9	387	75%
	Tổng	338	92	30	57	70	15	602	71%
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG		227	121	17	42	25	8	434	80%
52	An Giang	107	1	3	12	1	0	124	87%
53	Bạc Liêu	8	2	0	6	1	0	17	59%
54	Bến Tre	0	15	1	2	0	0	18	83%
55	Cà Mau	9	7	0	0	1	0	17	94%
56	Cần Thơ	11	6	1	4	4	1	27	63%
57	Hậu Giang	0	7	0	3	2	2	8	88%
58	Đồng Tháp	23	9	1	3	0	2	38	84%
59	Kiên Giang	11	23	2	1	6	2	45	76%
60	Long An	20	10	2	4	7	0	43	70%
61	Sóc Trăng	0	15	3	1	1	0	20	75%
62	Tiền Giang	20	12	1	2	0	0	35	91%
63	Trà Vinh	0	4	0	0	0	0	4	100%
64	Vĩnh Long	18	10	3	4	2	1	38	74%
	Tổng	227	121	17	42	25	8	434	80%
TỔNG CỘNG		814	521	70	139	197	51	1,786	75%

